

Vũ Minh Khương

VIỆT NAM

hành trình đi đến
phần vinh



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC



Đ. Trung Sơn Đông
Đ. Thy... đ. Đông
đ. Lê... đ. Đông
Đ. Trung Sơn... Đ.
Q. C. D.

VŨ MINH KHƯƠNG

VIỆT NAM

Hành trình đi đến phần vinh

5/2014

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. ƯỚC MƠ KHÔNG BAO GIỜ TẮT	5
<i>Đất Nước Lớn Lên</i>	5
<i>Năm Mới, Nói Chuyện Đổi Mới Tư Duy</i>	13
<i>Đột Phá Từ Triết Lý Phát Triển</i>	25
<i>Đẳng Cấp Phát Triển: Việt Nam Chọn Đông Á Hay Đông Nam Á? .</i>	50
<i>Nền Móng Phát Triển Và Mệnh Lệnh Cải Cách</i>	62
<i>Việt Nam Trước Thách Thức Xây Dựng Nhà Nước Kiến Tạo Phát Triển</i>	83
CHƯƠNG 2. NHỮNG TRĂN TRỞ KHÔN NGUỒI	89
<i>Tâm Vóc Dân Tộc Và Công Cuộc Phát Triển</i>	89
<i>Bài Học Về Xây Dựng Một Tổ Chức Trường Tồn</i>	98
<i>Coi Trọng Yếu Tố Công Bằng Trong Hoạch Định Chính Sách Công</i>	107
<i>Từ Một Văn Hóa Biện Bác Đến Một Dân Tộc Tư Duy</i>	113
<i>Đôi Điều Về Cải Cách Cơ Cấu (Tái Cấu Trúc) Nền Kinh Tế</i>	119
<i>Học Gì Từ Lộ Trình Đi Đến Phồn Vinh Của Người Trung Quốc?..</i>	137
<i>Thay Đổi Để Đi Lên</i>	141
<i>Mong Lờ TUYÊN THỆ Phồn Vinh</i>	148
<i>Việt Nam 2045: Quốc Gia Hùng Cường, Dân Tộc Phồn Vinh</i>	154
<i>Thách Thức Biển Đông Và “Chiếc Nỏ Thần” Việt Nam</i>	159
<i>Biến Hóa Thành Phúc Bằng Canh Tân Đất Nước</i>	164
<i>Thư Gửi Lãnh Đạo Đất Nước Và Đồng Bào Ở Quê Nhà</i>	169
<i>Việt Nam: Chặt Cầu Để Tiến Lên?</i>	171
<i>Tính Chính Danh Của Đảng Cảm Quyền Và Trách Nhiệm Cải Cách</i>	182

CHƯƠNG 3. TÌM CHÂN LÝ TỪ THỰC TẾ CUỘC SỐNG..... 194

Đường Sắt Cao Tốc Và Những Câu Hỏi Về Chất Lượng Thể Chế.. 194
Chống Lãng Phí Bằng Lượng Hóa Năng Lực Cán Bộ..... 204
Dự Án Dung Quất: Bài Học Đắt Giá Cho Công Nghiệp Hóa 208
Để Đẩy Quan Hệ Việt–Mỹ Lên Tầm Cao Mới..... 214
Để Không Còn Khủng Hoảng Thiếu Điện Trong Tương Lai..... 219
Muốn Thu Hút Người Tài, Phải Trọng Dụng Nhân Tài Có Sẵn..... 225
Ba Nguyên Lý Nền Tảng Để Việt Nam Tăng Trưởng..... 233
Một Số Kiến Nghị Nâng Cao Sức Cạnh Tranh–Phát Triển Của Nền Kinh Tế Việt Nam..... 238
Việt Nam Khó Phồn Vinh Nếu Trọng Phát Đạt Hơn Phát Triển 265
Một Vài Suy Nghĩ Về Sách Và Sự Nghiệp Chấn Hưng Đất Nước.... 276
Từ Láy Phiếu Tín Nhiệm Đến Đẩy Mạnh Cải Cách 282

CHƯƠNG 4. LỚP TRẺ VÀ GÁNH NẶNG TƯƠNG LAI..... 285

Cần Một Thế Hệ Trẻ Có Tri Thức Và Dũng Khí..... 285
Sinh Viên Việt Nam – Tầm Nhìn Và Ý Chí Chiến Lược 299
Lớp Trẻ Phải Ý Thức Được Sứ Mệnh Quan Trọng Của Mình..... 303
Đam Mê Của Người Trẻ Là Năng Lượng Sống Của Dân Tộc..... 307
Làm Gì Để Thích Ứng Trong Một Thế Giới Đầy Biến Động?..... 313
Phát Triển Và Nuôi Dưỡng Tố Chất Lãnh Đạo 319

LỜI KẾT 326

LỜI MỞ ĐẦU

Sinh ra ở đời, ai cũng có ước mơ. Ước mơ không chỉ là kim chỉ nam cho mục tiêu hướng tới mà còn là động lực mạnh mẽ thôi thúc người ta vượt qua mọi trở ngại trên hành trình cuộc đời của mình. Trong muôn vàn ước mơ của mình, người Việt Nam ta, có lẽ ai cũng chia sẻ và thôi thúc bởi một ước mơ chung được khao khát từ ngàn đời về một dân tộc ngẩng cao đầu, một quốc gia phồn vinh, một xã hội chứa chan tình yêu thương và ý thức trách nhiệm trong sự sâu sắc về đạo lý và anh minh về công lý. Những hy sinh vô bờ bến của biết bao thế hệ người Việt Nam trong hàng nghìn năm qua là những minh chứng mạnh mẽ về sức mạnh vô song của dân tộc trong thực hiện ước mơ mãnh liệt này. Thế nhưng, xót xa thay, người Việt Nam ta, trong hòa bình và trước những cơ hội lớn lao cho phát triển, thường lại thấp kém đi một cách kỳ lạ. Hạn hẹp về tầm nhìn, yếu mềm về bản lĩnh, say sưa với phô trương, mê mẩn với danh tước, vụ lợi cá nhân bất chấp những tổn thất khôn lường của cộng đồng và đất nước. Bởi vậy, có một nghịch lý là, dường như khi đất nước càng có nhiều thuận lợi, con đường đi đến ước mơ chung của dân tộc càng dài ra với nhiều gian khó trắc trở mới do chính chúng ta tạo ra (cho dù hầu như không ai trong chúng ta thấy trong đó có phần lỗi của mình).

Sự tồn tại và thắng thế của nghịch lý này có căn nguyên từ ba yếu tố có liên quan tương tác khăng khít với nhau. Đó là, ***Khiếm khuyết trong tư duy phát triển của xã hội, Hạn chế trong phẩm chất hợp tác của cộng đồng, và Tính thiếu ưu tú của bộ phận tinh hoa.***

Khiếm khuyết trong tư duy phát triển của xã hội thể hiện ở sự thiên lệch coi phát đạt cao hơn phát triển. Phát đạt là sự gia tăng về thu nhập, nâng cấp về điều kiện vật chất (như của cải dự trữ, nhà cửa, trang thiết bị, và hạ tầng cơ sở), và mở rộng về thanh thế-quan hệ. Trong khi đó, phát triển được đo bằng tính tự trọng chính mình và lòng tôn trọng người khác, tầm nhìn và khả năng sáng suốt trong tổng hợp thông tin để ra các phán xét và quyết định, biết trân trọng cái mình đang được hưởng, và ý thức tự đánh giá lại mình trong trách nhiệm với bản thân, tập thể, và xã hội. Trong khi phát đạt có thể được tạo ra nhờ những nỗ lực nhất thời hoặc may mắn, phát triển tạo nên nền tảng căn bản có tính cấu trúc cho một sự thịnh vượng lâu dài. Thiên lệch về phát đạt, coi nhẹ phát triển, có thể làm mạnh lên những yếu tố đi ngược lại sự phát triển, gây nguy cơ tiềm ẩn cho sự suy tàn. Đây cũng chính là lý do mà nhiều gia đình phát đạt mà con cái hư đốn; nhiều công ty ăn nên làm ra một thời mà bị sa lầy vào đấu đá nội bộ hoặc các thương vụ làm ăn chộp giật phi pháp; đất nước có tầng trưởng cao mà nền tảng phát triển lâu dài mỗi ngày một suy yếu.

Nỗ lực thúc đẩy tiến trình phát triển của một xã hội đòi hỏi phải có một lượng đủ lớn cá nhân ưu tú có một tầm nhìn chung cho tương lai và thôi thúc xã hội đồng lòng hướng tới đó. Động lực chủ đạo cho sự đổi thay xã hội có cội nguồn chủ yếu từ tầm nhìn thấu đáo và mạnh mẽ này. Sự phê phán các khuyết tật của hệ thống hiện tại có thể giúp tăng mức đòi hỏi đổi thay nhưng tự nó không tạo nên cải biến phát triển. Trong khi đó, một hệ thống cầm quyền muốn gia cường khả năng trường tồn của mình phải hết sức chú trọng vai trò làm “bà đỡ” cho đòi hỏi phát triển ngày càng bức bách của xã hội. Say sưa với các dự án nhằm tạo nên sự phát đạt, trong khi xem nhẹ, hoặc thậm chí ngăn trở tiến trình phát triển (chẳng hạn, hạn chế ý thức công dân và tinh thần phản biện của người dân) có thể dẫn đến nguy hại không thể lường hết được.

Lời mở đầu

Hạn chế về phẩm chất hợp tác của cộng đồng (khi không còn chiến tranh) của người Việt Nam ta đã được nhiều học giả, doanh nhân, và người dân bàn đến. Bài toán “*Săn hươu*” của triết gia Pháp Jean-Jacques Rousseau cho một ví dụ sinh động giúp chúng ta hiểu sâu hơn tại sao khuyết tật này là phổ biến trong cộng đồng Việt Nam ta. Trong câu chuyện này, hai người đi săn cùng rơi vào một tình thế chung: nếu cả hai cùng im lặng chờ hươu đến rồi cùng nổ súng thì thành công của cuộc đi săn sẽ rất lớn; vừa săn được hươu, vừa củng cố tình hợp tác. Thế nhưng, mỗi người đi săn đều lần bản với những câu hỏi và toan tính riêng: “*nếu hươu không đến thì tôi lấy gì ăn cho gia đình mình?*” và “*nếu người kia nổ súng bắn con thỏ cho riêng anh ta thì hươu sẽ không tới và tôi nay chỉ gia đình anh ta có ăn trong khi gia đình mình sẽ đói.*” **Ham muốn nhỏ, sợ rủi ro, thiếu lòng tin vào đồng đội, và sự thiếu vắng một thiết chế hiệu lực cho thực thi cam kết** là những lý do thúc đẩy mỗi người đi săn nổ súng bắn thỏ. Cách chọn bắn thỏ càng trở nên phổ biến khi mỗi người đi săn đều đủ thính tai, tinh mắt để một mình bắn thỏ mà không cần đến sự giúp đỡ của đồng bạn. Trong bối cảnh này, tinh thần hợp tác của cộng đồng sẽ mỗi ngày một giảm sút nếu có nhiều người trong cộng đồng phát đạt nhờ những phát súng bắn thỏ. Tình thế và động thái này dường như đang phổ biến trong cộng đồng chúng ta; và đó có lẽ là một lý do quan trọng làm thấp đi phẩm chất hợp tác vốn rất tiềm tàng của mỗi người Việt Nam.

Bộ phận tinh hoa đại diện bởi các chính trị gia, các nhà lãnh đạo, giới trí thức và doanh nhân đóng một vai trò quyết định trong thúc đẩy công cuộc phát triển của một xã hội. Họ có những khả năng tiềm tàng trong việc tạo nên những thông điệp và động lực mạnh mẽ giúp toàn xã hội vượt qua hai trở ngại lớn nói trên của một tiến trình phát triển – thiên lệch về phát đạt, coi nhẹ phát triển và thiếu phẩm chất hợp tác cộng đồng cho những mục tiêu lớn.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Thế nhưng, cũng chính bộ phận tinh hoa này, do sự thiếu ưu tú của mình, họ có thể sa lầy vào hai khuyết tật nói trên và trở thành trở lực trong con đường cải biến phát triển để đi đến phồn vinh của dân tộc. Sự ưu tú của bộ phận tinh hoa thể hiện ở ba thước đo chủ yếu: khát vọng dân tộc; ý chí học hỏi tinh hoa nhân loại; và ý thức tìm chân lý từ thực tế với tinh thần cầu thị chân thành và sâu sắc trong tiếp nhận các ý kiến phản biện để không ngừng hoàn thiện những nỗ lực đóng góp cho đất nước của mình.

Ý thức rõ những khó khăn trở ngại nêu trên, với tinh thần *“Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách,”* tác giả biên soạn quyển sách này để chia sẻ cùng bạn đọc những suy tư, trăn trở nhằm góp sức nhỏ bé của mình vào sự nghiệp chung biến khát vọng ngàn đời của dân tộc Việt Nam ta thành hiện thực huy hoàng trong nửa đầu của thế kỷ 21. Quyển sách này là tập hợp có hệ thống các bài viết trong thời gian qua của tác giả trên các báo trong nước, theo bốn chủ đề: Ước mơ không bao giờ tắt (Chương 1), Những trăn trở khôn nguôi (Chương 2), Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống (Chương 3), và Lớp trẻ và gánh nặng tương lai (Chương 4). Lời kết của quyển sách chia sẻ với bạn đọc đôi lời tâm huyết và chiêm nghiệm từ cuộc sống.

CHƯƠNG 1. ƯỚC MƠ KHÔNG BAO GIỜ TẮT

ĐẤT NƯỚC LỚN LÊN

Trong bão táp của chiến tranh, tác phẩm *Đất nước đứng lên* của nhà văn Nguyên Ngọc làm bao người cảm khái về sức mạnh vô song của một dân tộc khi họ biết nhất tề đứng lên.

Thế nhưng, chiến tranh với chiến thắng lại có mặt trái khắc nghiệt. Nó có thể buộc một dân tộc đã từng quả cảm đứng lên trong chiến tranh giải phóng lại ngoan ngoãn quỳ xuống trong thời bình, thậm chí trên chính mảnh đất quê hương của mình.

Người Đức lý giải hiện tượng đầy nghịch lý này bằng câu ngạn ngữ, hàm ý rằng chiến thắng lớn đẻ ra hai đội quân lớn: một là đội quân tham nhũng do có được cường quyền tương như vô tận từ chiến thắng; hai là đội quân bi ai, luôn bị dằn vặt, uất ức về sự thua trận. Điều nguy hiểm là hai đội quân này có sự tương tác cộng hưởng: sự đông lên của đội quân này làm đông lên đội quân kia. Kết cục là sức mạnh nhân bản của dân tộc ngày càng bị suy yếu trong sự ruồng nát lòng tin của xã hội, cho dù của cải vật chất có khá hơn xưa.

Nước Việt Nam ta không biết sẽ rơi vào quy luật nói trên hay không nhưng những dấu hiệu đáng quan ngại không phải là hiếm thấy.

Dường như, hơn ba thập kỷ đã trôi qua kể từ chiến thắng 1975,

dù đã có được một số tiến bộ đáng kể về phát triển vật chất, đất nước ta chưa thực sự lớn lên.

Nỗ lực đóng góp để “đất nước lớn lên” không chỉ còn là mong muốn chân thành của người dân mà đã trở thành yêu cầu sống còn để dân tộc phát triển.

1. Làm gì để đất nước lớn lên?

Mỗi thành tố của xã hội, dù là một cá nhân hay một tổ chức/công ty, dù là một gia đình hay một làng xóm/cộng đồng, dù là một chính khách hay cả hệ thống chính trị đều có tác động (tốt hoặc xấu) tiềm tàng tới tiến trình phát triển của các thành tố liên quan khác.

Một thành tố sẽ đi lên hay đi xuống? nếu đi lên thì đi lên được bao xa? nếu đi xuống thì sẽ đi xuống đến mức nào? Tất cả tùy thuộc rất nhiều vào sự tác động tiềm tàng của các thành tố liên quan đến nó. Một điều cần hết sức lưu ý là, những tác động dựa trên sự lạm dụng các yếu tố vật chất như tiền bạc, đặc quyền đặc lợi, hay bè cánh thường dẫn đến hậu quả lâu dài xấu hơn là tốt.

Con người là thành tố hạt nhân của tổng thể xã hội. Do vậy một đất nước sẽ chỉ lớn lên khi mỗi con người được giải phóng, được trân trọng, được đầu tư, và được kỳ vọng để tạo nên những tác động tốt tiềm tàng lên chính mình và lên các thành tố khác của xã hội. Đất nước sẽ nhỏ bé đi nếu con người bị hèn yếu trong trí tuệ về tư tưởng, phải chòì đập trong sự gian dối, và bị nghi kị trong những giả định thấp kém của hệ thống và cộng đồng.

Theo mô hình Maslow, nhu cầu của con người có thể được khái quát thành năm bậc từ thấp đến cao: Vật chất, An sinh, Thấu cảm, Huân dự, và Sứ mệnh cao cả. Con người và đất nước sẽ lớn lên nếu có sự đồng bộ của LỰC ĐẨY LÊN từ sự thỏa mãn của các nhu cầu thấp (Vật chất, An sinh) với LỰC KÉO LÊN của các nhu cầu cao

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

(Thấu cảm, Huân dự, Sứ mệnh cao cả).

Con người và đất nước sẽ nhỏ bé đi nếu họ bị nhầy nhựa trong nỗ lực tìm kiếm và chụp giật các nhu cầu thấp và bị bế tắc trong cố gắng chân chính nhằm vươn lên các nhu cầu cao hơn. Một trong những lý do là sự đảo lộn trong thước đo giá trị của xã hội. Hệ thống trở nên vô cảm; Huân dự bị hoen ố vì có thể được mua bán hoặc làm gian dối; Sứ mệnh cao cả như ước mong phần đầu vì dân vì nước chỉ còn là khẩu hiệu mơ hồ.

Do vậy, mỗi con người chỉ có thể lớn lên nếu các thành tố liên quan kỳ vọng và trợ giúp họ không ngừng vươn lên những nhu cầu cao hơn.

Thế nhưng, con người chỉ có thể lớn lên nếu hệ thống không ngừng lớn lên. Sự lớn lên của hệ thống có ý nghĩa nền tảng cho sự lớn lên của một dân tộc, đặc biệt trong xã hội Đông Á, nơi mà, người dân lệ thuộc rất nhiều vào hệ thống trong suy nghĩ, đánh giá, và hành động của mình.

Sự lớn lên của một hệ thống, trong khi đó, đòi hỏi tầm nhìn thời đại, khả năng học hỏi, và ý thức tự xem lại mình để sửa đổi và cải cách.

Một đất nước sẽ khó tránh được nguy cơ suy yếu nếu hệ thống chấp nhận một tầm nhìn mơ hồ về thế giới và thiên cận về tương lai.

Một dân tộc sẽ có tâm vóc bị còi cọc nếu hệ thống không khát khao học hỏi để làm giàu trí tuệ của mình trên nền tảng tinh hoa của toàn nhân loại.

Một xã hội sẽ rơi vào bế tắc nhiều nhưng nếu hệ thống không luôn nghiêm khắc tự xem lại mình trong nỗ lực cải cách không ngừng. Thích nghe phỉn nịnh, đổ lỗi cho khách quan là cách ngắn nhất đưa đất nước đến sự hèn kém.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Một khi hệ thống ý thức rõ được tầm quan trọng phải xem lại mình thì nên khởi đầu bằng việc nghe theo những nguyên tắc ngàn đời đã được đúc rút từ cổ nhân. Đó là, nếu thấy người dân xem thường chính quyền thì phải xem lại đức hạnh của quan lại; nếu thấy người dân không tuân thủ luật pháp thì phải xem lại ý thức thượng tôn công lý của hệ thống; nếu thấy người dân hay trí trá thì phải xem lại sự thành tâm và tín nghĩa của người lãnh đạo; nếu thấy người dân hay mê tín dị đoan thì phải xem lại tính minh bạch và công tâm của cơ chế.

2. Đưa đất nước lớn lên trong hai ví dụ cụ thể

Người viết chỉ xin đưa ra hai ví dụ nhỏ liên quan đến nỗ lực giúp đất nước lớn lên từ góc độ của cá nhân và hệ thống.

Nỗ lực của cá nhân: Đội tuyển bóng đá Việt Nam và danh hiệu vô địch Đông Nam Á

Là người Việt Nam, có lẽ ai cũng thấy xúc động khi đội tuyển bóng đá Việt Nam đăng quang giải vô địch Đông Nam Á đêm 28/12/2008. Sự xúc động này có một phần là sự hãnh diện về thành tích hiếm có của bóng đá Việt Nam, nhưng cội nguồn lớn hơn nhiều có lẽ là ý thức và lòng tự hào dân tộc – một tố chất luôn tiềm tàng đâu đó trong mỗi con người Việt Nam trong sự nén chờ và thúc giục đã quá lâu.

Người viết bài này đã đọc kỹ bài trả lời phỏng vấn của Công Vinh và thấy lấp lánh ở cầu thủ này và đồng đội phẩm chất của những người anh hùng.

Thế nhưng mấy năm trước đây, chúng ta cũng đã từng xúc động gần như vậy với Văn Quyên và người viết bài này bây giờ vẫn tin rằng đây là một con người rất đáng quý.

Điều gì đã làm Văn Quyên và một số đồng đội mình trở nên suy đồi đi theo một cách nào đó, để rồi không ngần ngại làm thấp hèn tổ

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

quốc của mình trong những vụ mua bán cá độ. Có lẽ, trong sự đi xuống và đi xuống quá xa của Văn Quyên, các thành tố khác như tổ chức, bè bạn, gia đình, cộng đồng, và xã hội cần gánh chịu một phần trách nhiệm quan trọng.

Với khát vọng giúp đất nước lớn lên, bản thân Công Vinh và đồng đội cùng tổ chức, bè bạn, gia đình, cộng đồng, và xã hội không chỉ rút ra bài học sâu sắc từ Văn Quyên mà cần bước lên một cách tiếp cận mới.

Làm gì đây với hàng chục tỷ đồng tiền thưởng và sự hân hoan ngưỡng mộ của hàng triệu công chúng?

Đây là câu hỏi lớn không chỉ cho các cầu thủ đội tuyển Việt Nam mà cho tất cả các thành tố liên quan, bởi câu trả lời chính xác quyết định Công Vinh và đồng đội của mình sẽ đi lên chứ không đi xuống sau chiến thắng này, đi lên thật xa đến hết sức mình chứ không chỉ nhỉnh lên chút ít rồi thỏa mãn cầm chừng.

Theo cách tiếp cận đó, chúng ta cần đặc biệt trân trọng và sẵn sàng trợ giúp Công Vinh và các cầu thủ Việt Nam hướng tới những nhu cầu cao cả hơn là để họ say sưa thỏa mãn trong những nhu cầu vật chất tầm thường.

Một đề xuất có tính gợi ý là các cầu thủ Việt Nam nên dành một nửa số tiền thưởng của mình để góp sức xây các sân bóng đá bình dân cho trẻ em toàn quốc theo tinh thần sau:

– Các địa phương ưu tiên dành các khu đất thuận tiện nhất cho trẻ em chơi để xây dựng các sân chơi này.

– Các doanh nhân và người có điều kiện tiết kiệm dốc hết lòng tài trợ cho các dự án. Khả năng thu hút tài trợ tùy thuộc vào nỗ lực của từng địa phương cùng uy tín và sự thành tâm mong muốn của các cầu thủ đội tuyển.

– Các sân bóng đá này nên có tên chung nhắc nhở thế hệ trẻ hướng tới tương lai, chẳng hạn: “*ƯỚC MƠ VIỆT.*”

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

– Mỗi sân bóng đều có một tấm đá vĩnh cửu với dòng chữ “*Chúng tôi ước mong các bạn – thế hệ Việt Nam tương lai – sẽ đem lại cho Tổ quốc những vinh quang mà thế hệ chúng tôi hôm nay chưa thể làm được,*” cùng với tên các cầu thủ của đội tuyển Việt Nam 2008 và tên của của các tổ chức, cá nhân đã có đóng góp đáng kể cho việc xây dựng sân bóng.

Nỗ lực của hệ thống: Chính phủ và gói kích cầu

Việt Nam đang đứng trước những thách thức gay gắt trong phát triển. Tuy nhiên, những thách thức gay gắt này hiện tại không phải ở sự ổn định trung hạn của mô hình phát triển hiện thời mà ở sự lựa chọn mô hình phát triển để đất nước có thể đi đến một tương lai tươi sáng.

Với mô hình phát triển hiện thời, chúng ta có thể có sự ổn định và tăng trưởng khá trong vòng 5–7 năm nữa bởi chúng ta được hưởng rất nhiều lợi thế, từ vị trí địa lý đến nguồn lực con người, từ lợi thế nước đi sau đến nguồn tài trợ quốc tế phong phú, từ nguồn kiều hối dồi dào (trên 10% GDP) đến khoản thu lớn từ dầu mỏ và than đá (chiếm bình quân trên 15% tổng thu nhập quốc dân trong 5 năm qua, cao hơn nhiều so với mức 4–5% của Trung Quốc và Ấn Độ – là hai nước tăng trưởng nhanh hơn hẳn chúng ta trong cùng thời gian này).

Mô hình phát triển hiện tại không thể đưa Việt Nam đến một tương lai hùng cường vì ba khuyết tật căn bản: Không tôn trọng nguyên tắc thị trường; Chất lượng thể chế kém; và Nguồn vốn con người không được coi là động lực chủ yếu của phát triển mà là thứ yếu so với tiền bạc và đất đai.

Mô hình phát triển cho Việt Nam đi đến một tương lai tươi sáng đòi hỏi phải loại bỏ ba khuyết tật nói trên, đồng thời đặc biệt chú trọng bốn nguyên tắc chiến lược: Cân nhắc cẩn trọng trước khi đưa ra một chính sách; Phát triển mỗi địa phương phải được gắn kết trong nỗ lực gia cường sức cạnh tranh của các địa phương lân

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

cận và của cả vùng; Đầu tư vào con người, đặc biệt về tố chất tư duy và phẩm chất chuyên nghiệp; và Xác định vị thế chiến lược quốc gia trong phân công lao động toàn cầu.

Mô hình phát triển hiện thời của chúng ta còn rất yếu trên cả bốn nguyên tắc này. Vì vậy, sau hai thập kỷ đổi mới vừa qua, chúng ta có thêm nhiều nguồn lực vật chất, nhưng quả thực chưa mạnh lên về tâm thế và thực lực.

Gói kích cầu, do đó, không nên dùng để kích thích tăng trưởng theo mô hình hiện tại mà cần được sử dụng để nâng cấp mô hình phát triển hiện tại. Nghĩa là, gói kích cầu cần được sử dụng để hoàn thiện cơ chế thị trường, nâng cấp chất lượng hệ thống thể chế, và dồn sức đưa nguồn vốn con người thành động lực chủ đạo cho phát triển. Trong sử dụng gói kích cầu cần tôn trọng bốn nguyên tắc của mô hình phát triển hiện đại nói trên.

Đặc biệt, trong chiến lược phát triển địa phương, cần có chính sách để một địa phương mong địa phương bên cạnh tăng trưởng và phát triển mạnh hơn là tranh giành, ganh ghét. Một chính sách gợi ý có thể là chính phủ dành 20–30% khoản thu ngân sách tăng thêm từ một địa phương cho đầu tư và phát triển vào hạ tầng cơ sở và hệ thống trường học của các địa phương lân cận.

3. Thay lời kết

Lịch sử nước ta cho thấy rằng thể hệ người Việt Nam nào cũng rất tự hào về đất nước của mình, nhưng không phải thể hệ nào cũng làm cho đất nước có thể tự hào về mình.

Quả thực, từ niềm tự hào về đất nước đến nỗ lực làm đất nước có quyền tự hào về mình là một khoảng cách rất lớn mà không phải thể hệ người Việt Nam nào cũng làm được dù biết đó là trách nhiệm thiêng liêng.

Năm 2008 đã qua với những thách thức và thành công đáng ghi nhớ, để lại những chỉ mốc quan trọng để chúng ta thấy rõ đất

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

nước mình sẽ lớn lên trong niềm tự hào hay nhỏ đi trong sự hổ thẹn trong năm 2009 này.

Đất nước sẽ hổ thẹn nếu có cầu thủ đội tuyển Việt Nam sau cơn say chiến thắng lại đi vào còn đường suy đồi hư hỏng. Đất nước sẽ nhỏ đi nếu bộ máy quan liêu tiếp tục bành trướng, tham nhũng và lợi ích đặc quyền tiếp tục hoành hành, và nguồn vốn con người tiếp tục bị xói mòn trong tệ nạn xã hội và hệ thống giáo dục xuống cấp.

Đất nước sẽ tự hào nếu có cầu thủ đội tuyển Việt Nam càng trở nên gắn bó và cùng chia sẻ những ước muốn và hành động cao cả và nhân bản.

Đất nước sẽ lớn lên nếu bộ máy nhà nước được tinh giản mạnh mẽ trong sự đồng cảm và tin yêu của xã hội.

Đất nước sẽ lớn lên nếu tham nhũng và lợi ích đặc quyền mất hẳn chỗ đứng.

Đất nước sẽ lớn lên nếu nguồn vốn con người được khơi dậy trong hào khí của ý chí dân tộc và sự cải cách sâu rộng của toàn bộ hệ thống giáo dục.

Vietnamnet – 1/1/2009

NĂM MỚI, NÓI CHUYỆN ĐỔI MỚI TƯ DUY

Bên thêm của năm mới Ất Dậu, chắc hẳn ai trong chúng ta cũng chia sẻ một ước mong là năm mới này sẽ mang lại nhiều hạnh phúc và thành đạt hơn cho bản thân, gia đình, bè bạn, và quê hương - đất nước. *Liệu có cách gì để mong muốn này không chỉ là sự vọng ước truyền thống mà trở thành tiền đề căn bản cho một sự khởi phát đi lên, không chỉ trong năm tới, mà cả cho tương lai lâu dài?*

Câu trả lời là “có” nếu mong ước của chúng ta đủ mạnh để tạo nên một bước ngoặt trong đổi mới tư duy và mỗi chúng ta bước vào năm mới với một tư duy thực sự đổi mới.

1. Đổi mới tư duy: bước đột phá tạo nên cục diện phát triển mới

Khi mong muốn thành đạt hơn, đặc biệt để vượt qua một thách thức hoặc trắc trở, con người ta thường hành động theo một trong ba mẫu thức căn bản:

(I) Nỗ lực cao hơn về lượng (thời gian, nguồn lực), nhưng giữ nguyên phương cách hành động và lối tư duy cũ;

(II) Đưa ra những phương cách hành động mới với nỗ lực cao hơn, nhưng vẫn giữ nguyên về căn bản lối tư duy cũ; và

(III) Đổi mới tư duy, trên cơ sở đó tìm thấy những phương cách hành động mới và nguồn sinh lực mới, trên cơ sở đó, có nỗ lực cao hơn hẳn về chất.

Thực tiễn chỉ ra rằng, hành động của con người ta thường dừng ở mẫu thức I, một số vượt lên mẫu thức II, và chỉ rất ít đạt tới mẫu thức III. Thêm nữa, người ta thường chỉ hành động theo mẫu thức III khi đã rơi vào tình thế vô cùng khó khăn, khủng hoảng; khi

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

mà, hành động theo mẫu thức III không còn là sự lựa chọn tùy ý nữa mà đã trở thành mệnh lệnh bức thiết cho sự sống còn.

Hành động theo mẫu thức III, nghĩa là, đổi mới sâu sắc tư duy để tìm ra phương cách và sinh lực dồi dào cho những nỗ lực mới có ý nghĩa nền tảng và là bước đi then chốt nhằm tạo nên cục diện phát triển mới với những thuận lợi và thời cơ mà trước đó khó có thể hình dung được. Karl Marx từng nhấn mạnh tầm quan trọng của đổi mới tư duy khi khẳng định rằng, chúng ta phải “căng tằm mắt đại bàng của tư duy” để suy xét và hành động, một khi tình thế đã thay đổi. Ngạn ngữ phương Tây cũng có câu: “Đổi mới tư duy, Đổi thay thế giới.”

Công cuộc Đổi Mới của nước ta, khởi đầu từ giữa thập kỷ 80 là một ví dụ sinh động. Trước đó, chúng ta đã nỗ lực rất cao, áp dụng nhiều biện pháp quyết liệt để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và sản xuất lương thực, hàng hóa; thế nhưng, tình thế ngày càng trở nên khó khăn. Chỉ khi công cuộc Đổi Mới được Đại hội Đảng VI thông qua với nguyên tắc nền tảng là đổi mới tư duy kinh tế, chuyển từ kế hoạch tập trung và quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, nền kinh tế nước ta mới khởi phát và bước vào giai đoạn phát triển khá nhanh và thuận lợi trong suốt gần hai thập kỷ qua.

Cải cách Minh Trị của Nhật Bản, bắt đầu vào năm 1868, cũng khởi đầu bằng đổi mới tư duy. Từ một đất nước “đóng cửa” và chịu nhiều ràng buộc của các hủ tục lạc hậu, dân tộc Nhật trước hiểm họa xâm hấn của phương Tây, đã đứng lên cải cách trên nền tảng của đổi mới tư duy, thể hiện qua năm lời thề thiêng liêng nhân danh vua Minh Trị, trong đó khẳng định “Các hủ tục của quá khứ sẽ bị bãi bỏ và mọi việc sẽ được cân nhắc dựa trên quy luật công bằng của trời đất” (lời thề thứ tư) và “Tri thức sẽ được truy tìm khắp thế giới để gia cường nền tảng phát triển quốc gia” (lời thề thứ năm). Chính cuộc cải cách kỳ vĩ này đã không chỉ tránh cho

dân tộc Nhật Bản số phận mất nước, làm than như nhiều dân tộc châu Á khác mà còn biến Nhật Bản thành một quốc gia hùng mạnh chỉ sau ngót bốn thập kỷ.

2. Đổi mới tư duy: lợi ích lớn, khả thi cao, nhưng là một quá trình rất khó khởi động

Đổi mới tư duy đem lại lợi ích vô cùng lớn, nó khởi phát sức mạnh tiềm tàng của cá nhân, tổ chức, và toàn xã hội; tạo nên nguồn sinh lực mạnh mẽ và dồi dào từ chính nội tại cho nỗ lực vươn lên và phát triển. Mặt khác, sự trì trệ về tư duy không chỉ làm chậm tiến trình phát triển mà còn kìm hãm cá nhân, tổ chức, và dân tộc trong vòng luẩn quẩn của khó khăn yếu kém. Xét cho cùng, sự thua kém, tụt hậu của một con người, một tổ chức, thậm chí một quốc gia, không phải là do hạn chế về khả năng hay nguồn lực, mà chủ yếu là do thiếu áp lực cho những đổi mới sâu sắc và quyết liệt về tư duy.

Đổi mới tư duy có tính khả thi cao vì đó không phải là sự chuyển sang một cách suy nghĩ gì cao xa hay mới lạ mà chỉ là sự trở về với cách tư duy trong sáng, bình dị, có cội nguồn từ chân lý của khoa học và lòng nhân bản. Hơn nữa, đổi mới tư duy không tốn phí đầu tư vật chất, không đòi hỏi thời gian đào tạo, và không phụ thuộc các yếu tố ngoại cảnh. Thế nhưng, đổi mới tư duy là một quá trình rất khó khởi động, nếu không nói là không thể, nhất là khi mà tình thế còn dường như “xuôi chèo mát mái.”

Khoa học tâm lý chỉ ra rằng, tư duy của con người ta được chi đạo và xử lý tự động bởi những niềm tin và giả định đã ăn sâu vào tiềm thức. Hơn nữa, quy trình này lại nằm trong vòng xoáy tự gia cường: con người thông qua cách tư duy của mình thường chỉ chọn lọc những thông tin phù hợp với cách nghĩ của mình, do vậy niềm tin và giả định đã có ngày càng được gia cường; kết quả là cách tư duy (cũ) này ngày càng trở nên vững chắc.

Cách tư duy của mỗi người lại càng khó thay đổi nếu nó trùng hợp với trào lưu chung của xã hội bởi các hiện tượng diễn ra phổ biến trong xã hội không ngừng củng cố thêm niềm tin và cách nghĩ hiện có của cá nhân. John Maynard Keynes, nhà kinh tế học lớn nhất của thế kỷ 20, đã từng nhận xét: “Khó khăn không phải ở cách tư duy mới, mà ở việc thoát khỏi được cách nghĩ cũ, cách nghĩ đã ăn sâu trong mọi ngõ ngách của não trạng chúng ta.”

3. Đổi mới tư duy: Những nội dung cấp bách

Quá trình đổi mới tư duy được bắt đầu bằng việc trấn trở và bàn luận sâu sắc về những nội dung tư duy cần đổi mới. Bài viết này xin mạo muội đưa ra một số nội dung bước đầu sau đây:

3.1. Thang bảng giá trị và thước đo thành đạt

Thang bảng giá trị và thước đo thành đạt ở xã hội ta đang bị quá thiên lệch theo các tiêu chí nặng về vật chất và hình thức. Các tiêu chí về tinh thần và giá trị xã hội đang bị xem nhẹ. Kết quả là, nhiều người lao vào kiếm tiền bất chính với tâm niệm “hy sinh đời bố, củng cố đời con” mà không nghĩ đến sự tổn hại về danh dự và phẩm chất, không chỉ của bản thân mà cả của con cái mình; nhiều người chạy chọt kiếm học vị, chức vụ mà không biết rằng sự chạy chọt này đã làm họ mất đi sự trân trọng của xã hội; nhiều gia đình xâu xé nhau trong tranh chấp nhà cửa, quyền lợi bất chấp sự tan nát của quan hệ họ hàng, ruột thịt.

Đổi mới tư duy theo nội dung này phải làm cho các tiêu chí giá trị tinh thần, đặc biệt là các tiêu chí về sự chân chính, lòng nhân bản, và cống hiến cho xã hội, trở nên có vai trò then chốt trong thang bảng giá trị và thước đo thành đạt. Khi đó, đối với một cá nhân, sự trân trọng của xã hội có giá trị hơn chức vụ hay bằng cấp, đối với một gia đình, để lại cho con cái niềm tự hào về sự trong sáng và tận tâm của bố mẹ quý hơn là của cải.

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Điều đáng nhấn mạnh là, trong các nước tư bản phát triển, nơi mà nhiều người tin rằng đồng tiền có vị trí thống trị, các tiêu chí tinh thần lại được xã hội đặc biệt coi trọng. Con người ta có thể thất bại nhiều lần trong làm ăn chứ khó có thể dối trá, thất nhân tâm, dù chỉ một lần, trong sự nghiệp. Hơn thế nữa, hầu hết các doanh nhân giàu có và có tiếng tăm lừng lẫy đều bắt đầu sự nghiệp của mình bằng say mê và tâm huyết tạo nên giá trị mới đặc sắc cho xã hội chứ không phải tham vọng làm giàu bằng mọi giá. Sự giàu có dường như là hệ quả chứ không phải là động lực chính yếu cho nỗ lực vươn lên của họ.

Để thực sự khởi động quá trình đổi mới tư duy theo nội dung này, các cơ quan nhà nước, các trường đại học, và các doanh nghiệp cần sử dụng các tiêu chí giá trị tinh thần làm thước đo quan trọng cho việc tuyển dụng và đề bạt của mình. Như vậy, các tiêu chí hình thức như điểm thi đại học, bằng cấp, chứng chỉ sẽ không còn vị thế tuyệt đối như hiện nay.

3.2. Nâng cao ý chí và phẩm chất là phương cách nền tảng để vượt qua thách thức và đi tới đỉnh cao

Yếu tố ý chí và phẩm chất được dân tộc ta coi trọng rất cao trong chiến tranh giành độc lập nhưng thường bị xem nhẹ trong thời bình. Lý do có lẽ là, ước vọng đưa dân tộc đến vị thế phồn vinh trong cộng đồng thế giới chưa trở thành thiêng liêng và bức xúc như ước mơ giành độc lập.

Giờ đây, từ cá nhân đến xã hội, chúng ta thường coi các biện pháp vật chất như là phương cách căn bản cho mọi nỗ lực vươn lên.

Một gia đình muốn con mình học giỏi hơn thường không tiếc tiền và công sức cho con học thêm và có thêm điều kiện vật chất nhưng dường như không chú ý đến việc giúp con mình có được hoài bão lớn hơn, nhân cách cao hơn. Mọi người đang xem nhẹ một nguyên tắc muôn thuở là gia sản quý nhất mà một gia đình để lại cho con cái không đơn thuần là học vấn, càng không phải là của

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

cải, mà chính là hoài bão và nhân cách.

Trong tăng cường đấu tranh chống tham nhũng, chúng ta đã có nhiều cố gắng: trừng phạt nghiêm khắc hơn một số kẻ tham nhũng, ban hành thêm các quy định và chỉ thị nhằm hạn chế nạn tham nhũng, giảm cơ chế xin cho... Tuy nhiên, nạn tham nhũng dường như không giảm mà thậm chí đang trở nên tinh vi hơn. Một lý do quan trọng là chúng ta dựa quá nhiều vào các biện pháp hành chính - vật chất, trong khi coi nhẹ sức mạnh cốt lõi của quốc gia trong đấu tranh chống tệ nạn này là hoài bão và tinh thần dân tộc.

Chúng ta cần nghiêm khắc nhận thấy rằng, một bộ phận đáng kể trong đội ngũ cán bộ quản lý của chúng ta đã mất đi cảm nhận thiêng liêng về trách nhiệm đưa dân tộc đi tới phồn vinh và vị thế vẻ vang trong cộng đồng thế giới. Những người này không thấu hiểu rằng, cái giá phải trả cho sự tham nhũng không chỉ là số tiền bị chiếm đoạt, mà là sự giảm sút niềm tin của thế hệ trẻ và sự mất đi lòng tự hào của một dân tộc đã chấp nhận muôn vàn hy sinh để bảo vệ phẩm giá của mình. Chúng ta có khá lên về mức sống vật chất, nhưng lòng tự hào của chúng ta như một dân tộc có hoài bão lớn, nhân bản, và kiên cường, đang bị tổn thương nghiêm trọng.

Bước ra thế giới, chúng ta bị coi là một đất nước có tệ nạn tham nhũng nặng nề (được xếp ở mức nghiêm trọng nhất so với các nước Đông Á) [1]; tỷ lệ người nhiễm HIV và nghiện hút ma túy trong độ tuổi so sánh của nước ta cao hơn hàng chục lần so với Nhật Bản và Hàn Quốc, và hơn ba lần so với Trung Quốc [2]. Hơn lúc nào hết, chúng ta cần thấm thía rằng hoài bão và lòng tự hào dân tộc phải được viện đến để có được sức mạnh kỳ diệu chống lại mọi thói hư tật xấu của xã hội, trong đó có nạn tham nhũng.

Công cuộc đổi mới của chúng ta đã đem lại những thành quả rất đáng trân trọng. Tuy nhiên trong công cuộc đổi mới này, thành công của chúng ta dựa phần nhiều trên động lực “cởi trói” chứ chưa phải trên động lực của “hoài bão và ước mơ dân tộc.” Thành

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

công trong những năm qua làm chúng ta say sưa với động lực “cởi trói” và nhiều người tin rằng “thoáng” và “đầu tư nước ngoài” là động lực căn bản cho công cuộc phát triển. Điều này rất nguy hiểm. Cũng như một con người, một dân tộc với cách tư duy này chỉ có thể đủ ăn và có chút khấm khá (nhờ vào vị thế địa lý và tài nguyên giàu có mà ông cha để lại) chứ không thể trở thành một dân tộc cường phát, được cộng đồng thế giới trân trọng và ngưỡng mộ.

Để sức mạnh tiềm tàng của dân tộc được thực sự khơi dậy, sự nghiệp phát triển của nước ta trong những năm tới đây cần dựa trên động lực mãnh liệt của “ý chí và phẩm chất dân tộc” chứ không còn chỉ là nỗ lực “cởi trói.” Nếu chúng ta chỉ dừng lại ở mức độ “cởi trói” và hài lòng với các thành quả đã đạt được thì tham nhũng và trì trệ vẫn có chỗ đứng và dân tộc khó có thể làm nên những thành quả kỳ diệu trong tương lai. Ngạn ngữ có câu “trở ngại lớn nhất trong thực hiện một ước mơ lớn không phải là những khó khăn hay thách thức lớn mà là sự bằng lòng với những ước mơ nhỏ.”

Một khi có ước mơ lớn, nâng cao phẩm chất dân tộc là vô cùng bức thiết. Chuyện kể rằng, Tưởng Giới Thạch khi quyết tâm xây dựng Đài Loan thành một hòn đảo phồn vinh đã hỏi các chuyên gia văn hóa về những tính xấu quái nhất của người Trung Quốc và nhận được câu trả lời rằng hai tính xấu đó là: “coi mình là trung tâm, hiểu biết ít ỏi về thế giới” và “ghen ghét với người có khả năng hơn mình.” Chính quyền Tưởng rất thấm thía nhận xét đó nên trong cất nhắc quan chức vào các vị trí trọng yếu đã rất ý thức chọn những người không bị hai khuyết tật này. Tuyển dụng và đề bạt quan chức không chỉ đơn thuần là chọn người làm việc mà là một thông điệp mạnh mẽ với xã hội, thúc đẩy mọi người đổi thay cách nghĩ và nâng cao phẩm chất của mình.

Với Việt Nam ta, sẽ cần nhiều nghiên cứu và bàn luận để tìm ra những khiếm khuyết chung của dân tộc; nhưng có lẽ hai nhược

điểm mà nhiều người thường nhắc tới là “tầm nhìn không rộng” và “ý chí không cao, dễ thoả mãn”; “tầm nhìn không rộng” làm mất đi khả năng nắm bắt những thời cơ có ảnh hưởng đến vận mệnh dân tộc và huy động các nguồn lực chiến lược cho phát triển; “ý chí không cao, dễ thoả mãn” làm người ta dễ sa vào hưởng thụ cá nhân, thiếu tính hợp tác, thậm chí đi đến mâu thuẫn và lục đục nội bộ. Để đất nước đi lên, chúng ta thực sự cần lựa chọn và đề bạt những cán bộ trách được hai điểm yếu nguy hiểm này.

3.3. Tư duy hợp tác quốc tế và học hỏi tinh hoa

Tư duy hợp tác quốc tế và học hỏi tinh hoa của chúng ta hiện nay còn nhiều khiếm khuyết.

Trong hợp tác quốc tế chúng ta thường bị những ức chế có từ quá khứ cản trở khả năng nhận thức thấu đáo và kịp thời những cơ hội cho công cuộc phát triển hiện tại và tương lai. Chúng ta dường như không thấy hết sự may mắn về vị thế nằm sát cạnh và tiềm năng hợp tác đặc biệt với Trung Quốc, một nền kinh tế đang tăng trưởng với tốc độ vũ bão và sẽ trở thành một cực kinh tế cực kỳ quan trọng trong vài thập kỷ tới; chúng ta còn khai thác với hiệu quả rất thấp mối quan hệ với Mỹ, một quốc gia có sự trân trọng và đồng cảm đặc biệt với dân tộc Việt Nam.

Chúng ta cần học người Nhật Bản trong quan hệ với Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ II; bom nguyên tử Mỹ giết hại hàng trăm ngàn người chỉ làm tăng ý chí phát triển của dân tộc Nhật Bản và sự trân trọng của họ với tình hữu nghị chân chính của dân tộc Mỹ. Chúng ta cần học người Hàn Quốc trong quan hệ với Nhật Bản; sự đô hộ của Nhật Bản trong quá khứ để lại những hiềm khích rất dễ bị kích động giữa hai dân tộc; thế nhưng người Hàn Quốc coi sự vượt lên của dân tộc mình là điều tối thượng và do vậy rất trân trọng và khai thác với hiệu quả cao nhất mối quan hệ chiến lược với Nhật Bản. Trung Quốc trong nỗ lực vượt lên thành cường quốc đã khai thác rất khéo léo và hiệu quả mối quan hệ với Mỹ, một

nước từng bị coi là kẻ thù số 1; kết quả là, đa số người Mỹ, trong một cuộc phỏng vấn mới đây, coi Trung Quốc là một trong những đồng minh quan trọng nhất của Mỹ, chỉ sau Anh, Nhật Bản, và Israel [3].

Trong quan hệ học hỏi, chúng ta thường mất nhiều sức vào phát hiện điểm yếu của đối tác để cảnh giác và phê phán, hơn là tìm ra điểm tinh hoa để khai thác và học tập. Điều này xảy ra đặc biệt phổ biến ở các liên doanh của ta với nước ngoài. Kết quả là, chất lượng hợp tác của chúng ta với các đối tác nước ngoài thường ở tầm rất thấp.

Người Nhật, trong cải cách Minh Trị, nêu khẩu hiệu “Hoà thân, Dương khí,” nghĩa là “Tinh thần Nhật Bản, Tinh hoa phương Tây” để đốc sức học hỏi các nền văn minh mới. Người Mỹ thì cho rằng điểm yếu thì ai cũng có, điều quan trọng cho giá trị của một con người là những điểm mạnh của người đó; vì vậy họ phát hiện và sử dụng tài năng rất nhanh và hiệu quả.

3.4. Thất bại và thách thức là tài sản quý, cần được trân trọng và khai thác triệt để nhằm làm nên một sự nghiệp vẻ vang

Theo cách tư duy thông thường hiện nay, chúng ta thường coi thất bại và thách thức như những món nợ nặng nề. Cách nghĩ này dẫn tới hai thiệt thòi lớn. Thứ nhất, chúng ta mất đi tính dám nghĩ - dám làm và trở nên cẩn thủ. Thứ hai, chúng ta không khai thác được triệt để thất bại như một tài sản quý mà chúng ta đã phải trả giá đắt mới có được.

Tầm vóc của một con người, một tổ chức, hay một quốc gia được đo không đơn thuần bởi những thành công, mà quan trọng hơn, bằng khả năng trưởng thành vượt bậc từ thất bại và thách thức. Khả năng này (được gọi là “nhân tố phượng hoàng” trong lí thuyết phát triển [4]) rất quan trọng cho nỗ lực làm nên một sự nghiệp vẻ vang, dù đó là một cá nhân, một tổ chức, hay một quốc gia. Thành công kỳ vĩ của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, và Trung Quốc đều

có động lực kỳ diệu của nhân tố phượng hoàng.

Nước ta còn nghèo, thế và lực còn yếu, thất bại trên chặng đường đi lên sẽ còn nhiều; vì vậy “nhân tố phượng hoàng” cần được đặc biệt khơi dậy, trân trọng, và phát huy tới mức cao nhất. Theo cách tư duy hiện nay, chúng ta chưa thực sự coi trọng nhân tố này. Thất bại của đội tuyển Việt Nam ở Tiger Cup là một ví dụ. LĐBĐ Việt Nam đã xử lí rất quyết liệt: đuổi huấn luyện viên, kiểm điểm trách nhiệm cá nhân, thay đổi tổ chức; thế nhưng nhân tố phượng hoàng dường như vắng bóng. Điều này báo hiệu sự sa sút, hơn là sự trưởng thành vượt bậc của bóng đá nước ta sau thất bại này.

Nếu có nhân tố phượng hoàng, có lẽ LĐBĐ Việt Nam sẽ xử sự như sau: thứ nhất, đề nghị với sự trân trọng ông huấn luyện viên lí giải kỹ càng mọi nguyên nhân của thất bại và cho những gợi ý giá trị nhất mà ông ta có thể có được cho chúng ta trước khi từ giã (hãy để cho ông ta ra đi với niềm tin là dân tộc này sẽ chiến thắng chứ không phải với suy nghĩ “họ thua là phải”); thứ hai, thảo luận sâu rộng trong giới hâm mộ bóng đá về chiến lược tương lai cho bóng đá Việt Nam: đã có ý kiến rất hay cho rằng, xây dựng nền tảng cho sự cường phát tiềm tàng của bóng đá quốc gia quan trọng hơn thắng lợi ở một giải cụ thể; thứ ba, tìm kiếm khắp nơi trong cả nước người thực sự xứng đáng, có khả năng thu hút mạnh mẽ tài năng và nguồn lực tài trợ trong cả nước cho sự nghiệp phát triển bóng đá nước nhà.

3.5. Vai trò của mỗi cá nhân trong công cuộc đổi mới và cải cách

Trong cách nghĩ hiện nay, trước mỗi trì trệ ách tắc, chúng ta thường đổ cho “cơ chế” mà ít ai thấy trách nhiệm của chính mình. Từ cải cách giáo dục đến cải cách hành chính, chúng ta dường như ở tình trạng thụ động, trông chờ vào những văn bản và quy định của chính phủ, hy vọng từ đó dẫn đến những cải cách sâu rộng.

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Thế nhưng, công cuộc đổi mới ở nước ta và kinh nghiệm cải cách trên thế giới đã chỉ ra rằng, một cuộc cải cách thành công chỉ có thể diễn ra nếu hội đủ ba yếu tố then chốt: (i) sự trần trở và bức xúc cao độ của toàn xã hội; (ii) tầm nhìn và ý chí chiến lược của người lãnh đạo; và (iii) những thử nghiệm năng động có tính đột phá ở cấp cơ sở.

Trong ba yếu tố nêu trên, yếu tố thứ ba có vai trò đặc biệt năng động, nó thúc đẩy sự chín muồi của hai yếu tố đầu. Do đó, sức năng động và những thử nghiệm có tính đột phá của cá nhân và cấp cơ sở có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đẩy nhanh sự nghiệp đổi mới và cải cách ở nước ta.

Thành công của sự nghiệp đổi mới thể chế kinh tế ở nước ta trong những năm qua cũng bắt đầu từ sự đột phá năng động của cá nhân, tổ chức, và địa phương. Tuy nhiên, sự năng động và đột phá của cá nhân và cơ sở trong giai đoạn mới của công cuộc đổi mới và cải cách hiện nay khó khăn và thách thức hơn nhiều, vì nó không chỉ đòi hỏi sự dũng cảm trong nỗ lực cởi trói mà còn đòi hỏi kết tụ được tinh hoa của phẩm chất dân tộc, với tầm nhìn, hoài bão, và khả năng tìm kiếm và hấp thụ tri thức của nhân loại.

Mỗi cá nhân cần trở thành một nhân tố năng động và tích cực cho công cuộc cải cách, khởi đầu bằng nỗ lực đổi mới tư duy, trên cơ sở đó, đóng góp những sáng kiến và sinh lực mới cho sự nghiệp phát triển chung.

4. Thay lời kết

Đổi mới tư duy có sức mạnh kỳ diệu trong nâng cao năng lực và tầm vóc đi lên của mỗi cá nhân, tổ chức, và xã hội. Thế nhưng đổi mới tư duy là quá trình rất khó khởi động, nhất là khi mà tình thế dường như còn thuận lợi. Chỉ rõ những nội dung cần đổi mới trong tư duy, thảo luận sâu sắc, và có ý thức chấp nhận sự đổi mới là những bước đi ban đầu rất quan trọng.

Đổi mới tư duy cần trở thành sự lựa chọn khẳng khái và dũng cảm của mỗi cá nhân, tổ chức, và toàn xã hội. Đổi mới tư duy sẽ tạo nên nền tảng vững chắc và sức mạnh tiềm tàng cho dân tộc ta đi tới vị thế vẻ vang và xứng đáng của mình trong cộng đồng thế giới.

Vietnamnet – 6/2/2005

Ghi chú:

[1] Theo Ngân hàng Thế giới
(http://www.worldbank.org/research/growth/corrupt_data.htm)

[2] Theo Liên Hiệp Quốc (<http://www.unodc.un.org>;
<http://www.unaids.org>)

[3] Theo báo *Financial Times*, 13/01/2005.

[4] Tiếng Anh, “Phoenix factor”: nhân tố này xuất phát từ ý tưởng dân gian: phượng hoàng với sức mạnh kỳ diệu hiện lên từ tro tàn đổ nát.

ĐỘT PHÁ TỪ TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN

1. Yêu cầu khẩn thiết của đột phá

Công cuộc đổi mới ở nước ta đã đem lại những thành quả rất đáng trân trọng: tốc độ tăng trưởng GDP trong 16 năm qua (1990–2006) xấp xỉ 7,6%/năm (Bảng 1), thuộc loại khá cao so với mức tăng trưởng của khu vực và thế giới. Một không khí lạc quan, say sưa dường như đang lan tràn với sự sôi động của thị trường chứng khoán và triển vọng thu hút nhiều dự án đầu tư mới của nước ngoài.

Thế nhưng, chúng ta cần tỉnh táo phân tích sâu hơn thực trạng và triển vọng tăng trưởng của đất nước để thấy hết trách nhiệm của thế hệ chúng ta hôm nay trong việc đưa nước Việt đến một tương lai mà chúng ta không phải hổ thẹn vào năm 2045, khi thế hệ con cháu chúng ta kỷ niệm 100 năm Quốc khánh và 70 năm ngày thống nhất đất nước.

Bảng 1: Tăng trưởng GDP, 2004–2008

	1990–2006	2004	2005	2006	2007*	2008*
Việt Nam	7,6%	7,8%	8,4%	8,2%	8,3%	8,5%
Trung Quốc	10,1%	10,1%	10,4%	10,7%	10%	9,8%
Campuchia	<i>Thiếu số liệu</i>	10%	13,4%	10,4%	9,5%	9,0%

*Ghi chú: *Số liệu 2007 và 2008 là dự báo*

Bốn lý do được phân tích dưới đây sẽ cho thấy chúng ta đang đứng trước những đòi hỏi khẩn thiết phải đột phá:

Thứ nhất, trong so sánh với Trung Quốc, chúng ta không chỉ chậm hơn hẳn trong nhịp phát triển hiện tại, mà sẽ thấp kém hơn rất nhiều trong vị thế tương lai

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Tốc độ tăng trưởng GDP của chúng ta khá cao nhưng so với Trung Quốc thì thấp hơn hẳn bởi một khoảng cách từ 2% đến 2,5%; trong giai đoạn 1990–2006, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của Việt Nam và Trung Quốc tương ứng là 7,6% và 10,1% (Bảng 1).

Sự thua kém về tăng trưởng GDP bình quân đầu người lại càng lớn hơn do tốc độ tăng dân số của Trung Quốc thấp hơn ta; cùng trong giai đoạn 1990–2006, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của nước ta là 6,0% trong khi của Trung Quốc là 9,1%.

Động thái tăng trưởng của Việt Nam và Trung Quốc kể từ khi công cuộc cải cách phát huy hiệu lực ở mỗi nước (năm 1990 với Việt Nam, năm 1980 với Trung Quốc) cho thấy tăng trưởng GDP 7,6% của Việt Nam giai đoạn 1990–2006 khá giống với các nước Đông Nam Á trong thời kỳ 20 năm, 1975–1995 (Thái Lan: 8,1%; Malaysia: 7,5%; Indonesia: 7,1%), trong khi của Trung Quốc (tăng trưởng GDP đạt 9,8% trong giai đoạn 1980–2006) tương tự và có phần trội vượt hơn các con rồng châu Á trong thời kỳ 30 năm, 1965–1995 (Singapore: 9,0%; Hàn Quốc: 8,4%).

Hơn nữa, Trung Quốc đã có hàng chục năm đạt tốc độ tăng trưởng GDP ở mức trên 10% (dấu hiệu của nền kinh tế cất cánh), trong khi tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt tới mức cao nhất của mình là 9,5% vào năm 1995.

Kết quả là, khoảng cách thu nhập bình quân đầu người giữa nước ta và Trung Quốc mỗi ngày một cách xa. Nếu vào năm 1976, khi nước ta mới thống nhất, mức thu nhập bình quân đầu người của hai nước xấp xỉ bằng nhau (khoảng 140 USD, tính theo thời giá năm 2000) [1], thì đến năm 2006, mức thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc (1.589 USD) đã gấp gần ba lần nước ta (578 USD).

Với **giả định lạc quan** rằng công cuộc phát triển của cả hai nước vẫn tiếp tục thuận lợi như trong mấy thập kỷ qua, điều mà

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

chúng ta đều mong muốn. Thế thì, ***điều gì sẽ xảy ra vào năm 2045 nếu Việt Nam không có nỗ lực đột phá để vượt lên.***

Phân tích dưới đây theo hai tình huống lạc quan A và B cho thấy, vị thế của Việt Nam vào năm 2045 so với Trung Quốc sẽ vô cùng thấp kém.

Tình huống A – SIÊU LẠC QUAN

Hình 1A giả định rằng trong 40 năm tới, cả hai nước tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người như đã đạt được kể từ khi công cuộc cải cách kinh tế ở mỗi nước bắt đầu phát huy hiệu lực. Nghĩa là, từ năm 2007 đến 2045, Việt Nam sẽ liên tục đạt mức tăng trưởng GDP bình quân đầu người 6,0% (như trong giai đoạn 1990–2006) trong khi tốc độ này của Trung Quốc là 8,6% (như trong giai đoạn 1980–2006).

Theo tình huống này, vào năm 2045, mức thu nhập GDP bình quân đầu người của Việt Nam vào khoảng 5.600 USD (tính theo thời giá năm 2000), thấp hơn so với mức hiện nay của Mexico (6.200 USD), trong khi của Trung Quốc vào khoảng 39.600 USD (xấp xỉ mức hiện nay của Hoa Kỳ và Nhật Bản).

Tuy nhiên, đây là giả định **siêu lạc quan**, ít hiện thực cho cả hai nước vì theo quy luật hội tụ, tốc độ tăng trưởng của mỗi quốc gia có thiên hướng giảm khi mức thu nhập bình quân đầu người ngày càng cao lên.

Tình huống B – LẠC QUAN HIỆN THỰC

Hình 1B giả định rằng trong 10 năm tới (2007–2016), cả hai nước tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người đã đạt được trong thời kỳ cải cách của mình (Việt Nam: 6,0%; Trung Quốc: 8,6%); sau đó, trong 29 năm tiếp theo (2017–2045), tăng trưởng GDP bình quân đầu người của hai nước chậm lại: Việt Nam theo mô hình của Thái Lan giai đoạn 1975–2005 với mức tăng 4,7%/năm; Trung Quốc theo mô hình của Hàn Quốc cùng

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

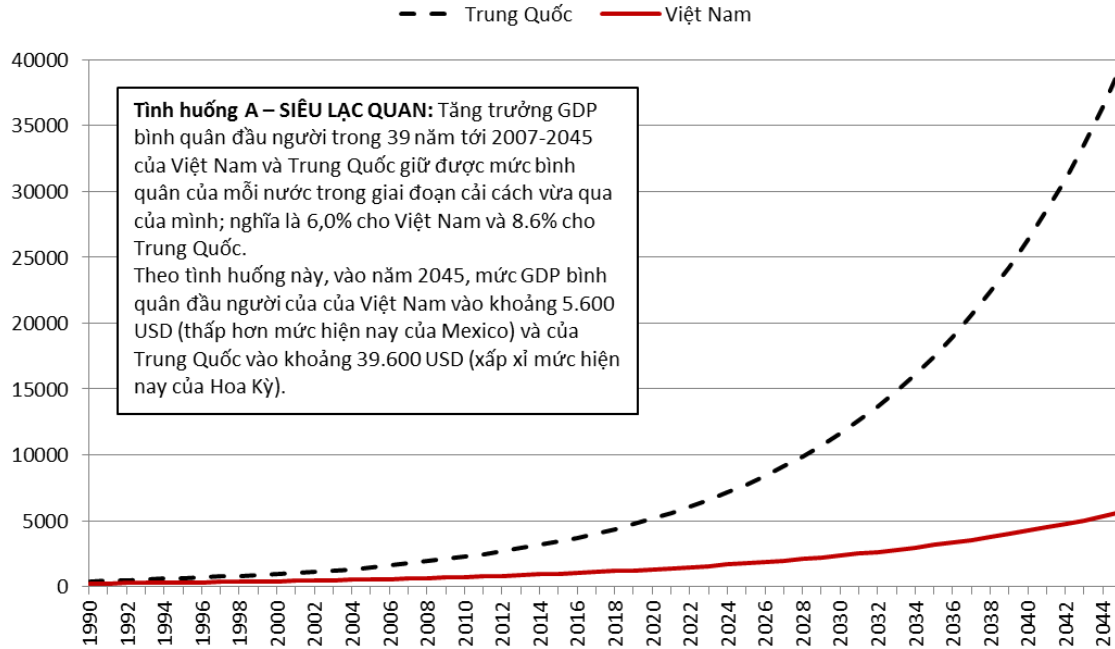
trong giai đoạn 1975–2005 này, với mức tăng 5,7%/năm.

Theo tình huống này, vào năm 2045, mức thu nhập GDP bình quân đầu người của Việt Nam vào khoảng 3.900 USD (tính theo thời giá năm 2000), thấp hơn mức hiện nay của Malaysia (4.400 USD); trong khi đó, mức thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc sẽ vào khoảng 18.100 USD, cao hơn mức hiện nay của Hàn Quốc (13.500 USD) và gần bằng mức hiện nay của Italia (19.500 USD). Giả định này vẫn là rất lạc quan cho cả hai nước, đặc biệt với Việt Nam; tuy nhiên, tính hiện thực khá cao. Trong một tình huống kém lạc quan hơn, (không trình bày ở đây), vào năm 2045, Việt Nam đạt được trình độ phát triển hiện nay của Thái Lan, trong khi Trung Quốc ở mức hiện nay của Hàn Quốc.

Các tình huống trên đây cho thấy, nếu nước ta không có nỗ lực đột phá, thì cho dù bối cảnh phát triển trong mấy thập kỷ tới vẫn tiếp tục thuận lợi như hiện nay, Việt Nam sẽ vẫn ở mức phát triển thấp so với khu vực và thế giới, trong khi Trung Quốc sẽ tiến rất xa và trở thành một nước công nghiệp phát triển. Và như vậy, vào năm 2045, khi kỷ niệm 100 năm thành lập nước và 70 năm ngày thống nhất đất nước, Việt Nam vẫn chưa thoát hẳn cảnh nghèo nàn lạc hậu (giống như Mexico, Malaysia, hay Thái Lan hiện nay); đồng thời sẽ phải chịu thêm mặc cảm tủi nhục vì vị thế thấp kém của đất nước so với Trung Quốc và các nước phát triển, cùng sự xót xa, nuối tiếc về những cơ hội vô giá mà thế hệ hôm nay đã bỏ qua.

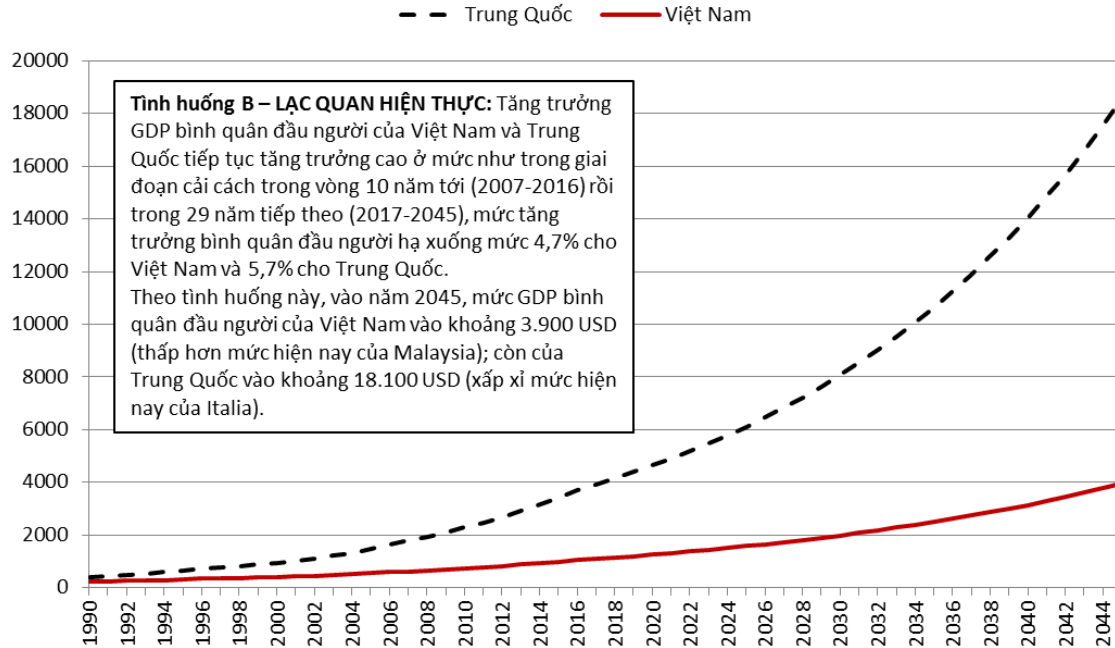
Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

**Hình 1A. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người giai đoạn 1990–2045:
Tình huống A – SIÊU LẠC QUAN**



Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Hình 1B. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người giai đoạn 1990–2045:
Tình huống B – LẠC QUAN HIỆN THỰC



Thứ hai, những dân tộc tương đồng với chúng ta đang có những nỗ lực vượt lên

Chỉ xin nêu hai ví dụ gần gũi, có tính điển hình: Hàn Quốc và Campuchia.

Hàn Quốc tiêu biểu về khát vọng và nỗ lực vươn lên của một dân tộc từ nghèo khó, chiến tranh, thậm chí chết đói vào những năm 1950. Chính phủ Hàn Quốc hoạch định rất rõ các bước đi để đất nước này trở thành thành viên khối các nước công nghiệp phát triển OECD vào năm 1996 (trong vòng chưa đầy 40 năm kể từ khi khởi đầu công cuộc công nghiệp hóa). Và hiện nay, họ đang quyết liệt thực hiện chiến lược cường quốc nhằm đạt trình độ khoa học công nghệ của 7 cường quốc hàng đầu thế giới (G7) vào năm 2025 [2]. Đặc biệt đáng chú ý là, chính phủ và các công ty Hàn Quốc hết sức chú trọng xây dựng những yếu tố nền tảng của một xã hội dân chủ, trong đó người dân không còn mặc cảm, thụ động mà trở thành chủ nhân với ý thức công dân và niềm tin ngày càng sâu sắc vào sự công bằng và minh bạch của thiết chế xã hội.

Campuchia là một dẫn chứng về một nước láng giềng chịu những thiệt thòi và mất mát to lớn do chiến tranh và diệt chủng nhưng đã bắt đầu vươn lên sống động trên nền tảng của một xã hội với thiết chế hiện đại, tuy còn non nớt. Bảng 1 với số liệu của Ngân hàng Phát triển châu Á cho thấy, tăng trưởng GDP của Campuchia trong ba năm qua và dự kiến cho hai năm tới vượt hơn hẳn Việt Nam.

Thứ ba, đó là sự đòi hỏi bởi quy luật thép của phát triển

Vận động phát triển của một xã hội chịu sự tác động của một quy luật thép liên quan đến tiến triển về thứ bậc nhu cầu của cá nhân con người theo mô hình Maslow, do nhà tâm lý học nổi tiếng Abraham Maslow đưa ra năm 1946.

Mô hình này, trong một sự khái quát có tính tương đối, chỉ ra

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

rằng nhu cầu của con người ta gia tăng từ thấp đến cao theo năm thứ bậc chính. Thang bậc thấp nhất là **Nhu cầu Sinh tồn** (có tính vật chất như ăn, uống, sinh hoạt); thang bậc thứ hai là **Nhu cầu An toàn** (như an ninh, sức khỏe, nguồn thu nhập); thang bậc thứ ba là **Nhu cầu Yêu thương** (hạnh phúc gia đình, tình bạn); thang bậc thứ tư là **Nhu cầu Trân trọng** (được tin tưởng, trân trọng bởi bè bạn, đồng nghiệp về thành tích đóng góp, được hãnh diện về đất nước, đồng bào); và thang bậc thứ năm, cao nhất, là **Nhu cầu Lý tưởng** (theo đuổi khát vọng, sáng tạo, đức hạnh, chân lý).

Theo mô hình này, **với đại đa số**, con người ta sẽ bước lên nhu cầu ở thang bậc cao hơn **khi và chỉ khi** các nhu cầu ở bậc thấp hơn đã được thỏa mãn. Trong những tình huống đặc biệt (như chiến tranh, cách mạng), con người ta có thể tạm hy sinh các nhu cầu thấp và có ngay các nhu cầu ở thang bậc cao nhất trong hy vọng sẽ được thỏa mãn nhu cầu thấp hơn trong ngày mai chiến thắng.

Người dân nước ta sau nhiều thập kỷ mất mát và đói khổ do hậu quả của chiến tranh và cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, đã bùng phát nhu cầu ở thang bậc thấp nhất khi đất nước hòa bình và nền kinh tế khởi sắc. Với đà phát triển của nền kinh tế, một bộ phận lớn dân chúng hiện nay đã thỏa mãn được nhu cầu ở bậc thấp (Sinh tồn, An toàn) và đang bước lên các nhu cầu cao (Yêu thương, Trân trọng, và Lý tưởng).

Thế nhưng, xu thế dịch chuyển lên thang bậc nhu cầu cao hơn có thể bị chậm lại nếu môi trường làm ăn không thật minh bạch, ổn định hoặc xã hội bị cuốn hút vào các nhu cầu vật chất thấp kém có tính hưởng lạc và dục vọng do sự sa sút của nền tảng đạo đức xã hội.

Một khi xu thế dịch chuyển lên các nhu cầu cao được đẩy nhanh, người dân sẽ có đòi hỏi rất bức bách về các nhu cầu cao hơn. Ở thang bậc thứ ba, đó là sự quan tâm với tinh thần trách nhiệm của bộ máy công quyền và lòng thấu cảm của những

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

người được bầu chọn làm đại diện nhân dân; ở thang bậc thứ tư, đó là sự cao quý trong tiêu chí đánh giá và thái độ trân trọng của xã hội với tài năng và công lao đóng góp của mỗi người; ở thang bậc thứ năm, cao nhất, đó là môi trường tự do phấn khích cho mọi người được sáng tạo, ước mơ, và theo đuổi hoài bão và lý tưởng của mình.

Nếu không có đột phá, hệ thống chính trị của chúng ta sẽ chỉ có thể tồn tại nhờ vào cố gắng làm chậm lại xu thế dịch chuyển lên nhu cầu cao hơn của xã hội bằng cách chấp nhận để xã hội bị kìm chế ở các nhu cầu thấp, đặc biệt là sự cuốn hút vào các nhu cầu vật chất tầm thường trong sự hoành hành của nạn tham nhũng và tha hóa.

Đột phá sẽ đẩy nhanh sự vận động đi lên của xã hội, và đó sẽ là động lực, không chỉ đưa đất nước thoát ra khỏi quốc nạn tham nhũng, tha hóa đạo đức mà còn đặt nền tảng khai phóng mạnh mẽ cho công cuộc phát triển của nước ta trong thời gian tới.

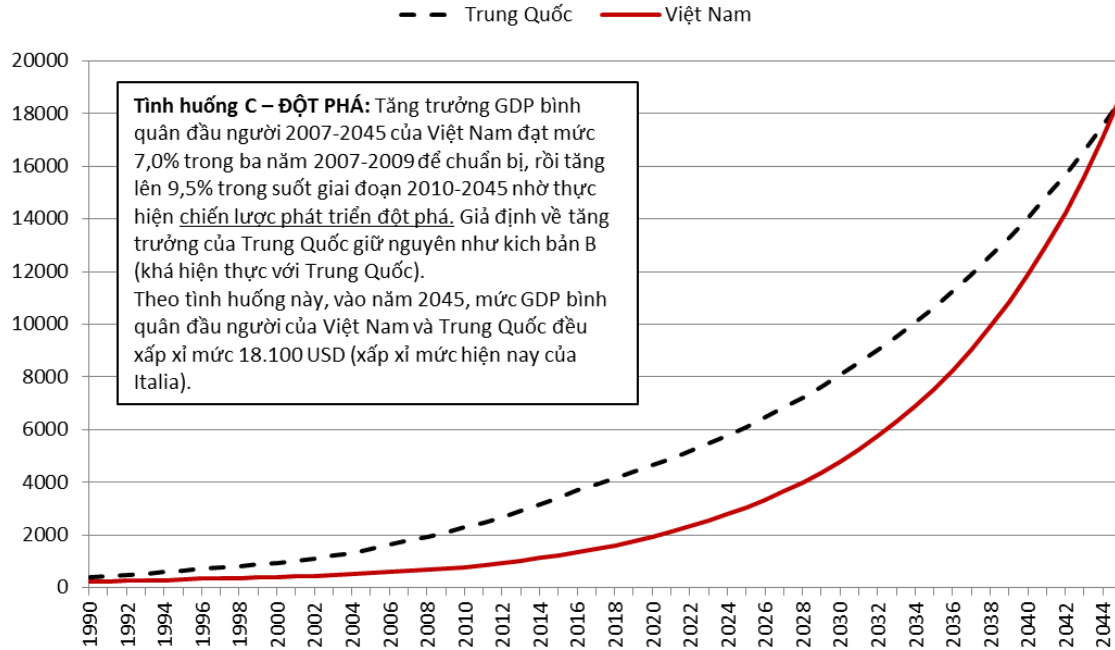
Thứ tư, chỉ có đột phá quyết liệt, Việt Nam mới có hy vọng trở thành một nước công nghiệp và đuổi kịp Trung Quốc về mức thu nhập vào năm 2045

Giả định rằng, Trung Quốc sẽ phát triển theo tình huống LẠC QUAN HIỆN THỰC như phân tích ở trên trong Hình 1B. Theo tình huống này, vào năm 2045, Trung Quốc sẽ trở thành một nước công nghiệp với mức thu nhập bình quân đầu người gần bằng Italia hiện nay. Đây có lẽ cũng chính là khát vọng của người Việt Nam khi chúng ta hướng tới năm 2045.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Hình 1C. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người giai đoạn 1990–2045:

Tình huống C – ĐỘT PHÁ



Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Trong tình huống này, như Hình 1C trên đây, để vượt lên và bắt kịp Trung Quốc vào năm 2045, tăng trưởng của nền kinh tế nước ta phải có những bước tiến vượt bậc: đạt mức tăng GDP bình quân đầu người với tốc độ 7,0% trong ba năm 2007–2009 (thời gian chuẩn bị), rồi tăng lên mức 9,5% cho suốt giai đoạn 36 năm (2010–2045). Như vậy, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của nước ta cho cả giai đoạn 39 năm, 2007–2045 phải đạt mức 9,1%, xấp xỉ kỷ lục của Singapore giai đoạn 1965–1995 và của Trung Quốc giai đoạn 1990–2006.

Điều này sẽ chỉ có thể xảy ra nếu Việt Nam có những bước phát triển đột phá.

Đột phá rõ ràng đã trở thành một yêu cầu khẩn thiết cho sự nghiệp phát triển nước ta. Thế nhưng, đột phá không bắt đầu từ cố gắng sửa đổi một vài thủ tục hành chính, hay biện pháp đốc thúc quyết liệt một số dự án trọng điểm, mà phải khởi đầu từ **TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN**.

2. Đi tìm triết lý phát triển cho Việt Nam

Trong khuôn khổ có hạn, bài viết này đề cập đến bốn nội dung của triết lý phát triển mà chúng ta cần có đột phá trong nhận thức. Bốn nội dung đó là (1) Các yếu tố nền tảng của phát triển; (2) Thế mạnh cốt lõi và điểm yếu dễ tổn thương của dân tộc; (3) Sức mạnh của dân chủ; và (4) Vai trò tiên phong của hệ thống.

2.1. Các yếu tố nền tảng của phát triển

Với kỳ vọng đầy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa và tốc độ tăng trưởng, chúng ta đã đầu tư rất lớn vào các dự án công nghiệp thiếu sức sống như xi măng, mía đường, dầu khí, đóng tàu; trong khi xem nhẹ những yếu tố nền tảng, cực kỳ quan trọng không chỉ cho tăng trưởng hiện tại, mà cả phát triển trong tương lai.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Lý thuyết tăng trưởng trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm phát triển toàn cầu chỉ ra rằng tốc độ tăng trưởng GDP của một quốc gia quyết định chủ yếu bởi mức *thu nhập bình quân đầu người hiện tại, các yếu tố khách quan, và các yếu tố nền tảng* [3].

Mức thu nhập bình quân đầu người có tác động âm tới tốc độ tăng trưởng; nghĩa là, khi mức thu nhập cao lên thì tốc độ tăng trưởng có xu hướng thấp xuống. Nói một cách khác đi, nếu hai nước có điều kiện khách quan và nền tảng gần giống nhau, *nước nghèo hơn thường có tốc độ tăng trưởng cao hơn* (tổng kết này thường được gọi là quy luật hội tụ có điều kiện).

Các yếu tố khách quan liên quan tới tiến bộ về khoa học công nghệ, toàn cầu hóa, thiên tai dịch bệnh, biến động của giá dầu và tăng trưởng của các nền kinh tế lớn.

Các yếu tố nền tảng gắn với nguồn vốn con người (trình độ học vấn, sức khỏe, ý chí vươn lên, tính sáng tạo); thiết chế vĩ mô (ổn định chính trị, hệ thống luật pháp, chất lượng của bộ máy quản lý nhà nước...); và hạ tầng cơ sở (hệ thống giao thông, cung ứng điện - nước, dịch vụ tài chính ngân hàng...).

Tăng trưởng khá cao của nước ta trong thời kỳ đổi mới bắt nguồn từ cả ba nhóm yếu tố. Thứ nhất, thu nhập bình quân đầu người của nước ta ở vào mức rất thấp; so với mức thu nhập bình quân đầu người của nước ta năm 2005, Indonesia và Phillipines hơn ta 2 lần, Trung Quốc: 2,7 lần, Thái Lan: 4,4 lần, Hàn Quốc: 26 lần, Nhật Bản: 56 lần). Thứ hai, bối cảnh khách quan cho phát triển của nước ta rất thuận lợi, đặc biệt là tốc độ phát triển bùng nổ của nền kinh tế Trung Quốc, công nghệ thông tin, và toàn cầu hóa. Thứ ba, là các yếu tố nền tảng. So với các nước nghèo, chúng ta có nguồn nhân lực vượt trội hơn hẳn về giáo dục và tính năng động; về thiết chế vĩ mô, chúng ta đã có bước tiến lớn về cải cách hệ thống luật pháp và cơ chế quản lý kinh tế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân và đầu tư nước ngoài hoạt động ngày càng thuận

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

lợi. Về hạ tầng cơ sở, chúng ta đã có những những bước tiến vượt bậc.

Thế nhưng, một câu hỏi cần đặt ra là **“tại sao tăng trưởng của chúng ta thấp hơn hẳn Trung Quốc trong suốt hai mươi năm qua?”**

Nguyên nhân không thể là yếu tố mức thu nhập đầu người vì chúng ta ở mức thấp hơn Trung Quốc; và do đó lẽ ra chúng ta phải tăng trưởng cao hơn theo quy luật hội tụ (theo ước tính của tác giả, yếu tố này cho phép Việt Nam tăng trưởng cao hơn Trung Quốc khoảng 1%).

Nguyên nhân cũng không thể là các yếu tố khách quan, vì điều kiện khách quan cho phát triển của cả hai nước cơ bản giống nhau, nếu không nói là Việt Nam có phần thuận lợi hơn. Chẳng hạn, mức viện trợ quốc tế tính trên bình quân đầu người của Việt Nam trong giai đoạn 1990–2004 cao gấp hơn sáu lần so với Trung Quốc.

Như vậy, nguyên nhân rõ ràng nằm ở các yếu tố nền tảng. Dưới đây chỉ xin nêu ra mấy ví dụ về sự thua kém của chúng ta so với Trung Quốc trên một số thước đo có liên quan tới việc chăm lo phát triển nguồn lực con người và chất lượng của thiết chế vĩ mô.

Về chăm lo phát triển nguồn lực

Trước hết, hệ thống giáo dục của Trung Quốc có những tiến bộ hơn hẳn Việt Nam, thể hiện ở một số điểm nổi bật sau:

+ Tỷ lệ học sinh độ tuổi 15–24 mù chữ giảm từ 4,5% năm 1990 xuống 1% năm 2004 trong khi tỷ lệ này của Việt Nam tăng từ 5,5% lên 6% [4].

+ Hệ thống giáo dục đại học của Trung Quốc đã được cải cách mạnh mẽ theo hướng 3D (Decentralization = Tự chủ hóa; Depoliticization = Phi chính trị hóa; Diversity = Đa dạng hóa), và 3C (Commercialization = Thương mại hóa; Competition = Cạnh tranh; Cooperation = Hợp tác). Kết quả là các trường đại học phát triển

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Số lượng trường đại học tư tăng từ số 0 năm 1985 lên 1.300 năm 2000. Các trường đại học gia tăng nhanh số lượng bài nghiên cứu, sáng chế, phát minh và đặc biệt bám sát nhu cầu ứng dụng và đòi hỏi của thị trường; thu nhập từ các doanh nghiệp khoa học kỹ thuật của 13 đại học đầu đàn đạt trên 7 tỷ USD năm 2004 [5]. Thêm nữa, hai đại học Bắc Kinh và Thanh Hoa của Trung Quốc được xếp vào các đại học hàng đầu thế giới [6].

Thứ hai, Việt Nam đang đứng trước những vấn đề đáng lo ngại về chất lượng hệ thống y tế và nếp sống lành mạnh. Chẳng hạn, số lượng các bà mẹ bị tử vong khi sinh con (tính trên 100.000 lần sinh) tăng từ 95 năm 1995 lên 130 năm 2004; trong khi chỉ số này của Trung Quốc giảm từ 60 xuống 56. Về chỉ số người nhiễm HIV trên 1.000 dân, Việt Nam đang ở trong xu thế tăng và chỉ số này của Việt Nam vào năm 2005 cao gấp 6,3 lần so với Trung Quốc, 12 lần so với Hàn Quốc, và 24 lần so với Nhật Bản. Số lượng người chết vì bệnh AIDS ở Việt Nam tăng từ 8.900 năm 2003 lên 13.000 năm 2005, gấp hàng chục lần Nhật Bản hay Hàn Quốc [7].

Thứ ba, là về an toàn cá nhân. Mức tai nạn giao thông cao, bạo lực, và trộm cắp, trấn lột, lừa đảo đang trở thành vấn nạn ở Việt Nam. Chỉ số tai nạn giao thông đường bộ (tính trên 100.000 dân) của Việt Nam cao hơn và tăng nhanh hơn Trung Quốc. Chỉ số này của Việt Nam so với Trung Quốc cao gấp 1,3 lần vào năm 1998 và 1,7 lần vào năm 2003 [8]. Theo thống kê này, nếu chỉ số tai nạn giao thông của Việt Nam giữ được ở mức của Trung Quốc, thì mỗi năm, hàng nghìn đồng bào ta (năm 2003 là 5.000 người) sẽ tránh được cái chết oan khốc này.

Về thiết chế vĩ mô

Ngân hàng Thế giới, trên cơ sở nhiều nguồn tài liệu khảo sát, đưa ra đánh giá thường kỳ chỉ số chất lượng thiết chế vĩ mô của mỗi nước trong so sánh toàn cầu [9]. Hình 2 chỉ ra Việt Nam trong

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

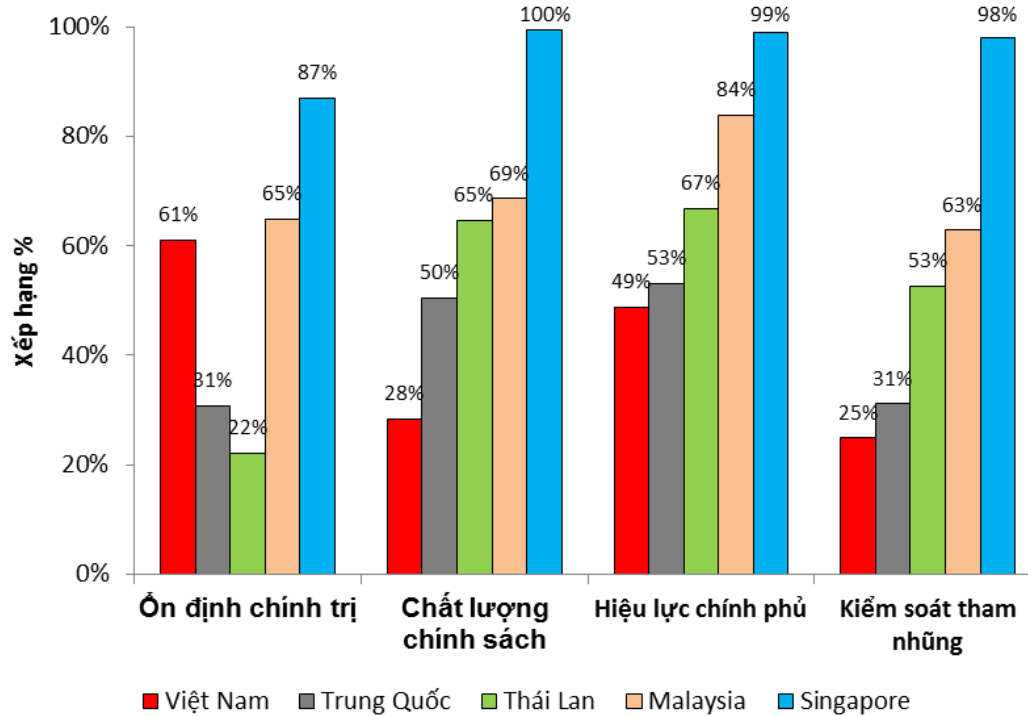
so sánh với Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, và Singapore trên một số chỉ số chủ yếu của chất lượng thiết chế vĩ mô: “Ổn định chính trị”, “Chất lượng chính sách”, “Hiệu lực chính quyền”, và “Kiểm soát tham nhũng.” Con số trên thanh biểu đồ chỉ ra đẳng cấp của mỗi quốc gia theo từng tiêu chí (thể hiện bởi số lượng phần trăm trong tổng số 213 quốc gia và vùng lãnh thổ được xếp hạng trên chỉ số được xem xét).

Hình 2 cho thấy, Việt Nam có vị trí khá cao và lợi thế quan trọng về ổn định chính trị, song chúng ta còn ở vị thế rất yếu trong các tiêu chí khác, đặc biệt là các tiêu chí “chất lượng chính sách” và “kiểm soát tham nhũng.”

Một minh chứng khác liên quan đến hạn chế và tính dễ thỏa mãn của chúng ta trong quản lý. Tổn thất điện so với tổng lượng điện sản xuất của chúng ta dừng ở mức khoảng 14% từ năm 2000 đến nay sau khi giảm được mức khá cao trong các năm trước đó (15–20%). Chúng ta dường như không trăn trở phấn đấu để đạt được mức tổn thất thấp như nhiều nước khác. Chẳng hạn như, vào năm 2003, mức tổn thất điện của Trung Quốc là 6,5%, của Thái Lan là 7,3%, của Malaysia là 4,6%, và của Hàn Quốc 3,2%. Nếu ngành điện của ta giảm được tổn thất điện năng xuống mức của Thái Lan (7,3%) hay Trung Quốc (6,5%), chúng ta sẽ có thêm 2–3 tỷ Kwh mỗi năm, và như vậy sẽ không chỉ tránh được việc cắt điện mà còn thu thêm được trên 100 triệu USD mỗi năm.

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Hình 2: Việt Nam trong so sánh với các nước trên các tiêu chí về thiết chế vĩ mô, 2005



Nguồn: từ số liệu của Ngân hàng Thế giới

2.2. Thế mạnh cốt lõi và những điểm yếu dễ tổn thương của dân tộc

Do đặc thù của lịch sử, yếu tố địa lý, và nhân chủng học, mỗi dân tộc trong quá trình phát triển của mình đều hình thành nên *những thế mạnh cốt lõi và những điểm yếu dễ tổn thương*.

Thế mạnh cốt lõi của một dân tộc có ba đặc trưng chính [10]: thứ nhất, nó giúp tạo nên giá trị; thứ hai, nó có thể áp dụng trong khắp mọi ngành nghề; và thứ ba, người dân coi nó như một thuộc tính tự nhiên và cảm thấy phấn khích khi nó được khơi dậy và phát huy.

Những điểm yếu dễ tổn thương của một dân tộc thể hiện ở ba điểm: thứ nhất, nó gây tổn thất cho sức phát triển của dân tộc; thứ hai, nó rất dễ trở dậy và bùng phát khi có cơ chế thuận lợi; và thứ ba, người dân coi nó như một thuộc tính tự nhiên và có thể mất đi cảm xúc bị dẫn vật khi phải sống chung với nó.

Một trong những đặc thù quyết định đặc tính người Việt Nam có liên quan đến lịch sử hàng nghìn năm đan xen giữa những năm tháng chịu nhẫn nhục với sự khôn khéo linh hoạt để tồn tại dưới ách thống trị của ngoại bang là ý chí quật khởi, sẵn sàng chấp nhận hy sinh để giành và giữ độc lập.

Về địa lý, Việt Nam có thế mạnh cốt lõi về vị trí chiến lược và sự đa dạng và khá thuận hòa của khí hậu.

Về đặc tính con người, như đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu, thế mạnh cốt lõi của Việt Nam nổi bật ở lòng yêu nước và tinh thần quật khởi, đặc biệt trong những tình thế sống còn của dân tộc; ở trí thông minh và sự năng động, ở sự coi trọng đặc biệt việc đầu tư vào giáo dục; và ở tính vị tha, chu đáo, và tinh tế.

Các điểm yếu dễ tổn thương của Việt Nam có lẽ cũng nằm ở đặc tính dân tộc. Thứ nhất đó là tính thiếu duy lý, dễ ảo tưởng (có

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

lẽ do quá nhiều năm phải mơ tưởng đến ngày thoát khỏi ách đô hộ và thiếu cơ hội trải nghiệm qua những quy luật khắt khe và sòng phẳng của kinh tế thị trường); thứ hai, đó là tính coi thường nguyên tắc, không ngại nói dối hoặc làm sai nguyên tắc để được việc (có lẽ do phải tìm cách tồn tại được dưới sự thống trị và kiểm soát hà khắc quá lâu); và thứ ba, đó là tính dễ thỏa mãn, thích phô trương, hưởng lạc khi có điều kiện.

Thực tế phát triển chỉ ra rằng, một dân tộc có thể làm nên những kỳ tích phi thường khi thế mạnh cốt lõi của họ được khơi dậy và phát huy; song dân tộc đó cũng có thể rơi vào tình trạng trì trệ, sa sút khi những điểm yếu dễ tổn thương của họ có cơ hội bùng phát.

Sự nổi lên đặc sắc của một số công ty trên thị trường chứng khoán vừa qua một phần là do các công ty này đã biết bật lên nhờ dựa trên thế mạnh cốt lõi của đất nước. Chẳng hạn như FPT (phần mềm) nhờ vào khai thác trí tuệ người Việt; Minh Phú (thủy sản) nhờ vào tính chu đáo và tinh tế trong bán hàng và lợi thế địa lý của nước ta trong sản xuất nông sản; Tân Tạo nhờ vào tính linh hoạt trong nắm bắt thời cơ và lợi thế vị trí địa lý.

Theo một cách nhìn về chiến lược kinh doanh, thế mạnh cốt lõi của dân tộc Việt Nam khi được khơi dậy và phát huy sẽ trở thành nền tảng vững chắc cho các công ty Việt Nam có sức cạnh tranh quốc tế đặc sắc trong các lĩnh vực dịch vụ y tế, giáo dục, công nghệ thông tin, sinh học, du lịch, vận tải hàng không và đường biển, sản xuất và chế biến thực phẩm.

Thế nhưng, nhiều công ty của Việt Nam, dù đã có ít nhiều thành công, cũng có thể sẽ thất bát, thậm chí suy sụp, nếu họ dung dưỡng trong hệ thống quản lý của mình những điểm yếu dễ tổn thương của người Việt Nam ta, đó là sự ảo tưởng - thiếu thực tế, tính tùy tiện và không ngại nói dối, và cách làm gian dối, tính dễ thỏa mãn, thích phô trương, hưởng lạc.

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Mặc dù trong bối cảnh quốc tế rất thuận lợi, sự nghiệp phát triển nước ta hiện nay vẫn còn đang đứng trước những nguy cơ rất lớn có liên quan đến sự sa sút trong nền tảng phát triển. Một trong những nguyên nhân quan trọng là do cơ chế hiện nay của chúng ta chưa khơi dậy được (nếu không nói là đã làm nhụt đi) thể mạnh cốt lõi của dân tộc; trong khi lại tạo nên môi trường dung dưỡng cho các điểm yếu dễ tổn thương bùng phát và lây lan.

Cụ thể là, ý chí chiến lược trong phát triển của chúng ta thấp, lại bị ràng buộc bởi những tư tưởng giáo điều đã làm nhụt đi khát vọng và tinh thần quật khởi của dân tộc; chúng ta dồn nguồn lực cho nhiều dự án công nghiệp duy ý chí thay vì đầu tư cho chăm sóc và phát triển nguồn lực con người. Bộ máy công quyền của chúng ta với một bộ phận khá đông đã trở nên vô cảm làm thui chột tính vị tha và lòng nhân ái của người dân. Tham nhũng, tiêu cực và quản lý yếu kém tạo cơ hội cho nhiều người giàu lên nhanh chóng không bằng lao động chân chính làm cho người dân càng ảo tưởng về cách làm giàu chụp giật. Hệ thống lương bổng bất hợp lý, hệ thống luật pháp thiếu minh bạch, sự lạm dụng quyền lực khuyến khích sự gian dối và chèn ép sự ngay thẳng. Cơ chế lựa chọn và giám sát cán bộ thiếu dân chủ, khoa học sinh ra nhiều quan chức bê tha, hưởng lạc, sính phô trương và thành tích không thực chất, làm người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, không còn thấy xấu hổ khi sa đà vào con đường này.

Nếu không có đột phá để tiết chế các điểm yếu dễ tổn thương này của dân tộc, tình thế phát triển của Việt Nam sẽ đứng trước những khó khăn còn nghiêm trọng hơn trong tương lai. Tính ảo tưởng sẽ làm nạn cờ bạc, hủ tục mê tín dị đoan, và cách làm ăn chụp giật lan tràn. Tính thiếu ngay thẳng sẽ làm tình trạng gian dối ngày càng phổ biến và ăn sâu vào mọi lĩnh vực, đặc biệt trong sản xuất và chế biến thực phẩm, giáo dục, tư pháp, và tuyển chọn đề bạt cán bộ. Tính dễ thỏa mãn thích hưởng lạc sẽ làm tắt ngấm mọi

khát vọng đổi thay và chấp nhận sự hoành hành của nạn tham nhũng, ma túy, và mĩ dâm.

2.3. Thực thi dân chủ để huy động sức mạnh tổng lực của dân tộc

Công cuộc đổi mới của nước ta chỉ ra những bài học quan trọng về giải phóng và phát huy nguồn lực xã hội.

Từ việc giải phóng sự kiểm soát về quá trình sản xuất, chúng ta đã tạo ra bước nhảy vọt trong gia tăng sản lượng hàng hóa. Từ đó nước ta thoát được cảnh thiếu đói, nghèo nàn để chuyển sang đủ ăn.

Từ việc tự do hóa việc thiết lập công ty và chuyển dịch tư liệu sản xuất, chúng ta đã tạo nên sự bùng phát của khu vực kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài. Từ đó, nước ta đang có những chuyển biến thuận lợi để chuyển được từ tình trạng đủ ăn sang tình trạng khá khá.

Giờ đây, dân chủ hóa là bước đi quan trọng và hợp lý tiếp theo để nước ta chuyển được từ khá khá lên phồn vinh. Dân chủ hóa sẽ giúp nước ta thoát khỏi tình trạng khan hiếm người tài năng, trung thực, và tâm huyết và tạo nên những động lực tiềm tàng để người dân sát vai nhau phấn đấu trong một ý thức công dân sâu sắc vì tương lai tốt đẹp của bản thân và đất nước.

Dân chủ hóa cũng tạo môi trường phân kích cho sáng tạo và thử nghiệm táo bạo, một động lực quan trọng cho mọi kỳ tích phát triển. Dân chủ hóa sẽ cho phép thử nghiệm hình thành một số thành phố có đẳng cấp quốc tế theo các định hướng sau:

+ Thị trường của thành phố sẽ do người dân trực tiếp bầu ra. Bộ máy sẽ được tuyển chọn trên các tiêu chí chủ đạo là tài năng, tính trung thực, và lòng tâm huyết. Cơ chế trả lương sẽ do thành phố tự cân đối quyết định để đảm bảo một chính quyền ưu tú, tận tâm, và tuyệt đối trong sạch.

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

+ Thành phố sẽ được xây dựng theo đẳng cấp hàng đầu quốc tế về quy hoạch, giao thông công cộng, cây xanh, bảo vệ môi trường, nhà ở, bệnh viện, trường học, tiện ích văn hóa - thể thao.

+ Thành phố áp dụng mô hình giáo dục hiện đại (trong đó, Singapore là một kinh nghiệm quý) để đào tạo thế hệ trẻ trở thành công dân có tầm vóc toàn cầu.

+ Thành phố sẽ là cái nôi ra đời của các đại học đẳng cấp quốc tế và các công ty có tầm vóc quốc tế của Việt Nam.

+ Thành phố sẽ là tâm điểm khơi dậy sức mạnh cốt lõi của dân tộc và thu hút trí tuệ, kinh nghiệm, và nguồn lực toàn cầu.

2.4. Vai trò của hệ thống quản lý

Viễn cảnh phát triển của một quốc gia tùy thuộc rất lớn vào tầm vóc và chất lượng của hệ thống quản lý.

Chất lượng của hệ thống quản lý được đánh giá chủ yếu trên các dịch vụ công chủ yếu mà hệ thống phải cung cấp; đó là giáo dục, y tế - sức khỏe, giao thông - quy hoạch đô thị, thủ tục hành chính, an ninh - trật tự, và bảo vệ các chuẩn mực đạo đức xã hội.

Mặc dù chúng ta đã đạt được những thành quả đáng trân trọng trong quá trình đổi mới vừa qua, tầm vóc và chất lượng hoạt động của hệ thống quản lý ngày càng bộc lộ rõ sự bất cập.

Theo mô hình phát triển động, mỗi hệ thống có một cái ngưỡng về tầm vóc mà nếu vượt qua nó, hệ thống dù còn nhiều khuyết tật yếu điểm, nhưng với nỗ lực phát triển, sẽ mỗi ngày một hoàn thiện để đáp ứng ngày càng tốt hơn đòi hỏi của thực tiễn khách quan.

Thế nhưng, nếu tầm vóc của hệ thống đã bị tuột xuống dưới ngưỡng xung yếu đó, thì cho dù xoay sở thế nào, các căn bệnh của hệ thống sẽ mỗi ngày một trầm kha và không thể nào chữa trị bằng những liệu pháp thông thường (bệnh càng chữa, càng nặng).

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Khi đó, hệ thống chỉ còn phương cách duy nhất là đột phá để nâng tầm vóc của mình vượt lên trên ngưỡng xung yếu trong động thái vận động của mình.

Nỗ lực đột phá của một hệ thống, trước hết cần chú trọng vào ba khâu then chốt có mối quan hệ mật thiết với nhau; đó là *Tâm nhìn*, *Khả năng học hỏi*, và *Cơ chế tuyển chọn - đề bạt cán bộ*.

Về tâm nhìn

Hệ thống phải thấu hiểu quy luật vận động của xã hội và xu thế phát triển của thế giới để có được tầm nhìn sáng rõ cho tương lai của dân tộc. Trong nỗ lực này, ba nguy cơ cần tuyệt đối tránh là: tự trối mình vào quá khứ hoặc lợi ích cá nhân; phiến diện thiếu khoa học trong phân tích xu thế phát triển của thế giới; và mặc cảm về vị thế hiện tại để rồi làm tắt đi khát vọng vươn lên vị thế xứng đáng của dân tộc trong cộng đồng thế giới.

Về khả năng học hỏi

Hệ thống cần gia cường khả năng học hỏi theo hai mô thức chính. Mô thức thứ nhất đòi hỏi sự nhạy bén tiếp thu cái mới, cái hay, và khả năng chắt lọc tinh hoa tri thức của nhân loại. Mô thức này đòi hỏi cán bộ phải có tài và có quyết tâm. Mô thức thứ hai đòi hỏi khả năng học từ sai lầm, thất bại. Đó là khả năng phân tích và thấu hiểu căn nguyên của những sai lầm trước đây để rồi tránh mắc phải những sai lầm trong hiện tại và tương lai. Chẳng hạn, Hàn Quốc khi kỷ niệm ngày độc lập thường xoáy vào phân tích những nguyên nhân mất nước hơn là tranh thủ phô trương các thành tựu phát triển.

Về cơ chế tuyển chọn, đề bạt, đánh giá và đãi ngộ cán bộ

Cũng như các nước Đông Á khác, Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa “cảm nhận xấu hổ” (shame culture). Theo đó người dân hành động dựa trên sự phán xét của xã hội về mình hơn là dựa trên suy xét của cá nhân là điều ấy đúng hay sai về luật pháp

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

hay đạo đức. Vì vậy, cách hành xử của người dân chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi cách hành xử của giới quan chức, trí thức, và giáo viên, là những tầng lớp mà người dân thường coi là chuẩn mực cho những hành vi của xã hội.

Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore (và Trung Quốc gần đây) trong công cuộc phát triển của mình đã hết sức chú trọng xây dựng một đội ngũ công chức ưu tú về tài năng và phẩm chất; và điều này đã mang lại những tác động to lớn không chỉ tới nhịp độ tăng trưởng kinh tế mà cả nền tảng đạo lý của xã hội.

Ở Việt Nam, tài năng và phẩm chất trong thời gian qua chưa thực sự trở thành tiêu chuẩn tối thượng trong tuyển dụng, đánh giá, và đề bạt cán bộ. Hệ quả là, đội ngũ này không chỉ chưa đáp ứng được đòi hỏi của xã hội mà còn là nơi phát sinh ra lối sống bê tha và những hành vi gian dối, tham nhũng. Do vậy, người dân hiện không còn bị tiết chế bởi cảm nhận xấu hổ khi bị lôi cuốn vào các hành vi gian dối, chạy chọt, cò bạc, chơi bời.

Do đó, xây dựng một đội ngũ công bộc ưu tú thông qua cơ chế tuyển chọn, đề bạt, đánh giá và đãi ngộ cán bộ thực sự dân chủ và khoa học cần là bước đột phá quan trọng trong nỗ lực cải cách.

3. Thay lời kết

Khi khảo cứu lịch sử phát triển của các dân tộc trên thế giới, các nhà nghiên cứu thường tìm thấy sự kinh ngạc ở một trong hai thái cực. Ở *thái cực thứ nhất*, người ta kinh ngạc trước những cố gắng phi thường mà một dân tộc có thể làm được khi họ thấu hiểu và dũng cảm chấp nhận những thách thức nghiệt ngã, biến chúng thành cơ hội để làm nên kỳ tích phát triển. Ở *thái cực thứ hai*, người ta thấy kinh ngạc về sự luẩn quẩn trong tư duy và sự tầm thường trong hành động mà một dân tộc, dù có quá khứ vinh quang, có thể có khi họ lẩn tránh những thách thức khắc nghiệt của đổi thay và bỏ qua những cơ hội vô giá cho phát triển.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Nước Việt Nam ta sẽ ở vào thái cực nào của sự kinh ngạc trong những thập kỷ tới đây?

Người Việt Nam liệu còn khắc ghi trong tâm can của mình nỗi trần trờ, xót xa về vị thế dân tộc “*ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa*” của Trần Hưng Đạo và ý chí hào hùng “*Như nước Đại Việt ta từ trước / Vốn xưng nền văn hiến đã lâu, [...] Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau / Song hào kiệt thời nào cũng có*” của Nguyễn Trãi?

Hàng triệu người Việt Nam đã ngã xuống vì khát vọng độc lập tự do và tương lai phồn vinh của dân tộc liệu có cảm thấy yên lòng với những gì chúng ta đang làm hôm nay?

Người Việt Nam năm 2045 sẽ được hãnh diện về lòng quả cảm và những nỗ lực phi thường mà thế hệ hôm nay sẽ xiết chặt hàng ngũ để làm nên một nước Việt Nam hùng cường hay họ sẽ phải hổ thẹn, tủi nhục về vị thế yếu hèn của dân tộc trong cộng đồng thế giới và xót xa nuối tiếc về những cơ hội vô giá mà thế hệ cha anh họ đã bỏ qua?

Lịch sử đang chờ đợi câu trả lời của thế hệ chúng ta!

Vietnamnet – 27-29/4/2007

Ghi chú:

[1] “The World Economy: A Millennial Perspective”, Angus Maddison, OECD, 2001.

[2] Theo “Science and Technology Overview: Republic of Korea”, trang web của Bộ Ngoại giao và Thương mại Quốc tế Canada, http://www.infoexport.gc.ca/science/korea_overview-en.htm#new#new,15/04/2007.

[3] Xem thêm “Determinants of Growth”, Robert Barro, The MIT Press, 1997.

[4] Theo “Key Indicators 2006: Measuring Policy Effectiveness in Health and Education”, ADB, 2006.

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

[5] Theo “The Role of University in China’s Economic Growth”, Báo cáo trình bày tại Đại học Stanford 6/2006 bởi Lan Xue, Hiệu phó Trường Quản lý và Chính sách công, Đại học Thanh Hoa.

[6] Theo <http://www.topuniversities.com/worlduniversityrankings/>

[7] Dựa theo “2006 Report on the global AIDS epidemic, UNAIDS/WHO, May 2006”, Tổ chức Y tế Thế giới, 2006.

[8] Theo “Connecting East Asia: A New Framework for Infrastructure, 2005”, Statistical Annex: Infrastructure Indicators, Ngân hàng Thế giới, 2006.

[9] Xem thêm “Governance Matters V: Governance Indicators for 1996–2005” bởi Kaufmann, Kraay, và Mastruzzi, Ngân hàng Thế giới, 2006.

[10] Xem thêm “The Core Competence of the Corporation”, Gary Hamel and C. K. Prahalad, Harvard Business Review, vol. 68, no. 3, May-June 1990.

ĐẲNG CẤP PHÁT TRIỂN: VIỆT NAM CHỌN ĐÔNG Á HAY ĐÔNG NAM Á?

Trả lời phỏng vấn của Vietnamnet

Thiếu nền tảng vững chắc để nền kinh tế cất cánh

– Trong nhiều cuộc trò chuyện cũng như trong các bài viết, giới trí thức và những người có trách nhiệm đều khẳng định năm 2008 như thời điểm bản lề trong công cuộc phát triển của Việt Nam... Đánh giá của ông?

Năm 2008 là năm khởi đầu của giai đoạn 2008–2010, là giai đoạn nước ta sẽ bước ra khỏi danh sách các nước nghèo và gia nhập vào nhóm các nước có mức thu nhập trung bình. Đó là điều đáng mừng, nhưng cũng rất đáng lo bởi chúng ta đã bước vào giai đoạn có tính then chốt buộc chúng ta phải khẳng định **chúng ta sẽ ở đẳng cấp nào trong công cuộc phát triển sắp tới.**

Trong xu thế phát triển hiện nay, chúng ta sẽ đạt được mức thu nhập bình quân đầu người 1.000 USD trong mấy năm tới. Tuy nhiên, nền tảng cho nền kinh tế nước ta cất cánh chưa được chuẩn bị sẵn sàng; thể hiện ở chất lượng quản lý vĩ mô yếu, hạ tầng cơ sở và quy hoạch chiến lược kém, dung năng sáng tạo và chất lượng giáo dục còn rất thấp, môi trường ô nhiễm, tệ nạn xã hội đã ở vào mức nghiêm trọng.

Chúng ta, trên thực chất, đang đứng trước nguy cơ rơi vào **cạm bẫy của mức phát triển trung bình**: không còn quá nghèo để phải bức xúc cải cách và vượt lên; trong khi đó, các yếu tố nền tảng cho một nền kinh tế tăng trưởng cao trong giai đoạn trưởng thành lại quá yếu. Các mâu thuẫn trong phát triển trở nên gay gắt: giữa tính phức tạp của điều hành vĩ mô và năng lực và phẩm chất

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

của bộ máy quản lý; giữa yêu cầu cao về nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng hệ thống giáo dục; giữa nhu cầu nâng cao sức cạnh tranh toàn cầu về môi trường sống – kinh doanh và điều kiện giao thông, môi trường, ăn ở.

Điều đáng suy nghĩ hơn nữa là, mặc dù chúng ta đang ở vào giai đoạn thuận lợi nhất của phát triển, kỳ vọng của thế giới về tương lai của nước Việt Nam ta dường như cứ thấp dần theo thời gian.

Ngay sau năm 1975, khi chúng ta vừa thống nhất đất nước, biết bao người đã ngưỡng vọng rằng Việt Nam là một dân tộc có ý chí vô song và người Việt Nam có thể đi tới bất kể mục tiêu nào mà họ đặt ra. Điều này đã không xảy ra bởi chúng ta say sưa quá lâu với chiến thắng và bị lu mờ trong tầm nhìn về tương lai.

Năm 1986, công cuộc đổi mới ở nước ta mở ra một giai đoạn đầy kỳ vọng cho công cuộc phát triển. Vào những năm đầu của thập kỷ 90, nhiều người kỳ vọng Việt Nam sẽ phát triển không thua kém Trung Quốc và có thể trở thành một con rồng mới của châu Á.

Chúng ta đã có nhiều cố gắng rất đáng trân trọng trong hơn 20 năm qua. Thế nhưng, những nỗ lực này còn rất thấp so với đòi hỏi của thực tế, trong khi tư duy phát triển của ta mới dừng ở mức đổi mới có tính tình thế chứ chưa phải là một cuộc cải cách sâu rộng có tính nền tảng.

Tiến trình phát triển của chúng ta trong 20 năm qua dường như lặp lại mô thức Đông Nam Á theo kiểu tương tự với Indonesia và Thái Lan, trong khi Trung Quốc đi theo mô thức Đông Á, điển hình là Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, và Singapore.

Kể từ khi chúng ta gia nhập WTO năm 2006, thế giới một lần nữa hướng về Việt Nam. Hy vọng rằng Việt Nam có thể làm được điều gì đó kỳ diệu vẫn còn nhưng đã trở nên nhỏ bé. Người ta có

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

cảm nhận là thế giới trong trào lưu toàn cầu hóa mạnh mẽ đang nắm bắt cơ hội Việt Nam chứ không phải dân tộc Việt Nam đã đứng lên nắm lấy vận hội phát triển của mình.

Trong mấy năm qua, chúng ta thua kém so với hai nước láng giềng là Trung Quốc và Campuchia trên hai chỉ số vĩ mô cơ bản là tốc độ tăng trưởng và kiểm soát lạm phát. Trong giai đoạn 2003–2007, chúng ta tăng trưởng trung bình 8,2% và lạm phát bình quân là 9,5%; trong khi các con số tương ứng của Trung Quốc là 10,8% và 3,3%; của Campuchia là 10,6% và 6,5%.

Mặc dù, mức lạm phát cao này có một phần nguyên nhân là do giá quốc tế tăng cao và Việt Nam đang hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, nhưng chúng ta cần lý giải sâu sắc tại sao mức lạm phát của nước ta cao hàng đầu ở Đông Nam Á và tại sao nhiều nước hoàn toàn dựa vào nhập khẩu vẫn có mức lạm phát trong tầm kiểm soát (Singapore: 4,4%; Hồng Kông: 3,8%). Mức chênh lệch về lạm phát khoảng 8–9% giữa nước ta và các nước phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu biểu hiện phần nào căn bệnh hiệu quả thấp của nền kinh tế và hiệu lực hạn chế trong điều hành vĩ mô của nước ta.

Rõ ràng, nước ta đang ở giai đoạn then chốt, nếu không nói là cơ hội cuối cùng để tạo nền tảng vững chắc cho nền kinh tế nước ta cất cánh, khẳng định công cuộc phát triển tương lai của chúng ta thuộc đẳng cấp Đông Á chứ không phải Đông Nam Á. Nếu chúng ta không có nỗ lực đột phá, vào giữa thế kỷ 21 này, Việt Nam sẽ chỉ có một vị thế trung bình ở Đông Nam Á, thua xa mức phát triển của Malaysia hay Thái Lan.

Từ đổi mới đến cải cách

– Vậy theo ông, tại sao công cuộc đổi mới ở nước ta chưa thực sự là một cuộc cải cách để tạo nền tảng vững chắc cho đất nước cất cánh?

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Khởi đầu của một công cuộc cải cách sâu rộng đòi hỏi hội tụ được ba yếu tố then chốt. Thứ nhất là sự xót xa, tủi nhục về hiện trạng; thứ hai là nỗi sợ về hiểm họa do không chịu đổi thay; thứ ba là tầm nhìn và tri thức để đảm bảo cho công cuộc đổi thay thắng lợi.

Trong lịch sử nước ta, trước đe dọa xâm lược của quân Nguyên-Mông, Hung Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, đã tạo nên một cuộc cải cách mạnh mẽ trong quân sĩ mà nội dung của bài hịch chứa đựng cả ba yếu tố nêu trên.

Về xót xa tủi nhục, ông viết: "...Thấy sứ nguy đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tắc lưỡi cú điều mà sĩ mắng triều đình, đem tấm thân dê chó mà khinh rẻ tổ phụ..." Về nguy cơ hiểm họa, ông nhấn mạnh: "... Lúc bấy giờ chúa tôi nhà ta đều bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các người cũng mất; ...chẳng những xã tắc tổ tông ta bị kẻ khác giày xéo mà phần mộ cha ông các người cũng bị kẻ khác bới đào." Và ông chỉ rõ tầm nhìn và kế sách để thực hiện cải cách bằng viết ra cuốn *Binh thư yếu lược* và thúc giục quân sĩ tập luyện theo nó.

Ở Trung Quốc, ông Đặng Tiểu Bình cũng khởi đầu công cuộc cải cách trên cơ sở ba yếu tố then chốt như trên.

Về xót xa, tủi hổ, ông cùng ban lãnh đạo Trung Quốc ôn lại những nỗi nhục mà người Trung Quốc đã phải chịu trong lịch sử cận - hiện đại, bắt đầu từ thời Mãn Thanh, mà ký ức đau xót ám ảnh họ là tấm biển "***Cấm người Trung Quốc và chó***" treo ở cổng vào một công viên ở Thượng Hải trong thời thuộc quyền ảnh hưởng của nước ngoài.

Về hiểm họa, ông cũng mời ban lãnh đạo xem bộ phim tài liệu về cuộc hành hình vợ chồng chủ tịch Ceausescu của Rumani để hiểu rõ sự trừng phạt khi lãnh đạo mất đi lòng tin của người dân.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Về tầm nhìn và kế sách, ông cũng cùng ban lãnh đạo và mưu sĩ đưa ra chiến lược bốn hiện đại hóa với quyết tâm đưa Trung Quốc trở thành một cường quốc vào giữa thế kỷ 21.

Công cuộc đổi mới của nước ta là một bước thay đổi quan trọng; thế nhưng nó được thúc đẩy chủ yếu bởi sự bức xúc của tình thế và nỗ lực “phá rào” ở cấp địa phương.

Chúng ta đổi mới trên cơ sở từ bỏ cái cũ và nắm bắt cái mới vì thấy cái cũ có hại quá và cái mới đem lại lợi ích rõ rệt. Cách tiếp cận này là một sự duy lý thông thường mang tính tình thế hơn là xuất phát từ ý chí cải cách triệt để. Vì vậy, chúng ta có thể năng động tiếp nhận một số cái mới nhưng không thực sự chú trọng cải cách và xây dựng nền tảng căn bản cho phát triển lâu bền.

– Trên đánh giá tổng thể, theo ông, đâu là trụ cột chính yếu quyết định đẳng cấp phát triển của chúng ta?

Có ba trụ cột chính yếu: Thứ nhất đó là ý chí và tầm nhìn chiến lược. Thứ hai, đó là thu hút và sử dụng người tài. Thứ ba, đó là sự nhạy bén, quyết liệt và triệt để trong phân tích thấu đáo và ý thức học hỏi - tiếp thu tri thức và tinh hoa của nhân loại. Ba trụ cột này có sự tương tác chặt chẽ với nhau tạo nên sức mạnh cộng hưởng rất tiềm tàng.

So với Trung Quốc và các nước theo mô hình phát triển Đông Á, chúng ta đang thua kém rất xa trên cả ba trụ cột này.

Về ý chí và tầm vóc chiến lược, một ví dụ dễ thấy về yếu kém của chúng ta là trong quy hoạch đô thị - giao thông và hoạch định chiến lược công nghiệp hóa.

Các thành phố của chúng ta phát triển manh mún, hỗn độn, trong khi chúng ta để mất rất nhiều tiền vào tay những người đầu cơ trục lợi đất đai và say sưa với xây dựng trung tâm hội nghị, khu triển lãm, và tượng đài.

Ở Singapore, người ta coi quy hoạch của một địa phương như

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

là cái la bàn của một con tàu. Theo họ quan sát, nhiều thành phố không chịu sắm la bàn cho con tàu của mình (cho dù quy hoạch ở đẳng cấp quốc tế ở mức khởi đầu chỉ tốn một số tiền nhỏ - khoảng 1 triệu USD), trong khi mất rất nhiều công sức và tốn phí cho tô vẽ, chỉnh trang một số bộ phận trên con tàu.

Trong phát triển công nghiệp, ngành hóa dầu của chúng ta là một ví dụ đáng suy nghĩ. Đây là ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, nhưng cạnh tranh rất gay gắt và đòi hỏi vốn, công nghệ, và quyền lực thị trường rất lớn (trong mua nguyên liệu thô và bán sản phẩm); vì vậy, xây dựng ngành công nghiệp này đòi hỏi sự tham gia của những công ty hàng đầu thế giới với quy mô sản xuất lớn và quy hoạch có tính tổ cụm - liên thông để đảm bảo sức cạnh tranh quốc tế cao nhất.

Singapore thực hiện rất tốt chiến lược này trong việc thu hút các công ty hàng đầu thế giới trong lĩnh vực dầu khí như Shell, Exxon-Mobil, Caltex và tất cả đều tập trung trên một diện tích nhỏ của đảo Jurong trong một tổ cụm công nghiệp hóa dầu hoàn hảo.

Trong khi đó, ngành hóa dầu của ta đã phát triển qua hai thập kỷ vẫn chưa xây xong nhà máy lọc dầu đầu tiên. Ngoài ra, chúng ta phải tự bỏ ra một khoản vốn lớn với giá thành xây dựng quá cao. Đồng thời, các nhà máy lọc dầu thứ hai và thứ ba lại dự kiến bố trí ở các nơi khác nhau, thiếu tính tổ cụm và vắng bóng các tập đoàn dầu khí hàng đầu. Theo cách này, ngành hóa dầu ở nước ta sẽ khó có thể là một lực đẩy mạnh mẽ để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế đất nước trong những năm tới đây.

Về thu hút và trọng dụng nhân tài, chúng ta còn quá ít những vị tướng tài năng và thiếu những đội quân quả cảm trong các lĩnh vực trọng yếu. Tôi có may mắn được tham gia giảng dạy một số khóa đào tạo ngắn hạn cho cán bộ của Việt Nam và thấy ở họ nhiều con người thông minh và tâm huyết. Thế nhưng, mọi người đều chia sẻ mấy quan ngại lớn cho các cơ quan nhà nước.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Thứ nhất, khi gặp bài toán khó, các nhà quản lý thường ít có nỗ lực tìm những lời giải có tầm cái cách mà thường chỉ đốc thúc mạnh hơn hoặc đổ tại cơ chế và nguyên nhân khách quan.

Thứ hai, công suất hữu ích trong sử dụng năng lực của cán bộ ở mức thấp (nhiều ước đoán cho thấy chỉ ở mức xấp xỉ 50%).

Thứ ba, sau một số năm công tác ở một cơ quan nhà nước, giá trị chủ yếu của một cán bộ là lòng nhiệt thành với công việc có xu hướng bị giảm sút. Điều đó cho thấy, với cơ chế hiện nay, chúng ta khó có thể thu hút và trọng dụng được cán bộ tốt thông thường chứ chưa nói đến tài năng.

Trong khi đó, ở Trung Quốc, nhân tài được thu hút và trọng dụng đặc biệt trên khắp mọi lĩnh vực, dù ở cương vị bộ trưởng hay hiệu trưởng các trường đại học.

Điều đặc biệt đáng lưu ý là Trung Quốc vừa thành công trong việc thuyết phục Ngân hàng Thế giới bổ nhiệm công dân Lin Yifu của mình làm Kinh tế gia trưởng, một chức vụ danh giá và có ảnh hưởng rất lớn đã từng được đảm nhiệm bởi Larry Summer (cựu chủ tịch Đại học Harvard) và Joseph Stiglitz (người đã nhận giải thưởng Nobel về kinh tế). Việc bổ nhiệm này sẽ giúp Trung Quốc tăng thêm đáng kể ảnh hưởng của mình trong thế giới đang phát triển, đặc biệt là châu Phi.

Theo nhiều học giả người Trung Quốc, trong ý chí trở thành cường quốc, Trung Quốc không theo mô hình “Bá quyền” như kiểu Mỹ (dựa vào quyền lực quân sự và kinh tế để ép buộc các nước phải theo) mà theo mô hình “Vương quyền”, theo đó, coi trọng bổ nhiệm người tài vào các cương vị then chốt có sức thu hút và quy phục nhân tâm trên quy mô toàn cầu.

Về phân tích thấu đáo và nỗ lực học hỏi, chúng ta còn rất yếu. Chúng ta chưa có chiến lược **tổng hợp** và **tiếp thu** những kinh nghiệm hay nhất của quốc tế, từ xây dựng chiến lược phát triển đến

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

xây dựng hệ thống chính trị và bộ máy quản lý nhà nước; từ quy hoạch đô thị đến quản lý giao thông; từ cải cách giáo dục đến chăm sóc sức khỏe và đời sống của người dân.

Một ví dụ nhỏ mà nhiều bè bạn quốc tế thường nhắc đến khi nói về tính kém học hỏi của Việt Nam là chúng ta không có mã số bưu điện (zip code) cho địa chỉ của cơ quan hay nhà ở, điều mà hầu hết các nước đều phải có.

Một ví dụ nữa là chúng ta dường như sẵn sàng bỏ nhiều tỷ USD để xây dựng đường sắt cao tốc Bắc-Nam nhưng không hề trăn trở phân tích xem tại sao hiện nay tỷ mức hiệu quả trên 1km đường sắt của chúng ta so với Trung Quốc chỉ bằng 1/10 về doanh thu; 1/4 về vận chuyển hành khách (người-km) và 1/20 về vận chuyển hàng hóa (tấn-km).

Trọng dụng người tài: Phải trở thành nhu cầu thực sự bức bách

– Trở lại với ý kiến mà ông đã đề cập Việt Nam còn yếu trong thu hút và sử dụng nhân tài. Trên thực tế, Thủ tướng đã nhiều lần khẳng định chính sách trọng dụng người tài phải là một trong những động lực phát triển. Theo chỉ đạo này, các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý đã đề ra nhiều giải pháp “trải thảm đỏ” hút nhân tài. Vậy tại sao, đến nay, chúng ta vẫn chưa thể cải thiện nhiều trong lĩnh vực này?

Theo tôi, có ba nguyên nhân. Thứ nhất, dân tộc chúng ta phải trải qua quá nhiều cuộc chiến tranh giành độc lập trong cảnh nước mất, nhà tan. Trong sự nghiệp thiêng liêng này, mọi người dân, ở mọi cấp độ của tài năng đều một lòng một dạ, xả thân, quên mình cho sự sống còn của dân tộc. Người lãnh đạo, do vậy, không thực sự phải trăn trở tìm cách thu hút và trọng dụng tài năng và điều đó làm mất đi khả năng của họ trong thu hút và trọng dụng nhân tài,

đặc biệt khi đã nắm trọn quyền lực trong tay.

Thứ hai, chúng ta chưa hình thành được ý chí chiến lược thôi thúc cả dân tộc đồng lòng đưa đất nước trở thành một quốc gia hùng cường vào giữa thế kỷ này. Chúng ta dường như coi trọng lợi ích vật chất và ổn định của riêng gia đình và tổ chức của mình hơn là vị thế và danh dự dân tộc. Do vậy, thu hút và trọng dụng người hiền tài không phải là nhu cầu thực sự bức bách, cháy lên tự đáy lòng.

Thứ ba, cơ chế bổ nhiệm cán bộ theo kiểu “quy hoạch” như hiện nay thường dẫn đến loại bỏ tài năng, lòng tâm huyết và phẩm chất chân chính. Để được vào “quy hoạch” và thăng tiến, cán bộ không cần có chiến công mà thường phải nhờ vào “chạy chọt” hoặc may mắn để có quan hệ tốt với lãnh đạo; đồng thời phải tự làm thui chột những bức xúc và khát vọng cháy bỏng để nhẫn nại chờ cơ hội, trong khi tìm cách tránh những nỗ lực mạnh dạn để khỏi mắc phải khuyết điểm.

– Từ những tồn tại hiện nay, theo ông, chúng ta có thể bắt đầu từ đâu để đẩy công cuộc phát triển của Việt Nam sang một bước mới?

Một khi chúng ta thực sự có quyết tâm, nỗ lực cải cách, chúng ta nên tham khảo lược đồ 3-P: Philosophy (**Triết lý phát triển**), People (**Con người**) và Programs (**Chương trình**).

Về triết lý phát triển, có bốn nội dung căn bản sau:

Nội dung thứ nhất là muốn ổn định, phát triển nhanh và hiệu quả, chúng ta trước tiên phải thiết lập nên một nền tảng hợp quy luật và vững chắc cho công cuộc phát triển.

Hiện nay, chúng ta coi nhẹ việc xây dựng nền tảng trong khi muốn ổn định và phát triển nhanh. Theo cách làm hiện nay, chúng ta rất quyết liệt tạo sự ổn định thông qua can thiệp nhà nước. Chúng ta cũng ra sức thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế nhưng chủ

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

yếu bằng đốc thúc và tăng mạnh đầu tư về lượng. Kết quả là, sự ổn định do can thiệp trói buộc sẽ không bền vững, kìm hãm sức sáng tạo và tiến trình tăng trưởng; tốc độ tăng trưởng nhanh do đốc thúc đầu tư dẫn tới thiếu hiệu quả và có nguy cơ làm mất ổn định.

Triết lý này đòi hỏi chúng ta phải có cách tiếp cận rất căn bản và bền vững thay vì nóng vội trong giải quyết những vấn đề bức xúc như lạm phát và sự suy giảm của thị trường chứng khoán. Chẳng hạn, trong giải quyết vấn đề lạm phát, chúng ta cắt mạnh nguồn tiền cung cho các khoản vay đầu cơ hoặc các dự án đầu tư không hiệu quả; đồng thời tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, đặc biệt trong các lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả sinh hoạt.

Nội dung thứ hai, con người là tài sản lớn nhất của một quốc gia. Vì vậy, mọi nỗ lực đầu tư, phát triển, trợ cấp đều phải tập trung nhân lên tài sản này, khơi dậy sức mạnh cốt lõi và giảm thiểu những điểm yếu dễ tổn thương của dân tộc.

Nội dung thứ ba là sức mạnh của dân chủ. Chỉ có dân chủ mới tạo đủ nguồn cung dồi dào để đáp ứng nhu cầu to lớn về nguồn tài năng và tâm huyết cho công cuộc cải cách và phát triển.

Nội dung thứ tư là mọi nỗ lực đột phá đều phải bắt đầu từ trong hệ thống. Sẽ không thể có đội ngũ doanh nhân khát vọng và xuất sắc nếu không có đội ngũ cán bộ nhà nước có tầm nhìn chiến lược rộng và tài năng ưu tú.

Về con người, chúng ta phải thực sự có chiến lược và lòng thành tâm trong đề bạt, thu hút và sử dụng người hiền tài vào các cương vị chủ chốt như đã nêu ở trên.

Về chương trình, chúng ta phải có những dự án cụ thể khẳng định được sức mạnh tổng lực của dân tộc Việt Nam ở tầm vóc “Điện Biên Phủ” trong phát triển kinh tế.

Những dự án mang tầm vóc “Điện Biên Phủ”

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

– *Gợi ý của ông về những chương trình mang tầm vóc “Điện Biên Phủ” là gì?*

Tôi xin nêu ra ba chương trình cụ thể:

Chương trình thứ nhất là xây dựng khu kinh tế - chính trị đặc biệt, vừa tạo động lực mạnh mẽ cho công cuộc phát triển, vừa là phòng thí nghiệm cho sự nghiệp cải cách.

Chúng ta nên tham khảo sự thành công đặc biệt gần đây của Dubai, một thành phố của một nước nhỏ ở Trung Đông, không có dầu khí nhưng khai thác triệt để thế mạnh quản trị của mình để trở thành một trung tâm 4T của khu vực (Trade = Thương mại, Transport = Vận tải, Tourism = Du lịch và Technology = Công nghệ).

Chúng ta cũng cần tìm hiểu nỗ lực gần đây của Malaysia trong xây dựng khu kinh tế IDR (Iskandar Development Region) rộng khoảng 2.200km² (bằng diện tích khu Thảm Quyên của Trung Quốc và gấp ba lần Singapore). Họ coi đây là điểm quyết chiến chiến lược khẳng định vị thế và quyết tâm của Malaysia trong đuổi kịp Singapore.

Chúng ta có thể có những dự án tương tự. Chẳng hạn, khu kinh tế đặc biệt trên địa bàn Quảng Ninh - Hải Phòng, tạo bàn đạp quốc tế cho các nhà đầu tư khai thác sức mạnh cộng hưởng của thị trường và mạng lưới sản xuất của Việt Nam và Trung Quốc, đồng thời tận dụng lợi thế đặc biệt của vịnh Hạ Long, di sản quốc tế cho phát triển du lịch.

Một khu khác là ở Khánh Hòa, với cảng nước sâu ở vịnh Vân Phong và vùng nội địa rộng lớn với cảnh quan đẹp và thời tiết thuận lợi, có thể trở thành một trung tâm công nghiệp - thương mại và tài chính lớn của cả vùng Đông Á.

Chương trình thứ hai là tăng quyền lực của người dân trong giám sát chất lượng của bộ máy công quyền theo phương thức cụ thể sau: Mỗi công dân sẽ được phát thẻ từ, ngoài tác dụng như

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

chứng minh nhân dân còn cho phép họ sáu tháng một lần bấm nút vào một máy đánh giá chất lượng công quyền ở địa phương của họ. Máy này được đặt ở nhà văn hóa phường - xã và nó gồm các nút thể hiện mức độ thỏa mãn của người dân với chính quyền địa phương (phường - xã và tỉnh - thành phố) về các nội dung chính: dịch vụ công quyền, an ninh trật tự, chống tham nhũng, bảo vệ môi trường, và đánh giá tổng thể. Kết quả của máy này được truyền qua mạng đến các cấp cao hơn.

Theo đó, mọi cấp lãnh đạo đều biết chính xác và kịp thời lòng dân và cảm nhận của họ về từng nội dung cụ thể; trên cơ sở đó, có sự phân tích thấu đáo nguyên nhân và đưa ra quyết sách xác đáng. Tương tự, mỗi doanh nghiệp, kể từ khi thành lập sẽ được phát một thẻ phản hồi về sự hài lòng của họ với các cơ quan công quyền, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, thủ tục giấy phép, thu thuế, trợ giúp thông tin, và sự tận tâm phục vụ.

Chương trình thứ ba, chúng ta tăng hàm lượng khoa học và tầm chiến lược của mỗi chính sách và quyết định quan trọng của Trung ương. Theo hướng này, chúng ta lập ủy ban tư vấn, kiểm định chất lượng quản lý và chính sách công ở tầm quốc gia. Ủy ban này tập hợp khoảng 100–200 chuyên gia trong nước và quốc tế để thường xuyên tham gia góp ý, đánh giá, bình luận, và cho điểm về chính sách và quyết định của Chính phủ trên các tiêu chí về tầm chiến lược, tính khả thi và mức độ hiệu quả. Ý kiến tổng hợp này cùng với các gợi ý được cập nhập thường xuyên tới các cấp lãnh đạo Trung ương theo từng chính sách quan trọng và có đánh giá định kỳ sáu tháng một lần. Phương thức này cũng có thể áp dụng cho một số địa phương trọng điểm, đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

– Xin cảm ơn ông!

Vietnamnet – 18-19/3/2008

NỀN MÓNG PHÁT TRIỂN VÀ MỆNH LỆNH CẢI CÁCH

Những ai đã trần trở trong nhiều năm qua về sự yếu kém trong nền móng phát triển của Việt Nam có lẽ đều đã dự cảm từ lâu những khó khăn mà nước ta hiện nay đang trải qua: Tăng trưởng suy giảm, lạm phát cao, lòng dân xao xuyên.

Trong khi việc giải quyết khó khăn nêu trên trước mắt dựa vào các biện pháp tình thế như điều chỉnh lãi suất ngân hàng, quản lý chặt chẽ việc mua bán ngoại tệ, hạn chế đầu tư vào các dự án kém hiệu quả, bài viết này đề cập đến yêu cầu giải quyết những yếu kém ở nền móng, là nguyên nhân gốc rễ không chỉ của những khó khăn hiện tại mà của cả những nguy cơ, thách thức sẽ ngày càng gay gắt trong tương lai.

1. Nền móng phát triển và kỳ vọng tăng trưởng

Các nghiên cứu về tăng trưởng kinh tế chỉ ra rằng, tốc độ và chất lượng tăng trưởng của mỗi quốc gia tùy thuộc cơ bản vào nền móng phát triển của nước đó.

Nền móng phát triển của một nước dựa trên một số định tố chủ yếu, bao gồm nguồn nhân lực, hạ tầng cơ sở, hội nhập quốc tế, dung năng sáng tạo, phẩm chất cần kiệm, và chất lượng thể chế. Các định tố này có quan hệ tác động qua lại mật thiết với nhau, trong đó chất lượng thể chế đóng vai trò trụ cột, chi phối, có tính quyết định.

Với một nền móng phát triển vững chắc và không ngừng được gia cường, nâng cấp, nền kinh tế sẽ đạt tốc độ và chất lượng tăng

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

trường cao. Trái lại, trên một nền móng yếu lại không được chú trọng củng cố, chất lượng tăng trưởng sẽ thấp, và do vậy, tốc độ tăng trưởng nếu có cao trong giai đoạn đầu cũng sẽ không bền vững và nền kinh tế dễ bị tổn thương trước mỗi biến động không thuận lợi của nền kinh tế thế giới.

Theo quy tắc hội tụ có điều kiện từ phương pháp phân tích khảo nghiệm, trung bình, cứ 35 năm, một quốc gia có thể thu hẹp một nửa khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người giữa mức hiện tại và mức tiềm năng quyết định bởi các định tố nền móng phát triển của quốc gia đó. Do đó, cách tăng tốc phát triển nhanh và bền vững nhất là nâng cấp vượt bậc nền móng phát triển lâu dài của quốc gia.

Theo nghiên cứu của chúng tôi, Việt Nam coi nhẹ việc gia cường, thậm chí làm suy yếu nền móng phát triển vốn còn rất thấp của mình. Thay vì quyết liệt tinh giản và nâng cấp bộ máy quản lý, chúng ta để khu vực nhà nước phình ra với hiệu năng ngày một thấp.

Thay vì ráo riết cải cách doanh nghiệp nhà nước, tạo lập một môi trường cạnh tranh lành mạnh, chúng ta lập ra các tập đoàn kinh tế với não trạng bao cấp và lợi ích cục bộ, làm thị trường càng thêm méo mó và thiếu minh bạch.

Thay vì đầu tư nâng cấp hiện đại hóa hệ thống giáo dục, y tế, và văn hóa đáp ứng đòi hỏi của thời đại, chúng ta để các lĩnh vực này xuống cấp nghiêm trọng trong sự hoành hành của tham nhũng, gian dối, và tệ nạn xã hội.

Thay vì khích lệ người dân cần kiệm đầu tư với tầm nhìn dài hạn và trách nhiệm với tương lai, chúng ta tạo nên cơ chế để mọi người ảo tưởng với những cơ hội chộp giật ngắn hạn, hoang phí trong tiêu dùng, phô trương trong hình thức với những lễ hội và tượng đài được tổ chức và xây dựng tràn lan.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Trong khi đó, Trung Quốc, với mục tiêu trở thành cường quốc trước năm 2050, đã và đang ráo riết xây dựng một nền móng phát triển ở đẳng cấp hàng đầu, tạo nền tảng cho nhịp độ tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững.

Nếu tiếp tục theo đuổi cung cách phát triển hiện nay, kinh tế Việt Nam sẽ đứng trước nguy cơ rơi vào cạm bẫy của nước có mức thu nhập trung bình thấp; nghĩa là không quá khó khăn thiếu đói để buộc phải cải cách, nhưng cũng không có nền móng đủ mạnh cho nỗ lực vượt lên.

Bài viết này so sánh Việt Nam với Trung Quốc nhằm làm rõ một số điểm yếu then chốt trong nền móng phát triển của Việt Nam. Việc so sánh giữa Việt Nam và Trung Quốc không có hàm ý rằng Trung Quốc là mô hình tốt nhất mà Việt Nam cần đi theo; mà chỉ để chỉ ra rằng, Việt Nam, trong sự tương đồng về mô hình phát triển với Trung Quốc, đã thể hiện sự yếu kém nghiêm trọng trong nỗ lực gia cường và nâng cấp nền móng phát triển của mình.

2. Tại sao lại so sánh Việt Nam với Trung Quốc?

Đó là vì hai nước có đặc điểm khá tương đồng trong cải cách và phát triển nhưng kết quả đạt được của hai nước có sự khác biệt cơ bản, cả về lượng và chất.

Sự tương đồng giữa Việt Nam và Trung Quốc trong cải cách và phát triển thể hiện ở bối cảnh dẫn đến cải cách, điều kiện phát triển lúc khởi đầu cải cách, mục tiêu và biện pháp tiến hành cải cách.

Về bối cảnh dẫn đến cải cách: Việt Nam và Trung Quốc khởi đầu công cuộc cải cách (Việt Nam năm 1986, Trung Quốc năm 1978) sau khi đều đã nhận ra rằng không thể tiếp tục mô hình xây dựng CNXH theo kiểu cũ vì nó tàn phá động lực phát triển và chỉ dẫn đến những khó khăn kinh tế ngày càng nghiêm trọng. Đồng thời, cả hai nước đều đứng trước khó khăn nghiêm trọng về kinh tế

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

mà cải cách là sự lựa chọn sống còn để thoát ra khỏi nguy cơ khủng hoảng.

Về điều kiện phát triển khi khởi đầu cải cách: Bảng 1 cho thấy, khi khởi đầu cải cách, cả hai nước đều có mức thu nhập đầu người rất thấp (xấp xỉ 200 USD [1], thuộc nhóm nước nghèo nhất thế giới) với trên 80% dân số sống ở nông thôn; năng suất ngũ cốc trên một héc-ta đất canh tác xấp xỉ nhau (2,7–2,8 tấn). Tỷ lệ dân biết chữ và tuổi thọ giữa hai nước khá tương đồng với Việt Nam có sự trội vượt đôi chút. Hội nhập quốc tế của hai nước đều rất thấp với xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 6,6% GDP; điều kiện hạ tầng kém, thể hiện ở số điện thoại mới ở mức 1–2 chiếc trên 1.000 dân.

Bảng 1: Một số chỉ số kinh tế - xã hội lúc khởi đầu cải cách ở Việt Nam và Trung Quốc

Chỉ số	Việt Nam (1986)	Trung Quốc (1978)
Thu nhập GDP bình quân đầu người (USD, mức giá năm 2000)	203	165
Tỷ lệ biết chữ trong người lớn (%)	89,2	67,1
Tỷ lệ biết chữ trong lứa tuổi 16–24 (%)	93,6	91,3
Tỷ lệ dân sống ở nông thôn (%)	80,3	81,3
Năng suất ngũ cốc (tấn/hecta đất canh tác)	2,7	2,8
Xuất khẩu hàng hóa (% của GDP)	6,6	6,6
Điện thoại trên 1.000 dân	1,3	2,0

Nguồn: Ngân hàng Thế giới

Về mục tiêu và biện pháp tiến hành cải cách: Cả hai nước lựa chọn cải cách theo mục tiêu kinh tế chứ không phải chính trị, với bước đi thận trọng để đảm bảo sự ổn định tuyệt đối của hệ thống chính trị hiện hành. Cả hai nước chọn tiến hành cải cách với những bước đi khá giống nhau, khởi đầu với việc khoán hộ trong nông nghiệp và thừa nhận về mặt pháp lý thành phần kinh tế tư nhân.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Tiếp đó là thúc đẩy mạnh kinh tế đối ngoại, cải tổ các doanh nghiệp quốc doanh, và cải cách hệ thống tài chính - ngân hàng.

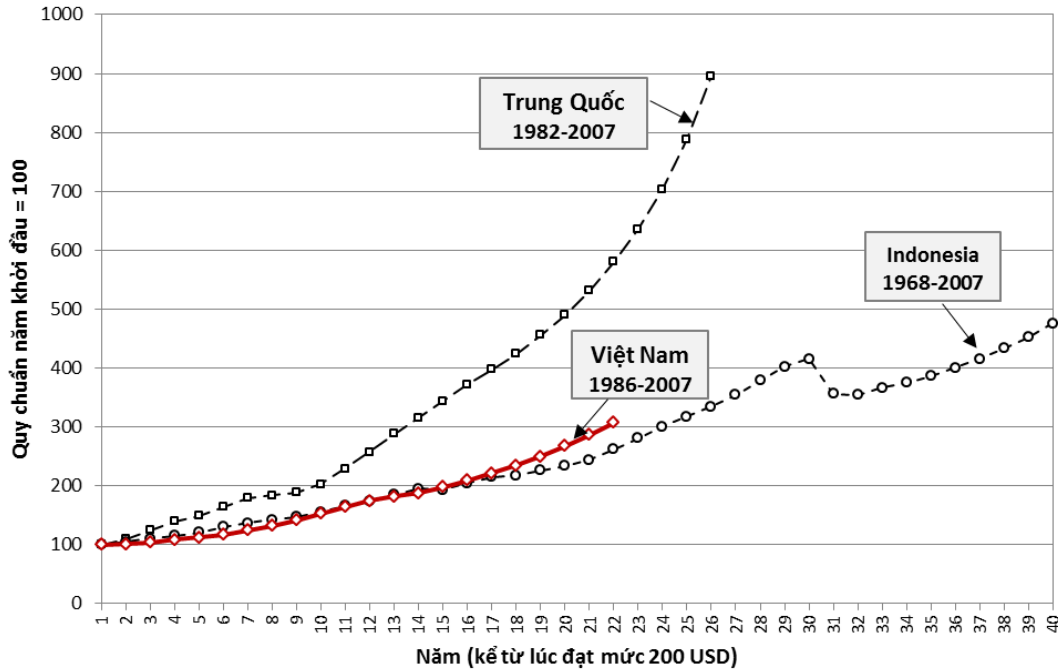
Thế nhưng kết quả đạt được của hai nước, dù đều ấn tượng, có một cách biệt lớn cả về lượng và chất, với sự tụt hậu rõ rệt của Việt Nam trong so sánh với Trung Quốc. Kể từ mốc vượt qua mức thu nhập bình quân đầu người 200 USD (Việt Nam: 1986; Trung Quốc: 1982; Indonesia: 1968; tính theo thời giá năm 2000), tiến trình tăng trưởng của Việt Nam rất thấp so với Trung Quốc và khá gần với Indonesia, trong khi nền kinh tế Trung Quốc có sự cất cánh với sự tương đồng với mô hình Đông Á, bao gồm Nhật Bản, Hồng Kông, Singapore, Đài Loan, và Hàn Quốc (Hình 1).

Những tổn thất nặng nề về kinh tế và chính trị mà Indonesia phải gánh chịu trong cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997–1998 (tăng trưởng GDP của Indonesia giảm xuống mức 4,7% năm 1997 trước khi rơi vào suy thoái ở mức -13,1% năm 1998) là bài học đắt giá về hậu quả của việc coi nhẹ gia cường nền móng phát triển trong sự say sưa với một số thành tích bề nổi và sự khen ngợi của một số tổ chức quốc tế.

Vì vậy, việc đánh giá xác đáng những điểm yếu then chốt trong nền móng phát triển của Việt Nam và đưa ra những biện pháp cải cách có tính nền tảng, sâu rộng và mạnh mẽ, là việc làm cấp thiết; không chỉ để vượt qua các khó khăn trước mắt, mà còn tạo nền móng căn bản cho nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững hơn, tránh được nguy cơ khủng hoảng đang tích tụ và có khả năng xảy ra trong 5–10 năm tới.

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Hình 1: Tiến trình tăng trưởng của Việt Nam, Trung Quốc, và Indonesia kể từ khi mỗi nước vượt qua mức thu nhập bình quân đầu người 200 USD



Nguồn: từ số liệu của Ngân hàng Thế giới

3. Một số minh chứng về những điểm yếu then chốt trong nền móng phát triển của Việt Nam

Từ kết quả nghiên cứu chung của tác giả với Tiến sĩ Danny Quah, trưởng khoa kinh tế của Đại học Kinh tế London, chúng tôi xin nêu ra dưới đây một số minh chứng điển hình về một số điểm yếu cơ bản trong nền móng phát triển của Việt Nam. Do dung lượng có hạn, bài viết này sẽ chỉ tập trung thảo luận ba điểm yếu then chốt có liên quan trực tiếp đến chất lượng của hệ thống thể chế.

Điểm yếu thứ nhất, Việt Nam thiếu ý chí chiến lược trong nỗ lực cải cách

Điều này thể hiện ở việc phình ra của lực lượng lao động trong khu vực nhà nước, sự manh mún trong nỗ lực cải cách các doanh nghiệp quốc doanh, và tính thiếu quyết đoán ở những thời điểm bước ngoặt.

Sự phình ra của lực lượng lao động trong khu vực nhà nước

Một nền kinh tế mạnh với hiệu năng cao đòi hỏi sự tinh giảm mạnh mẽ về lao động trong khu vực nhà nước. Khác với Trung Quốc, Việt Nam đi ngược lại xu thế này. Bảng 2 cho thấy lao động trong khu vực nhà nước (bao gồm Chính phủ, Đảng, đoàn thể, và các doanh nghiệp quốc doanh) của Việt Nam tăng nhanh hơn so với lao động trong toàn bộ nền kinh tế, với độ phình ngày càng mạnh hơn, từ mức +1,3% trong giai đoạn 1995–2000 vọt lên +9,3% trong giai đoạn 2000–2005. Trong khi đó, lao động trong khu vực nhà nước của Trung Quốc so với toàn bộ nền kinh tế co lại rất mạnh ở mức -27% giai đoạn 1995–2000 và -17% giai đoạn 2000–2005.

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Bảng 2. Mức tăng về lao động của khu vực nhà nước so với nền kinh tế trong các giai đoạn 1995–2000 và 2000–2005

	Việt Nam		Trung Quốc	
	1995– 2000	2000– 2005	1995– 2000	2000– 2005
Mức tăng về lao động				
• Toàn bộ nền kinh tế (A)	13,9%	13,6%	5,9%	5,2%
• Khu vực nhà nước (B)	15,2%	22,9%	-21,1%	-17,0%
Độ chênh lệch (+) hoặc có lại (-) về lao động trong khu vực nhà nước so với nền kinh tế (B-A)	+1,3%	+9,3%	-27,0%	-22,2%

Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam, 2000–2006; Niên giám Thống kê Trung Quốc, 2000–2006

Sự manh mún trong nỗ lực cải cách các doanh nghiệp quốc doanh: Thiếu ý chí chiến lược trong cải cách thể hiện rõ trong sự trì trệ và manh mún của nỗ lực cải cách các doanh nghiệp quốc doanh.

Trong khi các doanh nghiệp quốc doanh của Trung Quốc bị đặt vào môi trường cạnh tranh khốc liệt trên quy mô toàn cầu và bị hồi thúc bởi khẩu hiệu “học hỏi, cải tiến, và tạo đột phá để vượt lên đẳng cấp thế giới,” các doanh nghiệp quốc doanh của Việt Nam được o bế nâng đỡ trong một hệ thống quản trị lạc hậu, thiếu minh bạch, nên luẩn quẩn trong sự hạn hẹp về tầm nhìn và sự hà lạm của quyền lợi cục bộ và lợi ích cá nhân.

Bảng 3 cho thấy quy mô và nhịp độ cổ phần hóa của Việt Nam trong giai đoạn 1990–2005 rất nhỏ so với Trung Quốc. Tổng mức tiền thu được từ cổ phần hóa của Việt Nam chỉ bằng 1% mức GDP năm 2000 với quy mô trung bình của mỗi dự án là 3 triệu USD; trong khi các con số này của Trung Quốc là 4,8% và 252 triệu USD.

Bảng 3. Nỗ lực tư nhân hóa/cổ phần hóa giai đoạn 1990–2005

Quốc gia	Tổng số dự án	Tổng lượng tiền thu được		Quy mô trung bình của mỗi dự án (triệu USD)
		Số tuyệt đối (triệu USD)	So với mức GDP năm 2000	
Việt Nam	107	318	1,0%	3,0
Trung Quốc	229	57,706	4,8%	252,0

Nguồn: từ số liệu của Ngân hàng Thế giới

Thiếu quyết đoán chiến lược ở thời điểm bước ngoặt

Trong tiến trình phát triển thường xuất hiện những thời điểm có tính bước ngoặt, đòi hỏi tính quyết đoán chiến lược của người lãnh đạo. Tại thời điểm này, một quyết đoán sáng suốt sẽ giúp tạo nên một cục diện mới tạo ra sức phát triển nhảy vọt; trái lại, sự chần chừ, lúng túng sẽ làm mất đi thời cơ quý giá này và dẫn đến một bước lùi tai hại trong tiến trình phát triển.

Như mô tả ở Hình 2 dưới đây, tiến trình cải cách của Việt Nam và Trung Quốc đều xuất hiện những thời điểm có tính bước ngoặt vào năm thứ 13 của cải cách sau khi công cuộc cải cách đã thu được những thành quả bước đầu tạo nên tâm lý thỏa mãn, đồng thời làm nổi lên những lo ngại mang tính giáo điều về sự xa rời “chủ nghĩa xã hội.” Tiến trình cải cách, do vậy, có thể bị trì hoãn bởi những tranh cãi gay gắt trong nội bộ lãnh đạo.

Trung Quốc ở vào tình thế này vào năm 1991, năm thứ 13 của cải cách, khi đó thậm chí có kiến nghị đòi bãi bỏ các khu kinh tế đặc biệt. Trong tình thế đấu tranh căng thẳng này, ông Đặng Tiểu Bình quyết định không nhượng bộ mà chọn cách đương đầu quyết liệt bằng cách tiến hành một chuyến đi về các tỉnh và thành phố cải cách ở phía Nam vào tháng 1 năm 1992 để tập hợp được lực lượng ủng hộ cải cách, làm hậu thuẫn cho quyết định của hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị tháng 3 năm 1992 về đẩy mạnh hơn nữa nhịp độ cải cách và mở cửa [2]. Với quyết định này, cải cách và

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

mở cửa của Trung Quốc kể từ năm thứ 13 của cải cách không những không bị chậm lại mà lại có bước tiến nhảy vọt.

Việt Nam vào năm thứ 13 của cải cách (năm 1999) cũng đứng trước một cơ hội đòi hỏi sự quyết đoán đặc biệt, đó là việc ký hiệp định thương mại với Mỹ vào tháng 9 năm 1999. Thế nhưng chúng ta từ chối ký hiệp định này mặc dù mọi việc chuẩn bị dường như đã sẵn sàng. Điều này làm nhiều người ngỡ ngàng.

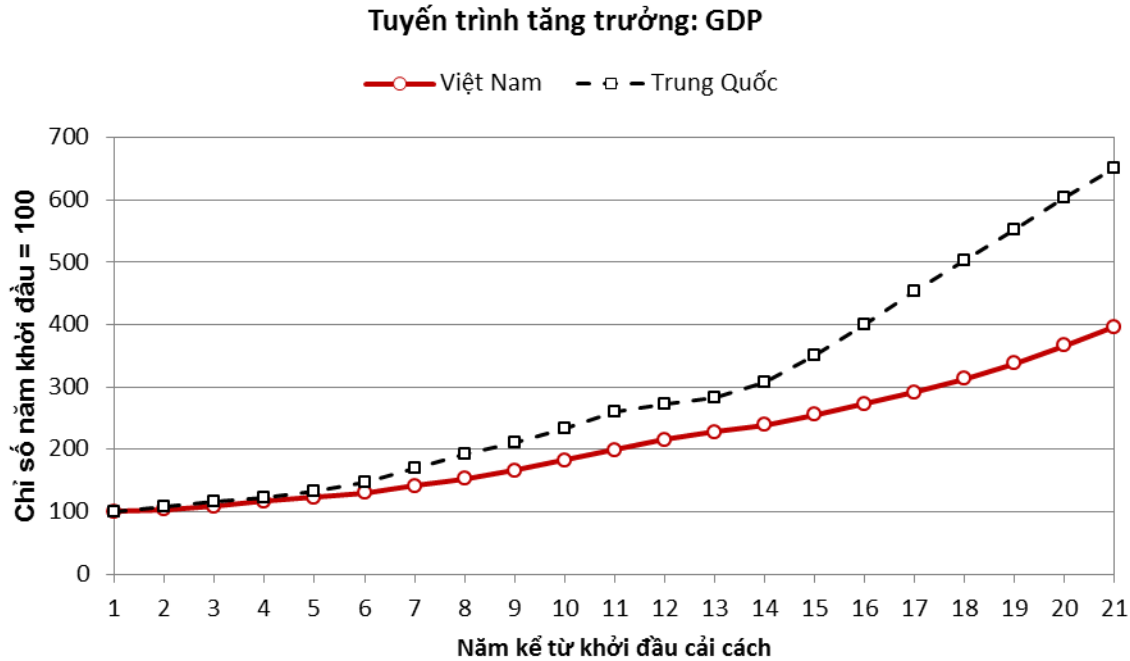
Một quan chức của Bộ Thương mại Mỹ khi đó nhận xét: “Khi các bạn so sánh điều này với những nỗ lực của Trung Quốc trong các đàm phán thương mại [...] nó cho thấy rằng, Việt Nam chưa thực sự tin vào mở cửa” [3].

Giáo sư Dwight Perkins của Đại học Harvard, nhà nghiên cứu hàng đầu về các mô hình phát triển Đông Á nhận xét: “Việc từ chối [này] của Việt Nam trong việc ký hiệp định thương mại với Mỹ là một minh chứng về việc [Việt Nam] ngại ngùng trong việc chấp nhận một chính sách công nghiệp có lẽ là thích hợp nhất cho đất nước của mình” [4].

Với sự thiếu quyết đoán này, Việt Nam đã tự làm mình tụt hậu trong nhịp độ tăng trưởng so với Trung Quốc kể từ năm thứ 13 của cải cách.

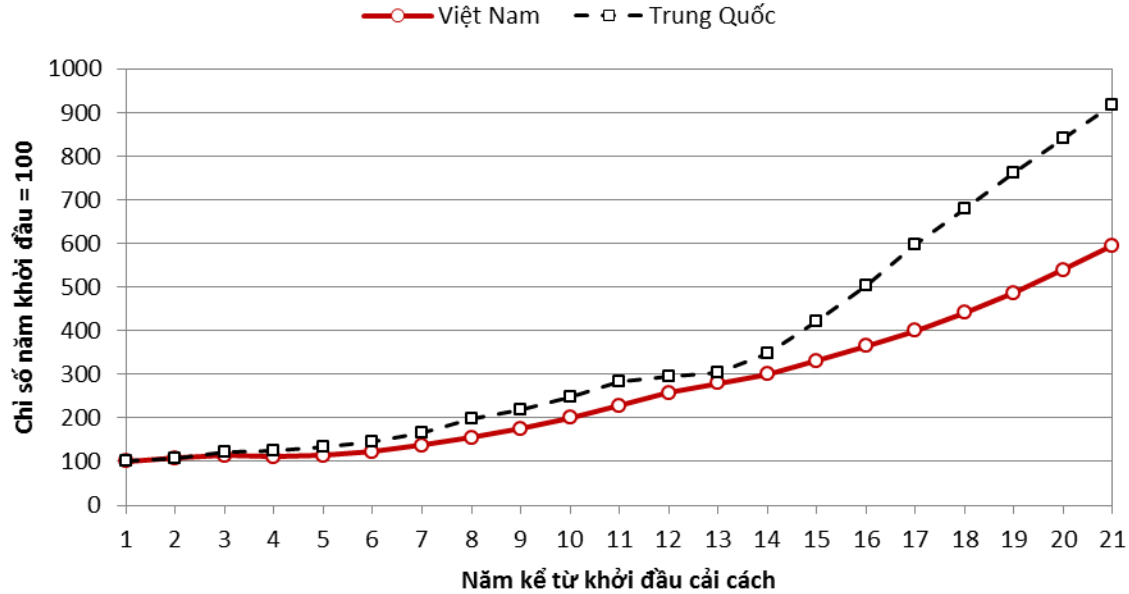
Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Hình 2. Tiến trình tăng trưởng của GDP và giá trị gia tăng trong các ngành công nghiệp và dịch vụ trong 20 năm đầu của cải cách kinh tế



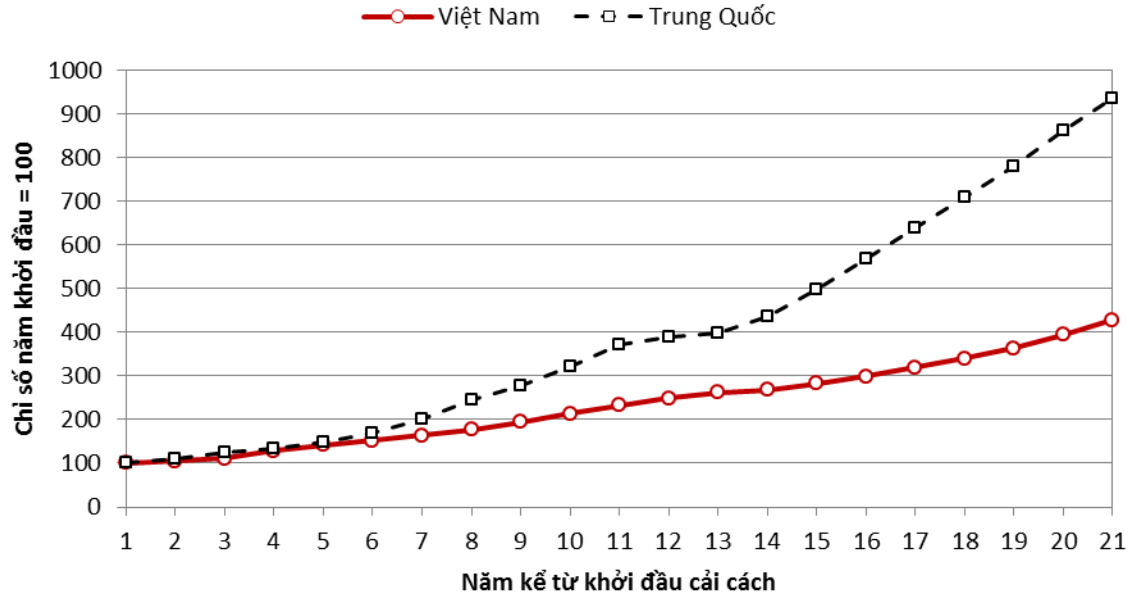
Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Tuyến trình tăng trưởng: Ngành Công Nghiệp



Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Tuyến trình tăng trưởng: Ngành Dịch Vụ



Nguồn: từ số liệu của Ngân hàng Thế giới

Điểm yếu thứ hai, chúng ta thiếu tầm chiến lược trong hoạch định công cuộc phát triển

Ba minh chứng cho kết luận này dựa trên mức tiêu thụ điện cho tăng trưởng, khả năng nắm bắt cơ hội thị trường, và nỗ lực bước lên trên nấc thang công nghệ trong quá trình hội nhập quốc tế.

Về tiêu thụ năng lượng cho phát triển, mỗi nhà hoạch định chính sách đều hiểu rằng năng lượng ngày càng khan hiếm và giá của nó có xu hướng tăng nhanh hơn các loại sản phẩm khác. Do vậy, phát triển kinh tế và công nghiệp hóa phải đi hướng về các lĩnh vực và sản phẩm tiết kiệm năng lượng nói chung và điện nói riêng. Thế nhưng chúng ta không đi theo hướng này.

Bảng 4 cho thấy, khác với Trung Quốc, mức tăng về điện tiêu thụ ở nước ta trong giai đoạn 1990–2005 cao hơn nhiều mức tăng của giá trị gia tăng, trên quy mô của toàn bộ nền kinh tế cũng như của riêng ngành công nghiệp. Trên quy mô toàn bộ nền kinh tế, chúng ta tăng trưởng bình quân 7,6% trong khi tiêu thụ điện tăng 14,1%. Trong lĩnh vực ngành công nghiệp nói riêng, mức tăng trưởng của giá trị gia tăng là 10,9% trong khi mức tăng điện năng tiêu thụ là 14,3%.

Nghĩa là, phát triển kinh tế và công nghiệp của Việt Nam đang đi theo hướng tổn phí năng lượng. Tình hình này nếu không được sớm khắc phục sẽ không chỉ gây nên tình trạng thiếu điện nghiêm trọng mà còn làm cho nền kinh tế nước ta ngày càng kém sức cạnh tranh và dễ tổn thương do sự biến động ngày càng gia tăng của giá năng lượng quốc tế.

Về nắm bắt cơ hội thị trường, Việt Nam chung biên giới với Trung Quốc nhưng kém xa các nước Đông Nam Á khác trong khai thác thị trường khổng lồ và tăng trưởng rất nhanh này trong khi lại nhanh chóng lệ thuộc vào nó một cách thụ động.

Bảng 4: Tiêu thụ điện năng cho tăng trưởng kinh tế và công nghiệp giai đoạn 1990–2005

	Việt Nam	Trung Quốc
Toàn bộ nền kinh tế		
• Tốc độ tăng về GDP	7,6%	10,1%
• Tốc độ tăng về điện tiêu thụ	14,1%	9,7%
• Tiết kiệm (+) hay tổn hao (-) điện năng trong tăng trưởng kinh tế	-6,5%	+0,4%
Ngành công nghiệp		
• Tốc độ tăng về giá trị gia tăng	10,9%	12,6%
• Tốc độ tăng về điện tiêu thụ	14,3%	9,3%
• Tiết kiệm (+) hay tổn hao (-) điện năng trong tăng trưởng công nghiệp	-3,4%	+3,3%

Nguồn: từ số liệu của Ngân hàng Thế giới; Bộ Công Thương Việt Nam; Niên giám Thống kê Trung Quốc, 2006

Bảng 5 cho thấy, trong giai đoạn 2000–2005, tỷ trọng Trung Quốc trong toàn bộ xuất khẩu của Việt Nam chỉ tăng không đáng kể, từ 6,6% năm 2000 lên 7,6% năm 2005; trong khi các con số này tương ứng là 3,9% lên 8,6% với Singapore; 1,7% lên 9,9% với Philippines; 4,5% lên 7,8% với Indonesia; và 4,1% lên 8,3% với Thái Lan. Mặt khác, cùng trong thời gian này, Việt Nam lại tăng mạnh nhập khẩu từ Trung Quốc, từ tỷ trọng 11,5% trong toàn bộ nhập khẩu năm 2000 lên 17,5% năm 2005.

Về nỗ lực bước lên trên nấc thang công nghệ trong hội nhập quốc tế, Bảng 6 cho thấy, từ năm 2000 đến năm 2005 tỷ trọng công nghệ cao trong xuất nhập khẩu của chúng ta còn thấp và tăng chậm. Trong xuất khẩu, tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao tăng thêm +1,8%, từ 5,8% lên 7,6%; trong khi con số này của Trung Quốc là +12,3%, từ mức 28,9% lên mức 41,3%.

Trong nhập khẩu của Việt Nam, tỷ trọng các sản phẩm công nghệ cao gia tăng không đáng kể (+0,6%), đồng thời có một bước

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

thụt lùi về công nghệ là chúng ta giảm nhập công nghệ trung-cao (-6,5%) để nhập công nghệ trung-thấp (+7,4%). Trong khi đó, Trung Quốc tăng mạnh tỷ trọng nhập sản phẩm công nghệ cao (+6,2%) và giảm mạnh tỷ trọng nhập sản phẩm công nghệ thấp (-7,3%).

Bảng 5. Trung Quốc trong cơ cấu xuất nhập khẩu giai đoạn 2000–2005

	Tỷ trọng Trung Quốc trong xuất khẩu		Tỷ trọng Trung Quốc trong nhập khẩu	
	2000	2005	2000	2005
Việt Nam	6,6%	7,6%	11,5%	17,4%
Singapore	3,9%	8,6%	5,3%	10,3%
Philippines	1,7%	9,9%	2,6%	6,3%
Indonesia	4,5%	7,8%	6,0%	10,2%
Thái Lan	4,1%	8,3%	5,5%	9,6%

Nguồn: tính toán của tác giả từ số liệu của UNCOMTRADE

Bảng 6. Cấu trúc xuất nhập khẩu giai đoạn 2000–2005

Ngành công nghiệp	Việt Nam			Trung Quốc		
	2000	2005	Thay đổi 2000–05	2000	2005	Thay đổi 2000–05
Tổng xuất khẩu = 100						
Công nghệ cao	5,8	7,6	+1,8	28,9	41,3	+12,3
Công nghệ trung-cao	2,3	3,7	+1,4	10,4	11,1	+0,7
Công nghệ trung-thấp	33,8	31,2	-2,7	15,8	15,7	-0,1
Công nghệ thấp	58,1	57,5	-0,6	44,9	32,0	-12,9
Tổng nhập khẩu = 100						
Công nghệ cao	14,3	15,0	+0,6	31,3	37,6	+6,2
Công nghệ trung-cao	28,3	21,8	-6,5	19,3	17,8	-1,5
Công nghệ trung-thấp	28,7	36,2	+7,4	29,0	31,6	+2,6
Công nghệ thấp	28,6	27,0	-1,5	20,3	13,1	-7,3

Nguồn: tính toán của tác giả từ số liệu của UNCOMTRADE

Điểm yếu thứ ba, Chính phủ chưa thực sự hợp tác sát cánh cùng doanh nghiệp và người dân, đặc biệt là nông dân, để tạo ra sự yểm trợ hiệu quả trong công cuộc phát triển

Một quốc gia với chiến lược phát triển khôn ngoan thường tìm cách tạo nên giá trị gia tăng cao hơn trên mỗi đơn vị sản phẩm. Để làm được việc này, Chính phủ phải dành một phần quan trọng trong nguồn lực của mình giúp các doanh nghiệp và người dân có được thông tin thấu đáo và kịp thời về thị trường và công nghệ để họ có các quyết định sáng suốt hơn trong đầu tư và tổ chức sản xuất của mình.

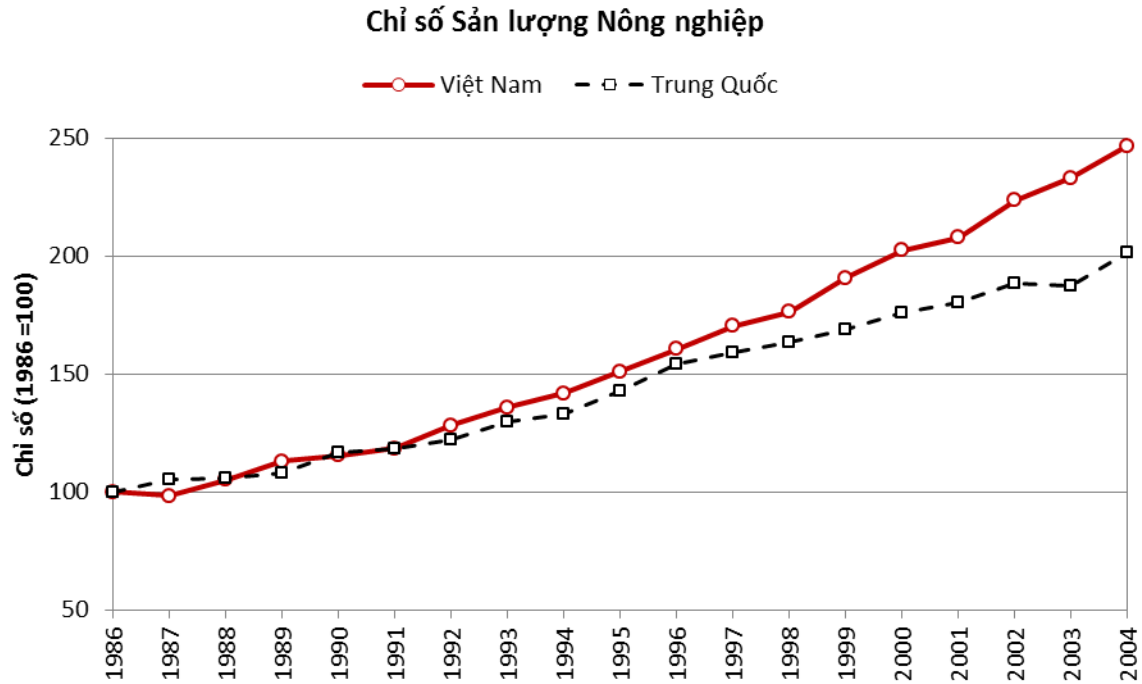
Ở Việt Nam, Chính phủ chưa làm được việc này. Vì vậy, mặc dù các doanh nghiệp và người dân, đặc biệt đã rất năng động, chịu khó nhưng hiệu quả thu được vẫn thấp.

So sánh tăng trưởng của ngành nông nghiệp giữa Việt Nam và Trung Quốc cho thấy sự tương phản này. Sản lượng nông nghiệp (quy theo chỉ số định lượng) trong giai đoạn 1986–2004 [5] của Việt Nam tăng nhanh hơn hẳn Trung Quốc. Thế nhưng, năng suất lao động nông nghiệp (tính bằng lượng giá trị gia tăng trên một lao động nông nghiệp) của Việt Nam thua kém Trung Quốc một cách rõ rệt (Hình 3).

Một minh họa cho thực trạng này là ý kiến của lão nông Lê Văn Lam trong thư gửi Thủ tướng Chính phủ ngày 4/5/2008: “Người nông dân luôn phải lao đao về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khi thì đào ao nuôi cá, lúc thì bỏ ruộng trồng bắp nhưng hầu như không mang lại hiệu quả, cũng vì người nông dân thiếu kiến thức về thị trường cũng như kỹ thuật sản xuất...” [6].

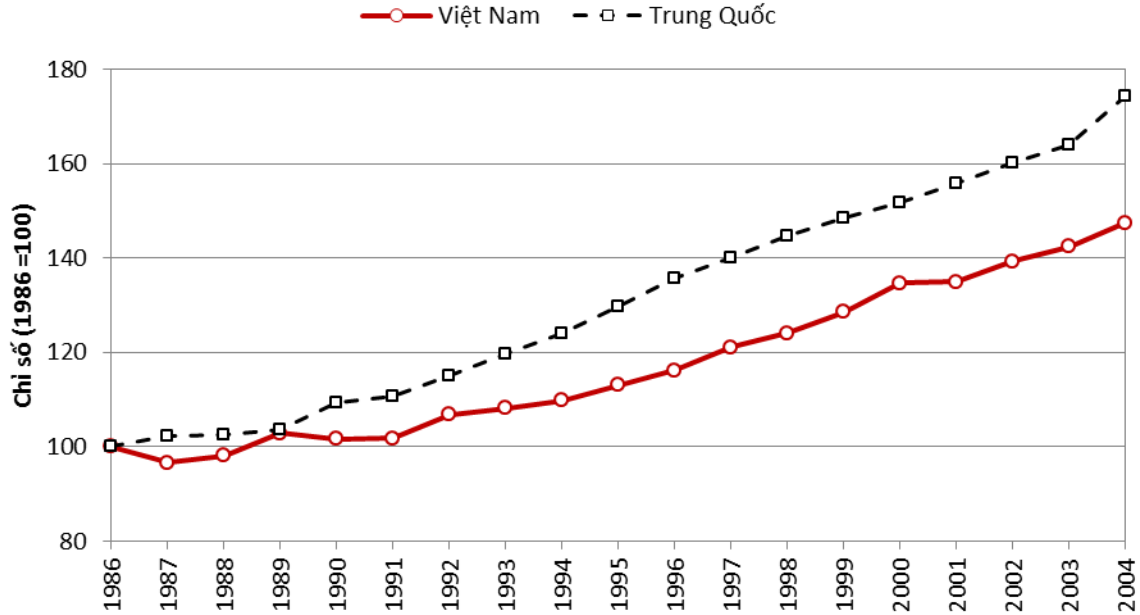
Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Hình 3: Các chỉ số gia tăng về sản lượng và năng suất lao động trong nông nghiệp



Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Chỉ số Năng suất lao động trong Nông nghiệp



Nguồn: từ số liệu của Ngân hàng Thế giới

4. Kết luận

Douglas North, nhà kinh tế được giải thưởng Nobel, có kết luận đại ý rằng, một nước không khá lên được là do thể chế của nó tạo nên các quy tắc vận hành xã hội không khuyến khích các nỗ lực kiến tạo nên giá trị mới [7]. Các quy tắc này thường làm cá nhân và doanh nghiệp rơi vào vòng xoáy của chụp giật với sự thúc đẩy của động lực hưởng thụ, tích cốc phòng cơ, và phô trương hình thức.

Công cuộc phát triển của Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn. Hệ thống thể chế với những quy tắc vận hành kinh tế xã hội như hiện nay không chỉ chưa tạo được động lực chân chính và mạnh mẽ cho cá nhân và doanh nghiệp nỗ lực kiến tạo nên giá trị mới mà còn làm thang bảng giá trị của xã hội bị méo mó và xuống cấp.

Trước những khó khăn gay gắt tạm thời hiện nay, chúng ta đang đứng trước sự lựa chọn giữa hai cách ứng xử.

Cách thứ nhất dựa trên các giải pháp xử lý có tính tình thế; có thể quyết liệt tức thời về sự vụ nhưng tránh né không động chạm đến những yếu tố nền móng. Cách giải quyết này có thể làm khó khăn đang gặp phải tạm thời lắng đi trong ít năm để rồi sau đó lại trở dậy với mức độ gay gắt và nguy hại lớn gấp nhiều lần trong khi nền móng phát triển mỗi ngày một suy yếu.

Cách thứ hai dựa trên cách tiếp cận chiến lược, với ý chí nâng cấp căn bản nền tảng phát triển, trong đó hệ thống thể chế là trụ cột chính yếu, tạo dựng cho nền kinh tế Việt Nam phát triển trên nền móng của một quốc gia có đẳng cấp hàng đầu như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore đã và đang làm. Cách tiếp cận thứ hai này không chỉ giúp nước ta vượt qua khó khăn hiện thời mà còn tạo nên một khí sắc đổi thay có sức đột phá mạnh mẽ cho công cuộc phát triển của Việt Nam.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Nhiều chuyên gia quốc tế cho rằng Việt Nam sẽ lựa chọn cách tiếp cận thứ nhất và sẽ xoay sở thành công để thoát ra khó khăn hiện tại, cũng giống như Việt Nam đã vượt qua các nạn dịch cúm gia cầm, lợn tai xanh, hay khuẩn tả. Thế nhưng, chúng tôi thấy xót xa cho hiện tại và lo ngại cho tương lai nếu Việt Nam quả thực lựa chọn cách tiếp cận này bởi lẽ chúng ta không chứng minh được rằng Việt Nam là một dân tộc có thể lớn lên từ thất bại, mạnh lên từ khó khăn, thách thức.

Từ cách nhìn của chúng tôi, cải cách hệ thống và nâng cấp nền móng phát triển không chỉ là bước đi khẩn thiết để vượt qua khó khăn hiện tại mà còn là **mệnh lệnh thiêng liêng để thế hệ hôm nay không phải hổ thẹn với quá khứ và tương lai.**

Vietnamnet – 8/6/2008

Ghi chú:

- [1] Mức giá năm 2000.
- [2] Xem “Deng Xiaoping’s Southern Tour: Elite Politics in Post Tiannanmen China”, Suisheng Zhao, Asian Survey, Volume 33 (8), 1993.
- [3] “Politburo Is Hesitating on Pact, Official Says : U.S. Aide Is Pessimistic On Hanoi Trade Accord”, Thomas Crampton, International Herald Tribune, 11/9/1999, (www.iht.com/articles/1999/09/11/viet.2.t_0.php).
- [4] Xem “Industrial and Financial Policy in China and Vietnam: A New Model or a Relay of the East Asian Experience”, Dwight Perkins (Chapter 6 in Rethinking the East Asia Miracle, edited by Joseph Stiglitz and Shahid Yusuf, World Bank, 2001).
- [5] Số liệu 2005 đến nay chưa có.
- [6] Trích thư của ông Lê Văn Lam gửi cho Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng qua cổng thông tin điện tử Chính phủ ngày 4/5/2008.
- [7] Xem “Institutions, Institutional Change, and Economic Performance,” Douglas North, New York: Cambridge University Press, 1990.

VIỆT NAM TRƯỚC THÁCH THỨC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

1. Đặc điểm của Nhà nước kiến tạo phát triển

Chất lượng thể chế và nguyên tắc thị trường là hai động lực căn bản tương tác chặt chẽ với nhau trong tạo nên sức phát triển lâu bền của một quốc gia. Trong hai động lực căn bản này, chất lượng thể chế có vai trò then chốt quyết định chất lượng hoạt động của các nguyên tắc thị trường; và do đó, quyết định tương lai phát triển của một đất nước.

Trong công cuộc phát triển, mỗi quốc gia đang phát triển đều trải qua thời điểm then chốt trong lựa chọn xây dựng thể chế phát triển: vượt lên với nỗ lực xây dựng “nhà nước kiến tạo phát triển” hay sa lầy trong mô thức “nhà nước đôi phó - xoay sở”.

Quyết định lựa chọn xây dựng “nhà nước kiến tạo phát triển” đòi hỏi nỗ lực quyết liệt nâng cao chất lượng thể chế, coi đó là một trong những yếu tố nền móng căn bản cho toàn bộ công cuộc phát triển.

Bằng lòng với mô thức “nhà nước đôi phó - xoay sở” là sự né tránh những đòi hỏi bức bách phải nâng cao chất lượng thể chế, để rồi bận rộn với các giải quyết sự vụ và sự sa lầy vào các dự án lớn đặc trưng bởi tầm nhìn hạn hẹp và sự thao túng và vụ lợi của các nhóm lợi ích và cá nhân. Khi đó, quốc gia này có nguy cơ suy biến thành “nhà nước cai trị hủ bại.”

Các quốc gia đã thành công trong xây dựng “nhà nước kiến tạo phát triển” điển hình ở Đông Á là Nhật Bản, Hàn Quốc, và Singapore. Sự phân định một quốc gia đang đi vào hướng lựa chọn nào của thể chế phát triển, “kiến tạo phát triển” hay “cai trị hủ bại”

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

có thể được nhận diện thông qua năm đặc điểm liên quan đến nỗ lực xây dựng thể chế phát triển nêu ở Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: So sánh đặc điểm của “nhà nước kiến tạo phát triển” và “nhà nước cai trị hủ bại”

Đặc điểm	Kiến tạo phát triển	Cai trị hủ bại
1. Tuyển dụng cán bộ vào cơ quan nhà nước	Thực sự minh bạch và cạnh tranh	Thiếu minh bạch, thậm chí tùy tiện
2. Tiêu chuẩn lựa chọn và đề bạt	Coi trọng hiền tài	Con ông cháu cha, phe cánh
3. Hoạch định và phối thuộc chiến lược phát triển	Lập cơ quan hoạch định và phối thuộc chiến lược phát triển với những cán bộ ưu tú và trách nhiệm đặc biệt	Mơ hồ; không có cơ quan thực sự chịu trách nhiệm
4. Hợp tác giữa nhà nước và tư nhân	Chặt chẽ - gắn bó	Lông lẻo - nghi kỵ; thiếu chiều sâu và tầm chiến lược
5. Luật chơi trên thị trường	Rõ ràng và nghiêm minh	Thiếu nhất quán giữa văn bản và thực hiện; thiên vị các nhóm lợi ích

2. Các yếu tố quyết định hướng lựa chọn thể chế phát triển và thách thức với Việt Nam

Khác với sự nhầm tưởng thường thấy, sự lựa chọn thể chế phát triển không tùy thuộc chủ yếu vào vai trò cá nhân lãnh đạo mà chịu tác động đặc biệt của các ba yếu tố then chốt, khách quan: *Đòi hỏi của người dân*; *Hiểm họa an ninh quốc gia*; và *Khan hiếm tài nguyên thiên nhiên* [1].

Một quốc gia có xu hướng ***buộc phải lựa chọn*** con đường xây

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

dựng “nhà nước kiến tạo phát triển” nếu hội đủ được ở mức cao cả ba yếu tố nói trên.

Với yếu tố thứ nhất, người dân có đòi hỏi gay gắt phải có tăng trưởng và phát triển. Điều kiện này tổng hòa từ bức bách về cuộc sống, khát vọng vươn lên của dân tộc, và những trải nghiệm từ thất bại cay đắng trong quá khứ.

Với yếu tố thứ hai, quốc gia này đứng trước sự đe dọa nghiêm trọng về an ninh mà nếu không mạnh dạn vượt lên sẽ bị rơi vào vòng lệ thuộc và phải trả giá rất đắt cho vị thế thấp yếu của mình.

Với yếu tố thứ ba, đất nước này không được ưu đãi về tài nguyên thiên nhiên, và do vậy quốc gia này chỉ có một con đường duy nhất là khơi dậy, khai thác, và không ngừng phát huy nguồn lực căn bản của mình là *con người*.

Do vậy, nếu một quốc gia chưa hội đủ ba yếu tố này ở mức cao, trong khi vắng bóng những cá nhân lãnh đạo xuất chúng, họ rất khó vượt lên chính mình để xây dựng “nhà nước kiến tạo phát triển.”

Việt Nam đang đứng trước những cơ hội cuối cùng để lựa chọn xây dựng “nhà nước kiến tạo phát triển” bởi những đặc trưng của một thể chế “đổi phó - xoay sở” thậm chí đã vào giai đoạn “cai trị hủ bại” đang hình thành và ngày càng có sức cố kết khó phá vỡ.

Việc Việt Nam có trở thành một “nhà nước kiến tạo phát triển” hay không, như phân tích ở trên, sẽ chủ yếu phụ thuộc vào sự chín muồi của ba yếu tố then chốt đã nêu: *Đòi hỏi của người dân; Hiếm hạp an ninh quốc gia; và Khan hiếm tài nguyên thiên nhiên.*

Với Việt Nam, yếu tố thứ nhất, dường như đang và sẽ hội đủ bởi bức bách phát triển và khát vọng vươn lên của người dân Việt Nam rất tiềm tàng. Yếu tố thứ hai cũng sẽ đủ mạnh vì Đông Á đang và sẽ trở thành một khu vực đặc biệt sống động với nhiều tranh chấp khó tránh khỏi trong thời gian tới.

Thế nhưng, với yếu tố thứ ba – *tài nguyên thiên nhiên* – sự hội đủ còn rất mong manh vì chúng ta là nước có nhiều tiềm năng về tài nguyên và tư duy của chúng ta vẫn còn muốn công cuộc phát triển của chúng ta dựa chủ yếu vào nguồn lực tự nhiên, hơn là tâm lực và tài lực của con người.

Việt Nam sắp cạn kiệt than và dầu mỏ nhưng lại có mỏ bauxite khổng lồ hứa hẹn một nguồn thu lợi rất lớn. Dự án này nếu được thực hiện sẽ là cú hích chiến lược để Việt Nam yên lòng với thể chế “đổi phó - xoay sở” và mất hẳn đi một cơ hội vô giá tạo nên sức mạnh trỗi dậy của dân tộc.

Hãy hình dung rằng, với chiến lược kiến tạo phát triển cho Tây Nguyên và miền Trung thành một vùng kinh tế sinh thái - nhân bản, số khách du lịch của Việt Nam sẽ tăng từ mức 4 triệu hiện nay lên mức 22 triệu như của Malaysia, số doanh thu về du lịch (ước tính là 500 USD/người) sẽ tăng thêm xấp xỉ 10 tỷ USD với mức thâm dụng về lao động và văn hóa rất cao.

3. Xây dựng “Nhà nước kiến tạo phát triển”: Hai nội dung cấp bách

Nếu có đủ dũng khí và ý chí chiến lược, chắc chắn Việt Nam sẽ nỗ lực xây dựng một “nhà nước kiến tạo phát triển.” Khi đó có hai nội dung cấp bách cần được đặc biệt quan tâm.

Nội dung thứ nhất thuộc về “thiết kế” (design) thể chế như đã nêu ở bảng trên về năm đặc trưng của một “nhà nước kiến tạo phát triển.” Trong đó, một đặc trưng cần được triển khai ngay là thành lập một cơ quan hoạch định và phối thuộc chiến lược phát triển giống như Cục Phát triển Kinh tế (Economic Development Board, EDB) của Singapore.

Hiện nay, Việt Nam chưa có cơ quan với chức năng chiến lược tổng hợp này. Nhiều chuyên gia ví con tàu Việt Nam đi ra biển lớn mà không dùng la bàn.

Chương 1. Ước mơ không bao giờ tắt

Giáo sư Michael Porter, trong chuyến thăm Việt Nam tháng 12 năm 2008 cũng có khuyến nghị mạnh mẽ về việc lập một cơ quan như vậy trực thuộc Văn phòng Chính phủ.

Nội dung thứ hai thuộc về “xử lý” (process) hay là nỗ lực đưa ra các quyết sách có hiệu lực cao và được lòng dân.

Trong đánh giá quyết sách của Chính phủ, cảm nhận của người dân có thể chia làm năm mức, mức 5 là đặc biệt phấn chấn, thậm chí kinh ngạc; mức 4 là thấy phấn khích, tin tưởng; mức 3 là thấy bình thường; mức 2 là thấy ức chế, không hài lòng; và mức 1 là thấy sốc và tổn thương sự trân trọng. Một thể chế sẽ bị người dân ngày càng suy giảm lòng tin, thậm chí chán ghét nếu nó đưa ra quá nhiều quyết sách gây nên độ cảm nhận mức 2 hay mức 1.

Để xây dựng “nhà nước kiến tạo phát triển,” các quyết sách cần được nghiên cứu cặn kẽ và sâu sắc để phần nhiều được người dân cảm nhận ở độ 4, và một số ở độ 5. Trái lại, nếu thiếu ý thức xây dựng “nhà nước kiến tạo phát triển,” các quyết sách đưa ra sẽ phần nhiều tạo nên mức cảm nhận 2 hoặc 1.

Với mục đích minh họa, Bảng 2 dưới đây đưa ra một số ví dụ cụ thể.

Bảng 2: Sự khác biệt về quyết sách thông qua ý chí xây dựng “nhà nước kiến tạo phát triển”

Mục tiêu	Ý chí xây dựng “Nhà nước kiến tạo phát triển”	
	Không	Có
Đưa thông tin đến người dân kịp thời	Trang bị loa phường hiện đại hơn với âm thanh cực mạnh.	Bỏ loa phường; bàn với dân các phương cách cụ thể và hữu hiệu nhất cho từng vùng.
	<i>Dự kiến mức cảm nhận: 2</i>	<i>Dự kiến mức cảm nhận: 4</i>
Quy hoạch lại thủ đô hoặc TP. Hồ Chí Minh	Sáp nhập Hà Nội với một vài tỉnh lân cận để có thêm đất.	Lập ủy ban quy hoạch vùng (liên tỉnh) với đại diện của các chuyên gia hàng đầu trong nước và quốc tế, trong khi địa giới hành chính hiện tại không bị đảo lộn.
	<i>Dự kiến mức cảm nhận: 2</i>	<i>Dự kiến mức cảm nhận: 4</i>
Phát triển Tây Nguyên	Ráo riết tìm các mỏ khoáng sản và dựa vào các công ty nước ngoài để khai thác.	Coi Tây Nguyên là trọng điểm trong tổng thể khu kinh tế sinh thái - văn hóa miền Trung và dành cho những cơ chế và đầu tư đặc biệt.
	<i>Dự kiến mức cảm nhận: 1</i>	<i>Dự kiến mức cảm nhận: 5</i>

Vietnamnet – 16/5/2009**Ghi chú:**

[1] R. Doner, B. Ritchie, D. Slater (2005). “Systemic Vulnerability and the Origins of Developmental States: Northeast and Southeast Asia in Comparative Perspective.” *International Organization* 59(2): 327-361.

CHƯƠNG 2. NHỮNG TRĂN TRỞ KHÔN NGUÔI

TÂM VÓC DÂN TỘC VÀ CÔNG CUỘC PHÁT TRIỂN

Vào năm 1960, Philippines được coi là có lợi thế hơn hẳn so với Hàn Quốc trong công cuộc phát triển: Mức GDP bình quân đầu người của Philippines (257 USD) cao hơn Hàn Quốc (156 USD); Philippines khá phong phú về tài nguyên thiên nhiên (gỗ, dầu mỏ, nikel, bạc, vàng, đồng) trong khi Hàn Quốc hầu như không có; người Philippines và Hàn Quốc có tỷ lệ dân số biết chữ khá cao và gần ngang nhau (trên 80%) nhưng người Philippines giỏi ngoại ngữ và có khả năng hòa nhập tốt hơn với văn hóa phương Tây.

Thế nhưng, chỉ trong vòng bốn thập kỷ, hai quốc gia đã đi tới hai vị thế phát triển khác biệt căn bản: Hàn Quốc có mức GDP đầu người cao hơn 10 lần so với Philippines và trở thành một trong những cường quốc công nghiệp hàng đầu thế giới, trong khi Philippines vẫn ở nhóm các nước có thu nhập khá thấp, với mức thu nhập GDP đầu người khoảng 1.000 USD (năm 2004), và đất nước này vẫn phải dựa vào xuất khẩu lao động phổ thông như một nguồn thu nhập quan trọng (năm 2004, Philippines xuất khẩu gần 1 triệu lao động, đưa tổng số lao động xuất khẩu lên trên 8 triệu

người, với tổng số tiền gửi về khoảng 8,5 tỷ USD [1]).

Indonesia là một quốc gia giàu tài nguyên, đặc biệt là dầu mỏ. Sau khi nắm quyền lực vào năm 1966, chính quyền Suharto đã tiến hành nhiều biện pháp mạnh mẽ để ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế với những quyết sách lớn về hội nhập quốc tế và thu hút đầu tư. Kết quả là, Indonesia đã đạt được những thành công ấn tượng trong phát triển kinh tế và giảm nghèo đói; tăng trưởng GDP trong một thời gian dài 30 năm, từ 1967 đến 1996, đạt mức bình quân 7%/năm, trong đó có nhiều năm ở mức trên 8%. Thế nhưng, quá trình tăng trưởng không đi cùng với sự phát triển về chất của thể chế quản lý; mà trái lại, nạn tham nhũng ngày càng gia tăng và sự yếu kém của bộ máy quản lý ngày càng bộc lộ rõ. Khi cuộc khủng hoảng tài chính châu Á nổ ra vào năm 1997, nền kinh tế Indonesia đã nhanh chóng suy sụp và những khuyết tật đã tích tụ nhiều năm của nó đã để lại những di hại nghiêm trọng cản trở quá trình hồi phục và phát triển của nền kinh tế này.

Bài học của Philippines và Indonesia cho thấy rằng tiềm năng, lợi thế, thậm chí tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong một thời gian dài chưa đủ để một quốc gia cất cánh, và do vậy, tương lai phồn vinh của họ vẫn còn là một ước vọng xa vời.

1. Tầm vóc dân tộc: nền tảng cho công cuộc phát triển của một quốc gia

Kinh nghiệm phát triển của các nước trong nhiều thập kỷ qua cho thấy thành bại trong công cuộc phát triển của một quốc gia không tùy thuộc vào tài nguyên thiên nhiên hay một vài lợi thế nguyên khai về nguồn nhân lực mà chủ yếu vào tầm vóc dân tộc.

Tầm vóc dân tộc của một quốc gia được xác định bởi tổng thành của năm định tố với mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau sau đây:

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

(1) Khát vọng dân tộc

Khát vọng dân tộc dựa trên nền tảng của lòng yêu nước, tính tự tôn dân tộc, và ý thức trách nhiệm với thế hệ tương lai. Tầm vóc của một dân tộc sẽ lớn lên vượt bậc nếu họ hun đúc một khát vọng mãnh liệt vươn tới một vị thế xứng đáng trong cộng đồng thế giới.

Khát vọng vươn lên của một dân tộc có thể chỉ còn leo lét nếu niềm tin vào đạo lý xã hội bị xói mòn, chiến lược phát triển của quốc gia mơ hồ, nạn tham nhũng hoành hành và tệ nạn xã hội bùng phát. Trong tình cảnh đó, người dân và doanh nghiệp sẽ không còn cảm nhận thiêng liêng về ý thức dân tộc và thể diện quốc gia để rồi dễ dãi sa vào các phương cách kiếm tiền chộp giật và vụ lợi ngắn hạn.

(2) Tầm nhìn và tư duy

Nếu khát vọng dân tộc là nguồn năng lượng tiềm tàng thì tầm nhìn và tư duy là hệ thống dẫn đường và bánh lái cho con tàu dân tộc đi đến phồn vinh. Tầm nhìn hạn hẹp và tư duy xơ cứng, giáo điều sớm muộn sẽ dẫn đất nước đến trì trệ, khủng hoảng cho dù khát vọng dân tộc có mãnh liệt đến đâu.

Tầm nhìn và tư duy có mối gắn kết đặc biệt. Tư duy khoa học và thực tiễn tạo nên một tầm nhìn sâu rộng và chính xác về thời đại và thế giới. Ngược lại, tầm nhìn thấu đáo về thời đại và thế giới sẽ thúc đẩy không ngừng sự đổi mới và mài sắc tư duy.

Một dân tộc sẽ bị hạn hẹp về tầm nhìn và thiển cận trong suy tính nếu họ cho rằng thế giới đầy những hiểm họa và khuyết tật. Với họ, một khi gặp phải khó khăn trắc trở, họ sẽ nhanh chóng quy kết đó là do nguyên nhân khách quan hoặc ai đó đang có âm mưu chống phá mình.

Một dân tộc sẽ có tầm nhìn xa trông rộng nếu họ cho rằng thế giới có biết bao cơ hội và tinh hoa mà họ phải dốc sức tìm kiếm, nắm bắt, và học hỏi. Với họ, một khi gặp phải khó khăn thất bại,

họ sẽ nghiêm khắc tìm ra phần lỗi của chính họ, dù là rất nhỏ, để suy xét thấu đáo và rút ra bài học giá trị cho những bước đi tiếp theo.

(3) Tâm huyết và tài năng của những đội ngũ trụ cột

Ba đội ngũ trụ cột cho công cuộc phát triển của một quốc gia là các nhà lãnh đạo, giới doanh nhân và tầng lớp trí thức.

Khát vọng, tầm nhìn và tư duy của ba đội ngũ này có ảnh hưởng quyết định đến khát vọng, tầm nhìn và tư duy của dân tộc. Trong mỗi đội ngũ này, sự đóng góp có tính đột phá của cá nhân có thể tạo nên những bước nhảy vọt cho công cuộc phát triển. Nhà chính trị Đặng Tiểu Bình, với sự đột phá về tầm nhìn và tư duy, đã đưa Trung Quốc thoát khỏi vòng tối tăm mê muội để trở thành một quốc gia có tốc độ đổi thay kỳ vĩ, làm cả thế giới kinh ngạc và ngưỡng mộ.

Các doanh nhân, như Chung Ju-yung (sáng lập hãng Hyundai) và Lee Byung-chul (sáng lập hãng Samsung), với ý chí kinh doanh phi thường và tinh thần dân tộc cao cả, đã góp phần đưa Hàn Quốc nhanh chóng trở thành một cường quốc công nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực đóng tàu và điện tử. Học giả Fukuzawa Yukuchi thời kỳ Minh Trị của Nhật Bản, đã có những đóng góp lớn lao cho công cuộc cải cách, thông qua nỗ lực khai sáng dân trí và khích lệ người dân nắm bắt đổi thay, tiếp thu tinh hoa thời đại.

Tầm vóc một dân tộc sẽ lớn vượt lên nếu có được một trong hai điều sau đây:

+ Mỗi người trong các đội ngũ trụ cột tìm cách “đốt lên một ngọn nến” thay vì “chê trách bóng tối” như ý tưởng của Khổng Tử.

+ Xã hội hình thành nên cơ chế và sự kỳ vọng để những người ưu tú nhất trong mỗi đội ngũ trụ cột nói trên được thi thố hết tinh hoa và tâm lực của mình cho dân tộc.

(4) Tinh thần học hỏi và hợp tác

Lợi thế lớn nhất của các quốc gia đi sau không phải là lao động rẻ hay tài nguyên thiên nhiên dồi dào mà là tinh thần học hỏi và hợp tác. Tinh thần học hỏi và hợp tác thường nằm giữa hai thái cực trái ngược.

Ở một thái cực, người ta dốc sức nghiên cứu vấn đề quan tâm để hiểu thấu đáo đến từng chi tiết nhỏ; họ biết rõ đâu là những điều hay nhất của thế giới trong mỗi lĩnh vực để đưa về áp dụng; họ tìm kiếm và trân trọng cái hay của đối tác để học hỏi và tăng cường hợp tác tạo nên giá trị mới.

Ở một thái cực khác, người ta luôn nghĩ là mình đã biết cả rồi và cho rằng mô hình ở nước ngoài khác đặc thù nước mình nên ít quan tâm tìm hiểu; ở thái cực này, người ta cũng thường nhanh chóng tìm ra cái dở của đối tác và đồng đội để biện hộ cho sự thiếu nhiệt tâm trong học hỏi và hợp tác của mình. Tâm vóc của một dân tộc sẽ lớn hơn nhiều nếu phẩm chất học hỏi và hợp tác của họ chuyển được từ thái cực thứ hai sang thái cực thứ nhất.

(5) Đặc tính văn hóa

Đặc tính văn hóa có tác động quan trọng đến phát triển. Một dân tộc coi nhẹ nghĩa khí và nguyên tắc đạo đức dễ rơi vào vòng xoáy tham nhũng một khi bộ máy công quyền yếu kém về hiệu lực và phẩm chất.

Philippines là một ví dụ. Vào năm 1938, tổng thống Quezon đã từng quan ngại: "...cảm nhận của người Philippines về sự chân chính thường bị lu mờ bởi sự cầu lợi cá nhân. Chuẩn mực cư xử của họ thường dựa trên sự được việc hơn là nguyên tắc..." [2], do vậy, Philippines trong những thập kỷ 60, 70, và 80 đã có những cơ hội vô cùng quý giá cho phát triển, nhưng sự yếu kém của chính quyền đã tạo nên tệ nạn tham nhũng khủng khiếp mà nghiêm trọng nhất là trong giới cảnh sát và toà án [3]. Kết cục, một số lượng lớn người

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Philippines đã cố tìm đường ra nước ngoài theo con đường xuất khẩu lao động để thoát khỏi bức xúc và nghèo khó mà nghề nghiệp của họ chủ yếu là lao công giúp việc.

Vì vậy, một dân tộc muốn lớn mạnh phải tôn thờ lòng nghĩa khí, trân trọng sự chính trực, và không ngừng củng cố đạo lý và các nguyên tắc đạo đức của xã hội.

2. Công cuộc phát triển của Việt Nam: những hiểm họa phía trước và sự cấp bách phải nâng cao tầm vóc dân tộc

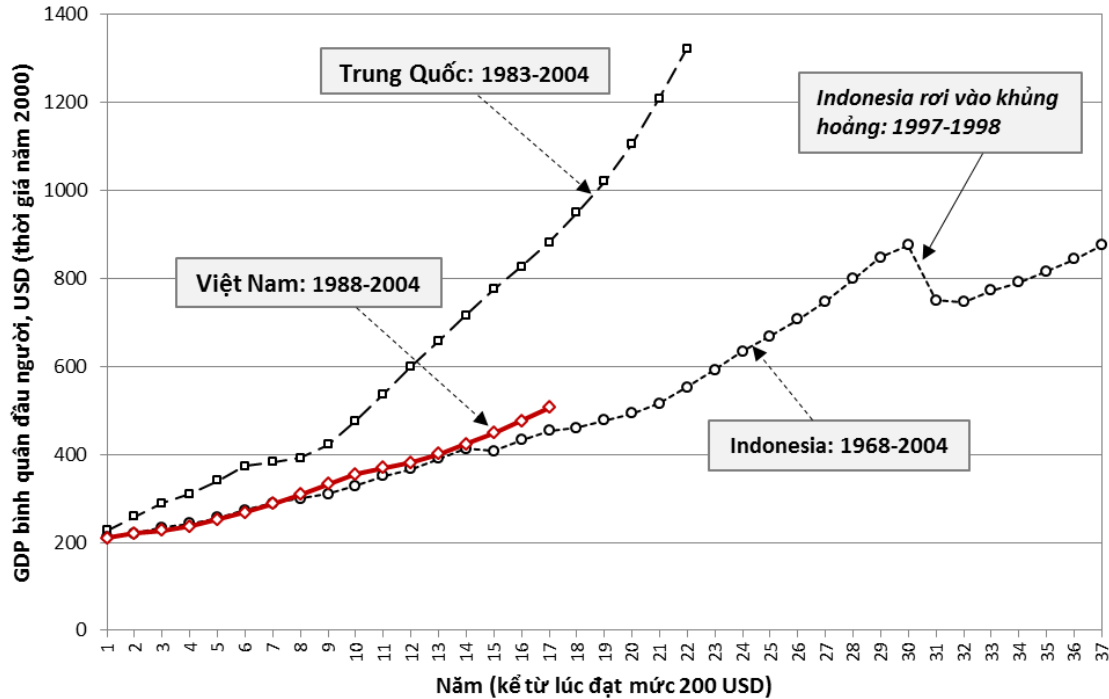
Công cuộc đổi mới kinh tế ở nước ta, khởi đầu từ năm 1986, đã đạt những thành quả rất ấn tượng trong tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Mức tăng GDP bình quân trong giai đoạn 1987–2004 (17 năm) đạt trên 7%. Mức tăng GDP năm 2005 còn cao hơn, ước tính đạt trên 8%. Thế nhưng triển vọng phía trước không hẳn lạc quan nếu chúng ta xem xét kỹ lưỡng bài học của Indonesia.

Bài học Indonesia

Hình 1 chỉ ra tiến trình tăng trưởng của ba nước, Indonesia, Trung Quốc, và Việt Nam, kể từ khi mỗi nước đạt mức GDP đầu người xấp xỉ 200 USD (tính theo thời giá năm 2000). Indonesia đạt mức GDP đầu người xấp xỉ 200 USD vào năm 1967 và duy trì được mức tăng trưởng GDP đầu người cao trong vòng 30 năm (cho tới khi bị suy sụp vào năm 1998). Trung Quốc đạt mức GDP đầu người xấp xỉ 200 USD vào năm 1982 và có tiến trình tăng trưởng cất cánh với tốc độ cao hơn hẳn Indonesia và giống với tiến trình tăng trưởng của các nền kinh tế thần kỳ (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, và Singapore). Việt Nam đạt mức GDP đầu người xấp xỉ 200 USD vào năm 1987 và tiến trình tăng trưởng gần như trùng khít với con đường của Indonesia.

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

Hình 1: Tăng trưởng GDP bình quân đầu người sau khi vượt qua mức 200 USD



Nguồn: từ số liệu của Ngân hàng Thế giới

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Quá trình tăng trưởng của Việt Nam và Indonesia không chỉ tương tự về tiến trình tăng trưởng mà còn rất giống nhau trên mấy đặc thù sau:

Thứ nhất, động lực tăng trưởng của hai nước dựa nhiều vào khai thác tài nguyên thiên nhiên (đặc biệt là dầu mỏ) và viện trợ quốc tế. Nguồn thu từ dầu khí khai thác chiếm bình quân khoảng 11% của tổng thu nhập quốc dân của Indonesia trong giai đoạn 1968–1997; con số này của Việt Nam năm 2003 là trên 8%. Viện trợ quốc tế chiếm bình quân khoảng khoảng 10% tổng đầu tư của Indonesia (giai đoạn 1968–1997); con số này của Việt Nam (giai đoạn 1988–2004) là 15% tổng đầu tư, trong khi của Trung Quốc giai đoạn (1983–2004) chỉ vào khoảng 1%.

Thứ hai, Việt Nam và Indonesia là hai nước có mức tham nhũng nghiêm trọng nhất ở Đông Á (trên cả mức độ của Philippines). Theo xếp hạng của Tổ chức Minh bạch Quốc tế về mức độ tham nhũng, Việt Nam xếp hạng 74 năm 1998 (trong tổng số 85 quốc gia) và 102 năm 2004 (trong tổng số 145 quốc gia); Indonesia xếp hạng 80 năm 1998 và 133 năm 2004 [4].

Thứ ba, Việt Nam và Indonesia đều tổn thất rất nhiều nguồn lực vào nỗ lực bao cấp và bảo hộ một số dự án và ngành công nghiệp. Với Indonesia, đó là ô tô, hóa chất, và chế tạo máy bay. Với Việt Nam, đó là đường, xi măng, ô tô, đóng tàu.

3. Nâng cao tầm vóc dân tộc: một đòi hỏi cấp bách

Nếu chúng ta tiếp tục cách thức phát triển như hiện nay, nền kinh tế nước ta sẽ có thể còn tiếp tục tăng trưởng khá cao trong vòng 10–15 năm nữa, tương tự như tiến trình tăng trưởng của Indonesia trong giai đoạn 1986–1997. Thế nhưng, với cách đi này, chúng ta sẽ không chỉ mất đi cơ hội đưa nền kinh tế nước ta chuyển sang giai đoạn cất cánh mà còn sẽ khó có thể tránh khỏi

Chương 2. Những trận trở khôn nguôi

một kết cục rất đắt giá như Indonesia đã gặp phải vào năm 1997–1998, khi nền kinh tế thế giới có biến động.

Đề công cuộc phát triển kinh tế của nước ta vượt lên và tránh được những hiểm họa tương lai, những nỗ lực đột phá nhằm nâng cao tầm vóc dân tộc là một đòi hỏi vô cùng bức thiết và có ý nghĩa sống còn đối với sự thành bại của sự nghiệp đưa nước ta đến phồn vinh.

Vietnamnet – 5/1/2006

Ghi chú:

* Các số liệu kinh tế trong bài lấy từ World Development Indicators (World Bank) nếu nguồn khác không được chỉ ra.

[1] <http://www.poea.gov.ph/AR2004/AnnualReports/ar2004.pdf>

[2] Theo Theodore Friend, “Rebuilding A Nation”, The Washington Institute Press, 1987 (trang 79).

[3] <http://www.cbo.gov/ftpdocs/43xx/doc4306/1997doc10-Entire.pdf>

[4] http://www.transparency.org/publications/annual_report

BÀI HỌC VỀ XÂY DỰNG MỘT TỔ CHỨC TRƯỜNG TỒN

Tháng 10 năm 1908, với vên vẹn 15 giáo viên (kể cả hiệu trưởng), 33 học sinh chính khóa và một số học sinh không chính khóa, Trường Quản trị Kinh doanh (QTKD) Harvard được thành lập. Trải qua một trăm năm hoạt động, Trường QTKD Harvard với ảnh hưởng lừng lẫy không chỉ vươn lên vị thế đỉnh cao và sẵn sàng cho những cống hiến lớn lao hơn nữa trong 100 năm tới, mà còn làm nên một ví dụ sinh động về một *tổ chức trường tồn*.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Trường QTKD Harvard, bài viết này, do thời gian và khuôn khổ có hạn, xin dừng ở việc khảo lược đơn giản mô hình phát triển của một tổ chức (gia đình, trường học, công ty) để bạn đọc cùng chia sẻ suy ngẫm trong nỗ lực kiến tạo nên nền móng cho phát triển tới vị thế trường tồn cho tổ chức của mình.

1. Mô hình về động thái phát triển của một tổ chức

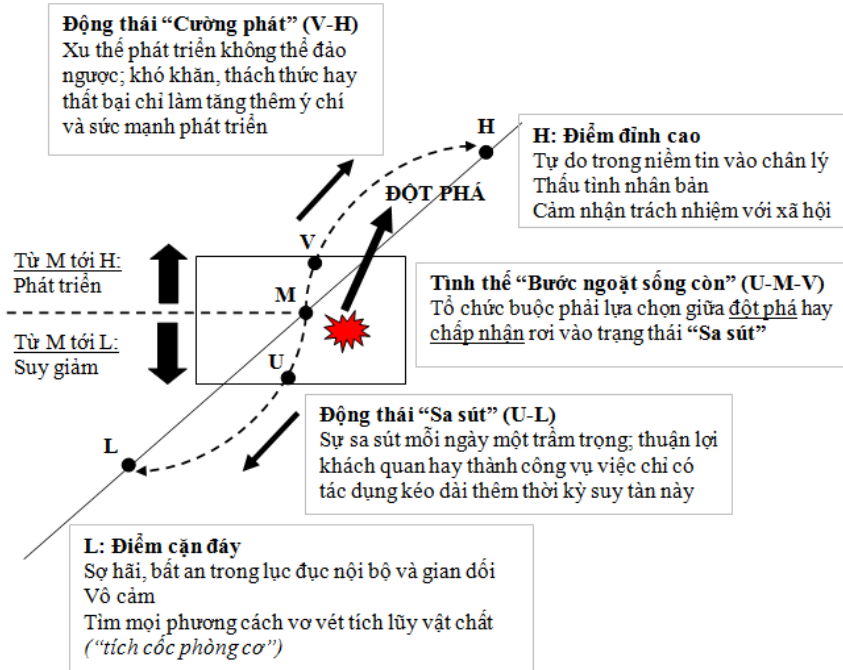
Một tổ chức (gia đình, trường học, công ty, tổ chức xã hội) được thành lập nhằm tạo nên giá trị nhất định thông qua sự tồn tại và vận hành của mình.

Khi khởi đầu, một tổ chức (có thể là gia đình mới cưới hay một trường học/công ty/tổ chức mới thành lập hoặc mới bước vào giai đoạn phát triển mới) nằm ở điểm M trong tiến trình động thái phát triển của mình (Hình 1).

Điểm M được gọi là điểm cân bằng không bền vững vì tổ chức chỉ ổn định nhất thời ở đó để rồi bước vào trạng thái vận động hoặc theo “Vòng xoáy lên” (điểm M tới điểm V rồi vươn tới điểm H)

hoặc theo vòng “Vòng xoáy xuống” (điểm M xuống điểm U rồi trượt xuống điểm L).

Hình 1: Mô hình về động thái phát triển của một tổ chức



Ở khoảng lân cận của điểm M (từ U đến V), xu thế phát triển của tổ chức chưa định hình vững chắc, bối cảnh khách quan hay sai lầm chủ quan có thể làm cho tổ chức trượt từ động thái “Vòng xoáy lên” xuống động thái “Vòng xoáy xuống.” Ngược lại, nếu tổ chức có nỗ lực đặc biệt, có sức đột phá, nó sẽ có thể vượt ra được “Vòng xoáy xuống” để bật lên động thái “Vòng xoáy lên.”

Khi tổ chức bước vào được động thái “Vòng xoáy lên,” tình trạng hoạt động và cơ chế vận hành của nó, về cơ bản, sẽ mỗi ngày một tốt lên. Đặc biệt khi tổ chức đã vượt qua được giai đoạn phát triển chập chững, bước qua điểm V để vào giai đoạn “Cường phát” (từ điểm V đến điểm H).

Trong động thái “Cường phát” này, xu thế phát triển trở nên mạnh mẽ, có sức kiến tạo nội sinh, và trở nên không thể đảo ngược. Trong động thái này, khó khăn, thách thức, hay thất bại, dù khắc nghiệt và nặng nề đến mấy, chỉ làm tăng thêm ý chí và động lực phát triển của tổ chức. Trong quá trình phát triển ở động thái “Vòng xoáy lên,” tổ chức hình thành ngày càng đậm nét các đặc trưng của một tổ chức **trường tồn** có được ở “Điểm đỉnh cao” H, như mô tả ở cột trái của Bảng 1 dưới đây.

Ngược lại, khi tổ chức bị rơi vào động thái “Vòng xoáy xuống,” tình trạng và cơ chế vận hành, về cơ bản, mỗi ngày một suy giảm. Đặc biệt khi tổ chức bị trượt sâu qua điểm giới hạn U để đi vào giai đoạn sa sút với sức hủy hoại nội sinh thì xu thế suy tàn không thể còn cưỡng lại được nữa.

Trong động thái “Sa sút” (từ điểm U đến điểm L), thuận lợi khách quan hay thành công vụ việc chỉ có tác dụng kéo dài thêm giai đoạn suy tàn này. Vận hành trong động thái “Sa sút,” tổ chức sẽ ngày càng khắc sâu các đặc trưng của một tổ chức ở “điểm Cận đáy” như mô tả ở cột phải của Bảng 1.

2. Phương cách đột phá

Mahatma Gandhi từng có câu nói nổi tiếng với hàm ý là “Không ai có thể đẩy ta vào con đường sa sút, lụi tàn nếu không được ta cho phép” (nguyên văn: “Nobody can hurt me without my permission”). Thế nhưng, do nhiều lý do khách quan và chủ quan, nhiều gia đình, trường học, công ty, và tổ chức có thể rơi vào trạng thái suy giảm trong “Vòng xoáy xuống” mà không hề ý thức được hết tính nghiêm trọng của động thái hủy hoại năng lực nội sinh này.

Chương 2. Những trở trở khôn nguôi

Bảng 1: Đặc trưng chính của tổ chức trong hai động thái phát triển: Cường phát và Sa sút

Đặc trưng	Tổ chức trường tồn (hình thành trong “Vòng xoáy lên” tới điểm Đỉnh cao)	Tổ chức lụi tàn (sa sút trong “Vòng xoáy xuống” tới điểm Cạn đáy)
1. Cảm nhận của đại bộ phận trong tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phần chân, tin tưởng, tự hào 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cam chịu, cay đắng, tủi hổ
2. Hiện trạng tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> ○ Minh bạch và nhất quán ○ Nhìn về tương lai với kỳ vọng và trách nhiệm ○ Nội bộ gắn bó trong mục tiêu nhưng thành tâm trong tranh luận tìm ra chân lý ○ Lời nói đi đôi với hành động trong một chiến lược mạch lạc và sáng suốt hướng tới tầm nhìn tương lai ○ Bao dung, giúp đỡ đồng viên người có lỗi ○ Thấu cảm 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Tiền hậu bất nhất ○ Khai thác cạn kiệt di sản và tài sản của quá khứ ○ Nội bộ lục đục, nghi kỵ, nhưng cố tạo ra sự đoàn kết hình thức bằng cách tránh né những vấn đề then chốt, sống còn cho đổi thay ○ Hành động khác xa với lời nói trong một cái nhìn mơ hồ và lầm lẫn về tương lai ○ Dùng lỗi mơ hồ để truy bức người ngay thẳng chân chính ○ Vô cảm

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

3. Động lực và Cơ chế vận hành

- Tâm nhìn cao cả có tính khích lệ rất cao, được mọi thành viên chia sẻ và khao khát vươn tới
- Thước đo đánh giá khoa học và minh bạch, huân dự về vang nhằm tưởng thưởng công hiến chân chính
- Cá nhân nắm vai trò chủ thể trong động thái phát triển của tổ chức. Mỗi thành viên thấy có khả năng và cơ hội rõ rệt trong nỗ lực đóng góp, nhưng khó có thể lạm dụng quyền lực để gây hại cho tổ chức.
- Mọi người đều thấy thôi thúc tiến lên tuyền đầu, đóng góp và lập chiến công.
- Mọi thành viên đều được tổ chức trân trọng và kỳ vọng vào đóng góp của mình.
- Mọi người thấy rõ lợi ích từ hợp tác chân chính; mỗi thành viên đều thành tâm trong niềm tin rằng người cộng sự của mình cũng
- Tâm nhìn mơ hồ, mâu thuẫn; mục tiêu hoặc duy ý chí hoặc thấp kém, tầm thường
- Đánh giá dựa trên cảm tính và vụ lợi cá nhân; huân dự và thăng tiến có thể mua bằng tiền hoặc quan hệ
- Cá nhân cảm thấy bất lực trong đóng góp cho tổ chức đi lên, nhưng có thể lạm dụng quyền lực để vụ lợi cá nhân và làm cho tổ chức sa sút.
- Mỗi thành viên cố tìm sự an toàn cho mình trong vỏ ốc của sự cầu an của từng nhóm nhỏ; đồng thời căng mắt tìm cơ hội để kiếm lợi riêng.
- Thành viên trong tổ chức không cảm thấy được quý trọng; luôn ở cảm giác bất an, sợ hãi trừ dật hoặc mất ghế.
- Mọi người không thấy lợi ích từ hợp tác gắn bó. Sự thành tâm trở thành đại dột, sự hết lòng với tổ chức bị nhạo báng trong vòng

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

sẽ hết lòng trong nỗ lực chung vươn tới tầm nhìn mà cả tổ chức đều chia sẻ.

- Công cụ quản lý theo kết quả được sử dụng hữu hiệu nên mọi khuyết tật, lỗi lầm đều được phát hiện, xử lý kịp thời, thấu tình đạt lý.
- Lợi ích vật chất và tinh thần được coi trọng và ngày càng được nâng cao cùng với thành quả đạt được của tổ chức.

xoáy của danh lợi và nỗ lực chụp giạt.

- Kiểm soát, trấn áp, bắt lỗi hoặc xuê xoa tùy theo đối tượng khi có vụ việc bị lộ ra.
- Lợi ích vật chất và tinh thần không được quan tâm thỏa đáng. Bông lộc, đặc quyền, và hối lộ là nguồn thu mặc định của các thành viên có chức quyền.

**4. Tiêu chí phân
đấu của cán bộ
nhân viên để
thành đạt trong
tổ chức**

- Thực chất kết quả công việc
- Phẩm chất chân chính, lòng nhiệt tâm với tổ chức, và khả năng làm việc
- Khả năng gắn kết và hỗ trợ đồng đội cùng tiến lên
- Năng lực tìm tòi, đề xuất ý tưởng hay, kiến thức giá trị, và thông tin chiến lược
- Góp ý chân thành về hiện trạng và đưa ra giải pháp kiến nghị hữu ích

- Sự sùng ái của thủ trưởng (quà cáp, biếu xén, nịnh bợ, gièm pha, tạo tình thù tấu)
- Khả năng đánh bóng bản thân và sự linh lợi trong nắm bắt các cơ hội thăng tiến
- Khả năng loại bỏ đối thủ
- Tìm được phương cách, thủ đoạn tạo thêm lợi thế cho phe cánh của thủ trưởng
- Tìm được lý lẽ, chứng cứ, dù là mơ hồ, rằng hiện trạng là tốt; khó khăn chủ yếu là do

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

	○ Tiên cử được thêm người hiền tài	khách quan ○ Loại bỏ người có tài đức hơn mình để mình nổi trội
5. Phương cách điều hành của người lãnh đạo	<ul style="list-style-type: none">○ Tôn trọng quy luật khách quan○ Coi con người là mục tiêu và trụ cột cho mọi nỗ lực phát triển○ Lãnh đạo và nhân viên đều thành tâm lắng nghe, dốc lòng học hỏi túi khôn nhân loại○ Luôn tự thấy lỗi của bản thân và hệ thống trong mọi lỗi lầm của cấp dưới.○ Coi trọng xây dựng nền móng và cải cách hệ thống, đặc biệt khi phải đối đầu với những thất bại và thách thức mới.	<ul style="list-style-type: none">○ Chủ quan, duy ý chí○ Chữa cháy theo sự vụ: rất tât bật, vất vả để dẹp hết sự cố này đến sự cố khác○ Không lắng nghe; hàm lượng trí tuệ trong quyết định rất thấp○ Luôn thấy cấp dưới kém, thiếu trách nhiệm; cảm thấy thiếu uy quyền.○ Dốc mọi sức lực vào giải quyết vụ việc cụ thể; ngộ nhận kết quả có được từ xoay sở vụ việc là thành công trong phát triển.

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

Nếu người chịu trách nhiệm chính trong gia đình, trường học, công ty, và tổ chức bội bạc với quá khứ, vô cảm với hiện tại, và thoái thác trách nhiệm với tương lai thì sẽ để gia đình, trường học, tổ chức của mình tiếp tục trượt dốc và sẽ đến một ngày tổ chức vượt qua điểm giới hạn U để rơi vào động thái “Sa sút” theo một xu thế không thể cưỡng lại. Khi đó, việc đi đến suy tàn của tổ chức chỉ còn là vấn đề thời gian.

Thế nhưng, nếu người chịu trách nhiệm chính trong gia đình, trường học, công ty, và tổ chức thành tâm với quá khứ, xót xa với hiện tại, và đầy lòng trách nhiệm với tương lai thì nỗ lực đột phá để vượt lên động thái phát triển ở “Vòng xoáy lên” là mệnh lệnh thiêng liêng không thể biện bạch hay chối từ.

Phương cách đột phá, tuy nhiên, không phải như nhiều người vẫn hiểu là một số quyết sách hay hành động quyết liệt chưa từng làm trước đây, như thường nhiều tiền cho người có công tích, sáp nhập mạnh mẽ tổ chức, truy bắt hay quy trách nhiệm cứng rắn với một số đối tượng, đốc thúc một số dự án đang dang dở.

Thực chất, đột phá là một nỗ lực vô cùng nhân bản, sáng suốt về trí tuệ, thấu đáo về tầm nhìn, và ý thức trách nhiệm cao cả với cả quá khứ, hiện tại, và tương lai. Nỗ lực đột phá, do vậy, khởi đầu bằng việc trân trọng và thành tâm lắng nghe những người ngay thẳng trong sáng cho dù họ có những nỗi lầm hoặc sơ xuất nhỏ.

Bước đi tiếp theo của đột phá là tìm cách cấy vào và nuôi dưỡng trong tổ chức những đặc trưng then chốt của một tổ chức trường tồn, đặc biệt là trong các nội dung về “Động lực và Cơ chế vận hành” và “Phương cách điều hành của lãnh đạo” (cột trái của Bảng 1).

Một dân tộc sẽ không hy vọng có được một ngày mai ngẩng đầu cùng thế giới nếu các nỗ lực đột phá và khát vọng xây dựng tổ chức trường tồn của thế hệ hôm nay bị tê liệt trong sự vô cảm của

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

danh lợi cá nhân hay trong tham vọng hủ bại của một số nhóm lợi ích.

Vietnamnet – 17/10/2008

COI TRỌNG YẾU TỐ CÔNG BẰNG TRONG HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH CÔNG

1. Chính sách công và các nguyên tắc tạo nên giá trị

Sức sống của một thực thể xã hội dựa trên giá trị nó tạo ra cho cộng đồng. Doanh nghiệp tạo nên giá trị thông qua sản phẩm hàng hóa và dịch vụ (gọi chung là sản phẩm thương mại). Chính phủ tạo nên giá trị thông qua các chính sách công và dịch vụ công ích (gọi chung là sản phẩm công cộng).

Giá trị của các sản phẩm, dù là thương mại hay công cộng, đều được coi trọng và phán xét bởi người sử dụng. Điều khác biệt chỉ ở chỗ, với một sản phẩm thương mại, người dân có quyền lựa chọn và chỉ chấp nhận mua nếu thấy giá trị của nó cao hơn giá bán và phù hợp nhất với sự mong muốn và túi tiền của mình. Trong khi đó, với một sản phẩm công cộng, đặc biệt là chính sách công, người dân hầu như không có quyền lựa chọn, cho dù mức độ hài lòng của họ với nó rất thấp.

Thế nhưng, việc đảm bảo cho các sản phẩm công cộng có giá trị cao nhằm phụng sự tối đa lợi ích của người dân luôn là yêu cầu tối thượng đối với một **chính phủ của dân, do dân, và vì dân**. Điều này được hàm chỉ sâu sắc trong Tuyên ngôn Độc lập nổi tiếng của nước Mỹ năm 1776 (mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng trích dẫn trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1945): *“...mọi người sinh ra đều bình đẳng với những quyền bất khả xâm phạm; trong các quyền ấy có quyền sống, quyền tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc. Để thực hiện các quyền ấy, chính phủ lập nên bởi người dân có được quyền lực chính đáng từ sự đồng thuận của nhân dân. Thế nhưng một khi, có một dạng*

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

thái nào đó của chính quyền trở nên tàn hại cho các mục tiêu đó, chính người dân sẽ dùng quyền của mình thay thế hoặc đào thải nó để lập nên một chính phủ mới, với nguyên tắc nền tảng và dạng thức quyền lực, sao cho có tác động tốt nhất tới sự an toàn và hạnh phúc của mình.”

Chính sách công đóng vai trò nòng cốt của sản phẩm công cộng. Do vậy, nó phải được thiết kế và hoạch định nhằm tạo ra giá trị cao nhất cho xã hội theo các mục tiêu nói trên.

Chính sách công tạo ra giá trị cho xã hội theo hai nguyên lý: **Hiệu quả** và **Hiệu lực**.

Nguyên lý hiệu quả đòi hỏi lợi ích tạo ra phải lớn hơn phí tổn. Một chính sách công tạo ra hiệu quả cao nếu nó làm tăng lợi ích hoặc làm giảm chi phí cho người thụ hưởng chính sách.

Nguyên lý hiệu lực đòi hỏi nâng cao tính công bằng, minh bạch, và nhất quán.

Một chính sách công chỉ thực sự có tác động lớn và được lòng dân nếu nó đạt được chuẩn mức cao cả về hiệu lực và hiệu quả. Chẳng hạn như “chính sách khoán 10” trong nông nghiệp ở thời kỳ đầu của đổi mới. Hiệu quả lớn vì người nông dân tạo ra và thu được lợi ích nhiều hơn hẳn trên cùng một công sức bỏ ra. Hiệu lực cao vì chính sách này minh bạch và công bằng với người nông dân; hơn thế nữa, chính sách được thực hiện khá nhất quán trong xu thế đổi mới ngày càng mạnh mẽ hơn.

Trong khi đó, một chính sách công sẽ làm xã hội tổn hại và rất mất lòng dân, đặc biệt về lâu dài, nếu nó thấp kém cả về hai tiêu chí hiệu quả và hiệu lực. Ví dụ như các chính sách phát triển liên quan đến bao cấp các doanh nghiệp quốc doanh hay quy hoạch và xây dựng đô thị.

Thế điều gì sẽ xảy ra nếu một chính sách công bị yếu một trong hai nguyên lý, hoặc hiệu quả, hoặc hiệu lực?

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

Một chính sách công thấp về tính hiệu quả nhưng cao về tính hiệu lực có thể được thực thi tốt tuy không được lòng đông đảo người dân. Chẳng hạn, “bắt buộc đội mũ bảo hiểm” là một chính sách mà tính hiệu quả (với người dân) có lẽ chưa cao nhưng tính hiệu lực rất rõ: việc đội mũ bảo hiểm là ai cũng phải đội (công bằng), ai cũng được thấy nó là có đội hay không (minh bạch), và chính phủ kiên quyết giám sát thực hiện (nhất quán và chắc chắn). Do vậy, việc thực hiện chính sách “bắt buộc đội mũ bảo hiểm” cho đến nay là khá tốt.

Một chính sách công nếu có cao về tính hiệu quả nhưng bị thấp về tính hiệu lực, thì phải đương đầu với những yếu tố tiềm ẩn, có thể rất phức tạp, khi đưa vào cuộc sống. Chẳng hạn, “giải phóng mặt bằng” là chính sách có thể xếp hạng cao về tính hiệu quả (vì người dân nghèo có thể nhận những khoản bồi thường rất lớn) thế nhưng tính hiệu lực của nó rất thấp, từ sự công bằng đến minh bạch, từ tính nhất quán đến độ chắc chắn. Chính vì vậy, việc nhiều địa phương đã gặp phải rất nhiều khó khăn, nan giải trong thực thi chính sách này; và đây là một nguyên nhân lớn gây khiêu kiện phức tạp trong nhiều năm qua.

2. Tầm quan trọng của tính công bằng trong hoạch định chính sách công

Có hai ví dụ minh họa điển hình.

Ví dụ 1. Hai lớp sinh viên đại học A và B được lựa chọn cho thí nghiệm. Hai lớp có số lượng, phẩm chất và năng lực tương đồng.

Sinh viên của cả hai lớp được yêu cầu nhập dữ liệu in trên các trang giấy vào máy tính. Sinh viên lớp A được trả 5 USD cho mỗi trang dữ liệu, áp dụng minh bạch và công bằng cho tất cả học sinh.

Trong khi đó, sinh viên ở lớp B (ở một nơi cách biệt) được trả

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

7 USD cho mỗi trang thông tin; thế nhưng, một số trong lớp được lựa chọn tùy tiện bởi người hướng dẫn (theo cách gây nên cảm giác mờ ám, thiếu công bằng) và những sinh viên này được hưởng mức tiền công 10 USD mỗi trang.

Kết quả thí nghiệm cho thấy, năng suất lao động của lớp B thấp hơn hẳn lớp A mặc dù tiền công trả cho lớp B cao hơn nhiều (7 đến 10 USD ở lớp B so với 5 USD ở lớp A). Hơn thế nữa, sinh viên lớp B trở nên nghi kỵ dò xét lẫn nhau và mối quan hệ của họ có dấu hiệu bị tổn thương.

Bài học ở thí nghiệm này là: nếu chính sách coi nhẹ tính công bằng hoặc người thực hiện chính sách được tùy tiện vì phạm tính công bằng thì mức tổn hại rất lớn: tổn kém nhiều, hiệu quả thấp, quan hệ và lòng tin trong xã hội bị tổn hại.

Ví dụ 2. George Akerlof, người được giải thưởng Nobel năm 2001, chỉ ra một ví dụ về tầm quan trọng của minh bạch về thông tin và công bằng trong đánh giá tới động thái vận hành của thị trường và xã hội.

Đó là ví dụ có tính mô hình về thị trường ô tô cũ. Giả sử trên thị trường có hai loại ô tô cũ, hình thức giống hệt nhau nhưng có giá trị thực khác nhau. Vào lúc khởi đầu, có 50% là loại xấu với giá trị thực là 5.000 USD và 50% là loại tốt với giá trị thực là 10.000 USD. Người tiêu dùng không thể phân biệt được chất lượng thực của xe mà phải dựa vào vận may. Nếu may mắn, họ sẽ mua được xe tốt; nếu không may, họ sẽ mua phải xe xấu. Do vậy, họ sẽ trả giá theo giá trị kỳ vọng. Giá trị kỳ vọng được tính bằng tỷ lệ xe xấu nhân với giá xe xấu cộng với tỷ lệ giá xe tốt nhân với giá xe tốt.

Do vậy, giá kỳ vọng của xe cũ trên thị trường trong đợt đầu sẽ là $(50\% \times 5000) + (50\% \times 10000) = 7500$ USD.

Với giá này, người bán xe xấu có lãi 2500 USD (=7500 -

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

5000) trong khi người bán xe tốt bị lỗ 2500 USD (=7500 - 10000). Do đó, người bán xe xấu sẽ đông lên và người bán xe tốt sẽ giảm đi.

Giả sử trong đợt tiếp theo, số người bán xe xấu tăng lên 70% trong khi số người bán xe tốt giảm xuống còn 30%.

Khi đó giá kỳ vọng sẽ là $(70\% \times 5000) + (30\% \times 10000) = 6500$ USD.

Với giá này, người bán xe xấu vẫn có lãi 1500 USD (=6500 - 5000) nên lượng người bán loại xe này tiếp tục tăng lên, trong khi người bán xe tốt bị lỗ nặng hơn 3500 USD (=6500 - 10000) nên một số tiếp tục rút ra khỏi thị trường hoặc chuyển sang bán xe xấu để lấy lãi.

Giả sử trong đợt tiếp theo nữa, số người bán xe xấu tăng lên 90% trong khi số người bán xe tốt giảm xuống còn 10%.

Khi đó giá kỳ vọng sẽ là $(90\% \times 5000) + (10\% \times 10000) = 5500$ USD.

Với giá này, người bán xe xấu vẫn có lãi 500 USD (=5500 - 5000) nên lượng người bán loại xe này tiếp tục tăng lên, trong khi người bán xe tốt bị lỗ càng nặng hơn -4500 USD (=5500 - 10000) nên số lượng người bán xe tốt tiếp tục giảm mạnh.

Động thái này cứ tiếp tục như vậy cho đến khi trên thị trường chỉ còn toàn xe xấu.

Ví dụ này cho thấy sự thiếu công bằng trong đánh giá (trong ví dụ này là do thiếu minh bạch về thông tin) có thể kéo cả xã hội sa sút dần dần đến một dạng thức ngày một thấp cấp hơn.

Nguyên lý này có thể thấy rõ ở Việt Nam trong hai trường hợp cụ thể sau.

Trường hợp thứ nhất là người nông dân trồng rau. Người trồng rau sạch và người trồng rau bẩn không được phân định xác đáng và công bằng; kết quả là hầu hết nông dân sẽ dần dần chuyển sang

trồng rau bản để bán và chỉ trồng rau sạch để ăn.

Trường hợp thứ hai là đội ngũ công chức. Người có năng lực, tận tâm, trong sáng cũng được đối xử (trả lương và đề bạt) giống như người yếu năng lực và vụ lợi cá nhân. Kết quả là, nhiều người có năng lực và phẩm chất trong sáng sẽ rời bỏ các cơ quan chính phủ; số người ở lại sẽ đi vào xu thế giảm sút nỗ lực đầu tư nâng cao năng lực và trở nên ngày càng vụ lợi cá nhân hơn. Động thái này cuối cùng có thể dẫn đến tình trạng là nhiều cơ quan công quyền ở nước ta, so với yêu cầu thực tế, sẽ ngày càng trở nên yếu kém về năng lực và phẩm chất.

Những ví dụ đơn giản trên cho thấy rằng, nếu sự công bằng không được thượng tôn trong hoạch định và thực thi chính sách, một xã hội có thể cứ bị mòn mỏi và thui chột theo thời gian trong sự ngờ vực và nghi kỵ. Hậu quả là người dân phải hứng chịu những tổn thất hữu hình và vô hình ngày một lớn, và xã hội có thể phải trải qua những hiểm họa khôn lường.

Báo Công lý – Tết Kỷ Sửu 2009

TỪ MỘT VĂN HÓA BIỆN BÁC ĐẾN MỘT DÂN TỘC TƯ DUY

Nguyễn Phan Khiêm trò chuyện với TS Vũ Minh Khương

– Hai năm trước anh đã viết bài “Cơ hội của Thánh Gióng,” cho rằng đất nước ta đang đứng trước một cơ hội lớn, một bước ngoặt trọng đại. Nhìn lại, chúng ta đã rẽ vào bước ngoặt ấy chưa? Chúng ta đã nắm bắt cơ hội như thế nào, thưa anh?

Tôi nghĩ là Việt Nam đã bước vào bước ngoặt đó nhưng dường như chúng ta chưa đủ ý chí quyết tâm và tầm nhìn để nắm bắt triệt để cơ hội lớn lao này.

Những nỗ lực đáng kể của Việt Nam dường như vẫn chỉ xoay quanh mô hình “cởi trói” đã định hình trong công cuộc đổi mới vừa qua để rồi thụ động chờ đợi. Dường như, thế giới đang nắm bắt cơ hội và khai thác Việt Nam hơn là Việt Nam đang chủ động nắm bắt vận hội mà thời đại đã mang lại. Chúng ta chưa mở ra được thế trận mới để cả toàn dân bước vào với sức mạnh quật khởi của ý chí dân tộc và nguồn lực toàn cầu.

Một dân tộc nào vượt lên cũng đều phải có được những vị tướng kiệt xuất và những đội quân quả cảm, đặc biệt trên các mặt trận được xác định là có tính quyết chiến chiến lược. Về mặt này, tôi chưa thấy dấu hiệu của những chuyển biến vượt bậc.

– Tại sao chúng ta nắm bắt cơ hội vàng cho công cuộc phát triển hôm nay chưa thật mạnh mẽ, thưa anh?

Nắm bắt cơ hội cho phát triển của một dân tộc tùy thuộc nhiều vào não trạng của họ. Não trạng “biến bác” nhìn thế giới với sự chủ quan, ngờ vực và luôn cố tìm ra nguyên nhân khách quan cho mọi thách thức hay thất bại mà mình gặp phải. Não trạng “tư duy”

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

nhìn thế giới với con mắt khách quan và sự xét đoán khoa học, với niềm tin thế giới là kho tri thức và tài nguyên vô giá cho học hỏi và khai thác.

Dân tộc với não trạng “biện bác” thường thụ động, ngại đổi thay cho đến khi rơi vào vòng xoáy không cưỡng lại được của thời đại để rồi phải chịu những tổn thất và thua thiệt trong nhiều thế hệ. Dân tộc với não trạng “tư duy” thấm thía những bài học của quá khứ, thôi thúc bởi mục tiêu to lớn cho tương lai, tìm mọi phương cách nắm bắt các cơ hội và tránh những hiểm nguy do thời đại mang lại.

Với não trạng “biện bác” nước ta rơi vào sự đô hộ của Pháp và chúng ta có dư lý lẽ để kết tội sự tham lam, tàn bạo của thực dân Pháp đã làm dân ta bị đầy đọa trong suốt 80 năm trời.

Với não trạng “tư duy” dân tộc Nhật Bản, trong cùng thời gian đó đã vượt lên với khẩu hiệu: “xây dựng đất nước Nhật Bản bằng tinh thần của người Nhật Bản và tinh hoa tri thức của toàn nhân loại.” Nhật Bản có lẽ là nước có ý thức học hỏi cao nhất và ít có sự trách cứ các yếu tố khách quan nhất. Họ hiểu rõ mọi thành công và thất bại đều ở trong tay họ.

– Xin cho thêm ví dụ về dân tộc với khả năng “tư duy”.

Singapore là một ví dụ sinh động. Tầm nhìn xuyên suốt của họ là dân tộc Singapore phải là một dân tộc “tư duy.” Một dân tộc, tổ chức, hay cá nhân chỉ quen với “biện bác” sẽ không bao giờ trưởng thành.

Trong tư duy, người Singapore nhấn mạnh “tư duy chiến lược,” “tư duy học hỏi,” và “tư duy cải cách.”

“Tư duy chiến lược” đòi hỏi có tầm nhìn, hiểu rõ cơ hội và thách thức của tương lai để hoạch định được chiến lược khôn ngoan và hữu hiệu nhất cho công cuộc phát triển. Họ hiểu rất rõ phải làm gì để khai thác triệt để cơ hội do sự cất cánh của hai nền kinh tế khổng lồ kề cận là Trung Quốc và Ấn Độ mang lại; đồng

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

thời cũng tích cực chuẩn bị cho tình huống nước biển sẽ làm ngập một diện tích lớn của Singapore do khí hậu trái đất nóng lên.

“*Tư duy học hỏi*” ý thức cao độ việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong mỗi quyết định quan trọng của mình. Ông Lý Quang Diệu ước tính là 70% ý tưởng thực hiện bởi chính phủ Singapore là dựa trên kết quả trực tiếp của sự học hỏi [1]. Chẳng hạn, sân bay Logan ở Boston cho thấy bố trí sân bay ven biển giúp tránh tiếng ồn và tiết kiệm diện tích đất. Học hỏi ý tưởng này, Singapore đã mạnh dạn từ bỏ sân bay cũ với giá trị 500 triệu USD, để xây dựng sân bay mới Changi như ta thấy ngày nay. Một vài bài học nổi bật mà Singapore đã học hỏi từ các dân tộc khác là:

- Campuchia (của những năm 1960) về ý tưởng thành phố vườn.
- Israel về học thuyết quân sự và cách tổ chức quân đội để làm sao bảo vệ một nước nhỏ an toàn trước sự đe dọa của những người láng giềng lớn hơn.
- Hà Lan về cách quản lý và đánh giá nhân sự.

“*Tư duy cải cách*” đòi hỏi người lãnh đạo có sự kết hợp hài hòa giữa ý chí quyết tâm, lòng tự tin, và tính khiêm tốn, để cùng đội ngũ của mình và toàn dân tìm kiếm chân lý từ thực tiễn để rồi dũng cảm thay đổi, cải cách để đủ tầm và lực nắm bắt vận hội mới do thời đại mang lại.

Tôi cũng rất ấn tượng với kế hoạch 747 của ông Lee Myung-Bak, người vừa được nhân dân Hàn Quốc bầu làm tổng thống. Ngoài nỗ lực đưa Hàn Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ bảy trên thế giới với mức thu nhập bình quân đầu người 40.000 USD vào năm 2015, họ còn nỗ lực giúp CHDCND Triều Tiên đạt mức tăng trưởng 17%/ năm và mức thu nhập bình quân 3.000 USD đầu người trong những năm tới.

Để nắm bắt vận hội đang tới của nước mình, dân tộc Việt Nam ta nhất định phải chuyển từ não trạng “*biện bác*” sang não trạng “*tư*

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

duy” trên cả ba mặt: “tư duy chiến lược,” “tư duy học hỏi,” và “tư duy cải cách.” Tôi ước muốn chính phủ sớm ra quyết định lập bộ cẩm nang học hỏi cho tất cả các bộ ngành và địa phương. Mọi quyết sách đều phải được xây dựng dựa trên tham khảo kỹ lưỡng 10 kinh nghiệm hay nhất của thế giới.

– Theo anh, điều gì có thể tạo ra bước ngoặt để một dân tộc chuyển từ “biện bác” sang “tư duy”?

Tôi nghĩ là trở về nỗi nhục quá khứ và hiện tại của quốc gia và khát vọng tương lai của dân tộc. Ông Đặng Tiểu Bình đã làm việc này rất thành công khi họ khởi đầu công cuộc cải cách. Tôi được người bạn Trung Quốc kể rằng, trước khi họp bàn Bộ Chính trị về các vấn đề quan trọng, đặc biệt là nhân sự, ông ấy cho mọi người xem tám biển “khu này cấm chó và người Trung Quốc” và bộ phim tài liệu về cảnh hành hình vợ chồng chủ tịch Ceausescu, lãnh đạo cũ của Rumani. Các thành viên cuộc họp khi xem xong đều thấy xúc cảm mạnh mẽ về nỗi nhục quá khứ và lo lắng cho sự vững bền của hệ thống trong tương lai nên họ có thể quên đi những vụ lợi và mưu tính cá nhân để dồn trí lực và tâm huyết cho sự nghiệp chung.

– Anh có nhận xét khái quát gì về chính sách công ở Việt Nam?

Chính sách công là một vấn đề có vai trò nền tảng cho công cuộc phát triển của mỗi quốc gia vì nó quyết định chất lượng của năm nhóm sản phẩm công trụ cột mà chính phủ một nước phải cung cấp cho người dân; đó là: dịch vụ công quyền, giáo dục, sức khỏe - y tế - thực phẩm, giao thông - quy hoạch đô thị - nhà ở, an toàn cá nhân, chất lượng của môi trường tự nhiên và xã hội.

Người làm chính sách trong thiết kế và triển khai một chính sách công phải giống như một người kỹ sư chịu trách nhiệm đưa ra một sản phẩm hay một doanh nhân thiết lập hay tái cấu trúc lại một

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

doanh nghiệp. Họ đều phải tính đến giá trị thực sự mà nỗ lực của mình sẽ mang lại cho khách hàng hay nhà đầu tư.

Chính sách công của ta nói chung còn rất hạn chế trên cả ba tiêu chí đánh giá chủ yếu: *hiệu quả* (lợi ích trừ chi phí); *hiệu lực* (minh bạch và xác quyết); và *công minh* (người chấp hành thấy hợp tình hợp lý). Một nguyên nhân căn bản của tình trạng chất lượng chính sách công của ta còn thấp là do người làm chính sách công của ta chưa bị kiểm định và đánh giá bởi người dân nên không phải trần trở tìm cách đáp ứng kỳ vọng của họ.

Điều đáng quan ngại là chính sách công của ta thiếu hàm lượng trí tuệ, đặc biệt ở tính phân tích thấu đáo và tầm chiến lược; do đó các chính sách công thường giải quyết sự vụ, hơn là tìm ra điểm căn nguyên có tính đột phá. Khi thiết kế một chính sách công, ta thường không đi phân tích thấu đáo vấn đề gốc rễ mà thường đi ngay vào một vấn đề nhánh, không then chốt để rồi dồn sức lực để giải quyết vấn đề không phải là chính yếu này.

Chẳng hạn, trong thách thức giảm thiểu tai nạn giao thông đường bộ chúng ta dồn ngay sức vào vấn đề nhánh là đội mũ bảo hiểm; trong vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục đại học, chúng ta bắt ngay vào ưu tiên thực hiện đề án đào tạo 20.000 tiến sĩ. Các cơ quan chức năng, do đó bận rộn với việc cố gắng chứng minh tính khả thi của các vấn đề nhánh do ai đó đặt ra để rồi dốc sức thực hiện nó, hơn là phân tích thấu đáo và toàn diện, tìm ra các vấn đề căn nguyên để đi tới chính sách có sức đột phá nhằm giải quyết vấn đề chính yếu một cách triệt để với hiệu quả và hiệu lực cao nhất.

– *Nếu anh có một đề nghị để đất nước chúng ta chuyển từ “biện bác” sang “tư duy,” anh sẽ có đề nghị gì?*

Tôi thực sự muốn thấy mô hình “Thành phố toàn cầu” theo kiểu Singapore ở Việt Nam. Trong công cuộc phát triển ở thế kỷ 21 này, mỗi dân tộc đều cần có những thử nghiệm mạnh dạn với sự đóng góp cao nhất tài năng và tâm huyết của toàn dân tộc. Khu

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

kinh tế đặc biệt như đã thấy ở Trung Quốc đi tiên phong trong cải cách thể chế kinh tế đã thu được những thành quả đặc biệt. Chúng ta hiện nay không chỉ mỳ mọ về mô hình kinh tế mà cả mô hình chính trị.

“Thành phố toàn cầu” sẽ đi tiên phong thử nghiệm cả về thể chế kinh tế và mô hình chính trị và chắc chắn sẽ thu được những kết quả kỳ vĩ, cả về phát triển kinh tế và củng cố lòng tin của người dân và cộng đồng quốc tế vào tương lai của đất nước chúng ta.

Tôi ước mong thấy Khánh Hòa là tỉnh được lựa chọn để xây dựng thành “Thành phố toàn cầu.” Đây sẽ không chỉ là thông điệp của chính phủ đến người dân, cũng không chỉ là thông điệp của Việt Nam với thế giới, mà là thông điệp của thế hệ hôm nay đến thế hệ mai sau về ý chí và tầm nhìn của dân tộc chúng ta trong sự nghiệp kiến quốc.

– Xin cảm ơn anh đã dành cho chúng tôi cuộc trò chuyện này.

Báo Công lý – Tết Mậu Tý 2008

Ghi chú:

[1] Xem thêm “Dynamic Governance – Embedding Culture, Capabilities and Change in Singapore” by Boon Siong Neo and Geraldine Chen, Singapore: World Scientific, 2007.

ĐÔI ĐIỀU VỀ CẢI CÁCH CƠ CẤU (TÁI CẤU TRÚC) NỀN KINH TẾ

1. Cải cách cơ cấu kinh tế là gì?

Cải cách cơ cấu là nỗ lực tổng hợp của toàn xã hội, trong đó chính phủ đóng vai trò trung tâm, nhằm nâng cao mạnh mẽ năng suất lao động (NSLĐ) và hiệu quả sử dụng nguồn lực, tăng thêm việc làm, kiến tạo nền tảng lâu dài và thuận lợi hơn cho công cuộc phát triển.

Tâm điểm của cải cách cơ cấu là *tăng năng suất*, được đo bằng giá trị gia tăng tạo ra trên mỗi đơn vị nguồn lực (bao gồm lao động, vốn, và đất đai) ở mọi ngành nghề và cấp độ, từ cá nhân đến doanh nghiệp, từ địa phương đến toàn bộ nền kinh tế.

Nỗ lực của cá nhân, doanh nghiệp và toàn xã hội trong tăng năng suất được thực hiện thông qua hai quá trình chủ yếu:

- + Tăng năng suất trên chính lĩnh vực đang hoạt động; và
- + Chuyển dịch nguồn lực sang lĩnh vực hoạt động mới với năng suất cao hơn.

Trong nỗ lực cải cách cơ cấu, nhiệm vụ trung tâm của nhà nước là tạo cơ chế thuận lợi, khuyến khích, và thúc giục doanh nghiệp tăng năng suất, trước hết là năng suất lao động.

Các phương thức tăng năng suất, trước hết là NSLĐ ở cấp độ doanh nghiệp hướng theo ba trục chính (xem Hình 1 dưới đây):

+ **Trục A–A: Tăng thêm giá trị** cho mỗi đơn vị sản phẩm. Giá trị của một sản phẩm được đo bằng cả giá trị nội tại và giá trị cảm nhận của nó. Giá trị nội tại của sản phẩm có thể được tăng thêm

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

nhờ nâng cao chất lượng, mẫu mã, và tính năng sử dụng thông qua thiết kế và đầu tư nghiên cứu phát triển; trong khi giá trị cảm nhận của nó có thể được tăng thêm thông qua các hoạt động tiếp thị, từ đóng gói, phân phối, đến chọn thị trường và khuyến mại.

+ **Trục B-B: Tăng năng suất sản phẩm** (sản lượng trên đơn vị nguồn lực): một mặt thông qua đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng, ý thức của công nhân; mặt khác đầu tư nâng cấp thiết bị và kỹ năng quản lý sản xuất, giám sát chất lượng.

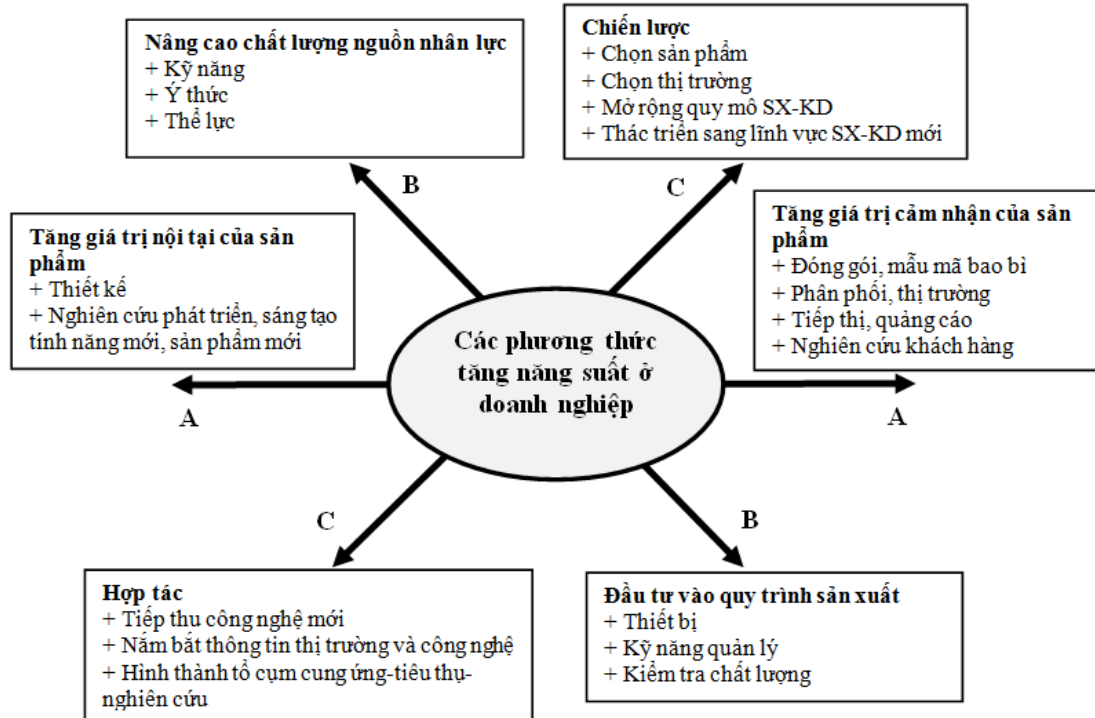
+ **Trục C-C: Tăng giá trị từ khai thác xu thế, thời cơ và nguồn lực ngoại biên thông qua khả năng hoạch định chiến lược và năng lực hợp tác - liên minh.** Trên trục này, doanh nghiệp tạo thêm giá trị mới thông qua hoạch định chiến lược kinh doanh cho phù hợp nhất với mục tiêu, thế mạnh cốt lõi của bản thân và xu thế thị trường; hoặc thông qua các mối quan hệ hợp tác, liên kết - liên minh với các doanh nghiệp khác trong cùng hiệp hội hoặc địa bàn, các đối tác và bạn hàng. Việc chuyển dịch cơ cấu sâu rộng thường được thực hiện chủ yếu trên hướng trục này.

Để khởi động một quá trình cải cách cơ cấu sâu rộng và sống động cuốn hút mọi cá nhân và doanh nghiệp theo mô hình trên, Chính phủ cần đặc biệt coi trọng các điều kiện sau:

1. Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định.
2. Tuân thủ nghiêm ngặt và không ngừng hoàn thiện cơ chế thị trường, đặc biệt điều kiện cho việc sáp nhập, mua bán, và giải thể công ty; đảm bảo sự thẳng thắn của hiệu quả và sáng tạo.
3. Xây dựng hệ thống quản lý nhà nước ưu tú với luật chơi rõ ràng, mạch lạc, và nhất quán; khuyến khích mạnh mẽ nỗ lực tạo giá trị và ngăn chặn hiệu quả các hành vi đầu cơ trục lợi.
4. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh; không biệt đãi doanh nghiệp nhà nước.

Chương 2. Những trở trở khôn ngoan

Hình 1: Các phương thức tăng năng suất ở doanh nghiệp



5. Hỗ trợ các hiệp hội khai thác và cung cấp thông tin công nghệ và thị trường cho các thành viên.

6. Cải cách mạnh mẽ và sâu rộng hệ thống giáo dục, đảm bảo nguồn lực lao động có khả năng và thái độ thích ứng cao với nhịp độ cải cách cơ cấu nhanh chóng trong từng doanh nghiệp, ngành nghề, và toàn xã hội.

7. Có chính sách thuế và cơ chế tín dụng tốt khuyến khích cải cách cơ cấu tăng NSLĐ và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

8. Ráo riết đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, đặc biệt ở các địa bàn có ý nghĩa chiến lược và chủ đạo trong vai trò động lực cho công cuộc cải cách cơ cấu, như Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

2. Tại sao phải xúc tiến cải cách cơ cấu kinh tế khi còn thuận lợi?

Cải cách cơ cấu là một đòi hỏi nghiệt ngã đối với tất cả các nước muốn tiến bước trên con đường đi đến phồn vinh. Thế nhưng, có nhiều nước không chủ động vượt qua đòi hỏi này khi tình thế kinh tế còn thuận lợi và thường bắt đầu nó quá muộn khi đất nước đã rơi vào khủng hoảng. Điều này lý giải tại sao nhiều nước có khởi đầu tốt nhưng rồi sa lầy trong chàm bẫy của mức thu nhập trung bình như hiện thực của hầu hết các nước Đông Nam Á và Mỹ Latinh.

Nghịch lý **“tăng trưởng cao trong khi sức cạnh tranh phát triển sa sút”** được minh họa bằng ví dụ ở Bảng 1 dưới đây giải thích tại sao một nền kinh tế có tăng trưởng ngoạn mục trong khi sức cạnh tranh phát triển của nó suy giảm nhanh chóng cho đến khi đất nước rơi vào khủng hoảng. Một ví dụ điển hình là trường hợp của Indonesia giai đoạn 1967–1997: Indonesia được thế giới khen ngợi như một nền kinh tế tăng trưởng cao trong ba thập kỷ 70, 80, và 90 cho đến khi chính quyền Suharto sụp đổ do cuộc khủng

Chương 2. Những trở trở khôn nguôi

hoảng tài chính châu Á nổ ra năm 1997.

Trong ví dụ này, để đơn giản, ta giả định là số lao động không đổi ở mức 100 người. Nền kinh tế bao gồm hai khu vực: A và B. Ở thời mốc 1, khu vực A có 80 người, NSLĐ là 10 triệu đồng trong khi khu vực B có 20 người, NSLĐ là 100 triệu đồng; tổng giá trị GDP của nền kinh tế là 2.800 triệu đồng [1]. Nhờ chính sách thoáng đảng, mở cửa, lao động ở khu vực A chuyển mạnh sang khu vực B; thế nhưng, do chiến lược phát triển không tốt, NSLĐ ở hai khu vực đều giảm rõ rệt. Giả sử rằng, với động thái này, vào thời mốc 2, khu vực A còn 60 người (giảm 20 người), trong khi khu vực B có 40 người (tăng 20 người); đồng thời NSLĐ của mỗi khu vực giảm 20%, còn 8 triệu đồng ở khu vực A và 80 triệu đồng ở khu vực B. Mặc dù sa sút về NSLĐ, chuyển dịch lao động từ khu vực A sang khu vực B làm cho bức tranh tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế rất ấn tượng: tổng giá trị GDP tăng 31% từ 2.800 triệu đồng ở thời mốc 1 lên 3.680 triệu đồng [2] ở thời mốc 2.

Tuy nhiên bức tranh tăng trưởng trên không bền vững. Giả sử tiếp theo rằng, từ thời mốc 2 sang thời mốc 3, NSLĐ trong mỗi khu vực tiếp tục giảm ở mức -20%, trong khi chuyển dịch lao động từ khu vực A sang khu vực B chậm lại hẳn, với 5 người chuyển từ khu vực A sang khu vực B. Kết quả là, sang thời mốc 3, khu vực A còn 55 người, NSLĐ còn 7,2 triệu đồng trong khi khu vực B có 45 người, NSLĐ còn 64 triệu đồng. Trong quá trình này, GDP giảm 11%, từ 3.680 triệu đồng ở thời mốc 2 xuống 3.276 triệu đồng [3] ở thời mốc 3, trong khi NSLĐ ở cả hai khu vực giảm sút tới mức báo động. Hậu quả là, nền kinh tế rơi vào khủng hoảng với tất cả những hậu quả khắc nghiệt của nó.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Bảng 1: Nghịch lý về nền kinh tế tăng trưởng cao trong khi sức cạnh tranh suy giảm nhanh chóng
(a) Từ thời mốc 1 sang thời mốc 2

	Thời mốc 1			Thời mốc 2			Tăng trưởng từ mốc 1 sang mốc 2	
	Lao động (người)	Năng suất (triệu đ)	GDP (triệu đ)	Lao động (người)	Năng suất (triệu đ)	GDP (triệu đ)	Năng suất	GDP
Khu vực A	80	10	800	60	8	480	-20%	-40%
Khu vực B	20	100	2000	40	80	3200	-20%	60%
Toàn bộ nền kinh tế (A+B)	100	28	2800	100	36.8	3680	31%	31%

(b) Từ thời mốc 2 sang thời mốc 3

	Thời mốc 2			Thời mốc 3			Tăng trưởng từ mốc 2 sang mốc 3	
	Lao động (người)	Năng suất (triệu đ)	GDP (triệu đ)	Lao động (người)	Năng suất (triệu đ)	GDP (triệu đ)	Năng suất	GDP
Khu vực A	60	8	480	55	7.2	396	-10%	-18%
Khu vực B	40	80	3200	45	64	2880	-20%	-10%
Toàn bộ nền kinh tế (A+B)	100	36.8	3680	100	32.8	3276	-11%	-11%

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

Ví dụ trên tuy được thiết kế ở mức thái quá dễ dễ hiểu, nhưng cũng có thể thấy phần nào trong thực tại nền kinh tế Việt Nam. Chẳng hạn, người dân ở nông thôn (nhất là ở miền Bắc) ra thành thị làm nghề lao động thuê với thu nhập khá hơn trước nhiều. Nhờ vậy, hàng tháng, họ có một số tiền gửi về quê hỗ trợ người thân. Tuy nhiên, do thành phố tắc nghẽn, nông thôn mất ruộng do đô thị hóa và đầu cơ đất, chuẩn mực đạo đức xã hội sa sút, nên năng suất của cả hai khu vực đều giảm mặc dù mức sống của người dân khá lên rõ rệt, tăng trưởng kinh tế cao, nhiều người lạc quan mà không hề hay biết rằng khó khăn sa sút đang mỗi ngày một tới gần.

3. Một số thách thức lớn trong nỗ lực cải cách cơ cấu kinh tế ở nước ta

Do đặc điểm lịch sử và văn hóa lâu đời và liên tiếp bị họa ngoại xâm của mình, người Việt Nam ta là một dân tộc xúc cảm, nhanh nhạy, quyết tâm, và có năng lực tiếp thu tốt. Những tố chất này quả là rất quý cho sự nghiệp phát triển.

Trong tình huống tốt (được kiến tạo bởi một đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn viễn kiến, phẩm chất hiến dâng, và tư duy thời đại), Việt Nam có thể trở thành một dân tộc có sức trở dậy mạnh mẽ của khát vọng ngàn đời, vươn lên bằng phẩm giá, đứng cao trên nền tảng nhân văn, thành tâm trong hợp tác, cầu thị trong học hỏi, và trách nhiệm với cộng đồng thế giới.

Thế nhưng, những tố chất này cũng có thể biến thành những trở lực phát triển nếu đất nước mơ hồ trong tầm nhìn, người dân vô cảm trong ý thức dân tộc, công chức mắc kẹt trong cơ chế trì trệ, lãnh đạo không xem trọng việc tuân thủ quy luật của trời đất. Khi đó, những tố chất này có thể biến chúng ta thành một quần thể hỗn độn vừa duy ý chí vừa bảo thủ, vừa cao ngạo vừa mặc cảm, tự ti, với đặc trưng là: kiến thức còn hạn chế nhưng không dốt lòng học hỏi, còn nghèo khó mà không cất lực làm việc, vị thế còn thấp kém

nhưng thích phô trương, vay nợ chồng chất mà chi tiêu hoang phí, vui chơi thỏa sức, lễ hội tràn lan, khổn khổ đến nơi mà đường như không hay biết.

Trong nỗ lực cải cách, chúng ta đứng trước ba thách thức lớn sau đây.

(1) Chúng ta còn rất thiếu tầm nhìn và tư duy chiến lược trong công cuộc phát triển

Bình pháp Tôn Tử cho rằng một nỗ lực lớn thành bại là do chiến lược quyết định. Có chiến lược tốt mà chiến thuật chưa tốt thì đường đi đến thành công gian nan và chậm chễ. Thế nhưng, có chiến thuật tốt mà không có chiến lược tốt thì thất bại là không tránh khỏi, cho dù những thắng lợi chiến thuật có tạo nên những cảm xúc hân hoan nhất thời.

Muốn vươn lên vị trí trội vượt hay ngang bằng với các đối thủ lớn, chúng ta trước hết phải có được một chiến lược phát triển ưu việt dựa trên tầm nhìn viễn kiến và tư duy thời đại, tổng hòa từ năm yếu tố chính: (i) biết sâu về chiến lược của các đối thủ lớn; (ii) sáng rõ về thời thế; (iii) thấu hiểu chính mình; (iv) thượng tôn quy luật phát triển; và (v) tinh táo lường tránh các cạm bẫy chiến lược.

Trên khía cạnh kinh tế, chúng ta tốn kém rất nhiều vào những dự án công nghiệp dẫn đến tổn thất lớn hoặc hiệu quả mơ hồ như các dự án đầu tư vào mía đường, xi măng lò đứng, nhà máy lọc dầu Dung Quất, đóng tàu, cảng biển địa phương, trong khi xem nhẹ việc kiến tạo nền tảng cho nền kinh tế như chuyển đổi cơ cấu, tăng sức cạnh tranh. Một ví dụ điển hình là đề hai thành phố trụ cột của đất nước là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh xập xệ và tắc nghẽn với tổn thất lớn cả về kinh tế và xã hội. Giả sử rằng hai thành phố có 5 triệu người lao động, mỗi năm mỗi người mất 100 giờ chờ đợi do tắc nghẽn (khoảng 30 phút mỗi ngày) và trung bình, mỗi giờ của họ (kể cả phí tổn xăng xe) đáng giá 2 USD. Với giả định này hai thành phố không chỉ mất đi ít nhất 1 tỷ USD mỗi năm [4] mà còn

Chương 2. Những trở trở khôn nguôi

mất đi cơ hội chuyển dịch lên các lĩnh vực hoạt động cao cấp với năng suất hoạt động cao hơn hẳn. Thực lực cạnh tranh và sức phát triển của nền kinh tế nước ta sẽ tốt đẹp hơn rất nhiều nếu khoản tiền đầu tư cho các dự án công nghiệp nói trên (ước tính lên đến khoảng 10 tỷ USD) đã được dành cho nâng cấp hai thành phố nói trên để chúng trở thành động lực chủ đạo và địa bàn quyết chiến chiến lược cho Việt Nam vươn lên đẳng cấp quốc tế.

Điều đáng nói thêm là do một dự án đầu tư sai trong một ngành công nghiệp, tổn thất chính không phải là khoản tiền bị tổn thất mà là sự mất đi những cơ hội vô giá cho công cuộc phát triển. Chẳng hạn, sa lầy trong dự án lọc dầu Dung Quất có thể làm chúng ta mất ngành công nghiệp hóa dầu có sức cạnh tranh quốc tế và khả năng thâm nhập các thị trường khổng lồ trong khu vực. Dốc tiền của và tâm trí vào dự án điện hạt nhân có thể làm chúng ta bỏ qua nỗ lực sống còn trong giảm thâm dụng năng lượng cho nền kinh tế và giành một vị thế toàn cầu xứng đáng trong ngành công nghiệp năng lượng xanh. Chúng ta cần lưu tâm là Trung Quốc đang mạnh mẽ thực hiện ý chí chiến lược trở thành trụ cột thống lĩnh thế giới về ngành năng lượng trong các thập kỷ tới.

Trong tầm nhìn chiến lược, chúng ta cần thấy sự trỗi dậy của Trung Quốc đem lại những cơ hội vô giá cho công cuộc phát triển của nước ta. Chúng ta cần những nghiên cứu sâu sắc và phối thuộc chặt chẽ để giúp các doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập thị trường khổng lồ và tăng trưởng rất nhanh này. Tiến công là biện pháp phòng thủ tốt nhất như Lý Thường Kiệt đã chỉ ra trong lịch sử nước ta.

(2) Bức tranh tăng năng suất lao động của nước ta không sáng sủa

Hình 2 khắc họa tiến trình tăng NSLĐ (quy chuẩn năm 2000 bằng 100) của một số khu vực trong nền kinh tế trong giai đoạn 2000–2008. Hình vẽ cho thấy toàn bộ nền kinh tế nước ta có mức

tăng NSLĐ khá. Tuy nhiên, mức tăng NSLĐ của hầu hết các ngành nghề trong nền kinh tế đều thấp hơn mức này (một hiện tượng tương tự như ví dụ minh họa trình bày ở mục trước).

Cho dù sẽ có nhiều lý giải có tính kỹ thuật cho sự giảm sút NSLĐ này, chúng ta cần thấy đây là một dấu hiệu rất đáng lo ngại vì như một chân lý đã được Lê-nin khẳng định: không tăng NSLĐ là tự sát vì xét cho cùng, chiến thắng sẽ thuộc về người có NSLĐ cao hơn.

Việc giảm sút NSLĐ trong hai khu vực Chính quyền và Đảng-Đoàn thể gợi ý rằng cải cách cơ cấu, trước hết, phải bắt đầu từ đây. Một số bước đi cấp bách cho cải cách cơ cấu trong các khu vực này là: (i) cải cách cơ cấu về tư duy (chuyển từ hệ tư duy làm tri trệ sang tư duy hỗ trợ và thôi thúc các nỗ lực kiến tạo giá trị); (ii) cải cách cơ cấu về nhân sự (chuyển từ thu dụng người có quan hệ gắn bó với cấp trên sang người có gắn bó với nhân dân); và cải cách cơ cấu về tổ chức - thiết chế (chuyển việc phán định và đề bạt cán bộ “không làm gì sai” hoặc “làm sai nhưng có nhân thân tốt” sang **chiến công** và **lòng thôi thúc phò dân giúp nước**).

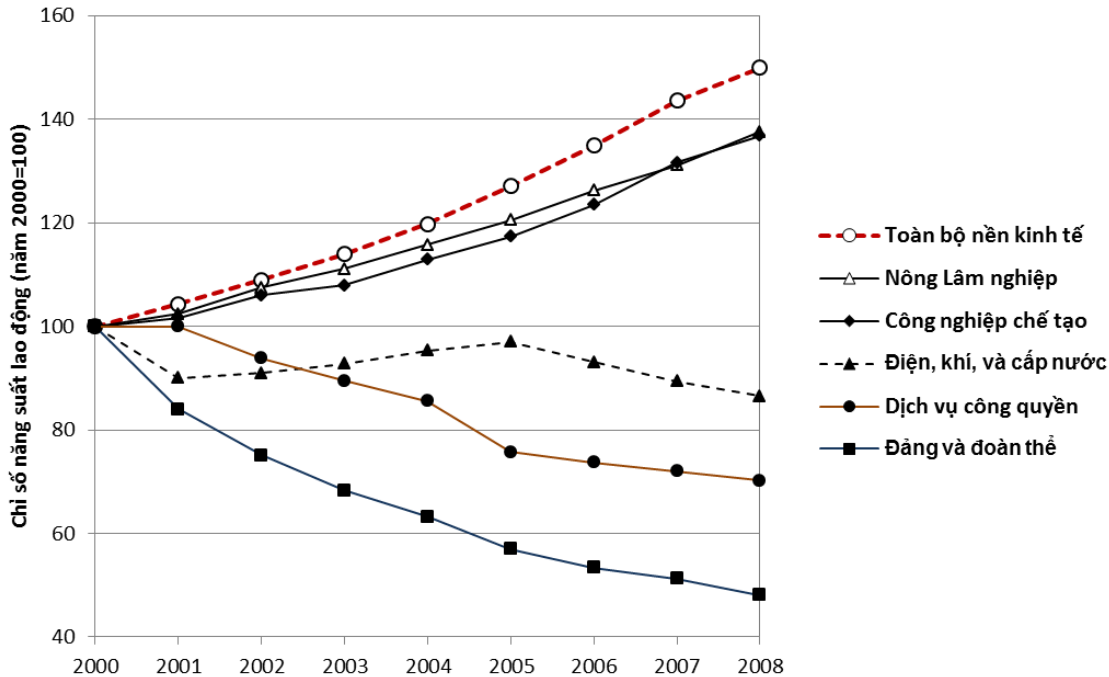
(3) Chất lượng chính sách và dịch vụ công rất thấp

Chính sách và dịch vụ công có ảnh hưởng quyết định tới luật chơi và sân chơi cho cá nhân và doanh nghiệp trong nỗ lực cải cách cơ cấu. Chính sách và dịch vụ công có chất lượng thấp sẽ làm người dân và doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, giảm khả năng và nỗ lực cải cách cơ cấu.

Chất lượng chính sách và dịch vụ công không chỉ thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc cải cách cơ cấu mà còn quyết định niềm tin và sự ủng hộ của người dân với một chính quyền hay hệ thống chính trị. Chính sách và dịch vụ công, do vậy, phải được thiết kế, hoạch định, và thực thi cẩn trọng nhằm tạo ra giá trị cao nhất cho xã hội và cho nền kinh tế.

Chương 2. Những trở trở khôn nguôi

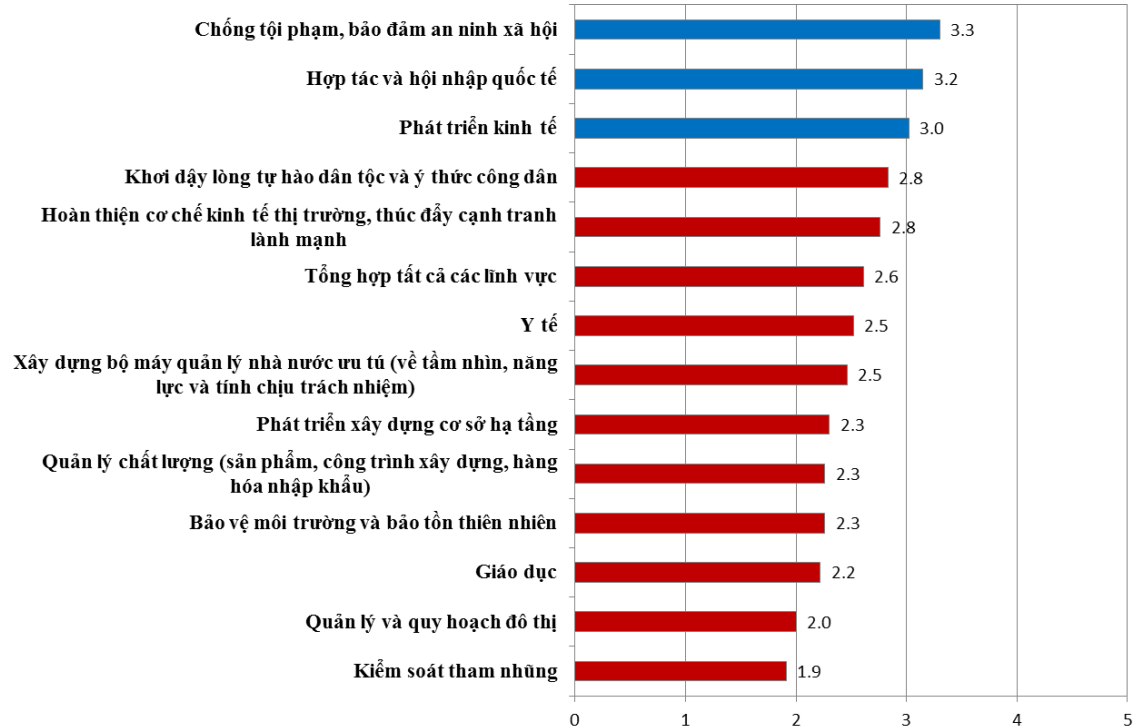
Hình 2: Tiến trình tăng năng suất ở một số khu vực chính trong nền kinh tế, 2000-2008



Nguồn: số liệu từ Tổng cục Thống kê Việt Nam

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Hình 3: Đánh giá chính sách và chất lượng dịch vụ công



Nguồn: Tác giả (từ kết quả khảo sát ý kiến của cán bộ cấp trường-phò phòng đến vụ trường-vụ phó; N=284)

Chương 2. Những trở trở khôn nguôi

Áp dụng phương pháp đánh giá chất lượng chính sách và dịch vụ công dựa trên cảm nhận của người dân theo thang bậc 5 mức (5 = hân hoan phấn chấn; 4 = phần khởi; 3 = hài lòng chấp nhận; 2 = ức chế; 1 = sốc, phẫn cảm), Hình 3 trên đây tổng hợp báo cáo khảo sát này trên một mẫu 284 cán bộ Việt Nam [5].

Kết quả từ Hình 3 cho thấy, chất lượng chính sách và dịch vụ công của chúng ta hầu hết còn rất thấp. Chỉ có các chính sách “bảo đảm an ninh xã hội,” “hợp tác - hội nhập quốc tế,” và “phát triển kinh tế” đạt mức trung bình và hơn đôi chút. Người dân dường như thấy ức chế trên hầu khắp các lĩnh vực, từ chống tham nhũng đến xây dựng bộ máy công quyền; quản lý và quy hoạch đô thị đến phát triển cơ sở hạ tầng; từ giáo dục đến y tế; từ bảo vệ môi trường đến quản lý chất lượng sản phẩm. Đây không chỉ là một nguyên nhân quan trọng làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng và Chính quyền mà còn là trở lực lớn tới nỗ lực cải cách cơ cấu của nền kinh tế nước ta.

4. Môi trường kinh tế vĩ mô thiếu sức cạnh tranh

Kinh nghiệm cải cách cơ cấu ở các nước cho thấy, ổn định vĩ mô là yêu cầu tiên quyết cho một chương trình cải cách cơ cấu thành công.

Thế nhưng chất lượng của chính sách vĩ mô của chúng ta hiện nay còn rất thấp. Báo cáo cạnh tranh năm 2009 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum) xếp hạng sức cạnh tranh của mỗi nước dựa trên chất lượng bốn trụ cột cạnh tranh: “Chiến lược và điều hành cấp doanh nghiệp,” “Môi trường kinh doanh,” “Thiết chế xã hội,” và “Chính sách kinh tế vĩ mô.” Theo báo cáo này, nước ta xếp hạng 101 về mức thu nhập bình quân đầu người, trong khi chúng ta xếp hạng cao hơn trên ba trụ cột: “Chiến lược và điều hành cấp doanh nghiệp”: 52; “Môi trường kinh doanh”: 60; “Thiết

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

ché xã hội”: 72. Tuy nhiên, chúng ta xếp hạng thấp ở trụ cột thứ tư: “Chính sách kinh tế vĩ mô” ở mức 110, dưới cả mức xếp hạng thu nhập bình quân đầu người (101).

Để thấy rõ hơn vị thế cạnh tranh của Việt Nam trên bốn trụ cột cạnh tranh nói trên, chúng ta có thể dùng hai thước đo, “Khoảng cách so với GDP” và “Khoảng cách so với nhóm so sánh”, như định nghĩa dưới đây:

Khoảng cách so với GDP

Là khoảng cách giữa mức xếp hạng GDP và mức xếp hạng của mỗi trụ cột, cụ thể như sau:

- + Chiến lược và điều hành cấp doanh nghiệp: $101 - 52 = 49$;
- + Môi trường kinh doanh: $101 - 60 = 41$;
- + Thiết chế xã hội: $101 - 72 = 29$;
- + Chính sách kinh tế vĩ mô: $101 - 110 = -9$.

Khoảng cách so với GDP dương (>0) của một trụ cột nói lên rằng trụ cột này đang là động lực cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam; độ rộng của khoảng cách càng lớn, động lực càng mạnh. Trong khi đó, khoảng cách so với GDP âm (<0) cho biết trụ cột này cần được khẩn cấp gia cường vì nó đang trì cản sức tăng trưởng của nền kinh tế. Kết quả trên cho thấy “Chiến lược và điều hành cấp doanh nghiệp,” “Môi trường kinh doanh,” và “Thiết chế xã hội” đều đang là động lực cho Việt Nam tăng trưởng; thế nhưng “Chính sách kinh tế vĩ mô” hiện đang là một trở lực.

Khoảng cách so với nhóm Asia-7

Để so sánh chúng ta đặt Việt Nam trong nhóm các nước châu Á tương đồng về trình độ phát triển (tạm gọi là Asia-7), gồm 7 nước: Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Trung Quốc, và Ấn Độ.

Khoảng cách về xếp hạng của Việt Nam so với xếp hạng của

Chương 2. Những trận trở khôn nguôi

nước trung bình trong nhóm Asia-7 trên mỗi trụ cột cho thấy Việt Nam đứng thấp xa so với nước trung điểm của nhóm trên mỗi trụ cột cạnh tranh; cụ thể như sau:

- Chiến lược và điều hành cấp doanh nghiệp: -12;
- Môi trường kinh doanh: -18;
- Thiết chế xã hội: -5;
- Chính sách kinh tế vĩ mô: -33.

Trên cả bốn trụ cột, Việt Nam có khoảng cách âm so với Asia-7; nghĩa là sức cạnh tranh quốc tế của Việt Nam trên mỗi trụ cột đều còn hạn chế cho dù nó (trừ “Chính sách kinh tế vĩ mô”) hiện vẫn đang là động lực cho Việt Nam tăng trưởng.

Hình 4 dưới đây đặc tả vị thế cạnh tranh của Việt Nam và Trung Quốc dựa theo hai thước đo khoảng cách so với Asia-7 và khoảng cách so với GDP trên bốn trụ cột cạnh tranh nói trên.

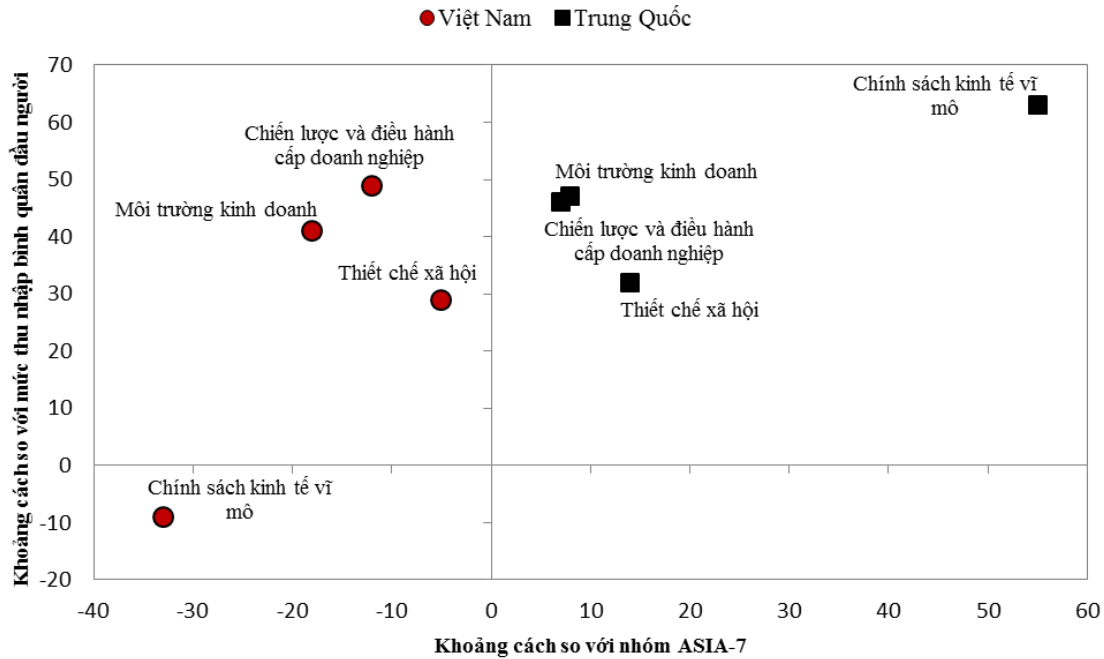
Hình 4 cho thấy chúng ta ở vị thế rất yếu trên trụ cột “Chính sách kinh tế vĩ mô,” trong khi trụ cột này lẽ ra phải là thế mạnh vì lợi thế tăng trưởng cao và nhà nước nắm trong tay hầu hết nguồn lực xã hội. Hình 4 cũng cho thấy Trung Quốc đã triệt để tận dụng lợi thế này và đứng hàng đầu ở trụ cột “Chính sách kinh tế vĩ mô.”

5. Thay lời kết

Trong khoa học quản lý, người ta dùng một khung thức đơn giản, **GROW (tăng trưởng, lớn lên)**, để kiểm định những yếu tố cơ bản cho một công cuộc phát triển. Khung thức GROW gồm bốn yếu tố cấu thành: **Goals** (Mục tiêu), **Reality** (Hiện trạng), **Options** (các Lựa chọn có thể), và **What Next** (Bước tiếp là gì). Khung thức đơn giản này có thể rất hữu ích cho các nhà quản lý nước ta trong quá trình hoạch định chính sách hay ra một quyết định quan trọng, đặc biệt cho công cuộc cải cách cơ cấu đang trở nên hết sức cấp bách ở nước ta.

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Hình 4: Vị thế trên bốn trụ cột cạnh tranh: Việt Nam và Trung Quốc, 2009



Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

Với **Goals** (Mục tiêu), liệu chúng ta có thể đặt mốc vượt lên trên mức trung bình của Asia-7 về thu nhập GDP và năng suất lao động vào năm 2025 (năm kỷ niệm 50 năm ngày thống nhất đất nước)? Liệu chúng ta có thể đặt mốc lọt vào nhóm 45 nước hàng đầu thế giới về thu nhập bình quân GDP và năng suất lao động vào năm 2045 (năm kỷ niệm 100 năm ngày đất nước độc lập)?

Với **Reality** (Hiện trạng), chúng ta cần hiểu thấu xu thế phát triển của thế giới, năng lực cốt lõi của quốc gia, chiến lược đi lên của các nước lớn trong khu vực để hiểu rõ những điều kiện nền tảng cho công cuộc phát triển, đó là một bộ máy công quyền ưu tú và một nền kinh tế vận hành theo nguyên tắc thị trường, cho dù chúng ta xây dựng CNXH hay CNTB trên đất nước của mình.

Với **Options**, chúng ta phải vạch ra được các lựa chọn xác đáng nhất cho khát vọng đặt ra ở **Goals** (Mục tiêu). Các lựa chọn này cần được thảo luận sâu sắc và chân thành trong toàn xã hội để mỗi người dân đều cảm thấy đây là sự nghiệp thiêng liêng của chính họ và con cái.

Với **What Next** (Bước tiếp là gì), chúng ta phải tìm kiếm người hiền tài để cùng vạch ra các chương trình hành động cụ thể trong 1 năm - 3 năm - 10 năm - 25 năm nhằm khai phát một công cuộc cải cách cơ cấu sống động trong toàn xã hội. Công tích của người giữ trọng trách không phải là những tấm huân chương có từ chức vụ và thời gian công tác mà là việc tìm ra được những bậc hiền tài có khả năng và hoài bão giúp mình thực thi ước muốn của người dân và doanh nghiệp trong từng lĩnh vực cụ thể.

Vietnamnet – 13/2/2010

Ghi chú:

[1] Công thức là: 80 người x 10 triệu + 20 người x 100 triệu = 2.800 triệu đồng

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

[2] Công thức là: $60 \text{ người} \times 8 \text{ triệu} + 40 \text{ người} \times 80 \text{ triệu} = 3.680 \text{ triệu}$ đồng

[3] Công thức là: $55 \text{ người} \times 7,2 \text{ triệu} + 45 \text{ người} \times 64 \text{ triệu} = 3.276 \text{ triệu}$ đồng

[4] Theo một cách ước tính tạm là: $5 \text{ triệu người} \times 100 \text{ giờ} \times 2 \text{ USD} = 1 \text{ tỷ USD}$.

[5] Các cán bộ này đều thể hiện rất cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cởi mở trong thảo luận các vấn đề chính sách được nêu.

HỌC GÌ TỪ LỘ TRÌNH ĐI ĐẾN PHỒN VINH CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC?

Trả lời phỏng vấn của Vietnamnet

Bốn điều lưu tâm

– Ngay trong thời khắc này, khi chuyên cơ chở Chủ tịch nước Trần Đức Lương và đoàn cán bộ cao cấp của Việt Nam vừa tới Bắc Kinh, anh cũng vừa về lại Hà Nội sau khi được chứng kiến chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng Phan Văn Khải, anh nghĩ đến điều gì nhiều nhất?

Hợp tác, học hỏi, và thi đua với Trung Quốc trong công cuộc phát triển kinh tế.

– Vậy ta nên học Trung Quốc điều gì?

Có bốn điều chúng ta cần đặc biệt lưu tâm học hỏi kinh nghiệm Trung Quốc:

1) Trung Quốc có một lộ trình rõ ràng để trở thành một cường quốc vào năm 2050. Công thức phát triển của Trung Quốc là cứ khoảng 10–12 năm lại tăng gấp đôi mức thu nhập bình quân đầu người: từ mức 250 USD/người năm 1980 tăng lên 500 USD năm 1990, 1000 USD năm 2000, 2000 USD năm 2010, 4000 USD năm 2020, 6.000 USD năm 2030, 12.000 USD năm 2040, và 20.000 USD năm 2050. Cho đến nay, sau gần ba thập kỷ cải cách, Trung Quốc đã và đang thực hiện xuất sắc lộ trình phát triển này.

2) Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đặc biệt khuyến khích và lắng nghe các góp ý thẳng thắn, những phán xét và kiến nghị khoa học của giới trí thức nhằm thực hiện khát vọng dân tộc và lộ trình đã vạch ra nhằm đưa đất nước trở thành cường quốc vào năm 2050.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng, quyết sách phát triển có thể mang ít nhiều hàm lượng chính trị để phù hợp với từng giai đoạn phát triển; nhưng thông tin đầu vào cho quyết sách phải thực sự khoa học, thẳng thắn, và có tầm nhìn thời đại.

3) Trung Quốc rất giỏi trong phát hiện, thu hút, và sử dụng tài năng. Thủ tướng Chu Dung Cơ, một nhà cải cách kinh tế kỳ vĩ của Trung Quốc được thế giới rất kính nể, được ông Đặng Tiểu Bình phát hiện khi làm chức phó phòng ở tuổi đã gần 50. Ông Đặng Tiểu Bình nói rõ: “trách nhiệm lớn nhất của các đồng chí cách mạng lão thành là phát hiện được cán bộ trẻ tài năng.”

4) Không ngừng hoàn thiện cơ chế thị trường. Mọi quyết sách cải cách và phát triển đều tối kị việc làm méo mó hay làm chậm lại tiến trình hoàn thiện của cơ chế thị trường. Nhiều dự án quốc gia của chúng ta, chẳng hạn như đánh cá xa bờ, mía đường, vì đi ngược cơ chế thị trường nên đã phải trả giá rất đắt. Trái lại, Luật Doanh nghiệp là một nỗ lực quan trọng trong hoàn thiện cơ chế thị trường nên đã đem lại những kết quả đặc sắc.

– Theo Tiến sĩ, Việt Nam ta nên có mục tiêu và lộ trình phát triển như thế nào để đưa đất nước đến phồn vinh?

Trong suốt hai thập kỷ qua, mức tăng trưởng của nền kinh tế nước ta thường xuyên thấp hơn Trung Quốc gần 2%. Trong khi đó, các nhà kinh tế chuyên sâu về Trung Quốc và Việt Nam, trong đó có Tiến sĩ David Dapice của Đại học Harvard, cho rằng Việt Nam hoàn toàn có khả năng tăng trưởng bằng, thậm chí nhanh hơn Trung Quốc. Nếu trong những thập kỷ tới, chúng ta đạt mức tăng trưởng bình quân đầu người của Trung Quốc, nghĩa là cứ khoảng 10 năm thì tăng gấp đôi (600 USD năm 2005, 1.200 USD năm 2015, 2.400 USD năm 2025, 5.000 USD năm 2035, và 9.000–10.000 USD năm 2045, thì chúng ta có thể gia nhập khối các nước phát triển (OECD) vào năm 2045, khi chúng ta kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

– Sự thành công của Đặng Tiểu Bình – nhà cải cách vĩ đại của Trung Quốc không chỉ ở việc quan sát và hiểu biết bên ngoài mà quan trọng hơn là việc thuyết phục bên trong. Vậy ta còn thiếu điều gì?

Ông Đặng Tiểu Bình luôn truyền cho các cán bộ lãnh đạo cảm xúc xót xa, tủi nhục của một dân tộc khi ở tình trạng hèn kém mê muội, đặc biệt khi họ họp bàn đánh giá và tìm kiếm tài năng và lãnh đạo kế cận. Ý chí sục sôi rửa nhục nghèo hèn và đưa đất nước trở thành một quốc gia phồn vinh, quả thực đã giúp lãnh đạo Trung Quốc đi tiên phong trong cải cách và lựa chọn những cán bộ kế cận có tài năng và phẩm chất được thế giới kính nể. Cũng cần nói thêm về cách tư duy trọng hiền tài của ông Đặng Tiểu Bình.

Thông thường, các vị lãnh đạo quốc gia muốn phát triển quê hương mình bằng việc rót tiền cho các dự án hạ tầng cơ sở và phát triển công nghiệp. Ông Đặng Tiểu Bình không làm vậy. Ông chỉ yêu cầu Trung ương giúp tìm được 5 cán bộ trẻ, thật tài năng về lãnh đạo quê hương ông. Và chính những người trẻ tài năng này, không chỉ làm đổi thay bộ mặt quê hương ông mà còn tạo nên sự tin tưởng và gắn bó của người dân với chính quyền.

Trung Quốc rất coi trọng duy trì ổn định đại cục trên cơ sở cải cách mạnh mẽ và chấp nhận xáo động ở mức tiểu cục. Việc thay thế cán bộ lãnh đạo, chuyển chuyển và đào tạo lại công chức được mạnh dạn thực hiện trên quy mô lớn. Các nhà máy, công ty được tổ chức lại một cách quyết liệt để tăng thực lực cạnh tranh quốc tế.

Chúng ta cũng có kinh nghiệm này khi đất nước khởi đầu công cuộc đổi mới vào cuối những năm 1980, đầu 1990. Khi đó, nhiều nhà máy, xí nghiệp phải đóng cửa; mọi người nỗ lực tìm giải pháp đột phá, tạo nên cục diện phát triển ổn định cho nhiều năm sau này. Tuy nhiên hiện nay, chúng ta dường như lại quá coi trọng ổn định tiểu cục, trong khi thiếu tầm cái cách chiến lược để đảm bảo sự ổn định đại cục cho tương lai lâu dài. Các ngành, các đơn vị chỉ lo cho

thành tích hơn là bức xúc cho cải cách và phát triển.

Đặc khu kinh tế – cán bộ ưu tú là điều kiện “cần” đầu tiên

– Thừa Tiến sĩ, đâu là bí quyết thành công của các đặc khu kinh tế ở Trung Quốc so với các khu kinh tế của ta?

Ở Trung Quốc, đặc khu kinh tế được thành lập từ ý chí và tầm nhìn đặc biệt của lãnh đạo tối cao chứ không phải do các địa phương chạy vạy và thuyết phục như ở ta. Với họ, các dự án đều thể hiện tính tinh hoa, từ chọn vị trí thật đắc địa đến chọn cán bộ quản lý đặc biệt ưu tú và cơ chế chính sách có tính đột phá. Còn ta vẫn mang tính “cục bộ địa phương,” tỉnh nào muốn giữ riêng dự án cho tỉnh đó, để cán bộ địa phương mình quản lý. Cơ chế chính sách rất đơn điệu, chủ yếu là giảm thuế và xin tiền đầu tư hạ tầng.

Đảng và Nhà nước nên cho đấu thầu về tuyên truyền!

– Có một người bạn tranh luận với tôi là: đừng có cái gì cũng học “Tây” vì mỗi nước có một đặc thù riêng. Trung Quốc là một nước XHCN nhưng đã từng đóng cửa nhiều tờ báo không sinh lợi của nhiều đoàn thể. Theo anh, với đặc thù của ta, có nên “nuôi” mỗi tỉnh (có nơi là một huyện) mỗi Đài truyền hình, và nhiều tờ báo của bộ, ngành, đoàn thể dù lượng phát hành thấp đến đâu vẫn được bao cấp?

Theo tôi, truyền thông vẫn phải mang trách nhiệm tuyên truyền. Nhưng mọi thứ phải hiệu quả, có thước đo, và chịu sự phán xét của người tiếp nhận thông tin. Nên chăng, Đảng và Chính phủ cho định kỳ đánh giá sát sao xem tờ báo nào, đài truyền hình nào giúp người dân nâng cao hiểu biết nhiều hơn, thấu hiểu chính sách của Đảng và Chính phủ tốt hơn. Trên cơ sở đó có chính sách đấu thầu đơn đặt hàng của Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền và giáo dục công chúng.

Vietnamnet – 21/7/2005

THAY ĐỔI ĐỂ ĐI LÊN

Trả lời phỏng vấn nhân dịp Xuân Nhâm Ngọ 2014

Từ ước vọng đến nỗ lực hành động: năng lực đột phá

– Một hình ảnh tôi khá ấn tượng mỗi cuối năm – trước thời khắc chuyển sang năm mới, đó là từng gia đình sẽ nấu một nồi nước lá để tắm gội, rũ đi những xui xẻo của năm cũ, họ chờ đợi một cái gì đó mới hơn, một thay đổi so với thời khắc cũ. Ông đọc được gì trong những lễ tục như thế này, dưới góc nhìn là những khát vọng đổi thay của dân tộc?

Đây là một lễ tục có ý nghĩa rất đáng trân trọng và lưu truyền. Cái hay của lễ tục này là nhìn về phía trước, thôi thúc ước vọng về một tương lai tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, hạn chế của lễ tục này là ở tính thụ động, cầu mong vào sự may rủi, và thiếu tính hành động. Bởi vậy, lễ tục này cần được thể hệ hiện nay và tương lai bổ trợ bằng những lễ tục mới mang tính hành động hơn. Ví dụ, người phương Tây có thói quen đề ra mục tiêu và chương trình hành động cho năm mới, với những nội dung rất đời thường như giảm cân, tăng thời gian cho gia đình, đọc cuốn sách được xác định là rất cần đọc. Tôi nghĩ rằng, sự kết hợp giữa lễ tục tắm gội và lễ tục mới này sẽ tạo nên một động lực chuyển biến có ý nghĩa cho từng cá nhân, gia đình, và cả xã hội.

– Trong cách mạng chúng ta thắng các kẻ thù lớn với phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến” và đưa đến những thắng lợi vẻ vang. Nhưng rồi thời bình, có chăng chúng ta lại bị rơi vào một sự chủ quan duy ý chí. Sự ứng biến với đổi thay của thời vận quá

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

chậm, làm tuột đi những cơ vận của đất nước. TS có ý kiến gì về vấn đề này?

“Đĩ bất biến, ứng vạn biến” là một nguyên tắc nền tảng, có khả năng tạo nên sức mạnh kỳ diệu, mà mỗi cá nhân, tổ chức, và quốc gia nên hết sức thấu hiểu và thành tâm vận dụng. Phương châm hành động được chỉ ra bởi nguyên tắc này là: kiên định mục tiêu và giá trị tối thượng; nhạy bén, linh hoạt, và thích ứng trong chiến lược và thủ pháp hành động. Phương châm này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và những người lãnh đạo cách mạng vận dụng tài tình trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước. Chính nhờ vậy Việt Nam đã làm nên những kỳ tích vẻ vang, làm kinh ngạc thế giới.

Trong thời kỳ hòa bình, công cuộc xây dựng đất nước càng đòi hỏi việc thấu triệt và thành tâm trong vận dụng nguyên tắc “đĩ bất biến, ứng vạn biến”. Tuy nhiên, với Việt Nam, việc này khó khăn hơn nhiều so với thời kỳ chiến tranh, bởi lẽ mục tiêu và giá trị tối thượng cho công cuộc giải phóng dân tộc rất rõ ràng và thôi thúc: dân tộc độc lập, đất nước thống nhất, người Việt Nam làm chủ vận mệnh của mình. Trong khi đó, mục tiêu và giá trị tối thượng của Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước còn mơ hồ, thậm chí lẫn lộn giữa mục tiêu và phương tiện. Thêm nữa, quyền lợi cá nhân của người có trách nhiệm và người dân trong thời bình không còn gắn kết thống nhất như trong thời kỳ chiến tranh. Vì vậy dễ xảy ra tình trạng “đồng sàng dị mộng” nếu việc lựa chọn người lãnh đạo không được thực hiện một cách dân chủ và cẩn trọng. Chỉ còn khoảng ba thập kỷ nữa, vào năm 2045, Việt Nam sẽ kỷ niệm 100 năm ngày giành độc lập. Thế nhưng, chúng ta hôm nay hình như vẫn chưa xác định được rõ mục tiêu và giá trị tối thượng của dân tộc trong công cuộc phát triển của mình. Việc biến những nội dung có tính phương tiện, chẳng hạn như “kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo”, thành một yếu tố bất biến đang làm suy yếu, thậm chí tẻ

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

liệt, những nỗ lực của thế hệ hôm nay trong thực hiện phương châm “đĩ bất biến, ứng vạn biến”.

– Về mặt thiết kế chính sách đổi mới và phát triển, theo TS, chúng ta phải làm gì?

Trong thiết kế chính sách đổi mới và phát triển, chúng ta nên vận dụng lược đồ 5C sau:

(1) *Concept (nguyên lý)*: Chúng ta cần rà soát lại toàn bộ chiến lược phát triển và hệ thống chính sách xem có gì sai về nguyên lý, đặc biệt trong ba lĩnh vực sau: vận hành nền kinh tế theo nguyên tắc thị trường; xây dựng chính phủ có tầm nhìn thời đại, tư duy chiến lược và trọng hiền tài; thúc đẩy xã hội phát triển trên nền tảng nhân bản, trung thực, và dân chủ.

(2) *Competence (năng lực)*: Từ người dân đến công ty và các cơ quan quản lý nhà nước đều nỗ lực nâng cao năng lực của mình. Mọi qui trình tuyển chọn, đề bạt, khen thưởng đều gửi thông điệp mạnh mẽ cho toàn xã hội về tầm quan trọng sống còn của nỗ lực nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực học hỏi thể hiện ở tiếp thu cái mới, sự mạnh dạn trong thử nghiệm để tạo bước tiến mới, nỗ lực so sánh mình với thước đo toàn cầu để vươn lên thu hẹp khoảng cách.

(3) *Company (công ty)*: Nhịp độ phát triển của một nền kinh tế tùy thuộc vào sức sống động của các công ty. Chính sách của nhà nước cần đặc biệt coi trọng chăm sóc và kiến tạo một môi trường kinh doanh để các doanh nghiệp cùng nỗ lực đua tranh, sáng tạo, và phát triển trong một hệ sinh thái lành mạnh, phong phú, và dồi dào sức sống. Trong nội dung này, nhà nước đặc biệt coi trọng cải cách DNNN, bắt đầu từ việc chọn người ưu tú, được xã hội tin cậy và kính nể, vào vị trí lãnh đạo. Cải cách cần đặc biệt chú trọng loại bỏ trong tương lai khả năng xảy ra những bê bối nghiêm trọng ở các DNNN như đã xảy ra ở Vinashin hay Vinalines. Những vụ bê

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

bồi này quả thực đã là những quả bom có sức tàn phá ghê gớm sức sống và cơ hội phát triển của nền kinh tế đất nước. Thành công trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực và hoạt động có năng suất thấp lên khu vực và hoạt động có năng suất cao tùy thuộc rất nhiều vào vai trò chủ động, tính quyết đoán, và sức sáng tạo của doanh nghiệp.

(4) *City (thành phố)*: Thành phố là một động lực chủ đạo thúc đẩy kinh tế phát triển theo chiều sâu, thúc đẩy sáng tạo và gia tăng hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế. Vì vậy, chiến lược phát triển thành phố và năng lực quản lý đô thị phải được đặc biệt coi trọng. Điều rất đáng suy nghĩ hiện nay là các thành phố lớn của Việt Nam, trong đó có Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, vẫn chưa có được một chiến lược phát triển và bộ máy quản lý có tầm nhìn và năng lực đột phá. Đây cần được coi là tiêu chuẩn hàng đầu trong lựa chọn và đánh giá cán bộ chủ chốt ở các thành phố lớn.

(5) *Coordination (phối thuộc)*: Con người và doanh nghiệp Việt Nam khá năng động nhưng thiếu tính phối thuộc và hợp tác. Hoạch định chiến lược phát triển lâu dài của đất nước dựa trên sự tham gia sâu rộng của giới doanh nghiệp và toàn xã hội như kinh nghiệm gần đây của Malaysia và Indonesia là những ví dụ sinh động. Tuy nhiên, trong nỗ lực này, tầm nhìn và quyết tâm của lãnh đạo và bộ máy quản lý nhà nước đóng vai trò then chốt.

– *Theo TS, chúng ta cần có cải cách gì để người dân và doanh nghiệp có ý thức xã hội và tư duy phát triển lành mạnh hơn trong thời gian tới?*

Hành vi của một con người phụ thuộc vào ba yếu tố chính: cân nhắc lợi-hại, chuẩn mực-niềm tin, và điều kiện thúc đẩy. Điều đáng tiếc là, công cuộc phát triển của chúng ta cho đến nay chưa thực sự coi trọng xây dựng nền tảng thể chế để ba yếu tố này khích lệ các hành vi kiến tạo giá trị, đem lại lợi ích cộng đồng cùng với

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

lợi ích cá nhân, thúc đẩy xã hội phát triển và không ngừng hoàn thiện.

Người Việt Nam chúng ta hôm nay dễ sa đà vào những hành vi có hại cho cộng đồng và công cuộc phát triển, như chạy chọt-đút lót, tham nhũng, làm ăn chộp giật là vì cả ba yếu tố – cân nhắc lợi-hại, chuẩn mực-niềm tin, và điều kiện thúc đẩy – đều khuyến khích cho những hành vi này.

Thay đổi hành vi con người theo hướng tích cực cần những cải cách sâu rộng ở cả ba lĩnh vực: nhân sự (tuyển chọn người giỏi), tổ chức (đề bạt người hiền tài, tạo cơ chế khích lệ cống hiến và chiến công), và thể chế (minh bạch, dân chủ, trọng lòng dân).

– Vị trí CON NGƯỜI như thế nào trong cuộc thay đổi tư duy đó, thưa TS?

Con người là trung tâm của mọi đổi thay. Thay đổi sâu sắc chỉ đến nếu con người ở vị trí then chốt dám dũng cảm đổi thay chính mình để vươn lên ngang tầm đòi hỏi của tình thế và cục diện phát triển. Tầm nhìn, phẩm chất hiến dâng, và năng lực hành động là những yếu tố quyết định sự thành công trong quá trình đổi thay này.

Câu chuyện giáo dục

– Để bắt cứ một sự đổi mới nào thành công thì trí tuệ cũng cần được đặt lên hàng đầu. Giáo dục phải ý thức được tầm quan trọng đó. TS nghĩ sao?

Tôi nghĩ giáo dục phải nghĩ rộng hơn, sâu hơn, và xa hơn về những tố chất mà người Việt Nam ta cần có để làm chủ thể phát triển của cá nhân mình, gia đình mình, và đất nước mình trong thế kỷ 21 này. Về vấn đề này, tôi thấy mô hình 5-trí tuệ của Giáo sư Howard Gardner rất đáng tham khảo. Trí tuệ thứ nhất (disciplined mind) liên quan đến chuyên môn sâu. Mỗi người phải tự trang bị cho mình kiến thức đủ để làm chuyên gia trong một lĩnh vực mà

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

mình say mê và lựa chọn. Trí tuệ thứ hai (synthesizing mind) nhấn mạnh khả năng tổng hợp thông tin và kiến thức của nhiều ngành khác nhau. Trí tuệ thứ ba (creating mind) là về năng lực sáng tạo, đưa ra ý tưởng và cách thức giải quyết mới cho các vấn đề gặp phải. Trí tuệ thứ tư (respectful mind) thể hiện năng lực tôn trọng người khác và chính kiến khác biệt, kiến tạo nên giá trị mới qua sự hiểu biết và hợp tác có hiệu quả. Trí tuệ thứ năm (ethical mind) thể hiện sự tôn trọng và nỗ lực bảo tồn các giá trị đạo đức trong cả nghề nghiệp, cuộc sống, và hoạt động xã hội.

Cải cách giáo dục, theo tôi cũng là một quá trình cải biến nhằm thay đổi sâu sắc nhận thức, tạo nên một thang bậc lành mạnh và bền vững cho hệ thống giá trị của toàn xã hội. Chúng ta sẽ có một xã hội tốt đẹp hơn và những công dân cao quý và mạnh mẽ hơn nếu gia đình cũng như xã hội coi nhân cách không kém phần quan trọng so với sức khỏe, lòng ham hiểu biết quan trọng không kém bằng cấp, ý thức học hỏi, vươn lên chân chính quan trọng không kém sắc đẹp hay chiều cao.

– Năm nay, một tin buồn là giáo dục của chúng ta xếp sau cả Campuchia về thứ hạng. Cảm xúc của TS khi nghe tin này là...

Tôi không nghĩ đó là một tin buồn mà coi đó là một thông tin rất có giá trị, giúp chúng ta thức tỉnh. Hệ thống giáo dục của chúng ta còn rất yếu nhưng những người có trách nhiệm chưa nhận thức hết tính nghiêm trọng của vấn đề này. Theo đánh giá của Liên Hiệp Quốc, năm 1985, trình độ giáo dục của Việt Nam ngang bằng Trung Quốc và nhiều nước Đông Nam Á. Thế nhưng, gần ba thập kỷ qua, mặc dù điều kiện sống và học tập của chúng ta tăng lên rất nhiều, chúng ta trở nên thua kém Trung Quốc và các nước Đông Nam Á mỗi ngày một xa.

– Sự yếu kém của nền giáo dục có lẽ được nhận thức rõ khi Bộ Chính trị tỏ ra quyết tâm với sự đổi mới cơ bản về giáo dục. Theo

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

TS, để việc đổi mới giáo dục thành công, yếu tố quan trọng nhất phải là gì?

Tôi nghĩ yếu tố quan trọng nhất là hoạch định và triển khai một chiến lược cải cách giáo dục toàn diện và triệt để, có sức thôi thúc mạnh mẽ và sự tham gia sâu rộng của toàn xã hội. Năng lực hoạch định chiến lược của Việt Nam còn rất yếu. Một điểm yếu thường thấy là chúng ta không coi các mục tiêu chiến lược, chẳng hạn như “người Việt Nam trở thành chủ thể tự tin, năng động, và có trách nhiệm trong xã hội toàn cầu”, như một ưu tiên tối thượng chi phối mọi nỗ lực của toàn xã hội. Trái lại, chúng ta thường bị luẩn quẩn với các yếu tố có tính phương tiện như tuân thủ qui định nào đó của các bộ ngành hoặc đảm bảo số giờ dạy chủ nghĩa Mác-Lênin trong chương trình học.

Ánh mắt mong đợi sự đổi thay

– Cảm nhận của TS về bạn trẻ ở Việt Nam trong các lần gặp gỡ mới đây?

Tôi thấy Việt Nam đang thay đổi, không chỉ ở tư duy mà ở cả năng lực hành động. Không chỉ ở lớp trẻ mà cả ở nhiều người có cương vị.

Điều dễ lại một ấn tượng đặc sắc mà tôi mới có được trong chuyến làm việc tuần trước ở Việt Nam là ánh mắt mong đợi sự đổi thay của các bạn trẻ. Tôi thấy cảm kích và ghi nhớ lắm. Thế hệ người Việt Nam chúng ta hôm nay nhất định sẽ cùng nhau làm nên sự đổi thay kỳ vĩ mà thế hệ cha anh chúng ta hằng mong đợi.

– Xin cảm ơn TS!

Lê Ngọc Sơn (thực hiện)

MONG LỜI TUYÊN THỆ PHỒN VINH

Nghĩ về tầm mắt đại bàng của tư duy

Cảm xúc của tôi về ngày Độc lập của dân tộc là rất trần trụi và day dứt. Thế hệ chúng ta hôm nay có lỗi rất lớn với đất nước và thế hệ cha anh. Người có quyền chức thì coi vị trí mình đang có là món lợi đặc quyền chứ không phải trách nhiệm rất khó khăn phải cùng toàn dân chia sẻ gánh vác. Người không có quyền chức thì tự coi mình như đứng ngoài cuộc trong sự mặc cảm, oán thán. Thế chế thì không thôi thúc tinh thần “Tổ quốc lâm nguy, thất phu hữu trách”. Kết cục là, cả xã hội đang ở trong vòng xoáy đi xuống (vicious cycle) của sự vô cảm, lối sống chụp giật, và lòng nghi kỵ. Sức mạnh hào hùng của ý chí xây dựng một Việt Nam hùng cường đã từng cháy bỏng trong tim óc thế hệ làm nên cách mạng tháng Tám nay dường như trở nên xa lạ và đi dần vào dĩ vãng.

Trong quyển sách *Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh*, khi nói tới công cuộc phát triển như một “hành trình đi đến phồn vinh”, tôi muốn nhấn mạnh ba điều kiện tiên quyết cho sự thành công của sự nghiệp to lớn này. Thứ nhất, đó là mục tiêu đi tới và nguyên lý hành động phải rõ ràng, nhất quán, và thôi thúc. Thứ hai, đó là sự thấu hiểu của những người chịu trách nhiệm chèo lái về điều kiện hiện tại, qui luật khách quan, và xu thế phát triển, bao gồm cả khách quan và chủ quan, thách thức và thuận lợi. Thứ ba, đó là khả năng quan sát học hỏi và vươn lên không ngừng với “tầm mắt đại bàng của tư duy”.

Con đường đi đến phồn vinh của một dân tộc là hành trình tới một mục tiêu thôi thúc; nó cũng là công cuộc cải biến phi thường và là một chuỗi liên tục những thử nghiệm đột phá và bước đi sáng

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

tạo. Vì vậy những lối tư duy làm cái tâm ích kỷ, làm cái tâm hạn hẹp, và làm cái tài bị thui chột cần được dừng cảm loại bỏ.

Tôi luôn thấy lòng mình ngập tràn cảm kích về dân tộc Nhật Bản mỗi lần đọc lại năm lời tuyên thệ của vua Minh Trị trước công chúng vào tháng 4-1868, tạm dịch như sau: (1) Các hội đồng suy xét sẽ được thành lập khắp nơi và mọi vấn đề sẽ được quyết định qua thảo luận của công chúng; (2) Mọi tầng lớp nhân dân, dù ở vị thế nào, sẽ muôn lòng như một trong nỗ lực mạnh mẽ tham gia vào công cuộc quản trị đất nước; (3) Người dân bình thường, không kém quan trọng hơn quan chức nhà nước hay sĩ quan quân đội, được khích lệ theo đuổi mọi ước mơ mà lòng mình thôi thúc để sự bất bình xã hội không còn chỗ đứng; (4) Những hủ tục của quá khứ sẽ bị loại bỏ và mọi việc sẽ được dựa trên qui luật công bình của trời đất; (5) Tri thức sẽ được truy tìm khắp nơi trên thế giới để gia cường sức mạnh quốc gia [1].

Tôi ước mong sớm thấy một ngày được nghe lời tuyên thệ thiêng liêng và thôi thúc của lãnh đạo Việt Nam, tạo nên móng khởi đầu cho một công cuộc cải cách vĩ đại xây dựng một đất nước hùng cường mà thế hệ chúng ta hôm nay không thể thoái thác trong thế kỷ trỗi dậy này của châu Á.

Phát đạt hay phát triển?

Phải nhận thấy rằng, chúng ta khó phồn vinh nếu trọng phát đạt hơn phát triển. Phát đạt nói tới sự khá giả về vật chất, danh vọng xã hội, và điều kiện thuận lợi mà một cá nhân được thụ hưởng. Phát triển liên quan đến sự trưởng thành của cá nhân về nhân cách, năng lực hành động, và ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Phát triển phải là tiền đề và nền móng cho phát đạt. Phát đạt dựa trên nền tảng phát triển sẽ bền vững và giàu ý nghĩa vì nó đánh dấu những bước tiến của một dân tộc trên con đường đi đến phồn vinh.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Tuy nhiên, nếu chúng ta trọng phát đạt hơn phát triển, cả cá nhân và cộng đồng sẽ rơi vào vòng xoáy đi xuống dù có đạt được những phồn vinh vật chất nhất định. Phô trương cá nhân, làm ăn chụp giật, thói quen gian dối, đánh bóng tên tuổi, chạy chức chạy quyền, tham nhũng-hối lộ, nhần tâm-vô cảm, sẽ mặc sức hoành hành và trở thành đặc trưng phổ biến trong mọi tầng lớp xã hội.

Có một ví dụ nhỏ từ câu chuyện của một doanh nhân ở Singapore, là chủ của một loạt nhà hàng lớn. Ông ta bắt đầu thành công và có tích lũy khá khi Singapore bước vào giai đoạn phát triển ban đầu của mình (khoảng 40 năm trước). Khi có tiền, ông đứng trước lựa chọn giữa phô trương sự giàu có và đầu tư phát triển doanh nghiệp. Ông đã chọn con đường phát triển. Chẳng hạn, ông dành số tiền đáng giá bằng một chiếc xe hơi sang trọng bậc nhất thời đó vào việc đầu tư trang bị cho hệ thống nhà hàng của mình các xe chuyển thức ăn rất tiện dụng và đẹp mắt. Kết quả là, nhà hàng hoạt động hiệu quả hơn, nhân viên phấn chấn hơn, ông chủ được xã hội quý trọng hơn. Điều đáng lưu ý là, số tiền đầu tư này hoàn toàn đóng góp cho tăng trưởng kinh tế trong khi nếu nó dành cho nhập khẩu chiếc xe sang trọng thì chỉ một phần rất nhỏ của nó đem lại đóng góp cho tăng trưởng kinh tế đất nước.

Xúc cảm và khai sáng

Người xưa có câu, “gian khó tạo anh hùng, an nhàn sinh hèn kém”. Với dân tộc Việt Nam, chống ngoại xâm và giành độc lập được ý niệm thường trực là một sự nghiệp thiêng liêng, gian khó; vì vậy, anh hùng của chúng ta trong sự nghiệp này rất nhiều. Chúng ta thường rất tự hào về chiến công giành độc lập nhưng không coi trọng hiểu thấu đáo tại sao chúng ta để mất nước. Chúng ta thường nghĩ có hòa bình độc lập là đã có tất cả nên nhanh chóng rơi vào trạng thái thỏa mãn, an nhàn. Xây dựng đất nước hùng cường chưa thực sự được coi là sự nghiệp thiêng liêng, là phương

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

thức hiệu lực nhất để bảo vệ nền độc lập quốc gia và bảo tồn di sản ngàn năm của dân tộc.

Công cuộc phát triển đòi hỏi hai động lực chủ đạo ví như đôi cánh của một con chim: xúc cảm (emotion) và khai sáng (enlightenment). Xúc cảm trỗi dậy từ khát vọng đưa dân tộc đi đến phồn vinh với một vị thế xứng đáng trong cộng đồng thế giới, từ nỗi lo lắng tới sự tồn vong và hiểm họa an ninh của đất nước, và từ ý thức trách nhiệm sâu sắc với thế hệ mai sau. Thiếu động lực xúc cảm, con người thường rơi vào sự tham lam, ích kỷ, và những toan tính cá nhân, trong sự vô cảm với nỗi đau và niềm khát khao cháy bỏng của đồng bào mình.

Khai sáng là sự khai mở tư duy, là sự dũng cảm tháo bỏ vòng kim cô nô lệ của ý thức hệ giáo điều và hiểu biết sai lệch về thế giới, là sự khát khao học hỏi tri thức tinh hoa nhân loại. Thiếu tính khai sáng thường dẫn đến bốn khuyết nhược lớn sau đây.

Thứ nhất, luôn tự coi mình là tuyệt đối đúng đắn và sáng suốt; thứ hai, qui kết các khó khăn, thất bại gặp phải vào nguyên nhân khách quan; thứ ba, nghi kỵ người nói trái ý mình, thấy đâu cũng có lực lượng thù địch; thứ tư, các quyết sách thường mang tính đối phó-xoay sở, thiếu tính kiến tạo nền tảng và đột phá chiến lược.

Một điều đáng chú ý là trong chống giặc ngoại xâm, xúc cảm là động lực chủ đạo làm nên chiến thắng nên nhiều người anh hùng thường coi nhẹ động lực khai sáng; vì vậy công cuộc phát triển tiếp theo chiến thắng thường gặp khó khăn, thậm chí suy sụp. Sự nghiệp của vua Quang Trung là một ví dụ đáng suy nghĩ. Động lực xúc cảm “đánh cho đê dài tóc, đánh cho đê đen răng” là rất mạnh mẽ; nó giúp cho cuộc đại phá oanh liệt 20 vạn quân Thanh. Thế nhưng, sự hạn chế về động lực khai sáng thể hiện trong chính câu khẩu hiệu thôi thúc này có lẽ đã là một trong những nguyên nhân làm sự nghiệp của vị vua anh hùng này sớm lụi tàn.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Chỉ khi có được đôi cánh xúc cảm-khai sáng mạnh mẽ, dân tộc Việt Nam mới có thể cất cánh, với bút phá kỳ diệu, để bước vào một giai đoạn phát triển kỳ vĩ mà ngàn năm còn hãnh diện tự hào.

Chính vì vậy, tôi không tin vào số mệnh, dù của một cá nhân hay của một dân tộc. Thế nhưng tôi rất tin vào lời nhận định mà nhà kinh tế danh tiếng Arthur Lewis đưa ra năm 1955, rất lâu trước khi xuất hiện sự phát triển thần kỳ của châu Á: “Một quốc gia sẽ bước vào một bước ngoặt phát triển nếu nó may mắn có được đội ngũ lãnh đạo xúng tằm vào đúng thời điểm cần đến. [...] Tất cả các dân tộc đều có cơ hội phát triển nhưng chỉ những dân tộc hội tụ đủ được lòng dũng cảm và ý chí mới có thể nắm bắt được chúng.”[2]

Nguyên lý phát triển nào cho ta?

Theo tôi, công cuộc phát triển của nước Việt Nam ta cần dựa trên ba nguyên lý chủ đạo: giá trị, bền vững, và lòng dân. Nguyên lý giá trị nhấn mạnh khía cạnh kiến tạo giá trị và không chấp nhận sự chup giật, gian dối, phù phiếm. Nguyên lý bền vững coi trọng để lại di sản tốt đẹp cho thế hệ mai sau, từ việc tiết chế trong khai thác tài nguyên đến bảo vệ môi trường, từ nỗ lực nâng cao hiệu quả đầu tư đến phát triển mạnh mẽ nguồn lực con người, từ gia cường nền tảng đạo đức xã hội đến xây dựng thể chế chính trị dựa trên nền tảng quyền lực của nhân dân. Nguyên lý lòng dân coi ý chí và nguyện vọng của nhân dân như ánh sáng mặt trời chiếu rọi trong đánh giá và lựa chọn người chịu trách nhiệm điều hành đất nước và xã hội.

Sài Gòn Tiếp Thị – 2/9/2013

Ghi chú:

[1] Tsunoda, R., De Bary, W., and Keene, D. (1958). Sources of Japanese tradition. New York: Columbia University Press.

[2] Lewis, W.A. (1955). The theory of economic growth. Homewood, IL: Richard D. Irwin, Inc.

VIỆT NAM 2045: QUỐC GIA HÙNG CƯỜNG, DÂN TỘC PHỒN VINH

Chỉ còn hơn ba thập kỷ nữa Việt Nam sẽ kỷ niệm 100 năm ngày độc lập của đất nước. Trên con đường đi đến Tương lai, có lẽ không người Việt Nam nào không khắc khoải một ước mơ chung: một quốc gia hùng cường, một dân tộc phồn vinh, một xã hội chứa chan lòng nhân bản, sâu sắc về đạo lý, anh minh về công lý. Những hy sinh vô bờ bến của biết bao thế hệ người Việt Nam trong hàng nghìn năm qua cho công cuộc dựng nước và giữ nước là minh chứng mạnh mẽ về khát vọng cháy bỏng của dân tộc trong thực hiện ước mơ mãnh liệt này.

Thế nhưng, điều đáng xót xa trần trở là, khi đất nước yên hưởng cảnh thanh bình với vô vàn điều kiện thuận lợi cho phát triển, thế hệ người Việt Nam hôm nay dường như đang để ước mơ chung của dân tộc bị vùi lấp và phai nhạt trong sự hạn hẹp về tầm nhìn, yếu đuối về bản lĩnh, say sưa với phô trương, mê mẩn với danh tước, vụ lợi cá nhân bất chấp những tổn thất khôn lường của cộng đồng và đất nước. Lời cảnh báo của người xưa “*gian khó tạo anh hùng, an nhàn sinh hèn yếu*” có lẽ đang vận vào thế hệ chúng ta.

Khi một dân tộc bị rơi vào hoàn cảnh này, thường họ phải nghiêm túc xem lại hai động lực chủ đạo của phát triển: *Xúc cảm* (emotion) và *Khai sáng* (enlightenment). Xúc cảm trỗi dậy từ khát vọng đưa dân tộc đi đến phồn vinh với một vị thế xứng đáng trong cộng đồng thế giới, từ nỗi lo lắng tới sự tồn vong của dân tộc và hiểm họa an ninh của đất nước, và từ ý thức trách nhiệm sâu sắc với thế hệ

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

mai sau. Thiếu động lực xúc cảm, con người thường rơi vào sự tham lam, ích kỷ, và trở nên vô cảm với nỗi đau và niềm khát khao cháy bỏng của đồng bào mình.

Khai sáng là sự khai mở mạnh mẽ về tư duy, là sự dũng cảm tháo bỏ vòng kim cô nô lệ của ý thức hệ giáo điều và hiểu biết sai lệch về thế giới, là sự khát khao học hỏi tri thức tinh hoa nhân loại. Thiếu tính khai sáng thường dẫn đến bốn khuyết nhược lớn sau đây. Thứ nhất, luôn tự coi mình là tuyệt đối đúng đắn và sáng suốt. Thứ hai, qui kết các khó khăn, thất bại gặp phải vào nguyên nhân khách quan. Thứ ba, nghi kỵ người nói trái ý mình, thấy đâu cũng có lực lượng thù địch. Thứ tư, các quyết sách thường mang tính đối phó-xoay sở, thiếu tính kiến tạo nền tảng và đột phá chiến lược.

Khơi dậy sức mạnh xúc cảm tiềm tàng và kiến tạo sức mạnh khai sáng là bước đi nền tảng khởi đầu cho công cuộc phát triển của dân tộc. Sức mạnh khai sáng được kiến tạo bằng nỗ lực nâng cao năng lực học hỏi thông qua bốn kênh chủ đạo: (i) tìm kiếm, thu nhận, và khai thác sử dụng nhân tài; (ii) dũng cảm thử nghiệm các ý tưởng và quyết sách mới; (iii) so sánh bản thân và đất nước mình với những mẫu hình xuất sắc nhất để noi gương học hỏi; và (iv) không ngừng cải tiến hoàn thiện mình.

Sáu thập kỷ trước đây, rất lâu trước khi xuất hiện sự phát triển thần kỳ của châu Á, nhà kinh tế danh tiếng trong lĩnh vực kinh tế phát triển Arthur Lewis đưa ra nhận định rằng:

“Một quốc gia sẽ bước vào một bước ngoặt phát triển nếu nó may mắn có được đội ngũ lãnh đạo xứng tầm vào đúng thời điểm cần đến. [...] Tất cả các dân tộc đều có cơ hội phát triển nhưng chỉ những dân tộc hội tụ đủ được lòng dũng cảm và ý chí mới có thể nắm bắt được chúng.” [1]

Sự sâu sắc và chí lý của nhận định này đã được chứng minh bằng kinh nghiệm phát triển thần kỳ của châu Á. Các dân tộc có hội đủ sức

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

mạnh của xúc cảm và khai sáng đã tạo nên những bước đi làm kinh ngạc thế giới. Dưới đây là một vài ví dụ về nỗ lực cải cách và học hỏi của Nhật Bản, Hàn Quốc, và Singapore để chúng ta cùng tham khảo và suy ngẫm.

Nhật Bản

Người Nhật Bản trước sự đe dọa của phương Tây đã trở dậy với sức mạnh dân tộc của tinh thần Nhật Bản và sức mạnh khai sáng thể hiện qua năm lời thề trong bản tuyên thệ trước công chúng của vua Minh Trị vào tháng Tư năm 1868:

- 1. Các hội đồng suy xét sẽ được thành lập khắp nơi và mọi vấn đề sẽ được quyết định qua thảo luận của công chúng.*
- 2. Mọi tầng lớp nhân dân, dù ở vị thế nào, sẽ muôn lòng như một trong nỗ lực mạnh mẽ tham gia vào công cuộc quản trị đất nước.*
- 3. Người dân bình thường, không kém quan trọng hơn quan chức nhà nước hay sĩ quan quân đội, được khích lệ theo đuổi mọi ước mơ mà lòng mình thôi thúc để sự bất bình xã hội không còn chỗ đứng.*
- 4. Những hủ tục của quá khứ sẽ bị loại bỏ và mọi việc sẽ được dựa trên qui luật công bình của trời đất.*
- 5. Tri thức sẽ được truy tìm khắp nơi trên thế giới để gia cường sức mạnh quốc gia. [2]*

Một điều đáng kinh ngạc là một nửa số quan chức cao cấp của chính quyền Minh Trị thực hiện chuyến hành trình học hỏi dài 21 tháng sang châu Âu và Hoa Kỳ để tìm kiếm mô hình tốt nhất mà Nhật Bản có thể áp dụng cho công cuộc cải biến xã hội và hiện đại hóa đất nước của mình. Đặc biệt, khi tham khảo bản tuyên ngôn độc lập của Mỹ, ông Kido Takayoshi, đã đọc đi đọc lại nó suốt đêm và khẳng định với cả đoàn: “*Đây là một tài liệu tuyệt vời; chúng ta sẽ không bao giờ để tinh thần của nó thay đổi.*” [3]

Hàn Quốc

Tổng thống Park Chung-Hee được coi là người đặc biệt coi trọng học hỏi kinh nghiệm phát triển của Nhật Bản và rất chú trọng tập hợp trí tuệ của lực lượng trí thức, đặc biệt là các giáo sư đại học, để hoạch định và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế táo bạo của mình. Đặc biệt, cuộc họp hàng tháng với tổng thống của hội đồng thúc đẩy xuất khẩu, bao gồm quan chức, doanh nhân, và học giả, tại dinh tổng thống để cùng thảo luận tìm lời giải tốt nhất cho mỗi thách thức, được coi là rất hiệu quả.

Singapore

Ông Lý Quang Diệu, ngay từ ngày đầu cầm quyền đã nhận thức ngay rằng: *“Chúng tôi thấy có một trách nhiệm sâu sắc trong việc thiết lập một chính phủ trong sạch và hiệu lực. Khi các bộ trưởng giành được sự kính trọng và tin tưởng của nhân dân, các quan chức chính phủ mới có thể nâng cao đầu và tự tin ra quyết định.”* [4]

Ông Lý cho biết, chính phủ của ông khi thành lập vào năm 1959 biết rất ít về điều hành chính quyền và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội. Tuy nhiên, mọi người tìm ra công thức thành công là học hỏi không ngừng qua công việc và liên tục cải tiến. Ông đặc biệt nhấn mạnh: *“Tôi không bao giờ là tù nhân của bất kể lý thuyết nào. Điều chỉ dẫn tôi là mục đích và thực tiễn... Tôi gần như không bao giờ lặp lại một sai lầm lần thứ hai và luôn nỗ lực học từ thất bại của người khác.”* [4]

Ông Lý phát hiện ra rằng rất ít bài toán khó mà chính phủ của ông phải đương đầu còn chưa được gặp phải và giải quyết ở đâu đó. Vì vậy ông tạo thành thói quen tìm hiểu thấu đáo lời giải mà các nước khác đã có cho các bài toán mà chính quyền của ông gặp phải; từ việc xây dựng sân bay đến cải tiến phương pháp giảng dạy, ông luôn gửi cán bộ tới các nước có lời giải tốt nhất để nghiên cứu triệt để. Ông coi việc đứng trên vai người khổng lồ đi trước là một cách học hỏi hiệu

quả nhất.

Việt Nam sẽ ở vị thế nào vào dịp kỷ niệm 100 năm độc lập của mình: quốc gia sẽ hùng cường hay bạc nhược; đất nước sẽ phồn vinh hay khốn quẫn trong nợ nần chồng chất; xã hội sẽ tươi sáng trong niềm tin nhân bản và sự thượng tôn những giá trị cao quý hay mù mịt trong vòng xoáy của sự vô cảm, tham nhũng, và làm ăn chộp giật? Chúng ta chỉ còn hơn ba thập kỷ nữa và thời gian đang trôi đi rất nhanh. Khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh tiềm tàng của động lực xúc cảm và khai sáng là sự lựa chọn tốt nhất và duy nhất để thế hệ người Việt Nam hôm nay có thể làm nên một công cuộc phát triển thần kỳ để người Việt ngàn năm sau vẫn cảm kích và tự hào.

Tuổi Trẻ – 2/9/2013

Ghi chú:

[1] Lewis, W.A. (1955). *The theory of economic growth*. Homewood, IL: Richard D. Irwin, Inc.

[2] Tsunoda, R., De Bary, W., and Keene, D. (1958). *Sources of Japanese tradition*. New York: Columbia University Press.

[3] Jansen, M.B. (2000). *The making of modern Japan*. Cambridge, MA: Belknap Press of Harvard University Press.

[4] Lee, K.Y. (2000). *From third world to first: The Singapore story 1965–2000: Memoirs of Lee Kuan Yew*. Singapore: Singapore Press Holdings.

THÁCH THỨC BIỂN ĐÔNG VÀ “CHIẾC NỖ THẦN” VIỆT NAM

Nhân sự kiện tàu hải giám của Trung Quốc cắt cáp thăm dò của tàu Bình Minh 02 thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vào ngày 26/5/2011

Những biến động dồn dập gần đây ở biển Đông với sự ngang ngược của Trung Quốc trong xâm phạm chủ quyền của Việt Nam chỉ là phần nổi của một tảng băng chìm khổng lồ chứa đựng không chỉ tham vọng vô đáy của Trung Quốc trong vùng biển xung yếu này mà cả **sự đánh giá rất thấp (nếu không nói là coi thường) khả năng ứng xử chiến lược của nhà nước và sức trỗi dậy của dân tộc Việt Nam.**

Đây là một nước cờ sâu và táo bạo. Có lẽ những người đi nước cờ này đã trù tính kỹ tới ba phản ứng sau đây của Việt Nam. Thứ nhất, Việt Nam sẽ không tiếc tiền, vội vã mua sắm vũ khí, tăng cường phòng thủ. Điều này sẽ làm ngân sách quốc gia kiệt quệ, kinh tế vĩ mô chao đảo, kinh tế suy yếu. Thứ hai, người dân Việt Nam sẽ rất bức xúc trong khi nhà nước lại bối rối lo ngại nên tăng cường kiểm soát và kìm chế. Kết quả là, người Việt Nam sẽ mất đi tính sáng suốt của sự đồng lòng, do đó không còn tâm trí nào cho một nỗ lực cải cách sâu rộng. Thứ ba, giới doanh nhân Việt Nam sẽ mất đi quyết tâm và nhuệ khí trong thâm nhập thị trường Trung Quốc, một yếu tố quan trọng không thể thiếu trong chiến lược phát triển. Vì thế, Việt Nam sẽ tiếp tục là nước thua thiệt và yếu kém nhất trong các nước châu Á trong quan hệ thương mại với thị trường khổng lồ và tăng trưởng nhanh chóng này.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Thế nhưng, những người chơi nước cờ sâu và táo bạo nói trên có thể không lường hết sức trỗi dậy của dân tộc Việt Nam. Dân tộc này có một vũ khí chiến lược vô song chỉ được dùng đến khi không còn phương cách nào khác. Vũ khí đó ***có khả năng làm kinh ngạc đối phương và thế giới bằng những nỗ lực phi thường mà trước đó không ai có thể hình dung được.*** Thách thức biển Đông có lẽ là một vận hội vô giá, buộc người Việt Nam chúng ta phải dùng đến chiếc “***Nỗ Thân***” kỳ diệu này.

Chúng ta cần hiểu Trung Quốc hơn

Để vượt qua thách thức nghiệt ngã hiện nay, Việt Nam cần hiểu rõ Trung Quốc hơn. Đây là một dân tộc có nền văn hóa lớn, lâu đời, với nhiều thành quả huy hoàng trong quá khứ nhưng đã bị kìm nén nặng nề trong hàng trăm năm qua do chính sách đóng cửa và não trạng mê muội. Từ khi có cải cách do ông Đặng Tiểu Bình khởi xướng họ đã tiến được những bước khổng lồ, làm thế giới chấn phục, với động lực chủ đạo là ý chí và tham vọng rất lớn, trọng dụng nhân tài, tầm nhìn rộng, và mưu kế sâu sắc. Xu thế này hiện còn rất mạnh mẽ và có thể còn kéo dài. Việt Nam cũng như nhiều nước khác cần thấu hiểu cục diện này và chuẩn bị thật tốt để có thể sống bên một người láng giềng khổng lồ, hùng mạnh, tham vọng, mưu sâu, và có thể có những hành vi nhẫn tâm trong việc khẳng định vị thế trỗi dậy của mình.

Đồng thời, Việt Nam cũng cần biết rõ những điểm yếu rất dễ bị tổn thương của Trung Quốc. Thứ nhất, đó là nội tình phức tạp với nhiều yếu tố bất ổn từ trong cốt lõi. Mức độ ổn định chính trị và kiểm soát tham nhũng của Trung Quốc rất thấp so với hầu hết các nước (theo khảo sát thường niên của Ngân hàng Thế giới). Trung Quốc sẽ không thể rảnh tay làm mưa gió trên thế giới nếu người dân Trung Quốc thấy chính phủ mình thua kém Việt Nam và các nước láng giềng trong nỗ lực cải cách-phát triển. Khi đó Trung

Chương 2. Những trận trở khôn nguôi

Quốc sẽ phải quay về giải quyết vấn đề nội bộ. Thứ hai, hình ảnh nhân văn của Trung Quốc trên trường quốc tế còn rất thấp. Từ thực tế châu Phi đến biển Đông, họ chưa chứng tỏ được mình là một quốc gia có trách nhiệm cao trong kiến tạo hòa bình và phồn vinh cho thế giới. Thứ ba, Trung Quốc để lại nhiều ấn tượng chưa đẹp về tính trung thực và sự nhất quán giữa hành động và lời nói, từ chất lượng sản phẩm đến đường lối kinh tế và chính sách ngoại giao.

Mặt khác, Trung Quốc là một quốc gia có lãnh đạo giỏi, tầm nhìn xa. Trên thực tế, họ rất ngại và kiêng nể các quốc gia có hội đủ ba yếu tố: thượng tôn các quy luật của tạo hóa, trọng dụng nhân tài, và dốc sức khai phát sức mạnh dân tộc. Bởi họ biết dân tộc này sẽ là một quốc gia hùng cường. Hàn Quốc là một trường hợp điển hình. Trong khi đó, họ có thể hành xử rất ngạo mạn với những quốc gia mê muội, giáo điều, hắt hủi hiền tài, phân liệt nhân tâm. Bởi họ biết quốc gia này đang ở vào thế suy vi.

Trung Quốc đã qua giai đoạn trỗi dậy hòa bình và bước vào giai đoạn khẳng định uy lực của mình. Họ sẽ không ngại đối đầu trên những điểm mạnh của họ, đặc biệt là về thực lực kinh tế và quân sự. Tuy nhiên họ sẽ phải chùn lại nếu sự đụng độ khoét sâu các điểm yếu nêu trên: ổn định chính trị thấp, hình ảnh nhân văn hạn chế, ấn tượng về hành xử thiếu văn minh và trách nhiệm.

Việt Nam: Chiếu “Nỏ Thần” và phương cách sử dụng

Từ bài học từ cha ông

Bình pháp cổ có tổng kết rằng, muốn làm nên một chiến thắng hiển hách, cần có khả năng làm kinh ngạc đối phương. Đây là chiếu “Nỏ Thần” kỳ diệu mà người Việt Nam qua bao thế hệ đã dùng đến mỗi khi đất nước bị lâm nguy hoặc ngoại xâm giày xéo. Ông cha ta đã để lại những bài học quý giá khi dùng đến vũ khí

chiến lược này.

Bài học của Đức Trần Hưng Đạo chỉ ra rằng ***cách bảo vệ tổ quốc tốt nhất là chủ động tiến công vào những yếu kém của chính mình***. Theo tư tưởng này, ngài thảo ra *Hịch tướng sĩ*, chỉ ra cho tướng sĩ thấy nỗi nhục quốc gia mà bỏ thói hư tật xấu, quyết chí một lòng, xả thân vì nước. Ngài chỉ rõ, nếu để mất nước thì: *“chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục đến ngàn năm sau tiếng như khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà gia thanh các người cũng không khỏi mang danh là tướng bại trận.”* Và nếu giữ được nước thì: *“trăm đời sau còn để tiếng thơm; chẳng những thụ hiệu ta không hề mai một, mà tên họ các người cũng sử sách lưu truyền.”*

Nguyễn Trãi nêu ra những nguyên lý cao cả để dân tộc vượt lên mọi sự bạo ngược: *“Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn/ Lấy chí nhân để thay cường bạo.”* (Bình Ngô Đại cáo)

Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ trăm trở tìm kiếm người hiền tài ra giúp nước: *“Trăm đang ghé chiếu lắng nghe, thức ngủ mong mỏi mà có người tài cao học rộng chưa từng thấy đến... Ngẫm cho kỹ: cái nhà to lớn – sức một cây không dễ gì chống đỡ, sự nghiệp thái bình – sức một người không thể đảm đương.”* (Chiếu cầu hiền)

Đến nỗ lực hôm nay

Sẽ cần những nghiên cứu sâu sắc và thảo luận rộng khắp trong nhân dân để tìm ra đủ phương cách để Việt Nam có thể vượt lên bạo ngược bằng ***những nỗ lực làm kinh ngạc thế giới***, buộc đối phương phải rút về thế phòng thủ - hòa hoãn. Ba hướng đi lớn cho các nỗ lực có thể là:

- 1- **Xác lập ý chí cải cách** của lãnh đạo Đảng và Nhà nước;
- 2- Cả nước trên dưới một lòng toàn tâm toàn ý **khai phát sức mạnh tiềm tàng của dân tộc**; và

3- Toàn xã hội **thành tâm coi giá trị nhân văn và lòng nhân bản là nền tảng phát triển và hướng đích cho dân tộc đi đến phồn vinh.**

Theo hướng đi này chúng ta có quyền đòi hỏi và kỳ vọng một số hành động sau đây.

+ Lãnh đạo Đảng và Nhà nước lắng nghe bàn luận để thấy hết nguy cơ, thậm chí thảm họa mà đất nước nhân dân sẽ phải gánh chịu trong tương lai không xa nếu đất nước tiếp tục tụt hậu, dân tộc phân tâm.

+ Lãnh đạo Đảng và Nhà nước cùng đại diện của mọi tầng lớp nhân dân, ngày đêm họp bàn tìm phương kế cải cách, đưa nhanh đất nước đến hùng cường.

+ Lãnh đạo Đảng và Nhà nước đưa ra chiếu cầu hiền tài, tìm người giúp đất nước vượt lên trên mọi lĩnh vực, từ phát triển kinh tế đến củng cố quốc phòng, từ dân chủ hóa đất nước đến xây dựng thiết chế nền tảng cho phát triển bền vững, từ cải cách giáo dục đến nâng cấp tiềm lực khoa học công nghệ, từ hợp tác quốc tế đến gia cường vị thế và hình ảnh Việt Nam.

+ Có những bước đi đột phá táo bạo; đặc biệt là xây dựng một số đặc khu kinh tế nhằm huy động sức mạnh tổng lực của dân tộc, là hình mẫu của Việt Nam năm 2045, với sức đuổi vượt mạnh mẽ làm thế giới khâm phục và kính nể.

+ Mỗi người dân Việt Nam, dù ở đâu hãy tự giác góp phần tạo nên hình ảnh một dân tộc có phẩm chất cao quý: thành tâm trong hợp tác, cầu thị trong học hỏi, ý thức trách nhiệm cao với cộng đồng. Việt Nam cần trở thành một điểm sáng, có sức tương phản và thu hút mạnh mẽ trong việc hun đúc những phẩm chất cao quý này.

Vietnamnet – 14/6/2011

BIỂN HỌA THÀNH PHÚC BẰNG CANH TÂN ĐẤT NƯỚC

Trả lời phỏng vấn của Người Đô Thị

Bằng việc đặt giàn khoan “khủng” và đưa nhiều tàu quân sự, liên tục có các hành vi gân hần với lực lượng chấp pháp biển của Việt Nam ngay trên vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, Trung Quốc đã leo một nấc thang nguy hiểm trên biển Đông, trắng trợn xâm phạm chủ quyền quốc gia của Việt Nam. Đất nước đang đối mặt với hiểm nguy. Song, cũng chính khi thế nước chông chênh, chúng ta dường như càng có dịp nhìn lại chính mình. Trong bối cảnh thế giới mới, Việt Nam sẽ phải làm gì để giữ được độc lập, tự chủ và bảo vệ toàn vẹn biên cương, bờ cõi quốc gia? Xin giới thiệu với bạn đọc những phân tích và các góc nhìn khác nhau của nhiều tác giả về vấn đề này trong chuyên đề “Biển Đông: biến họa thành phúc” trong số báo này.

“Trong thế kỷ thông tin và toàn cầu hóa ngày nay, bên nhỏ yếu có thể chiến thắng nếu được cộng đồng dân chúng thế giới đồng cảm sâu rộng và ủng hộ áp đảo. Nếu không tạo được cục diện này thì Việt Nam sẽ ở vào thế rất khó khăn, dù có cố gắng bao nhiêu trong đầu tư mua vũ khí và chuẩn bị lực lượng...” – từ Tokyo (Nhật Bản), TS. Vũ Minh Khương trao đổi với Người Đô Thị những trải nghiệm của ông trước các thách thức mà dân tộc đang phải đối mặt.

– *Thưa tiến sĩ, ông bình luận gì về việc Trung Quốc vi phạm chủ quyền của Việt Nam khi ngang nhiên đưa giàn khoan, tàu*

Chương 2. Những trăn trở khôn nguôi

quân sự vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam?

Việc Trung Quốc ngang nhiên hạ đặt giàn khoan HD-981 trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam mà Trung Quốc tự công bố thuộc chủ quyền của mình là một bước đi táo tợn, nguy hiểm nhưng có tính toán kỹ. Đằng sau bước đi này là ba yếu tố đã được cân nhắc, như sau: lợi ích lâu dài, phí tổn trước mắt và niềm tin chiến lược.

Về lợi ích lâu dài, họ nghĩ rằng bước đi này sẽ là một bước tiến để họ tiến tới kiểm soát vùng biển Đông. Từ đó họ sẽ làm chủ được đường hàng hải huyết mạch này ở Thái Bình Dương, tăng thêm nguồn dự trữ tài nguyên và khẳng định vị thế thống lĩnh trong khu vực.

Về phí tổn trước mắt, họ đã lường tính theo phương pháp đơn giản. Về phí tổn vật chất, Việt Nam không đủ nguồn lực để chấp nhận đương đầu lâu dài với Trung Quốc trên biển; do vậy, phí tổn sẽ không phải là quá cao. Về vị thế quốc tế, có lẽ họ cho rằng tổn thất này có, nhưng chỉ là ngắn hạn và không lớn.

Về niềm tin chiến lược, có lẽ họ tin vào ba điều: thứ nhất, việc này cần phải làm vì lợi ích lâu dài của một đại cường quốc như Trung Quốc; thứ hai, việc này có thể làm được vì phí tổn không lớn, Việt Nam với cấu trúc chính trị-xã hội hiện tại không có khả năng trở dậy, và Việt Nam không có đồng minh chí cốt nào; thứ ba, họ thấy rằng họ đang có cơ hội quý để làm được việc này vì thế giới đang bối rối về biến động ở Ukraine và sự lệ thuộc của Nga vào mối liên minh với Trung Quốc.

– Với những diễn biến như hiện tại, chưa có dấu hiệu nào cho thấy Trung Quốc sẽ xuống thang xung đột. Chúng ta sẽ phải làm gì?

Trung Quốc sẽ phải nhượng bộ nếu chúng ta có một chiến lược hiệu quả trong đấu tranh và hợp tác với Trung Quốc. Chiến lược

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

này cần có khả năng bẻ gãy ý chí chiến lược của Trung Quốc. Trong số các điểm chính yếu của chiến lược này, ta cần chú ý các yếu tố sau:

(1) Tạo bất ngờ: hành động khác hẳn với các kịch bản mà các chiến lược gia biển Đông của Trung Quốc đã trù tính; làm những điều mà chính trí thức và người dân Trung Quốc phải cảm phục. Người Trung Quốc, với nền văn hóa thâm thúy của mình, rất giỏi trong việc xét đoán ai là quân tử, ai là tiểu nhân; ai xứng đáng với niềm tin của người khác, ai phải hổ thẹn với lương tâm của chính mình.

(2) Chứng minh rằng Việt Nam có khả năng biến họa thành phúc: sự chèn ép đe dọa của Trung Quốc chỉ làm Việt Nam tăng thêm sức mạnh trở dậy. Chúng ta chưa có chiến lược và năng lực tốt để sử dụng và phát huy một vũ khí vô song ngàn đời của dân tộc, đó là ý chí quật cường và lòng yêu nước của nhân dân.

(3) Hiểu rõ nội tình phức tạp trong nội bộ lãnh đạo Trung Quốc và sự bất bình của người dân về tham nhũng, bất bình đẳng, thiếu tôn trọng nguyện vọng chân thành của người dân. Trung Quốc sẽ rơi vào thế bị động choáng váng nếu Việt Nam khởi xướng cải cách chính trị với những bước đi quả cảm vì tương lai phồn vinh của đất nước, hòa bình của khu vực, và sự thượng tôn quy luật phát triển văn minh của nhân loại.

Cải cách thể chế, xây dựng xã hội dân sự, tìm kiếm trọng dụng người tài. Đặc biệt, mau chóng thử nghiệm xây dựng các đặc khu kinh tế-chính trị để làm điểm tựa chiến lược cho phát triển và bảo vệ đất nước, coi đây là một hiệu triệu thiêng liêng đến nhân dân và là một thông điệp cao quý tạo xúc cảm sâu sắc đến cộng đồng thế giới.

(4) Không ngây thơ mà cần hiểu rõ phương châm và mưu lược mà vua chúa Trung Quốc thường sử dụng hàng ngàn năm qua

Chương 2. Những trận trở khôn nguôi

trong các cuộc đối đầu với nhau và với các nước láng giềng, trong đó có:

(a) Làm vô hiệu vũ khí mạnh nhất của đối phương. Với Việt Nam, đó là lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.

(b) Không đánh mà thắng: vật lông khi (đổ nước nóng để khi tự vật lông mình), tạo đám cháy gây rối ren.

(c) Hành động ngang nhiên, giấu kín ý đồ. Nói to những điều ai cũng biết, nhưng ngầm ngầm làm những điều không ai biết ai ngờ; thực thực hư hư, làm đối phương không biết đâu để đối phó, đặc biệt ngầm thay dầm xà tốt bằng gỗ mục mọt để đến khi nhà sụp rồi mới biết.

(d) Đánh tia song phương; không giải quyết đa phương.

(e) Giết gà dọa khỉ.

Người dân và cán bộ Việt Nam, khi có dịp, nên trao đổi chân thành và thẳng thắn với người dân và quan chức Trung Quốc xem bạn có đang áp dụng các mưu chước trên với Việt Nam không. Nếu có thì ở mưu chước nào. Chân thành, thẳng thắn, không né tránh là cách tốt nhất để vượt qua khủng hoảng niềm tin.

(5) Tăng cường liên minh với trí thức và nhân dân Trung Quốc. Người dân Việt Nam không nên trút uất ức và ngờ vực của mình vào người dân Trung Quốc. Sẽ là bất lợi vô cùng nếu người dân Việt Nam không tiếc lời nói những điều xúc phạm đến dân tộc Trung Quốc. Chúng ta phải coi nhân dân Trung Quốc là người đồng minh vô giá và tiềm tàng của mình. Chúng ta có thể thấy rõ điều này nếu hỏi họ những câu hỏi chân thành là tại sao chính phủ họ làm những điều tội tệt với bè bạn. Rất nhiều người trong số họ sẽ nói đó là điều họ không muốn nhưng không thể làm gì hơn được. Trung Quốc đang say máu cường quốc.

Điều đặc biệt đáng lưu tâm là chính phủ Trung Quốc có thể thuyết phục được người dân của họ ở mức độ đáng kể nếu người

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

dân Việt Nam vơ đũa cả nắm, lấy oán báo oán, thóa mạ người Trung Quốc; kết cục là đôi bên cùng rơi vào vòng xoáy thù hận. Chúng ta cần hiểu rằng tuy có xung đột gay gắt hôm nay nhưng hai nước sớm muộn cũng quay lại hợp tác với nhau, vì nó sẽ làm công cuộc phát triển của mỗi nước trong tương lai thuận lợi và tốt đẹp hơn nhiều.

Chúng ta mong nhân dân Trung Quốc sẽ được lãnh đạo bởi một hệ thống chính trị dân chủ trung thực, tôn trọng ý nguyện người dân và thực lòng mong muốn sống hài hòa với các nước láng giềng. Điều đáng lưu ý là biển Đông không có mối quan hệ tình cảm thiêng liêng, máu thịt với người dân Trung Quốc như với người Việt Nam; vì vậy người dân Trung Quốc sẽ không chấp nhận phải hy sinh những người con trai một của gia đình và dòng họ mình cho cuộc chiến vô nghĩa này. Xã hội Trung Quốc sẽ rối loạn nếu Trung Quốc gây chiến ở biển Đông.

– Theo ông, vai trò của các tổ chức quốc tế như thế nào trong việc ngăn chặn chủ nghĩa bành trướng của Trung Quốc?

Vai trò của các tổ chức quốc tế là quan trọng nhưng không có ý nghĩa quyết định. Trong thế kỷ thông tin và toàn cầu hóa ngày nay, bên nhỏ yếu có thể chiến thắng nếu được cộng đồng dân chúng thế giới đồng cảm sâu rộng và ủng hộ áp đảo. Nếu không tạo được cục diện này thì Việt Nam sẽ ở vào thế rất khó khăn, dù có cố gắng bao nhiêu trong đầu tư mua vũ khí và chuẩn bị lực lượng. Vì vậy, mỗi lãnh đạo và người dân phải thấy hết trách nhiệm của mình trong nỗ lực giúp nước. Cùng với nỗ lực vượt bậc trong cải cách thể chế, nâng cao tầm giá trị của dân tộc Việt Nam dựa trên nhân bản, nhân cách và nhân hòa là nền tảng để đất nước đứng vững và vượt lên mọi hiểm họa trong sự tin cậy và ủng hộ của cộng đồng thế giới.

Lê Vũ Quý Linh (thực hiện)
Người Đô Thị – 21/5/2014

THƯ GỬI LÃNH ĐẠO ĐẤT NƯỚC VÀ ĐỒNG BÀO Ở QUÊ NHÀ

Singapore ngày 12 tháng 05 năm 2014

Chúng tôi, thay mặt cộng đồng bà con đang sinh sống và làm việc ở Singapore, xin chia sẻ với lãnh đạo đất nước cùng đồng bào ở quê nhà tình cảm thiêng liêng và ý thức trách nhiệm sâu sắc với vận mệnh Tổ quốc trước những diễn biến nguy hiểm ở Biển Đông.

Chúng tôi phẫn nộ và nhận thức rõ việc hạ đặt dàn khoan HD-981 với sự yểm trợ của các hành vi ngang ngược, bạo lực của chính quyền Trung Quốc trong thềm lục địa Việt Nam là vi phạm thô bạo luật pháp quốc tế và những nguyên tắc ứng xử hòa bình mà Trung Quốc và các nước Đông Nam Á đã cam kết tôn trọng. Hành động này đi ngược lại với chính tình cảm và nguyện vọng của đông đảo nhân dân Trung Quốc. Có lẽ không ai hiểu rõ hơn nhân dân Trung Quốc những lời nhắn gửi của Khổng Tử: *“Đừng làm cho người khác điều gì mình không muốn người khác làm cho mình”* và *“Hành động chỉ vì lợi ích của riêng mình sẽ tạo nên sự thù ghét khắp nơi.”* Chúng tôi tin rằng, những người chỉ đạo chiến dịch hạ đặt dàn khoan HD-981 sớm muộn sẽ phải nghĩ lại và thay đổi quyết định của mình. Nó không chỉ tổn hại đến lợi ích và hình ảnh của Trung Quốc trong thời điểm hiện tại, mà còn là sự hổ thẹn của nhân dân Trung Quốc với lịch sử và tương lai của chính mình.

Trong những ngày tháng khó khăn này, chúng tôi mong muốn mãnh liệt rằng đất nước ta sẽ biến thách thức to lớn đang gặp phải thành sức mạnh tiềm tàng để khởi đầu một công cuộc cải cách kỳ vĩ, mau chóng xây dựng nước ta thành một quốc gia hùng cường, là nguồn xúc cảm lớn lao cho cộng đồng thế giới về lòng nhân bản,

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

ý thức trách nhiệm với tương lai, và khả năng vượt lên từ gian khó, hiểm họa.

Trong những ngày tháng khó khăn này, chúng tôi xin bày tỏ ý chí hiến dâng hết sức mình cho Tổ quốc. Chúng tôi sẵn sàng trở về cùng đồng bào góp sức xây dựng và bảo vệ nước nhà. Thế hệ chúng ta quyết không để ông cha ta phải tủi hổ nơi chín suối. Chúng ta sẽ làm tất cả những gì có thể làm được để người Việt Nam sớm có ngày được ngẩng cao đầu và con cháu chúng ta mai đây có thể hãnh diện về một trang lịch sử hào hùng mới mà thế hệ chúng ta hôm nay sẽ để lại cho dân tộc.

Trong những ngày tháng khó khăn này, chúng tôi kêu gọi mỗi người Việt Nam ta hãy đoàn kết một lòng, ý thức cao hơn với vận mệnh đất nước, tự đổi mới chính mình, vươn cao hơn về tầm nhân cách và trí tuệ, hiểu và gắn bó hơn với bè bạn năm châu. Mạnh liệt trong ý thức dân tộc, cao thượng về nhân cách, gắn kết chặt chẽ với cộng đồng thế giới sẽ là nền tảng vững chắc cho nước Việt Nam ta trỗi dậy và vươn tới tương lai tươi sáng trong hòa bình, nhân phẩm, và niềm tin cậy của nhân dân thế giới.

Ban Liên Lạc Cộng đồng Người Việt Nam ở Singapore

VIỆT NAM: CHẶT CẦU ĐỂ TIẾN LÊN?

Nghĩ về đất nước thấy trách nhiệm, nhìn ra thế giới thấy ước mơ.

Chuyện xưa kể rằng: Trong một trận đánh quyết liệt có tính sống còn, nhưng quân sĩ cứ lui dần, lui dần đến bờ sông. Để thể hiện ý chí quyết tâm, các vị tướng đã quyết định chặt đi cây cầu duy nhất để không còn đường rút. Sau đó, khi giặc đến, tất cả đều hét vang xông lên can trường chiến đấu với ý chí vô song. Trận đánh thắng lợi và quyết định của các vị tướng khi đó đã trở thành một bài học lịch sử cho sự phát triển.

1. Định lượng nỗi đau dân tộc

Mỗi con người khi thấy dân tộc mình ở vào vị thế thấp kém so với tiềm năng đều mang trong mình một nỗi đau. Nỗi đau này dù không ai giống ai hoàn toàn và không thể đo đếm chính xác; thế nhưng, nó cũng có thể ước lượng được ở một chừng mực nhất định. Dưới đây là một phương cách đơn giản. Mỗi người hãy tự trả lời bốn câu hỏi sau:

1. Chúng ta có thấy xót xa hổ thẹn về vị thế hiện nay của dân tộc mình không?

2. Chúng ta có thấy lo lắng cho tương lai của đất nước mình không?

3. Nếu có cơ hội, thế hệ chúng ta có đủ sức đưa dân tộc mình đến một vị thế vẻ vang (hơn mức hiện nay rất nhiều) không?

4. Cơ chế hiện thời có cho bạn làm được điều mà bạn hết lòng

khao khát làm cho đất nước mình không?

Với mỗi câu hỏi, câu trả lời “có” được điểm 1 và câu trả lời “không” được điểm 0. Theo cách này, nỗi đau dân tộc của mỗi con người được đo bằng tổng số điểm của ba câu hỏi đầu trừ đi điểm của câu hỏi 4. Ví dụ, người mà câu trả lời là “có” cho cả ba câu hỏi đầu và “không” cho câu hỏi 4 sẽ có mức đau bằng 3 ($1+1+1-0=3$); đó là nỗi đau ở mức tốt cùng. Trái lại, người mà câu trả lời là “không” cho cả ba câu hỏi đầu và “có” cho câu hỏi 4 sẽ có mức đau bằng -1 ($0+0+0-1=-1$); trong trường hợp này, người trả lời không có nỗi đau gì và thấy rất hài lòng với hiện tại.

Trong tập thể hàng triệu người, mức đau này có thể khác nhau, nhưng có lẽ, nhiều người cùng chia sẻ một cảm nhận là mức đau trung bình của hàng triệu người Việt chúng ta cũng không thấp hơn quá xa so với mức tốt cùng nói trên. Người viết bài này mong rằng Quốc hội và Ban chấp hành trung ương Đảng khi có dịp hội họp có tổng hợp và báo cáo với quốc dân đồng bào nỗi đau này của mình. Nếu mọi người thấy không đau mà lại tự hào vì thấy dân mình được “xếp hạng hạnh phúc hàng đầu thế giới” [1] thì cũng là điều đáng suy nghĩ lắm.

2. Định lượng nguy cơ mất nước

Một thước đo khác có tính cấp bách hơn là về nguy cơ mất nước. Người xưa gợi ý ba thước đo về nguy cơ mất nước của một quốc gia:

Thứ nhất, người trên sai mà quan chức dưới đều nín lặng.

Thứ hai, người được giao trọng trách không thấy việc mình đảm nhận là thiêng liêng và gian khó mà lại coi đó là đặc quyền đặc lợi để vinh thân, phì gia, và kết bè kéo cánh hưởng lộc.

Thứ ba, người người đua chen, từ quan đến dân, lao vào các làm ăn chụp giật và vụ lợi cá nhân trong sự xem thường đạo lý và

sự tê liệt lòng tin vào công lý.

Theo người xưa, nếu điều 1 là đúng thì nước này đang ở vào thế suy vi; nếu điều 2 là đúng thì nước này sẽ khôn khó trong sự chia rẽ lục đục; nếu điều 3 là đúng thì nước này sắp loạn. Nếu cả ba điều trên đều đúng thì nước mất đến nơi rồi.

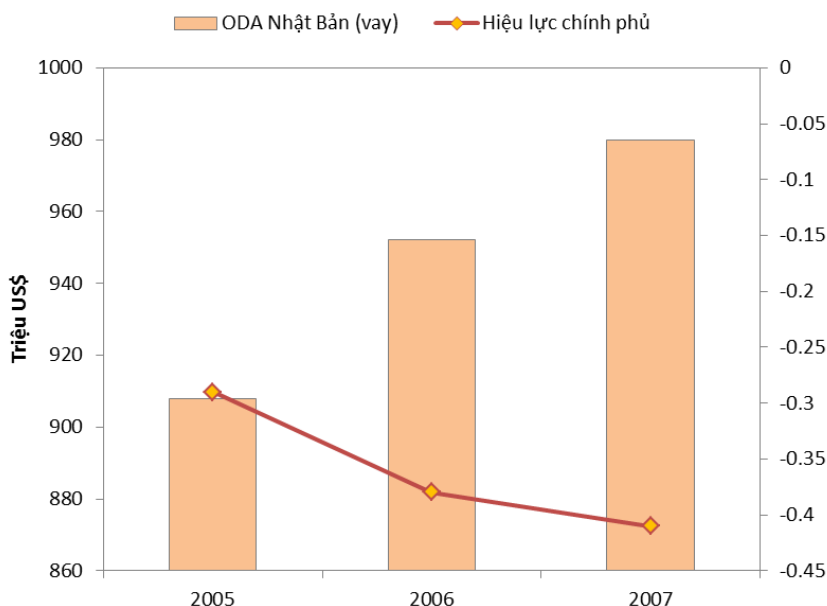
3. Tình thế nước ta và đôi điều trần trở

Ai đã sống ở nước Nhật chắc đều ấn tượng về sự sâu sắc và cẩn trọng trong hành xử của dân tộc này. Họ đã làm nên những điều kỳ vĩ trong cải cách Minh Trị trong nửa cuối thế kỷ 19 và sự vươn lên kỳ diệu từ đồng tro tàn sau thế chiến thứ hai.

Điều đặc biệt đáng nói là Nhật Bản đã đang là quốc gia có sự đồng cảm và giúp đỡ Việt Nam nhiều nhất trong công cuộc phát triển vừa qua. Thế nhưng, dường như sự kỳ vọng cao của họ về một dân tộc Việt Nam có thể so sánh được với Hàn Quốc hay Nhật Bản có lẽ đang tắt dần. Quan sát động thái hợp tác của Nhật Bản với nước ta có thể giúp chúng ta thấy phần nào cảm nhận của bè bạn thế giới về tương lai của nước Việt chúng ta.

Năm 2006, tại Tokyo, Nhật Bản và Việt Nam có tuyên bố chung rất long trọng và ấn tượng khẳng định hai bên cam kết xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược [2]. Viện trợ của Nhật Bản cũng từ đó tăng lên. Thế nhưng, Việt Nam, khác với những quốc gia và vùng lãnh thổ có công cuộc phát triển kỳ vĩ (như Hàn Quốc hay Đài Loan), viện trợ nhiều lên không làm chất lượng thể chế của chúng ta tốt lên, mà trái lại sa sút trong sự so sánh với thế giới (Hình 1). Đáng buồn hơn nữa, tháng 12 năm 2008, Nhật Bản thông báo tạm ngừng viện trợ cho Việt Nam vì vấn đề tham nhũng và tin này công bố rộng rãi khắp thế giới [3].

Ví dụ trên cho thấy sự sa sút của chúng ta không phải do ai chống phá mà ở chính do sự yếu kém và vô cảm của hệ thống của chúng ta trước công cuộc phát triển của dân tộc.

Hình 1. Việt Nam: Viện trợ Nhật Bản và chất lượng thể chế

Nguồn: số liệu về ODA Nhật Bản (khoản cho vay) từ bộ ngoại giao Nhật Bản; số liệu về hiệu lực chính phủ từ Ngân hàng Thế giới.

Trong thực tế hiện nay, chúng ta không thể trách cứ điều này cho cá nhân cụ thể nào mà phải thấy đây là “lỗi hệ thống” như nhiều người đã từng nêu ra. Bản chất của lỗi hệ thống là sự khủng hoảng về hệ thức tư duy [4]. Nguyên nhân gốc rễ của sự khủng hoảng này là do những định đề và thiết kế tổ chức kiểu cũ đã trở thành lực cản cho quá trình nhận thức của tư duy và cải biến của xã hội sang khung thức vận hành mới.

Nếu hệ thống quản trị xã hội không chủ động tạo sự chuyển dịch có tính hồi sinh sang khung thức phát triển mới thì xã hội chắc chắn sẽ trải qua giai đoạn khủng hoảng trong sự suy tàn của hệ thống cai trị hiện thời. Trái lại, nếu hệ thống biết chủ động nắm bắt qui luật, mạnh dạn bước vào công cuộc hồi sinh thì nó có thể bước vào trạng thái khởi phát (xem Bảng 1 dưới đây).

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

Bảng 1. Đặc trưng hệ thống trong lựa chọn chuyển đổi: Suy tàn hay Khởi phát

Tiêu chí	Suy tàn	Khởi phát
Tâm nhìn	<ul style="list-style-type: none"> Bị che mờ bởi hào quang quá khứ và sự lú lẫn của tư duy cũ được gia cường bởi lợi ích cá nhân và phe nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> Hướng về khát vọng tương lai được chia sẻ sâu sắc bởi mọi tầng lớp nhân dân. Đó là ước mơ đời đời thúc giục, người người khao khát.
Chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> Mơ hồ; chủ yếu xoay sở để giữ ổn định bằng cách gia cường các chốt hãm tạo bởi những định đề có từ quá khứ. 	<ul style="list-style-type: none"> Dựa trên sự trỗi dậy của nguyên khí dân tộc trong tâm nhìn thời đại và ý thức trách nhiệm với tương lai.
Phong cách lãnh đạo	<ul style="list-style-type: none"> Sự vụ, đối phó, né tránh sự thật. 	<ul style="list-style-type: none"> Khơi dậy sự phấn khích của toàn dân bằng hoài bão lớn, phẩm chất hiến dâng, sự trân trọng từng con người, và khả năng qui tụ hiền tài.
Văn hóa tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> Mọi người, dù là có chức vụ cao đều thấy không có quyền lực. Trong đáy lòng, thực tế không còn những giá trị thiêng liêng để tôn thờ. Ngậm miệng ăn tiền. Hệ thống không ghi nhận đóng góp hay qui trách nhiệm cho cá nhân về mỗi nỗ lực thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> Ai ai cũng thấy trách nhiệm và khả năng đóng góp của mình vào sự nghiệp chung. Mọi người đều chia sẻ những giá trị thiêng liêng gắn với tiền đồ và danh dự dân tộc Vai trò cá nhân được đặc biệt coi trọng. Mỗi mặt trận đều có vị tướng lĩnh xuất chúng.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Vận hành của hệ thống	<ul style="list-style-type: none">• Thụ động, thúc thủ, thậm chí tê liệt (trên bảo dưới không nghe)	<ul style="list-style-type: none">• Có định hướng mạnh mẽ vào các mục tiêu chiến lược; sáng tạo, cộng hưởng, và hợp tác gắn bó.
Hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none">• Mập mờ, sai lệch, thậm chí bị ém nhèm, giấu diếm	<ul style="list-style-type: none">• Minh bạch, chính xác, có hệ thống với chất lượng và khả năng tiếp cận ngày một nâng cao với sự phản hồi và đóng góp chặt chẽ của công dân.
Sử dụng nguồn lực	<ul style="list-style-type: none">• Phung phí, dàn trải.• Luôn cảm thấy thiếu hụt tài chính và nguồn lực vật chất; trong khi coi thường giá trị con người.• Vô thức trong việc lãng phí tài nguyên và vay nợ nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none">• Tiết kiệm, chiến lược, và tập trung trong sử dụng nguồn lực.• Trọng dụng người tài để nguồn lực luôn đến dồi dào, sinh sôi và phát huy mạnh mẽ.• Chỉ dùng đến tài nguyên và nợ nước ngoài cho những mục tiêu đặc biệt chiến lược và tính thâu đáo mọi hậu quả của nó.

4. Làm gì để vượt lên?

Không ít bè bạn đã có thời tin rằng, Việt Nam là một dân tộc có tinh thần quật khởi và là một ứng viên làm nên những kỳ tích phát triển ở nửa đầu thế kỷ 21. Trong thế kỷ 21 này, động lực cho sự phát triển thần kỳ chỉ có thể có được nếu hội đủ ba điều kiện sau:

1. Toàn dân tộc đồng tâm trong khát vọng vươn lên sánh vai các dân tộc vẻ vang của thời đại.

2. Hiểm họa an ninh quốc gia ngày càng gay gắt.

3. Hệ thống chính trị nhận thức được lòng dân là ánh sáng mặt trời và văn minh nhân loại là quy luật của trời đất. Trong nhận thức đó, lãnh đạo phải là người có thể ngẩng cao đầu đón ánh mặt trời của lòng dân và lái con thuyền dân tộc vượt qua biển cả trong sự thuận hòa của quy luật trời đất.

Kinh nghiệm của Indonesia với thắng lợi vang dội của tổng thống Yudhoyono trong cuộc bầu cử toàn dân đầu tháng 7 vừa rồi là điều đáng suy nghĩ. Ông được đánh giá là đã làm xuất sắc cương vị tổng thống trong năm qua (2002-2009) với nỗ lực ấn tượng trong củng cố nền móng phát triển của Indonesia và chương trình chống tham nhũng với lời nói và hành động nhất quán và mạnh mẽ. Cũng nhờ vậy mà trong mấy năm qua, Indonesia đã vượt lên từ sự sa sút sau sụp đổ của chính quyền độc tài Suharto và trở thành quốc gia tăng trưởng nhanh nhất trong các nước Đông Nam Á trong những tháng đầu năm 2009. Cũng trong bối cảnh dân chủ sống động, ở Malaysia, Thủ tướng mới Najib nhận được sự đồng thuận cao của người dân (65% tín nhiệm) sau 100 ngày cầm quyền nhờ những cải cách đặc biệt ấn tượng.

Trong nỗ lực cải cách hệ thống ở Việt Nam, với xu thế tất yếu hướng tới một nền dân chủ do dân và vì dân, chúng ta trước hết cần đặc biệt chú ý áp dụng một số cải tiến kỹ thuật, tuy nhỏ nhưng

có ý nghĩa cực kỳ then chốt. Dưới đây là hai ví dụ nhỏ.

1- Lưu trữ và minh bạch thông tin lịch sử

Trong bối cảnh không dễ dàng đổi thay một cơ chế hay một hệ tư duy, việc lưu trữ và minh bạch thông tin lịch sử có tác dụng quan trọng.

Bài học này có từ kinh nghiệm của tổng thống Abraham Lincoln khi ông còn là một luật sư. Khi đó nước Mỹ có luật là người lớn không thể đòi khoản nợ mà người vị thành niên vay mình. Điều luật này lập tức bị nhiều thiếu niên lạm dụng: họ vay tiền rồi từ chối trả nợ. Nhiều chủ nợ cay đắng chấp nhận vì luật pháp không ủng hộ họ.

Trong tình thế này, luật sư Linhcon cũng không có cách nào khác để giúp thân chủ của mình đòi nợ ngoài việc đề nghị tòa án lưu giữ hồ sơ là cậu thiếu niên này đã quit nợ và ghi rõ cậu đó sẽ không bao giờ được coi là người lớn nếu không trả món nợ này. Lo sợ về đề xuất này được thực hiện, cậu thiếu niên này và gia đình đã vội vã xin trả món nợ và tình trạng quit nợ kiểu này từ đó không còn nữa.

Bài học này cho thấy, con người ta sẽ thường chỉ có hành vi lạm dụng khi trốn lủi được sự phán xét. Do đó, chúng ta đề nghị có đạo luật để Đảng, Quốc hội, Nhà nước, và Chính phủ phải lưu trữ thật tốt mọi luận bàn và quyết định quan trọng về chính sách phát triển và bổ nhiệm nhân sự để toàn xã hội được biết trong một thời hạn sớm nhất có thể. Khi đó, ai đề xuất hay quyết định những việc gì, dù tốt đẹp cho dân cho nước hay làm hại dân hại nước; dù đề bạt người hiền tài hay nâng đỡ kẻ tham nhũng sẽ đều được sự phán xét nghiêm minh của lịch sử.

2- Lựa chọn và đánh giá lãnh đạo dựa trên phân loại khoa học

Việc lựa chọn cán bộ lãnh đạo và chủ chốt có ý nghĩa sống còn

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

với công cuộc phát triển. Công việc hệ trọng này nên dựa trên một sự phân loại khoa học, có hệ thống. Tối thiểu cần dựa trên hai tiêu chí: Phẩm chất hiền dân và Tư duy cải cách. Trên mỗi tiêu chí, cho điểm từ 1 đến 5 (1=rất thấp so với mức trung bình; 2=thấp hơn mức trung bình; 3=mức trung bình; 4=cao hơn mức trung bình; 5=vượt xa mức trung bình).

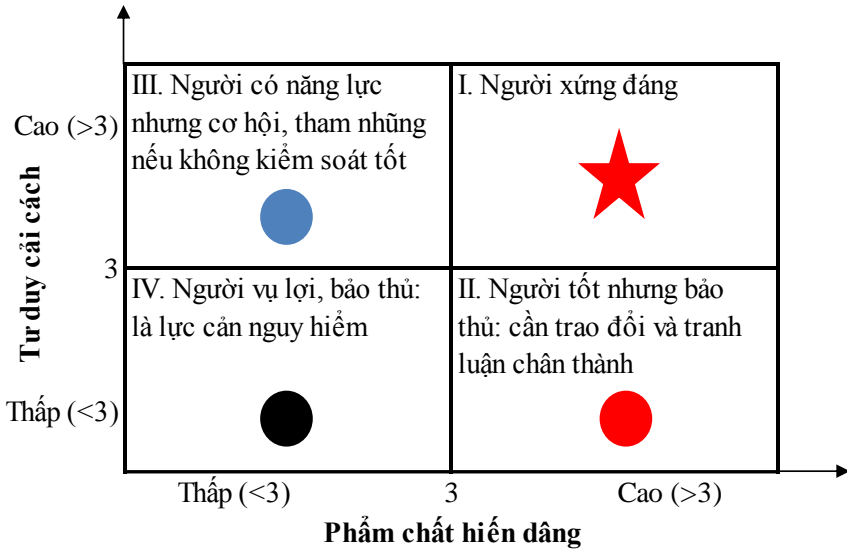
Để lựa chọn người cho một bầu cử chính thức, một tổ chức (dù là Đảng, Quốc hội, hay Chính phủ) nên có phân loại khoa học theo hai tiêu chí trên. Ví dụ: (i) Ban Chấp Hành Trung ương đánh giá về các ủy viên Bộ Chính trị hiện tại hoặc các ủy viên dự kiến cho khóa tới; (ii) Quốc hội đánh giá các bộ trưởng và các vị giữ trọng trách cao hơn.

Tổng hợp đánh giá của cả tập thể về một cán bộ chủ chốt sẽ cho phép phân loại cán bộ theo Hình 2 bên dưới.

Theo đó, chỉ người có mức điểm trung bình cao (nghĩa là trên 3,0) trên cả hai tiêu chí: “Phẩm chất hiền dân” và “Tư duy cải cách” (ô I) mới được lựa chọn vào bầu cử cho các cương vị cao như ủy viên bộ chính trị hay hay bộ trưởng và các vị trí cao hơn. Đảng và Quốc hội nếu muốn có lòng tin của dân cần công khai các chỉ số này cho cán bộ chủ chốt ở cả Trung ương và địa phương.

Theo đánh giá của nhiều người, có nhiều cán bộ chủ chốt của ta ở ô III (có năng lực nhưng cơ hội, tham nhũng) và ở ô IV (vụ lợi cá nhân, bảo thủ). Điều đặc biệt đáng nói là cách đánh giá này không chỉ xác đáng mà còn tạo động lực để mỗi cán bộ đều tự rèn luyện và tốt hơn lên. Mục tiêu cuối cùng của chúng ta là, tất cả những ai được đứng trong hàng ngũ lãnh đạo, thậm chí chỉ là cán bộ trong bộ máy nhà nước, đều phải ở ô I với độ tin cậy cao của toàn dân về phẩm chất hiền dân và tư duy cải cách.

Hình 2: Phân loại và đánh giá cán bộ chủ chốt



5. Thay lời kết

Khó khăn trong quyết định của mỗi người chúng ta hôm nay không phải là làm cách gì để đất nước tiến lên mà là ở làm gì để chúng ta không lùi tiếp nữa bởi đường lùi của chúng ta còn rộng rãi thênh thang lắm.

Ông cha chúng ta để lại cho chúng ta đất đai ở vị thế đẹp và nhiều tài nguyên quý giá. Thế giới lại thương cảm chúng ta đã trải qua những cuộc chiến tranh khốc liệt. Thế hệ chúng ta chỉ cần cho nhượng thuê đất trong các dự án đầu tư để dài, bán tài nguyên, và vay nợ quốc tế cũng đủ sống xê-xang được 20-30 năm nữa. Ta nhượng đất của ông cha làm sân gôn và dân ta sẽ không thể đổi nhờ nghề nhặt bóng và đánh giày. Mỗi chúng ta, dù sao hãy cùng trả lời một câu hỏi day dứt: Dân tộc Việt Nam ta hôm nay có đủ lòng quả cảm “Chặt cầu để tiến lên” không?

Vietnamnet – 13/7/2009

Ghi chú:

[1] Tổ chức New Economic Foundation vừa đưa ra xếp hạng chỉ số hạnh phúc năm 2009, trong đó Việt Nam xếp hạng 5. Điểm tốt của cách xếp hạng này là khuyến khích các nước tiêu dùng ít vật chất hơn. Điểm hạn chế là phương pháp dễ gây ngộ nhận cho các nước nghèo. Thứ nhất, họ dùng khảo sát mức độ hài lòng với cuộc sống thực hiện năm 2005 (nghĩa là 5 năm trước đây) và khảo sát này chủ yếu dựa vào một nhóm nhỏ người sống ở thành phố. Thứ hai, họ chia chỉ số hài lòng cho lượng vật chất tiêu dùng; nói một cách nôm na, chỉ số hài lòng của người Mỹ là 8 nhưng vì họ đi ô tô nên chỉ số hạnh phúc của họ thấp hơn Việt Nam với chỉ số hài lòng là 6,5 nhưng đi xe máy.

[2] “Japan-Vietnam Joint Statement: Toward a Strategic Partnership for Peace and Prosperity in Asia”; October 19, 2006; Ministry of Foreign Affairs, Japan; <http://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/vietnam/joint0610.html>, xem ngày 11/07/2009.

[3] “Japan Suspends Aid to Vietnam, Citing Corruption”; <http://www.bloomberg.com/apps/news?pid=20601080&sid=aTlhAZGLZ2Ko&refer=asia>, xem ngày 11/07/2009.

[4] Xem thêm Elgin, D. (1977), “Limits to the management of large complex systems”, Assessment of Future National and International Problem Areas, Stanford Research International, Palo Alto, CA.

TÍNH CHÍNH DANH CỦA ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CẢI CÁCH

Việt Nam đang bước vào một thời kỳ có tính bước ngoặt. Đất nước đang đứng trước những khó khăn, hiểm họa, và dường như bế tắc trong con đường đi lên [1]. Song, người dân và xã hội cũng đã chuyển mình thức tỉnh trước những đòi hỏi cấp bách và vận hội to lớn cho sự trỗi dậy của dân tộc.

Tình thế đang đòi hỏi cải cách đột phá, chiến lược, và sâu rộng trong tất cả các lĩnh vực. Nó không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế (như cải cách cơ cấu, cải cách hệ thống ngân hàng, cải cách doanh nghiệp nhà nước) hay xã hội (như cải cách giáo dục) mà cả chính trị và thể chế. Trong tinh thần đó, bài viết này đi sâu vào một nội dung có tính nền tảng cho các nỗ lực cải cách này; đó là *tính chính danh của đảng cầm quyền và trách nhiệm cải cách*. Bài viết đề cập tới ba nội dung chính: (1) Tính chính danh của đảng cầm quyền; (2) Các lựa chọn cho hành động; và (3) Một số kiến nghị cụ thể.

1. Tính chính danh của đảng cầm quyền

Tính chính danh của một đảng cầm quyền thể hiện ở hai mặt: hình thức và nội dung. Về hình thức, đảng có chính danh nếu giành quyền lãnh đạo của mình qua bầu cử dân chủ trong một hệ thống đa đảng. Về nội dung, đảng có chính danh nếu sự cầm quyền của đảng thỏa mãn người dân trong năm thước đo chủ đạo sau:

1. *Cuộc sống yên bình*: người dân không phải sợ hãi về sự

Chương 2. Những trở trở khôn nguôi

hoành hành của trộm cắp, cướp giết, bạo lực, tệ nạn xã hội (như nghiện hút, mại dâm, cờ bạc), và tai nạn giao thông.

2. *Chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia*: người dân thấy chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước được nhà nước gìn giữ cẩn trọng vẹn toàn như một báu vật thiêng liêng mà tổ tiên để lại.

3. *Phát triển kinh tế*: người dân thấy mức sống của mình được nâng lên không ngừng; cơ hội kiếm việc làm và học tập dồi dào; bộ mặt đất nước đổi thay nhanh chóng.

4. *Gắn kết xã hội*: Lòng tin lẫn nhau trong xã hội không bị xói mòn bởi bất công, chup giết, đặc quyền đặc lợi của con ông cháu cha và những kẻ tham nhũng. Người dân có ý thức cộng đồng cao và cùng chia sẻ một khát vọng chung về viễn cảnh tươi sáng của đất nước.

5. *Phẩm chất người lãnh đạo*: đa số người dân cảm phục người lãnh đạo về tầm nhìn, phẩm chất hiền dân, và năng lực nắm bắt đổi thay trong quyết sách và hành động; nạn tham nhũng được kiểm soát, người hiền tài thỏa sức thể hiện tài năng.

Sự thỏa mãn của người dân trong năm tiêu chí nói trên có thể không giống nhau do sự khác biệt về nhiều mặt như mức độ thành công, hoành cảnh sống, tuổi tác, ngành nghề, nơi sinh sống,... Tuy nhiên, số liệu tổng hợp từ cách đo đơn giản từ 1 đến 5 của sự hài lòng (5=cao; 4=khá; 3=trung bình; 2=thấp; 1=rất thấp) có thể cho ta một bức tranh khái quát về tính chính danh của đảng cầm quyền trong một quốc gia được khảo sát:

- Nếu độ hài lòng cao từ 4 trở lên, đất nước này đang trỗi dậy trong sự phấn chấn cao độ của lòng dân. Tính chính danh của đảng cầm quyền rất cao, dễ dàng giành sự ủng hộ mạnh mẽ của đa số nhân dân.
- Nếu độ hài lòng cao từ 3 đến dưới 4, đất nước này đang

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

trong quá trình phát triển ổn định. Tính chính danh của đảng cầm quyền còn khá vững, nhưng nó phải nỗ lực cao để bảo vệ tính chính danh của mình trước thách thức của các đảng đối lập.

- Nếu độ hài lòng từ 2 đến dưới 3, tính chính danh của đảng cầm quyền thấp ở dưới mức yêu cầu. Người dân bi quan, ức chế, và mong muốn đổi thay. Họ sẽ thay thế đảng cầm quyền trong cuộc bầu cử gần nhất.
- Nếu độ hài lòng từ 1 đến dưới 2 thì tính chính danh của đảng cầm quyền ở mức tồi tệ. Mức độ thấp này thường trở nên rất nghiêm trọng trong các xã hội độc đoán. Biểu tình phản đối có thể nổ ra rộng khắp nếu tình hình này kéo dài và đòi hỏi đổi thay của người dân không được đáp ứng. Vũ khí phê phán được thay thế bởi sự phê phán bằng vũ khí theo ngôn từ của Karl Marx [2]. Mùa Xuân Ả Rập là một ví dụ sống động.

Hiện chưa có khảo sát thực nghiệm kỹ càng tính chính danh của Đảng Cộng Sản Việt Nam nên các nhận xét có thể còn thiên về cảm tính. Tuy nhiên, nhiều nhận định gần đây cho thấy tính chính danh của Đảng có dấu hiệu giảm sút rõ rệt. Để có một nhận định khoa học và toàn diện hơn, người viết bài này sẵn sàng cùng các nhà nghiên cứu trong nước tiến hành khảo sát thấu đáo ý kiến đánh giá của mọi tầng lớp nhân dân trong khắp các địa phương trong cả nước.

2. Các lựa chọn hành động

Trong một hệ thống chính trị đa đảng, đảng cầm quyền sẽ bị thất cử nếu tính chính danh của nó theo năm tiêu chí trình bày ở trên thấp dưới mức yêu cầu của đa số nhân dân. Sự thay đổi đảng cầm quyền như vậy là cần thiết; không chỉ cho người dân lựa chọn

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

một đảng cầm quyền mới mà cũng buộc đảng mất quyền phải cải cách để hồi sinh với sức sống và tầm nhìn mới để có thể thắng trong các cuộc bầu cử tiếp theo. Nhờ vậy xã hội có động lực cải biến và phát triển không ngừng.

Trong hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, do lịch sử để lại, Đảng Cộng Sản hiện độc quyền lãnh đạo và đã có những cố gắng đổi mới đáng trân trọng. Thế nhưng, năng lực lãnh đạo hiện nay của Đảng còn rất thấp so với yêu cầu. Trước tình hình này, Đảng có bốn phương án lựa chọn (Hình 1 khái quát bốn phương án lựa chọn này).

***Phương án I:** Không chấp nhận hệ thống chính trị đa đảng nhưng cũng không nỗ lực cải cách đặc biệt để nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng mặc dù nó đã ở vào mức báo động*

Đây là phương án dễ lựa chọn nhất vì nó không đòi hỏi cố gắng gì đặc biệt mà chỉ cần đưa ra một số giải pháp xoay sở nhằm giải quyết những khó khăn, bức xúc trước mắt; chẳng hạn như, tiến hành kiểm điểm cá nhân để ngăn chặn nạn tham nhũng tràn lan, lập thêm ban bộ nhằm tăng thêm quyền lực cho đảng, coi trọng hơn công tác dân vận để giảm bớt sự bất bình của nhân dân, xiết chặt tín dụng để kiểm soát lạm phát, làm cầu vượt tạm để giảm ách tắc giao thông, khai thác cạn kiệt tài nguyên để tăng thu cho ngân sách.

Thế nhưng, phương án này lại là cách lựa chọn nguy hại nhất bởi nó không chỉ làm đảng mất quyền lãnh đạo trong một ngày không xa mà còn làm tổn thất lớn nhất đến công cuộc phát triển đất nước. Theo qui luật phát triển khái quát, một chính đảng chối bỏ cải cách để cố gắng xoay sở trong tình trạng bế tắc thường đi đến hai hiện trạng phổ biến: mâu thuẫn nội bộ gia tăng trong sự chia rẽ và phân rã của tổ chức; quyết sách loay hoay trước những biến động khắc nghiệt dẫn đến những kết cục và tổn thất không lường trước được.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Phương án II: Không chấp nhận hệ thống chính trị đa đảng nhưng tập trung mọi nỗ lực cho cải cách nhằm nâng cấp năng lực lãnh đạo của đảng

Đây là một phương án của mong muốn chủ quan. Nó có thể khả thi trong một số hoàn cảnh nhất định; nhưng không bền vững về lâu dài. Kinh nghiệm Hàn Quốc, Chi-lê, và Đài Loan cho thấy, dân chủ hóa trở thành một nhu cầu có tính then chốt. Nó là động lực mạnh mẽ có tính nền tảng cho đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế-xã hội.

Với Việt Nam trong hoàn cảnh hiện tại, phương án này hoàn toàn không còn khả thi. Kết quả Hội nghị Trung ương 6 và 7 vừa qua cho thấy nếu không có sự chiếu rọi bởi ánh sáng mặt trời của lòng dân thông qua hệ thống chính trị đa đảng thì đảng không thể nào tự thoát ra được tình trạng một ruộng và xuống cấp hiện tại.

Phương án III: Cải cách chính trị, chấp nhận đa đảng; trong khi thiếu quyết tâm và chiến lược cho nỗ lực nâng cao vượt bậc năng lực lãnh đạo của đảng

Phương án này tốt hơn nhiều so với Phương án I vì nó là một cách hữu hiệu giúp đất nước ra khỏi bế tắc hiện nay. Tuy nhiên, nó không phải là phương án tối ưu cho Đảng cũng như cho đất nước. Đảng có thể mất quyền lãnh đạo trong khi đất nước có thể rơi vào mất ổn định chính trị một thời gian trước khi chuyển sang giai đoạn phát triển ổn định.





Phương án IV: Cải cách toàn diện hệ thống chính trị, chấp nhận đa đảng, đồng thời dùng động lực cải cách này để nâng cấp vượt bậc năng lực lãnh đạo của đảng

Thổi vào xã hội và chính mình liều thuốc hồi sinh để cùng trở dậy trong sự thôi thúc của ý chí dân tộc từ ngàn đời và ý thức trách nhiệm cao cả với tương lai. Theo phương án này, Đảng sẽ thu phục được lòng dân và rất nhiều người tài, mở ra một thời kỳ phát triển

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

vẻ vang, hiền tài nhiều không kể xiết, mà lịch sử ngàn năm sau còn hãnh diện tự hào. Khi đó chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ được bảo vệ không chỉ bằng nền kinh tế và quốc phòng hùng mạnh mà còn bằng trí tuệ và con tim của muôn triệu người Việt Nam và sự trân trọng và ngưỡng mộ của cả cộng đồng thế giới.

Hình 1: Bốn phương án lựa chọn của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong tình thế hiện nay

Bầu cử dân chủ trong hệ thống chính trị đa đảng	Có	<p>Phương án III: Cải cách chính trị, chấp nhận đa đảng; trong khi thiếu nỗ lực đặc biệt để nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng.</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">KHÔNG TỐI ƯU</p>	<p>Phương án IV: Cải cách toàn diện hệ thống chính trị, chấp nhận đa đảng, đồng thời biến cải cách này thành động lực nâng cấp vượt bậc năng lực lãnh đạo của đảng.</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">ĐỂ LẠI DI SẢN VÔ GIÁ CHO LỊCH SỬ DÂN TỘC</p>
	Không	<p>Phương án I: Không chấp nhận hệ thống chính trị đa đảng; loay hoay với các biện pháp xoay sở nhằm cứu vãn sự bất lực và suy tàn của đảng.</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">SẼ BỊ ĐÀO THẢI TRONG SỰ HỎI TIẾC VÀ MẶC CẤM TỘI LỖI VỚI LỊCH SỬ</p>	<p>Phương án II: Không chấp nhận hệ thống chính trị đa đảng nhưng tập trung mọi nỗ lực cho cải cách nhằm nâng cấp năng lực lãnh đạo của đảng.</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">KHÔNG CÒN KHẢ THI</p>
		Thấp	Cao
Năng lực lãnh đạo			

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Qui luật phát triển đã chỉ ra rằng tương lai của đất nước khi trời dậy không bị chi phối bởi những khiếm khuyết và khó khăn hiện thời mà phụ thuộc hoàn toàn vào truyền thống tiềm tàng của dân tộc và quyết sách quả cảm của người lãnh đạo. Do vậy, những khó khăn yếu kém ngổn ngang hôm nay không phải là trở ngại gì lớn nếu những người lãnh đạo quyết tâm lựa chọn phương án cho sự trỗi dậy này của đất nước.

Trước khi chuyển sang trình bày một số kiến nghị cụ thể, người viết bài này muốn chia sẻ cùng bạn đọc câu chuyện “Trâu Kỵ khuyên vua Tề nên nghe lời can gián” [3] có từ ngàn năm trước, đại ý như sau:

Trâu Kỵ chiêm nghiệm từ bản thân thấy rằng người đời thường cho mình lời khen không thật vì một trong ba lý do: có tư vị với mình; sợ mình; hoặc nhằm cầu cạnh với mình. Vì vậy, người có quyền cao, chức trọng, lăm của cải chắc chắn sẽ chỉ nhận được lời ngợi khen và không bao giờ nhận được lời phê phán chân thành vì hầu hết mọi người thân cận đều hoặc có tư vị, hoặc sợ, hoặc muốn cầu cạnh.

Thăm thía điều này, với cương vị là tướng quốc nước Tề, ông bèn đến gặp vua Tề là Tề Uy Vương và tâm tình: “Nước Tề vuông ngàn dặm, có tới một trăm hai chục thành; cung nữ và kẻ tả hữu trong cung có ai dám không tuân phục Đại Vương; đình thần có ai không sợ Đại Vương; người trong bốn cõi có ai không cầu cạnh Đại Vương. Xét vậy thì đủ biết Đại Vương bị che lấp bởi các lời khen không thật nhiều lắm rồi!”

Tề Uy Vương thấy lời Trâu Kỵ thật xác đáng bèn hạ lệnh: “Quan lại và dân chúng ai chỉ trích thẳng vào mặt quả nhân một lỗi nào thì sẽ được thưởng hạng nhất; ai mà dâng thư can gián quả nhân thì được thưởng hạng nhì; ai chê bai quả nhân ở chợ hoặc ở triều đình, mà đến tai quả nhân thì được thưởng hạng ba.”

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

Lệnh mới ban, quần thần đến can gián, cửa cung náo nhiệt như cảnh chợ; ít tháng sau, lời can gián giảm hẳn; một năm sau, dù muốn nói cũng không có gì để can gián.

Điều đáng nhấn mạnh thêm ở đây là Tề Uy Vương là một vị vua ham vui, bỏ bê triều chính khi mới lên ngôi. Sau đó nhờ biết lắng nghe lời tâm huyết mà thu phục nhiều người tài giỏi, trong đó có Trâu Kỵ và Mạnh Thường Quân, tiến hành nhiều cải cách lớn biến nước Tề thành một trong những quốc gia cường thịnh nhất thời Chiến quốc.

3. Một số kiến nghị cụ thể

(1) Mở Hội nghị Diên Hồng

Dân tộc Việt Nam có một vũ khí chiến lược có sức mạnh vô song nhưng chỉ dùng đến khi không còn phương sách nào khác. Đó là ý chí và tinh thần dân tộc. Hội nghị Diên Hồng là một hiện tượng kỳ vĩ mà ít dân tộc trên thế giới có được; nó cho phép người Việt Nam mở kho vũ khí thần diệu của mình để vượt qua khó khăn thử thách, giành thắng lợi bất kể thế lực nào thách thức sự tồn vong của dân tộc.

Người viết bài này đề nghị Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, và Quốc hội quyết định mở kho vũ khí chiến lược của dân tộc, mở Hội nghị Diên Hồng bàn về thực hiện phương án IV nêu trên đây. Hội nghị có thể tập trung thảo luận để đi đến thống nhất theo ba nội dung chủ đạo sau: (i) chiến lược dân chủ hóa đất nước; (ii) chiến lược nâng cao vượt bậc sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng; và (iii) chiến lược cải cách kinh tế-xã hội toàn diện để xây dựng và bảo vệ đất nước.

(2) Nhanh chóng cải biến Đảng thành một tổ chức học hỏi

Một chính đảng chỉ có thể có sức mạnh thời đại và năng lực lãnh đạo xã hội khi nó thực sự trở thành một tổ chức học hỏi

(learning organization). Tổ chức học hỏi được đặc trưng bởi bốn nỗ lực mạnh mẽ và thường xuyên sau đây: (i) tìm kiếm, thu nhận, và khai thác sử dụng nhân tài; (ii) dũng cảm thử nghiệm các ý tưởng và quyết sách mới; (iii) so sánh bản thân và đất nước mình với những mẫu hình xuất sắc nhất để noi gương học hỏi; và (iv) không ngừng cải tiến hoàn thiện mình.

(3) Cải cách hiến pháp

Cải cách hiến pháp là một công việc trọng đại. Nó không chỉ xây dựng nền tảng cho một thể chế vững bền cho đất nước phát triển mà còn là một thông điệp tới toàn dân và cộng đồng thế giới rằng Việt Nam bước vào một chương mới trong chặng đường phát triển của mình.

Trong các góp ý về cải cách hiến pháp vừa qua, kiến nghị của nhóm 72 nhân sĩ trí thức là một đóng góp, dù chưa hoàn hảo, nhưng có ý nghĩa và giá trị rất lớn. Đề nghị Đảng, Nhà nước và Quốc hội đặc biệt trân trọng.

Do ý nghĩa đặc biệt quan trọng của thay đổi hiến pháp, đặc biệt trong thời kỳ bước ngoặt hiện nay, đề nghị Quốc hội không thông qua bản sửa đổi rất tầm thường hiện nay. Chúng ta đừng bỏ rất nhiều công sức, thời gian, và tiền bạc của nhân dân để chứng minh với người dân và thế giới rằng chúng ta là những người manh mún về tầm nhìn, nhút nhát trong hành động, và vô cảm trước vận mệnh sống còn của của đất nước.

(4) Chiến lược kinh tế

Một trong những điểm yếu cốt lõi trong phát triển kinh tế của Việt Nam là thiếu tầm chiến lược. Đất nước đang rất lệ thuộc không phải do bị thế lực ngoại bang nào xâm chiếm mà vì lãnh đạo chưa đưa ra được một chiến lược phát triển có tầm nhìn sâu rộng và hiệu lực mạnh mẽ. Xót xa hơn nữa, nhiều học giả nước ngoài ngạc nhiên khi thấy Việt Nam không có chiến lược phát triển để

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

đánh dấu 50 năm ngày thống nhất đất nước (2025) và 100 năm ngày độc lập (2045) cho dù đất nước này đã chịu nhiều hy sinh mất mát mà khó có dân tộc nào sánh được trong công cuộc giành độc lập và thống nhất đất nước của mình.

Một điều chúng ta nên biết là, nhiều nước trong khu vực (chẳng hạn như Indonesia và Malaysia) đều có chiến lược cải biến mạnh mẽ nền kinh tế hướng tới 100 năm ngày độc lập của họ. Đặc biệt, Trung Quốc gần đây đưa ra chiến lược phát triển “nhị bách” (hai cái 100): Năm 2020, kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng Cộng Sản, Trung Quốc trở thành một xã hội khá giả; Năm 2049, kỷ niệm 100 năm ngày thành lập CHND Trung Hoa, Trung Quốc trở thành một quốc gia hoàn toàn phát triển.

(5) Đặc khu kinh tế Hải Phòng-Quảng Ninh

Trong nỗ lực nâng cao tính chính danh của một đảng cầm quyền, cải biến Đảng thành một tổ chức học hỏi, trong đó dùng cảm thử nghiệm thường đem lại hiệu quả to lớn không chỉ trong chính trị mà cả cục diện phát triển kinh tế. Thành lập một số đặc khu với qui mô lớn nhằm tạo sức phát triển kinh tế vượt bậc nhờ sự tổng hòa cao độ của ý chí dân tộc, tinh hoa tri thức nhân loại, và thời cơ phát triển trỗi dậy của châu Á là một bước đi cấp bách, chiến lược, và có sức đột phá rất lớn.

Trong xem xét bước đi này, chúng ta nên tham khảo phát biểu sau đây của ông Đặng Tiểu Bình năm 1992:

“... Nếu Quảng Đông muốn đuổi kịp bốn con rồng nhỏ châu Á (Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, và Singapore – lời người dịch) trong 20 năm tới, và muốn phát triển nhanh hơn, nó sẽ phải tăng tốc so với nhịp độ hiện nay. Thượng Hải nhất định phải đi nhanh hơn. Bằng cách tăng tốc phát triển, tình hình ở bốn khu kinh tế đặc biệt, ở đồng bằng sông Dương Tử, và ở toàn Trung Quốc sẽ khác hơn hiện nay rất nhiều... Khi suy ngẫm lại, tôi thấy mình đã phạm một sai

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

lớn rất lớn là không biến toàn bộ Thượng Hải thành một đặc khu kinh tế khi chúng ta quyết định thành lập các khu kinh tế đặc biệt (vào năm 1980 – lời người dịch).” [4]

Sẽ cần có những thảo luận sâu sắc để đi đến quyết sách thành lập đặc khu kinh tế lớn ở Việt Nam, và đây sẽ là một điểm sáng chói trong bản hiến pháp sửa đổi. Trong nỗ lực này, chúng ta nên xây dựng đặc khu kinh tế-chính trị trên địa bàn Quảng Ninh-Hải Phòng. Ở đặc khu này, những cơ chế quản lý và thể chế chính trị hiện đại, với tham khảo đặc biệt từ Singapore cần được áp dụng. Nơi đây sẽ không chỉ thành một động lực kinh tế mạnh mẽ, mà còn là ngọn cờ vẫy gọi ý chí và niềm tin dân tộc. Nó cũng là một điểm tựa để thế giới tham gia hội nhập vào sự trỗi dậy của châu Á. Nó cũng gửi đến chính phủ và người dân Trung Quốc một thông điệp sáng rõ về ý chí phát triển, tình hữu nghị, và khả năng qui tụ thế giới của dân tộc Việt Nam.

4. Thay lời kết

Cải cách đột phá là một nỗ lực phi thường. Nó đòi hỏi sự cộng hưởng mạnh mẽ của xúc cảm về vận mệnh dân tộc và sự khai sáng trong nhận thức và tư duy. Có là thực tế không khi kỳ vọng vào thay đổi kỳ diệu của Đảng Cộng Sản Việt Nam và đất nước Việt Nam ta? Người viết bài này thường đêm nằm mơ thấy đất nước mình bừng sáng trong ngày mai và mình được hòa cùng muôn triệu đồng bào sát cánh phấn đấu trong khát vọng phục hưng của dân tộc. Bài viết này là một sự trải lòng thành tâm sau khi bừng tỉnh từ giấc mơ thôi thúc này. Mọi công cuộc cải biến vĩ đại khởi đầu từ lòng thành tâm và sự kính trọng lẫn nhau. Người viết vội ghi lại vì biết rằng nếu để 10-15 năm nữa mới nói ra thì chắc đã quá muộn.

Singapore, 11/6/2013

Chương 2. Những trần trở khôn nguôi

Ghi chú:

[1] Theo báo cáo mới nhất của Ngân hàng Phát triển Châu Á (Asia Development Outlook 2013), năm 2012, tăng trưởng GDP của Việt Nam là 5,0% thấp hơn hẳn so với các nước láng giềng: Lào (7,9%); Trung Quốc (7,8%); Campuchia (7,2%); Philippines (6,6%); Thái Lan (6,4%); Miên Điện (6,3%); Indonesia (6,2%); Malaysia (5,6%). Báo cáo này cũng dự báo Việt Nam còn tiếp tục tình trạng tăng trưởng thua kém này trong 2013 và 2014.

[2] Marx, K. (1843). *Marx's Critique of Hegel's Philosophy of Right*, Oxford University Press, 1970, trang 5.

[3] *Chiến Quốc Sách*, biên dịch và biên soạn bởi Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, Nhà Xuất Bản Trẻ, 1989, trang 198.

[4] Phát biểu của Đặng Tiểu Bình trong chuyến thăm miền Nam Trung Quốc năm 1992. Nguồn: Marti, M. E. (2002). *China and the legacy of Deng Xiaoping: From communist revolution to capitalist evolution*. Dulles, VA: Potomac Books.

CHƯƠNG 3. TÌM CHÂN LÝ TỪ THỰC TẾ CUỘC SỐNG

ĐƯỜNG SẮT CAO TỐC VÀ NHỮNG CÂU HỎI VỀ CHẤT LƯỢNG THỂ CHẾ

Một dân tộc mạnh là dân tộc luôn khao khát với nỗ lực không mệt mỏi trong tìm kiếm chân lý từ thực tế cuộc sống. Một thể chế bền vững là thể chế có ý thức, năng lực khích lệ và khai thác các ý kiến trái chiều để làm sáng tỏ con đường đi tới tương lai. Một lãnh đạo có tầm vóc là người lãnh đạo thành tâm và biết lắng nghe những lời phản biện thẳng thắn trước mỗi quyết định hệ trọng của mình. Bài viết dưới đây phản ánh kỳ vọng nói trên của tác giả vào dân tộc, thể chế, và những người lãnh đạo đất nước trong thời kỳ đầy khó khăn thử thách đang tới.

1. Dự án đường sắt cao tốc Bắc–Nam: Đây là mục tiêu chiến lược và tiêu chí lựa chọn?

Dù chính kiến và cách nhìn nhận có thể rất khác nhau, mỗi người Việt Nam chúng ta đều chung mục tiêu chiến lược: một đất nước hùng cường, một dân tộc phồn vinh. Bởi vậy, mỗi nỗ lực và cố gắng hôm nay của chúng ta, dù của nhà nước hay của cá nhân, dù ở quy mô lớn hay quy mô nhỏ đều phải đấu đấu một ý chí hướng tới mục tiêu tối thượng này.

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Kể từ ngày thống nhất đất nước năm 1975, chúng ta đã đi mất 35 năm nhưng chặng đường đi đến mục tiêu chiến lược nói trên mới chỉ ở bước khởi đầu. **Chúng ta sẽ ở đâu trong dịp kỷ niệm 50 ngày thống nhất đất nước (2025) và 100 năm ngày độc lập (2045)?** Một quốc gia hùng cường hay một đất nước bị xiết nợ trong những đại dự án dở dang. Một dân tộc phồn vinh với niềm tự hào vì ước mơ của ngàn đời đang từng bước trở thành hiện thực hay một thế hệ bội bạc với quá khứ, vô cảm với tương lai, ngộ nhận trong sự phô trương, say sưa trong hưởng thụ, mặc cho tài nguyên quốc gia mỗi ngày một cạn kiệt, gánh nợ nước ngoài mỗi ngày thêm chồng chất.

Với trách nhiệm với tương lai đất nước trong những thập kỷ tới, các đại dự án mà chúng ta cân nhắc hôm nay, trong đó có “Dự án đường sắt cao tốc (ĐSCT) Bắc-Nam” có ảnh hưởng rất hệ trọng tới vị thế của đất nước và tâm thế của dân tộc ta trong những thập kỷ tới. Với một dự án quan trọng như vậy, chúng cần xem xét kỹ trên bốn tiêu chí tổng thể: (i) **Hiệu lực chiến lược**; (ii) **Hiệu quả xã hội**; (iii) **Tính khả thi**; và (iv) **Hiệu quả kinh tế**. Trọng số của mỗi tiêu chí tùy thuộc vào cơ cấu nguồn vốn. Nếu tỷ lệ nguồn vốn từ nhà nước là cao thì tiêu chí “Hiệu lực chiến lược” và “Hiệu quả xã hội” có thể có trọng số lớn hơn. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, cả bốn tiêu chí đều cần được đặc biệt coi trọng.

Hiệu lực chiến lược bao gồm sáu tiêu chí nhỏ:

- Tác động điểm huyết. Nghĩa là, thực hiện dự án có tác động thay đổi cục diện phát triển, tạo sức đẩy cho cả nền kinh tế tiến nhanh hơn đến mục tiêu chiến lược như đã nói ở trên.
- Tính ưu tiên cấp bách. Nghĩa là, nếu không thực hiện dự án này thì nhiều dự án khác không thể triển khai được.
- Khả năng chắc chắn thành công. Vì dự án có vai trò “quả đấm thép” nên phải có khả năng thành công rất cao, vì vậy

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

mọi tính toán tiên lượng và hoạch định phải hết sức cẩn trọng. Tuyệt đối không được thổi phồng trong dự báo, đại khái trong ước tính nguồn lực.

- Tính gia cường. Nghĩa là dự án góp phần củng cố (chứ không được làm tổn hại) các yếu tố nền tảng của phát triển, đặc biệt là ổn định kinh tế vĩ mô và lòng tin của nhân dân.
- Sức cải biến hạ tầng xã hội. Nghĩa là dự án góp phần đổi thay tâm thức, nếp sống, năng lực, và ý thức trách nhiệm công dân trong toàn xã hội.

Hiệu quả xã hội bao gồm ba tiêu chí nhỏ:

- Tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo
- Giảm bất bình đẳng xã hội
- Giảm ô nhiễm môi trường

Tính khả thi bao gồm:

- Các điều kiện thực thi (từ huy động vốn đến giải phóng mặt bằng)
- Năng lực quản lý
- Năng lực kỹ thuật

Hiệu quả kinh tế bao gồm:

- Khả năng thu hồi vốn; thể hiện ở thời gian hoàn vốn không quá dài; tính chính xác của các số liệu dự báo.
- Tỷ mức hoàn vốn
- Khả năng cạnh tranh với các sản phẩm và dịch vụ hiện có; cụ thể là máy bay, đường bộ; và đường xe lửa thông thường.

Hàng loạt các bài viết rất có trách nhiệm của các chuyên gia kinh tế và đường sắt trong những ngày này cho thấy dự án ĐSCT được đánh giá rất thấp trên hai tiêu chí căn bản: “Hiệu lực chiến lược” và “Hiệu quả kinh tế.” Bài viết này dùng số liệu về dự án ĐSCT của Hàn Quốc và Đài Loan, là hai điển hình thành công

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

trong phát triển kinh tế và dự án ĐSCT, để chúng ta tham khảo thêm.

Về “Hiệu lực chiến lược,” quả thật, chúng ta đang có quá nhiều việc cấp bách, có tính quyết chiến chiến lược cần được ưu tiên hơn nhiều so với dự án ĐSCT. Đó là nâng cấp toàn diện Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thành những thành phố toàn cầu làm nền tảng và động lực cất cánh cho toàn bộ nền kinh tế. Đó là xây dựng hệ thống đường bộ, đường sắt, cảng biển và sân bay để Việt Nam có thể tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với sức cạnh tranh cao về lĩnh vực hậu cần. Đó là đầu tư vào giáo dục, y tế, và hạ tầng khoa học kỹ thuật để con người Việt Nam – động lực căn bản của công cuộc phát triển – được dung dưỡng, chăm sóc, và phát huy đến mức cao nhất.

Hơn nữa, như chỉ ra ở Bảng 1 dưới đây, chúng ta bước vào dự án ĐSCT quá sớm và quá cấp rập. Cả Hàn Quốc và Đài Loan bắt đầu quan tâm và cho chuyên gia nghiên cứu về ĐSCT từ đầu những năm 1980 nhưng bộ GTVT của họ chỉ chính thức đệ trình phương án sau khoảng 10 năm bỏ sức nghiên cứu thấu đáo mọi khía cạnh kinh tế - kỹ thuật. Hàn Quốc và Đài Loan trình phương án này ra chính phủ và quốc hội vào khoảng năm 1990, khi họ đã ở trình độ phát triển cao hơn ta hiện nay rất nhiều (tính bằng GDP bình quân đầu người và tỷ lệ đô thị hóa).

Hơn nữa, quy mô đầu tư của dự án (tỷ lệ của tổng đầu tư so với GDP lúc đệ trình dự án) của Hàn Quốc (7%) và Đài Loan (9,4%) là rất thấp so với Việt Nam (58%). Nghĩa là, dự án này thu hút một nguồn lực quá lớn của Việt Nam, và do đó, dù muốn hay không, nó sẽ có ảnh hưởng xấu tới nỗ lực gia cường các yếu tố nền tảng khác của công cuộc phát triển.

Những phân tích trên gợi ý rằng, trong năm 2010 này, Việt Nam chỉ nên khởi đầu sự quan tâm của mình đến dự án ĐSCT bằng việc

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

giao cho chuyên gia nghiên cứu tìm hiểu để rồi xem xét tính khả thi của dự án vào năm 2020 vẫn chưa muộn.

Bảng 1: Dự án ĐSCT: So sánh hiệu lực chiến lược

	Việt Nam	Hàn Quốc	Đài Loan
Thời điểm đệ trình dự án	2010	1989	1990
Mức độ phát triển kinh tế tại thời điểm dự án được đệ trình xem xét			
GDP/đầu người (USD)*	1.100	7.582	10.037
Tỷ lệ dân số đô thị	~30%	72%	> 80%
Tổng mức đầu tư/GDP	58%	7,0%	9,4%

*Ghi chú: *USD tính theo mức giá 2009*

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Niên giám Thống kê Đài Loan

Về “Hiệu quả kinh tế”, theo kinh nghiệm quốc tế, một dự án ĐSCT chỉ có hiệu quả thực sự nếu nó nối liền hai thành phố có mật độ dân cư lớn (nhiều triệu người với mức thu nhập khá cao) với khoảng cách từ 160 km đến 800 km [1]. Dự án ĐSCT của Hàn Quốc và Đài Loan đều đáp ứng xuất sắc các tiêu chuẩn này (xem Bảng 2).

Trong khi đó, dự án ĐSCT của chúng ta không đáp ứng nhu cầu cự ly (1570 km) nếu xem xét cho toàn tuyến Hà Nội-Thành phố Hồ Chí Minh; và cũng không đáp ứng điều kiện mật độ dân cư có thu nhập cao, nếu xem xét riêng từng phân đoạn Hà Nội-Vinh hay Thành phố Hồ Chí Minh-Nha Trang.

Hơn nữa, chúng ta cần thấy rằng, tổn phí cho mỗi km ĐSCT của Hàn Quốc và Đài Loan đều ở mức xấp xỉ 40.000 USD ở thời giá cách đây hàng chục năm và chi phí đều bị đội lên khi quyết toán. Trong khi đó, dự báo về lượng khách, dù đã khá chính xác, chỉ đạt khoảng 50% trên thực tế.

Vì vậy, nếu triển khai dự án ĐSCT Bắc-Nam, chúng ta nên tiên liệu rằng, tổng mức đầu tư có thể lên trên mức 60–70 tỷ USD chứ không chỉ dừng ở 56,8 tỷ USD, trong khi lượng khách vận

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

chuyển thực tế sẽ thấp hơn nhiều so với dự báo.

Phân tích này cho thấy rằng, dự án ĐSCT Bắc-Nam sẽ rất khó thu hút được nguồn vốn tư nhân. Tình trạng đã gặp phải ở nhà máy lọc dầu Dung Quất với quy mô gấp hàng chục lần sẽ có thể lặp lại. Trong khi đó, công cuộc phát triển của nước ta đang gặp trở ngại ngày càng lớn do môi trường kinh tế vĩ mô thiếu ổn định: bội chi ngân sách và nợ nước ngoài của nước ta đã có những dấu hiệu rất đáng quan ngại.

Bảng 2: Các chỉ số kinh tế của dự án: Việt Nam trong so sánh với Hàn Quốc và Đài Loan

	Việt Nam	Hàn Quốc	Đài Loan
Cung đường	Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	Seoul - Pusan	Đài Bắc-Cao Hùng
Độ dài quãng đường	1570 km	412 km	340 km
Tổng mức đầu tư (USD)	55,8 tỷ	16 tỷ	15 tỷ
Thời gian thực hiện dự án (triển khai - khánh thành)	2012-2035	1991-2004	1997-2007
Tổng mức đầu tư/GDP	58%	7,0%	9,4%
Tốc độ khai thác	300 km/giờ	300 km/giờ	300 km/giờ
Thời gian đi tàu	5 giờ 38 phút	2 giờ	1 giờ 30 phút
Lượng hành khách chuyên chở mỗi ngày			
• Ước tính của dự án	• 156.000	• 200.000	• 180.000
• Thực tế	• Chưa có	• 102.000 (2009)	• ~100.000 (2009)

Nguồn: Ngân hàng Thế giới; Niên giám Thống kê Đài Loan

2. Dự án đường sắt cao tốc Bắc–Nam: Những thách thức về chất lượng thể chế

Chúng ta sẽ cùng theo dõi việc Quốc hội có thông qua hay không Dự án ĐSCT Bắc-Nam trong mấy tuần tới. Kết quả này sẽ bộc lộ một phần những thách thức về chất lượng thể chế của chúng ta. Trong một thể chế có chất lượng thấp, các thành viên có thể đồng thuận với một quyết định không sáng suốt cho dù họ không tin như vậy.

Trong lý thuyết phát triển, tình thế này được minh họa sinh động bằng câu chuyện cổ “Bộ quần áo mới của Hoàng đế” của nhà văn Andersen. Đại ý, chuyện kể rằng:

“Có một vị hoàng đế luôn ra sức tìm kiếm để có những bộ quần áo mới có tính năng đặc sắc chưa từng có. Một ngày kia, hoàng đế cảm thấy không còn bộ quần áo mới nào làm ngài hài lòng nữa, liền sai cáo thị tuyển thợ may. Có hai kẻ chuyên lừa đảo đọc cáo thị xong, vội vàng tới hoàng cung, tâu với hoàng đế rằng chúng có thể dệt ra một thứ vải tuyệt đẹp và vô cùng kỳ diệu. Nếu dùng vải này để may quần áo thì chỉ những người thông thái mới có thể nhìn thấy. Vua mừng rỡ giao cho tiền vàng để xúc tiến dệt cho vua bộ quần áo này.

Sau đó vua liên tục cử các vị quan cao cấp đến kiểm tra công việc dệt may. Các vị quan nhìn vào khung cửi và bàn may đều không thấy gì cả, nhưng sợ bị coi là không thông thái nên đều về tâu với vua là bộ quần áo tuyệt đẹp. Đến ngày hoàn tất, hai tên thợ may mang bộ quần áo ảo vào dâng vua. Vua cũng không thấy gì cả nhưng sợ rằng quần thần cho rằng mình không thông thái và đành công nhận là bộ quần áo rất đẹp. Thế là hai tên thợ may bịp bợm cởi hết quần áo của vua và thay vào đó là ‘bộ quần áo mới’ để vua diễu hành ra đường phố cho dân chiêm ngưỡng. Kỳ lạ thay, tất cả dân đường phố sau hàng tháng trời nghe tin đồn về tính năng đặc biệt của bộ quần áo (chỉ những ai thông thái mới có thể nhìn thấy) đều hân hoan khen ngợi ‘bộ quần áo mới’ mà nhà vua đang mặc.”

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Câu chuyện cho thấy, trong một thể chế có chất lượng thấp, một vài kẻ vụ lợi nhưng ranh mãnh có thể bóp méo cả một hệ thống. Bài học rút ra là, mỗi hệ thống phải không ngừng khuyến khích tính phản biện của quan chức và người dân cho dù ý trên hoặc lời khuyên bên ngoài có như thế nào.

Với dự án ĐSCT Bắc-Nam, tác giả đề nghị các đại biểu quốc hội đánh giá vào bản khảo sát (Bảng 3) dưới đây để tập thể cùng suy ngẫm tham khảo. Phương pháp này có tác dụng tốt hơn phương pháp “bấm nút” vì nó có chiều sâu phân tích và ý thức trách nhiệm.

Bảng 3: Đánh giá tác động của dự án ĐSCT Bắc-Nam

Tiêu chí	Rất thấp	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao
1. Hiệu lực chiến lược					
1.1. Tác động điểm huyết tới mục tiêu phát triển, tạo sức đẩy cho cả nền kinh tế tiến nhanh hơn đến mục tiêu chiến lược	1	2	3	4	5
1.2. Tính cấp bách (so với các dự án ưu tiên khác)	1	2	3	4	5
1.3. Khả năng chắc chắn thành công	1	2	3	4	5
1.4. Tính gia cường, nghĩa là dự án góp phần củng cố các yếu tố nền tảng của phát triển, đặc biệt là ổn định kinh tế vĩ mô và lòng tin của người dân.	1	2	3	4	5
1.5. Tác động cải biến hạ tầng xã hội (đổi thay tâm thức, nếp sống, và ý thức trách nhiệm công dân trong toàn xã hội)	1	2	3	4	5
1.6. Đánh giá tổng hợp “Hiệu lực chiến lược”	1	2	3	4	5

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

2. Hiệu quả xã hội					
2.1. Tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo	1	2	3	4	5
2.2. Giảm bất bình đẳng xã hội	1	2	3	4	5
2.3. Giảm ô nhiễm môi trường	1	2	3	4	5
2.4. Đánh giá tổng hợp “Hiệu quả xã hội”	1	2	3	4	5
3. Tính khả thi					
3.1. Các điều kiện thực thi (từ huy động vốn đến giải phóng mặt bằng)	1	2	3	4	5
3.2. Năng lực quản lý	1	2	3	4	5
3.3. Năng lực kỹ thuật	1	2	3	4	5
3.4. Đánh giá tổng hợp “Tính khả thi”	1	2	3	4	5
4. Hiệu quả kinh tế					
4.1. Khả năng thu hồi vốn	1	2	3	4	5
4.2. Tỷ mức hoàn vốn	1	2	3	4	5
4.3. Khả năng cạnh tranh (với máy bay)	1	2	3	4	5
4.4. Đánh giá tổng hợp “Hiệu quả kinh tế”	1	2	3	4	5

3. Lời kết

Dù chúng ta đang ở bối cảnh quốc tế hết sức thuận lợi, xin hãy đừng quên rằng nước ta còn nghèo trong khi thách thức trong chặng đường phía trước còn rất lớn với những bất trắc không thể lường hết được. Hơn nữa, cục diện phát triển kinh tế của nước ta đã xuất hiện những dấu hiệu đáng lo ngại: chúng ta tăng trưởng ấn tượng nhưng trên nền móng vĩ mô đang bị suy yếu; chính trị ở nước ta ổn định, nhưng lòng dân vẫn còn những day dứt chưa yên; chúng ta có nhiều bè bạn giúp đỡ hợp tác nhưng mỗi ngày một

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

thiếu vắng những lời khuyên thẳng thắn chân thành.

Vì vậy, xem xét đánh giá và thông qua Dự án ĐSCT Bắc-Nam là một công việc hệ trọng. Nó không chỉ tác động đến cục diện phát triển và tâm thức người dân mà còn bộc lộ chất lượng thực chất của thể chế của chúng ta.

Vietnamnet – 2/6/2010

Ghi chú:

[1] “High-Speed Rail: Lessons for Policy Makers from Experiences Abroad”, Daniel Albalade và Germà Bel, Research Institute of Applied Economics Working Paper 2010/03.

CHỐNG LÃNG PHÍ BẰNG LƯỢNG HÓA NĂNG LỰC CÁN BỘ

Thảo luận của Quốc hội về dự luật thực hành tiết kiệm và chống lãng phí đã thu hút được nhiều chú ý của người dân bởi tình trạng lạm dụng công quỹ và lãng phí của công trong cán bộ có chức quyền đã trở thành căn bệnh trầm kha.

Tuy nhiên, chắc ít ai tin rằng đạo luật này, cho dù được chuẩn bị chi tiết đến đâu, có thể đem lại một chuyển biến thực sự. Câu chuyện “mua xe công và sử dụng xe công” mà Bộ trưởng Tài chính Nguyễn Sinh Hùng đưa ra là một ví dụ điển hình. Nó cho thấy rằng, trong cơ chế của ta, quy định dù chặt chẽ đến đâu cũng không đủ để ràng buộc hành vi của người có chức quyền nếu không có cơ chế buộc mỗi người phải luôn luôn tự giác kiểm chế bản thân.

Vì vậy, trong bài viết ngắn này, tôi đề nghị Quốc hội xem xét một phương pháp khá hữu hiệu, đã được sử dụng rộng khắp trong nhiều lĩnh vực, nhằm giúp các cán bộ có chức quyền, không chỉ ý thức rõ phải sống cần kiệm gương mẫu, mà còn phải không ngừng rèn luyện nâng cao các phẩm chất then chốt khác của người lãnh đạo. Đó là phương pháp đánh giá định kỳ cán bộ trên những tiêu chí then chốt thông qua cơ chế “tập trung dân chủ,” sức mạnh cốt lõi của chế độ ta.

Phương pháp này, một cách sơ lược, gồm các nội dung sau:

(I) 5 tiêu chí đánh giá định kỳ

- 1– Tâm nhìn và khả năng hoạch định chiến lược
- 2– Năng lực điều hành công việc

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

3– Đoàn kết nội bộ

4– Uy tín trong nhân dân

5– Cần kiệm và gương mẫu trong cuộc sống cá nhân và gia đình

(II) Người đánh giá

1– Lãnh đạo cấp huyện/quận (từ trưởng phòng đến các phó chủ tịch và chủ tịch huyện/quận) do đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện/quận đánh giá.

2– Lãnh đạo cấp tỉnh/thành phố (từ giám đốc sở đến các phó chủ tịch và chủ tịch UBND tỉnh/thành phố) do các đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh/thành phố đánh giá.

3– Lãnh đạo chính phủ (Bộ trưởng đến các Phó Thủ tướng và Thủ tướng) do các đại biểu quốc hội đánh giá.

(III) Định kỳ đánh giá: 6 tháng hoặc 12 tháng

(IV) Cách đánh giá

Có 7 hạng trong mỗi tiêu chí:

- hạng 1 là rất kém
- hạng 2 là kém
- hạng 3 là dưới trung bình nhưng không kém
- hạng 4 là trung bình
- hạng 5 là trên trung bình nhưng chưa tốt
- hạng 6 là tốt
- hạng 7 là rất tốt

Như vậy, mỗi cán bộ sẽ nhận được chỉ số trung bình (tổng hợp từ hàng trăm người đánh giá) cho mỗi tiêu chí.

(V) Sử dụng kết quả đánh giá

Kết quả đánh giá được lưu hồ sơ cán bộ và được sử dụng trong đề bạt và bổ nhiệm cán bộ. Như vậy, một cán bộ được đánh giá thấp liên tục, dù ở bất kỳ tiêu chí nào, sẽ không nên được đề bạt lên cấp cao hơn.

Ví dụ, Chủ tịch UBND tỉnh X nhận được đánh giá tổng hợp

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

của các đại biểu HĐND tỉnh trong kỳ họp đầu năm trên 5 tiêu chí là:

- 1– Tâm nhìn và khả năng hoạch định chiến lược: 5,8
- 2– Năng lực điều hành công việc: 5,5
- 3– Đoàn kết nội bộ: 4,0
- 4– Uy tín trong nhân dân: 3,4
- 5– Cần kiệm và gương mẫu trong cuộc sống cá nhân và gia đình: 2,1

Vị chủ tịch, khi nhận được bản đánh giá này sẽ nhận thấy rằng mình khá về tầm nhìn chiến lược và khả năng điều hành, nhưng còn hạn chế về đoàn kết nội bộ và uy tín trong dân, và kém về cần kiệm và gương mẫu trong cuộc sống cá nhân và gia đình. Tiêu chí 5 có ảnh hưởng trực tiếp đến tiêu chí 3 và 4. Do đó phấn đấu nâng cao phẩm chất ở tiêu chí 5, nghĩa là cần kiệm và gương mẫu hơn trong cuộc sống sẽ giúp cải thiện cả tiêu chí 3 (đoàn kết nội bộ) và tiêu chí 4 (uy tín trong nhân dân).

Phương pháp đánh giá định kỳ này đã được kiểm nghiệm ở nhiều nước và nếu được áp dụng ở nước ta, nó sẽ mang lại những lợi ích rõ rệt sau:

1) Khuyến khích cán bộ lãnh đạo thấy rõ từng điểm mạnh và yếu của mình; trên cơ sở đó có ý thức rèn luyện và vươn lên mạnh mẽ.

2) Động viên các cán bộ lãnh đạo có tài, có đức, thực sự tận tâm với nước với dân.

3) Làm nhụt chí các cán bộ chạy chức chạy quyền. Hiện nay, nhóm cán bộ này chỉ lo lót để có được chức vụ, sau đó, tìm mọi cách hưởng thụ và tham nhũng mà không sợ bị phê phán đánh giá.

4) Phương pháp này có độ chính xác hơn cách bỏ phiếu tín nhiệm rất nhiều vì nó chỉ rõ 5 tiêu chí then chốt phải có ở người lãnh đạo và định lượng chi tiết cho từng tiêu chí; do vậy, kết quả

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

đánh giá tránh được cảm tính giản đơn, và có ý nghĩa hơn nhiều.

5) Thực hiện tốt phương pháp đánh giá này sẽ củng cố một bước quan trọng lòng tin của nhân dân ta vào Đảng và Nhà nước.

Phương pháp đánh giá này đơn giản về cách tiến hành trong khi chắc chắn sẽ đem lại những tác động rất tích cực. Việc triển khai nên thực hiện thử nghiệm trước ở một số địa phương, như Quảng Nam, Đà Nẵng, An Giang, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hải Phòng và Hà Nội trong kỳ họp HĐND sắp tới.

Vietnamnet – 26/5/2005

DỰ ÁN DUNG QUẤT: BÀI HỌC ĐẮT GIÁ CHO CÔNG NGHIỆP HÓA

Trong nghiên cứu so sánh quốc tế, nhịp độ, chất lượng, và tầm vóc phát triển của một quốc gia được đánh giá không chỉ bởi một số chỉ số thống kê quy chuẩn mà cả bởi tiến trình phát triển của một số ngành kinh tế chiến lược, trong đó có ngành dầu khí.

1. Phát triển ngành dầu khí – một chỉ số đánh giá thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa

Ngành dầu khí thường được lựa chọn bởi ba lý do chính:

+ Ngành hóa dầu là ngành kinh tế có vai trò nền tảng với ảnh hưởng sâu rộng đến toàn bộ nền kinh tế.

+ Quá trình phát triển của ngành hóa dầu, đặc biệt trong giai đoạn đầu, phản ánh khá rõ chất lượng và tầm hoạch định chiến lược của chính phủ, một nhân tố then chốt cho sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa.

+ Với tất cả các nước, ngành dầu khí, đặc biệt là lĩnh vực lọc hóa dầu, có sự giống nhau cơ bản cả về đầu vào, đầu ra, và công nghệ sản xuất nên việc so sánh rất thuận tiện.

Các nghiên cứu khảo nghiệm về phát triển trong hơn bốn thập kỷ qua cho thấy, các nước đạt được những thành công kỳ diệu trong sự nghiệp công nghiệp hóa đều có những bước phát triển vô cùng ngoạn mục trong lĩnh vực hóa dầu (xem Bảng 1).

Hàn Quốc, mặc dù phải nhập hoàn toàn dầu thô, ngay từ kế hoạch năm năm đầu tiên, đã đầu tư vào nhà máy lọc dầu. Với chủ trương công suất sản xuất vượt 30% so với nhu cầu sử dụng nội địa, Hàn Quốc đứng thứ ba ở châu Á về năng lực lọc dầu và không chỉ

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

đáp ứng sự gia tăng nhanh chóng của nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu khoảng 20–25% sản phẩm lọc dầu.

Bảng 1: Số nhà máy và tổng công suất lọc dầu của một số quốc gia châu Á năm 2002

Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Số nhà máy lọc dầu	Tổng công suất (triệu tấn/năm)
Nhật Bản	34	237,4
Trung Quốc	95	225,5
Hàn Quốc	6	127,5
Ấn Độ	17	106,3
Singapore	3	62,7
Indonesia	8	49,4
Đài Loan	4	45,8
Thái Lan	4	35,0
Malaysia	6	25,7
Philippines	4	20,9
Myanmar	2	2,8
Sri Lanka	1	2,4
Bangladesh	1	1,6
Việt Nam	0	0,0

Nguồn: Cục Thông tin năng lượng Hoa Kỳ

Singapore, không có dầu thô, nhưng với chiến lược trở thành trung tâm hóa dầu của khu vực nên đã đầu tư rất lớn vào ngành này và có công suất lọc dầu đứng thứ năm ở châu Á. Đài Loan, hầu hết phải nhập dầu thô, cũng đứng thứ bảy ở châu Á về năng lực lọc dầu.

Điều đặc biệt đáng lưu tâm là các công ty dầu khí của các quốc gia nói trên đều hoạt động rất hiệu quả và có chất lượng quản lý rất cao.

Trung Quốc trong công cuộc bốn hiện đại hóa cũng chú trọng

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

dầu tư đặc biệt vào nhịp độ và chất lượng phát triển của ngành dầu khí. Tình trạng độc quyền bị loại bỏ với sự cạnh tranh quyết liệt của bốn công ty dầu khí của nhà nước và nhiều công ty dầu khí tư nhân.

Các công ty dầu khí nhà nước đều quản lý theo mô hình hiện đại, được niêm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế, và có chất lượng quản lý ngày càng cao. Đặc biệt, tập đoàn dầu khí hàng đầu của Trung Quốc, Sinopec, được xếp hạng thứ 15 trong các công ty dầu khí tốt nhất trên thế giới, dựa trên 9 tiêu chí, trong đó có: chất lượng quản lý, mức sáng tạo, khả năng thu hút - đào tạo - lưu giữ tài năng, và phản ứng nhạy bén với kinh doanh toàn cầu.

Nếu đánh giá nhịp độ, chất lượng, và tầm vóc của công cuộc công nghiệp hóa nước ta thông qua khảo sát động thái phát triển của ngành dầu khí, chúng ta không thể không có nhiều day dứt, quan ngại. Nhờ lợi thế tài nguyên dồi dào, Việt Nam nhanh chóng trở thành một nước có sản lượng dầu thô khá lớn (vào hàng đầu so với các nước Đông Á, chỉ sau Trung Quốc, Indonesia, và Malaysia).

Thế nhưng cho đến nay, sau 19 năm của công cuộc đổi mới và 30 năm kể từ khi khởi đầu công cuộc phát triển kinh tế, chúng ta vẫn không có nhà máy lọc dầu và được xếp ngang hàng với Lào và Nepal (và sau cả Myanmar, Bangladesh) về tiêu chí này. Điều đáng day dứt hơn là ngành dầu khí nước ta hiện rất nổi tiếng quốc tế về các vụ việc tham nhũng và sự lúng túng trong đầu tư dự án lọc dầu đầu tiên, dự án Dung Quất.

Thực tế phát triển của ngành dầu khí và kinh nghiệm của dự án Dung Quất cho thấy, nếu chúng ta chỉ dừng lại ở kiểm điểm trách nhiệm cá nhân, hoặc hô hào đẩy nhanh tiến độ dự án Dung Quất, mà không có sự đột phá về tư duy và ý chí chiến lược trong phát triển kinh tế nói chung và ngành dầu khí nói riêng thì sự nghiệp

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

công nghiệp hóa nước ta sẽ rất khó hy vọng có được một tương lai rực rỡ để người Việt Nam ta có thể ngừng đầu trong những thập kỷ tới.

2. Dự án Dung Quất: Mấy điều cần cân nhắc

(1) Khả năng cạnh tranh toàn cầu phải là tiêu chí tối cao

Trong xu thế toàn cầu hóa nhanh chóng, mọi dự án đầu tư lớn, đặc biệt trong ngành dầu khí, khả năng cạnh tranh toàn cầu phải là tiêu chí tối cao cho mọi quyết định. Hai điều kiện quan trọng nhất cho cạnh tranh đối với sản phẩm lọc dầu là giá thành hạ và độ ô nhiễm môi trường thấp (hướng tới tiêu chuẩn Euro III).

Để giá thành hạ, nhà đầu tư chú ý đến ba điều kiện: gần nguồn nguyên liệu, gần thị trường, và quy mô sản xuất. Các nước thành công đặc sắc trong phát triển ngành dầu khí đều hết sức coi trọng các điều kiện cạnh tranh này. Đặc biệt, Hàn Quốc và Singapore xây dựng những nhà máy lọc dầu công suất rất lớn để giảm sút đầu tư trên một tấn sản phẩm.

Các dự án lọc dầu mới của Trung Quốc đều có công suất khá lớn, tiêu chuẩn kỹ thuật cao, và đặt sát thị trường tiêu thụ; chẳng hạn, dự án lọc dầu 12 triệu tấn/năm với tổng đầu tư 1,93 tỷ USD của công ty dầu khí CNOOC đặt ở vịnh Daya có vị trí lý tưởng trong tiếp cận thị trường tiêu thụ và nắm sát các tổ hợp hóa dầu khác.

Dự án lọc dầu Dung Quất của ta nằm xa nguồn nguyên liệu (1.000 km từ mỏ dầu Bạch Hổ), gần gấp đôi so với các vị trí lựa chọn khác như Vạn Phong hoặc Thành Tuy Hạ (Bà Rịa-Vũng Tàu). Nhà máy lọc dầu lại nằm rất xa thị trường tiêu thụ chủ yếu là TP. Hồ Chí Minh và khu vực lân cận. Công suất chúng ta lựa chọn là loại trung bình (6,5 triệu tấn/năm, với tổng đầu tư ban đầu là 1,3–1,5 tỷ USD).

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Theo tính toán của công ty TOTAL, việc đặt nhà máy ở Dung Quất làm tăng giá thành sản xuất lên ít nhất 5%, nghĩa là từ 10–15 USD trên một tấn sản phẩm. Do đó, lọc dầu tại Dung Quất sẽ làm nền kinh tế nước ta mất đi tối thiểu 60–100 triệu USD mỗi năm. Công ty dầu khí của Nga, Zarubezhnet cho rằng, dự án phải mất ít nhất 18 năm mới thu hồi được vốn và khả năng lỗ rất tiềm tàng. Do vậy cả TOTAL và Zarubezhnet, cũng như một số công ty nước ngoài khác đã kiên quyết từ chối tham gia dự án.

Theo tính toán của chúng ta, dự án có mức hoàn vốn tối đa là 5–6%. Theo thông lệ chung cho đầu tư vào Việt Nam, mức hoàn vốn cho một dự án trung bình tối thiểu phải là 12–15%. Như vậy, đầu tư 1,3 tỷ USD vào Dung Quất, theo cách tính này, cũng làm mất đi tối thiểu 75–100 triệu USD.

(2) Chiến lược phát triển kinh tế xã hội chỉ có thể được thực hiện vững chắc trên cơ sở tôn trọng quy luật thị trường và quyết tâm hội nhập quốc tế

Cả nước có nghĩa vụ rất lớn trong việc giúp các tỉnh miền Trung phát triển kinh tế. Thế nhưng, giải pháp xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất không thể mang lại cho các tỉnh này lợi ích dài hạn. Kinh nghiệm trong việc phát triển mía đường đã là một bài học quý. Nếu dự án đầu tư không có sức sống kinh tế thực sự sẽ không thể đem lại lợi ích thực sự cho địa phương.

Chúng ta sẽ vào WTO, chúng ta không thể bảo hộ giá xăng dầu để dự án Dung Quất có thể tiêu thụ được sản phẩm. Hơn nữa, nếu chúng ta có thể kéo dài được thời gian bảo hộ thì tình trạng buôn lậu qua biên giới và qua các cảng biển sẽ bùng phát tới mức không thể kiểm soát được.

Nên chăng, ta nên chọn vị trí cho nhà máy lọc dầu đầu tiên có điều kiện cạnh tranh cao nhất. Khoản tiền lãi có thêm được từ cách lựa chọn mới này (có thể tới hàng trăm triệu USD) sẽ được dành

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

cho quỹ phát triển miền Trung, đặc biệt để đầu tư vào giáo dục và hạ tầng cơ sở.

3. Quốc hội: Cần có đột phá về tư duy và cách tiếp cận mới về chất

Đổi mới của Quốc hội trong thời gian gần đây thực sự mang lại niềm động viên và hy vọng cho nhiều người dân. Thế nhưng, Quốc hội cần có nhiều thông tin hơn và nên có các tiểu ban chuyên trách cho một số lĩnh vực chiến lược, trong đó có dầu khí. Quốc hội nên có trang web tổng hợp thông tin toàn cầu, đặc biệt về kinh nghiệm phát triển các ngành chiến lược của những nước có thành công đặc sắc trong sự nghiệp công nghiệp hóa. Quốc hội cũng nên có kênh tiếp nhận ý kiến của mọi người Việt Nam từ khắp nơi trên thế giới thông qua Internet về những vấn đề chiến lược mà Quốc hội tham gia hoạch định và giám sát.

Các tiểu ban chuyên trách của Quốc hội cần có thẩm quyền định kỳ đánh giá cán bộ lãnh đạo của các bộ và tổng công ty nhà nước thuộc lĩnh vực được giám sát.

Tình thế và cơ hội phát triển của nước ta đang đòi hỏi cấp bách sự đột phá về tư duy và cách tiếp cận mới về chất trong chỉ đạo của Chính phủ cũng như giám sát của Quốc hội.

Vietnamnet – 11/6/2005

ĐỀ ĐÃY QUAN HỆ VIỆT–MỸ LÊN TẦM CAO MỚI

Tầm vóc phát triển của một môi quan hệ giữa hai đối tác có tiềm năng hợp tác chiến lược không chỉ phụ thuộc vào nguyện vọng, thiện chí, và những hiệp định mở đầu mà còn vào cách tiếp cận có tính chiến lược của mỗi bên.

Môi quan hệ sẽ phát triển bùng phát và có tầm chiến lược sâu rộng nếu mỗi bên nỗ lực phát hiện, nhận thức thấu đáo, trân trọng và khai thác triệt để thế mạnh tiềm tàng của bên kia. Ngược lại, môi quan hệ sẽ bị trắc trở, thiếu sinh khí nếu mỗi bên cố giữ những định kiến nặng nề do quá khứ để lại hoặc do thiếu thông tin, để rồi luôn xét nét tìm điểm yếu của bên kia với sự dè dặt, bài bác.

Chuyến viếng thăm Hoa Kỳ của Thủ tướng Phan Văn Khải, với khí sắc và tinh thần cởi mở khác thường, dường như báo hiệu một vận hội mới đang đến với nước ta trong phát triển mối quan hệ chiến lược với Hoa Kỳ. Thành công thần kỳ trong phát triển kinh tế của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, và Singapore trong bốn, năm thập kỷ qua và những tiến bộ nhanh chóng gần đây của Trung Quốc cho thấy Hoa Kỳ là một đối tác, một người bạn không thể thiếu của một quốc gia trên con đường đi từ nghèo khó đến phồn vinh.

Bài viết này muốn phác thảo bước đầu những thế mạnh đặc trưng của đối tác Mỹ và đề xuất một dự án hợp tác khởi đầu nhằm đưa quan hệ Việt–Mỹ tiến nhanh tới một tầm cao mới.

1. Phát hiện, nhận thức thấu đáo, và khai thác triệt để những thế mạnh đặc trưng của đối tác Mỹ

1) Người Mỹ đề cao tư duy sắc bén và tầm nhìn chiến lược.
Trong giải quyết vấn đề, họ thường vạch ra hướng đi rõ ràng và

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

mong muốn tìm kiếm lời giải có tính triệt để.

Hiểu được giá trị đặc trưng này, chúng ta sẽ có được thế chủ động và hướng đi rõ ràng trong quan hệ với Mỹ. Trái lại, chúng ta có thể đi đến kết luận là người Mỹ ngạo mạn và kẻ cả; do đó sẽ bị ức chế nặng nề trong quá trình hợp tác.

2) Người Mỹ rất ý thức rằng mọi quan hệ phải đem lại mỗi lợi cho cả đôi bên. Vì vậy, trong quan hệ hợp tác, làm ăn, các doanh nhân Mỹ thường rất sòng phẳng và hào hiệp với đối tác.

Trong quan hệ với Mỹ, chúng ta không nên kỳ vọng vào viện trợ kinh tế hoặc bất kể sự trợ giúp đặc biệt nào. Thế nhưng, chúng ta cần đặc biệt học hỏi, tham khảo kinh nghiệm thành công của Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, và Trung Quốc trong khai thác triệt để tính sòng phẳng và hào hiệp của các công ty Mỹ trong hợp tác kinh doanh và chuyển giao công nghệ.

3) Người Mỹ đặc biệt trân trọng tài năng và phẩm chất làm việc.

Vì vậy, trong các dự án hợp tác với Mỹ, chúng ta hết sức chú ý lựa chọn các cán bộ ưu tú cả về tài năng và phẩm chất làm việc. Trong một dự án hợp tác, người Mỹ thường có ấn tượng đặc biệt và trở nên rất thiện chí nếu đối tác thực hiện vượt mức kỳ vọng của họ. Bên cạnh đó, người Mỹ cũng rất thiếu kiên nhẫn. Nếu cán bộ của dự án hợp tác hạn chế về khả năng làm việc, dự án chắc chắn thất bại cho dù tiềm năng có lớn đến đâu.

4) Các doanh nhân Mỹ có tính thực tế cao trong quyết định kinh doanh. Sức thu hút doanh nhân Mỹ vào một dự án đầu tư tùy thuộc vào tính khả thi, hiệu quả kinh tế, và quyết tâm chiến lược của đối tác chứ không phải là mối quan hệ thân tình hoặc lợi thế lớn ở dạng tiềm năng.

Kinh nghiệm Costa Rica, một nước nhỏ với 3,5 triệu dân trong thu hút dự án đầu tư khổng lồ của công ty Intel (công ty chế tạo bộ

vi xử lý của máy tính) là một ví dụ đặc sắc. Năm 1996, Intel tìm kiếm địa điểm để đầu tư nhà máy lắp ráp và kiểm tra (Assembly and Testing Plant – ATP) với quy mô đầu tư khoảng 300–500 triệu USD. Bảy nước được lựa chọn để xem xét là Indonesia, Thailand, Brazil, Argentina, Chile, Mexico, và Costa Rica. So với Costa Rica, các nước khác đều có tiềm năng và thị trường lớn hơn rất nhiều. Thế nhưng Intel đã chọn Costa Rica vì ban lãnh đạo nước này đã chứng minh được với Intel một cách rất sắc bén các thế mạnh đặc biệt của đất nước (vị trí chiến lược, nguồn nhân lực có trình độ cao, ổn định chính trị, bộ máy quản lý trong sạch) và quyết tâm chiến lược của mình (thay đổi luật thuế, luật hàng không để tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, trên cơ sở yêu cầu của Intel) [1].

5) Sức sống động và sáng tạo của nước Mỹ nằm chủ yếu ở người dân, doanh nghiệp, và các tổ chức phi chính phủ. Các cơ quan chính quyền, trung ương cũng như địa phương chỉ có vai trò tác nhân mở đầu và làm cố động viên chứ không đóng vai trò chủ đạo.

Đề tạo lên sức bùng phát trong quan hệ hợp tác giữa hai nước, chúng ta cần khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các tổ chức (đặc biệt là trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu, và tổ chức phi chính phủ), và các chính khách đã nghỉ hưu trong việc mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác Mỹ. Việt kiều và các cựu chiến binh Mỹ có thể là những cầu nối sống động và hữu hiệu cho các mối quan hệ này.

2. Một dự án hợp tác khởi đầu

Đề thúc đẩy quan hệ Việt–Mỹ nhanh chóng đạt tới một tầm cao mới, chúng ta cần có nhiều dự án hợp tác kinh tế có tính khả thi cao và tầm vóc lớn. Trong số đó, có **dự án Phát triển miền Trung Việt Nam thành tổ hợp du lịch khổng lồ trên nền tảng ý tưởng “Con đường di sản miền Trung,”** chạy dài từ Huế, qua Đà

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Năng, Hội An, Nha Trang, đến Phan Thiết. Tổ hợp này sẽ giúp Việt Nam thành một trong những trung tâm du lịch hàng đầu thế giới.

Dự án này nên được chọn bởi những lý do chính sau:

– Chúng ta có lợi thế cạnh tranh nổi bật trong lĩnh vực du lịch (địa danh lịch sử và phong cảnh thiên nhiên, con người của ta hiểu biết và thân thiện, món ăn hấp dẫn, độ bình an cao). Đầu tư vào phát triển du lịch ở miền Trung có tính khả thi và hiệu quả chắc chắn hơn nhiều so với các ngành công nghiệp khác. Thế nhưng, cho tới nay, đầu tư vào ngành du lịch trong tổng lượng đầu tư của ta vẫn thấp hơn hẳn các nước khác trong vùng (số liệu ước tính năm 2005 là Việt Nam: 8,8%; Singapore: 17,6%; Malaysia: 16,9%; Campuchia: 16%; Indonesia: 11,9%; Trung Quốc: 9,9%; Thái Lan: 9,7%) [2].

– Chúng ta hiện còn thua kém quá xa các nước trong vùng ở lĩnh vực mà chúng ta có thế mạnh đặc biệt này. Chúng ta thu hút dưới 2 triệu khách du lịch quốc tế mỗi năm với doanh thu khoảng 1–2 tỷ USD, trong khi Thái Lan, Malaysia, và Indonesia, mỗi nước hàng năm thu hút trên 10 triệu khách du lịch, với doanh thu hàng chục tỷ USD [3]. Phát triển tổ hợp du lịch miền Trung giúp nước ta nhanh chóng bước lên vị trí hàng đầu khu vực trong thu hút khách du lịch quốc tế, tạo thêm hàng triệu việc làm với kim ngạch xuất khẩu tại chỗ hàng chục tỉ USD với hàm lượng giá trị gia tăng cao.

– Phát triển nhảy vọt về du lịch quốc tế sẽ kéo theo phát triển sâu rộng của các ngành phụ trợ như xây dựng, hàng không, giao thông vận tải, thương mại, công nghệ thông tin, chế biến thực phẩm. Tác động của dự án này đến sự đổi thay của các tỉnh miền Trung có thể vượt xa so với dự án lọc dầu Dung Quất.

– Nhiều đối tác Mỹ có quan tâm đặc biệt và có thực lực tiềm tàng trong hợp tác phát triển dự án này.

Để xác định rõ ý tưởng chiến lược, tính khả thi, và kế hoạch

thực hiện cho dự án Phát triển tổ hợp du lịch miền Trung Việt Nam này, chúng ta nên mời một công ty tư vấn hàng đầu thế giới của Mỹ như McKinsey hay Boston Consulting Group làm tư vấn. Một dự án có tầm vóc thế giới, được chuẩn bị kỹ lưỡng theo chuẩn mực quốc tế, và quyết tâm đặc biệt của Chính phủ chắc chắn sẽ mở ra một triển vọng rất lớn trong quan hệ Việt-Mỹ và sẽ đem lại những bước phát triển nhảy vọt cho các tỉnh miền Trung và cả nước ta trong những năm tới.

Vietnamnet – 23/6/2005

Ghi chú:

[1] “Intel: A Case Study of FDI in Central America”,
<http://www.cid.harvard.edu/cidwp/058.htm>

[2] Số liệu lấy từ “World Travel & Tourism Council”,
<http://www.wttc.org/>

[3] Theo Ngân hàng Thế giới (World Development Indicators), 2004

ĐỂ KHÔNG CÒN KHỦNG HOẢNG THIẾU ĐIỆN TRONG TƯƠNG LAI

Khi toàn xã hội phải đối phó với một sự cố lớn, chẳng hạn như tình trạng thiếu điện nghiêm trọng và kéo dài ở miền Bắc trong những ngày này, chúng ta có thể trông đợi ba cách ứng xử chính:

1. Thích nghi: Theo cách này, người dân và doanh nghiệp tự xoay sở một cách linh hoạt để giảm thiểu khó khăn do thiếu điện; nhiều người và doanh nghiệp đầu tư mua máy phát điện cá nhân để không còn sợ mất điện. Với các ứng xử này, người dân và doanh nghiệp sẵn sàng chấp nhận sống chung với cảnh thiếu điện.

2. Quyết liệt trong giải pháp tình thế: Người dân và doanh nghiệp bức xúc cao độ, đòi hỏi ngành điện tìm mọi cách giải quyết khắc phục tình trạng thiếu điện; còn ngành điện, như “ngồi trên đồng lửa,” đôn đáo sử dụng mọi giải pháp tình thế, từ tạm dừng việc sửa chữa duy tu, đến nhập khẩu điện cấp thời để tạm thời vượt qua được sự cố. Qua sự cố này, người dân và doanh nghiệp luôn bị thấp thỏm vì tình trạng thiếu điện là không thể tránh khỏi, nhất là khi nắng nóng, khô hạn.

3. Đột phá trong nhận thức để tìm lời giải chiến lược: Theo cách này, các cấp có trách nhiệm và toàn xã hội nhận thức lại một cách sâu sắc vai trò nền tảng chiến lược của ngành điện trong công cuộc phát triển kinh tế. Mọi cấp, mọi ngành, và toàn xã hội căng mắt học hỏi kinh nghiệm hay nhất của quốc tế để từ đó có sự thống nhất cao về ý chí và các phương án hành động cụ thể với một quyết tâm chiến lược: Việt Nam sẽ không còn cảnh thiếu điện triền

miên trong tương lai.

Là một dân tộc có điểm mạnh là thích nghi rất cao với khó khăn và giỏi về xử lý tình thế, có nhiều khả năng chúng ta sẽ chỉ dừng ở các cách ứng xử 1 và 2. Hơn nữa, “thời tiết” (làm các nhà máy thủy điện thiếu nước và trời nóng làm nhu cầu điện tăng đột biến) và “cơ chế” (giá bao cấp, thiếu vốn đầu tư), dường như đã là những lý do khá thuyết phục để chúng ta không cần đề cập đến cách ứng xử 3.

Thế nhưng, kinh nghiệm quốc tế cho thấy, thành công trong phát triển ngành điện là tiền đề chiến lược, có ý nghĩa nền tảng cho toàn bộ công cuộc phát triển kinh tế. Do vậy, nếu cách tiếp cận thứ 3 không được đặt ra một cách quyết liệt và sâu rộng, công cuộc hiện đại hóa của nước ta sẽ phải chịu nhiều trở ngại và tổn thất to lớn ở phía trước. Chúng ta cần có được ý chí chiến lược và những chương trình hành động cụ thể để đảm bảo rằng Việt Nam sẽ không còn nguy cơ thiếu điện trong tương lai. Bài viết này muốn gợi ra một số quan sát và ý tưởng bước đầu cho cách tiếp cận này.

Cần coi dự trữ quốc gia về công suất điện quan trọng hơn dự trữ sắt, thép, xi măng, đường

Có lẽ Hàn Quốc, với đóng góp của Công ty Điện lực quốc gia KEPCO, là một ví dụ đặc sắc. Hàn Quốc ngay từ lúc khởi đầu đã coi điện là nền tảng cho công cuộc công nghiệp hóa nên luôn luôn chú trọng đầu tư đặc biệt cho phát triển và quản lý ngành này. Do vậy, trong lịch sử phát triển của mình, Hàn Quốc không bao giờ phải chịu cảnh thiếu điện, mặc dù nhịp độ tăng trưởng kinh tế của họ có tốc độ rất cao, với sự phát triển bùng nổ của những ngành tiêu tốn nhiều điện như hóa chất, thép, đóng tàu. Lượng điện sử dụng trên đầu người của Hàn Quốc trong giai đoạn 1990–2002 mỗi năm tăng bình quân 330,8 kwh, trong khi con số này của Việt Nam chỉ là 23,4 kwh [1] (nghĩa là thấp hơn Hàn Quốc 10 lần).

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Để đảm bảo đủ điện, cho dù nhu cầu sử dụng điện có gia tăng nhanh chóng, ngành điện Hàn Quốc, chấp nhận tỷ lệ công suất điện dự trữ rất cao tại một số thời điểm, chẳng hạn, 50% (1972–1973) và 55% (1986–1987). Điều đáng suy nghĩ là, Hàn Quốc không có nguồn thủy điện dồi dào, cũng như nguồn than và khí phong phú như của ta, nên việc sản xuất điện của Hàn Quốc khó khăn và tốn phí hơn ta rất nhiều.

Mặt khác, phát triển ngành điện của Hàn Quốc còn tạo sức bật cho các ngành công nghiệp xây dựng và chế tạo máy. Các dự án xây dựng nhà máy điện đã giúp các công ty Daewoo và Hyundai có cơ hội tiếp nhận và nội địa hóa công nghệ trong lĩnh vực sản xuất điện từ các công ty nước ngoài (chủ yếu là Mỹ) và mau chóng tích tụ thêm tiềm lực để trở thành các tập đoàn kinh tế có vai trò trụ cột trong phát triển quốc gia.

Phát triển ngành điện ở Trung Quốc cũng là một ví dụ đáng tham khảo. Lượng điện sử dụng trên đầu người của Trung Quốc trong giai đoạn 1990–2002 bình quân hàng năm tăng 46,9 kwh (có nghĩa là gấp đôi mức tăng ở nước ta), thế nhưng Trung Quốc về cơ bản có dư điện (khoảng 25%) trong suốt các năm qua (trừ giai đoạn 2002–2003). Việc chúng ta phải nhập khẩu điện từ Trung Quốc, là nước phải sản xuất trên 70% điện từ than và nhập than của nước ta, cho thấy khả năng hoạch định chiến lược trong phát triển ngành điện của Trung Quốc tốt hơn ta.

Trong thời đại công nghệ thông tin và toàn cầu hóa đang trở thành động lực quan trọng cho phát triển kinh tế, mức độ quan trọng của ngành điện lực càng cao hơn bao giờ hết.

Nếu chúng ta còn để tình trạng thiếu điện đe dọa, chúng ta sẽ ở thế rất yếu trong kêu gọi đầu tư nước ngoài, đặc biệt đối với các ngành công nghệ hướng tới xuất khẩu; hơn nữa kinh nghiệm thực tế cho thấy, chúng ta phải nhượng bộ nhiều về giá đất, thuế để bù đắp cho yếu kém của ta về cung ứng điện cho các nhà đầu tư.

Mất điện còn làm hệ thống thông tin liên lạc qua Internet tê liệt, điều này sẽ dẫn đến những tổn thất tiềm tàng, rất nghiêm trọng mà không ai có thể đo lường hết được.

Một khi thấy hết vai trò nền tảng đặc biệt của ngành điện, Nhà nước nên coi việc đầu tư vào các dự án phát triển ngành điện quan trọng hơn hẳn các dự án xi măng, mía đường, phân bón, sắt thép, lọc dầu, cảng nhỏ địa phương. Chúng ta cũng cần coi dự trữ quốc gia về công suất điện quan trọng hơn dự trữ sắt, thép, xi măng, đường.

Phát hành trái phiếu có đảm bảo bằng điện

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, Nhà nước cần đóng vai trò chủ đạo trong phát triển ngành điện, đồng thời tạo môi trường thuận lợi nhất cho khu vực kinh tế tư nhân và các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào các nhà máy sản xuất điện độc lập. Chính phủ Hàn Quốc dành 30–50% tổng nợ vay nước ngoài của quốc gia cho đầu tư vào ngành điện. Trung Quốc tạo môi trường khuyến khích đến mức các thành phần kinh tế ồ ạt đầu tư vào ngành điện. Malaysia cho đấu thầu quốc tế với cơ chế minh bạch, thuận lợi, để thu hút các nhà đầu tư tốt nhất trên thế giới vào góp sức phát triển ngành điện của mình.

Về đầu tư, chúng ta không nên để tỷ trọng thủy điện trong tổng nguồn điện quá cao như hiện nay (khoảng 48%, trong khi các nước chỉ ở mức 10–20%). Trong tương lai, tình hình thời tiết, khí hậu có thể còn nhiều bất thường trong khi nền kinh tế có mức tổn thương ngày càng cao khi bị thiếu điện (theo chuẩn mức quốc tế là 0,5 USD cho mỗi kwh bị thiếu).

Về nguồn vốn đầu tư, chúng ta có thể dùng nhiều biện pháp phong phú sáng tạo, kể cả “đổi đất lấy công trình.” Chúng ta cũng có thể phát hành trái phiếu có đảm bảo bằng điện, theo giá cả khuyến khích và lãi suất phải chăng. Với mong muốn không còn

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

cảnh thiếu điện trong tương lai và cơ chế lãi suất hợp lý, chắc chắn trái phiếu phát triển điện lực sẽ giúp huy động những nguồn vốn rất lớn trong xã hội.

Cần có quỹ đặc biệt để khuyến khích sáng tạo các phương pháp sử dụng điện tiết kiệm

Mặc dù ngành điện nước ta đã có tiên bộ vượt bậc trong phát triển và công tác quản lý, chúng ta vẫn còn thua kém xa so với nhiều nước lân cận. Tỷ lệ điện thất thoát của ta giảm từ 25% năm 1990 xuống còn 14% năm 2002; đó là điều rất đáng trân trọng. Thế nhưng, tỷ lệ này của Trung Quốc chỉ ở mức 7% và Hàn Quốc ở mức 5–6% trong suốt thời kỳ này.

Ta cũng nên tham khảo và tiếp nhận kinh nghiệm của Đài Loan trong định giá bán điện: giá bán điện mùa hè cao hơn các mùa khác khoảng 20–30%; Giá bán điện dịch vụ và tiêu dùng cao hơn hẳn giá điện sản xuất.

Chúng ta cũng cần phát động rộng rãi việc học hỏi và sáng chế các phương pháp sử dụng điện tiết kiệm. Nhà nước và ngành điện cần có quỹ khuyến khích đặc biệt cho các hoạt động đó. Các cuộc thi sáng tạo nên có định hướng vào lĩnh vực này.

Chọn ngành điện làm thí điểm đặc biệt cho cơ chế quản lý hiện đại và chống tham nhũng

Coi ngành điện là nền tảng không chỉ là việc phải đầu tư mạnh mẽ tiền của, mà còn là việc tạo nên cơ chế quản lý hiện đại và tuyển chọn đội ngũ cán bộ chủ chốt có tài năng và phẩm chất cao cho ngành kinh tế chiến lược này.

Nên chăng, ngành điện được chọn là ngành thí điểm đặc biệt cho hình thành cơ chế quản lý hiện đại và chống tham nhũng. Theo đó, cán bộ quản lý tài năng được tuyển chọn từ mọi nguồn và được đánh giá định kỳ bởi một ủy ban cấp quốc gia, cán bộ công nhân

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

viên được trả lương thỏa đáng như trong các công ty liên doanh. Với các công trình xây dựng, nhà nước nên cho cơ chế thưởng quản lý dự án 0,5–1% giá trị công trình nếu công trình đạt chất lượng và hiệu quả cao, đúng tiến độ; từ đó có cơ chế đặc biệt nghiêm khắc chấm dứt triệt để việc bên A được hưởng tỷ lệ 10% từ mỗi công trình xây dựng như thông lệ hiện nay.

Vietnamnet – 31/5/2005

Ghi chú:

[1] Số liệu từ Ngân hàng Thế giới (World Development Indicators, 2004)

MUỐN THU HÚT NGƯỜI TÀI, PHẢI TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI CÓ SẴN

“Trong tất cả các nỗ lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, trọng dụng và thu hút tài năng là vấn đề cốt tử và cấp bách nhất. Một cơ quan sẽ không thể thực sự thu hút được tài năng chân chính nếu họ không trọng dụng được những tài năng đã có trong tay...” – Tiến sĩ Vũ Minh Khương, Trường Chính sách công Lý Quang Diệu (ĐH Quốc gia Singapore) chia sẻ với Vietnamnet về những kinh nghiệm của các nước tiên tiến trong thu hút người tài vào bộ máy lãnh đạo.

– Cảm nhận của anh khi tham dự hội nghị “Những thách thức về cải cách chính sách kinh tế ở châu Á,” vừa tổ chức ở ĐH Stanford?

Trọng tâm của hội nghị này là thảo luận về các thách thức mà Trung Quốc và Ấn Độ đang và sẽ phải vượt qua để thúc đẩy công cuộc phát triển kinh tế của mỗi nước. Trung Quốc, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân xấp xỉ 10%/năm trong vòng 15 năm qua, chuyển sang chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả của tăng trưởng và từng bước chiếm lĩnh vị thế quốc tế cao trong những lĩnh vực có ảnh hưởng chiến lược cho toàn bộ công cuộc phát triển như giáo dục, công nghệ cao, và quy hoạch đô thị. Trong khi đó, Ấn Độ đặc biệt trăn trở về tốc độ tăng trưởng tuy đã cao nhưng còn thấp xa so với Trung Quốc.

Bài toán lớn nhất hiện tại của Ấn Độ vẫn là cải cách cơ chế và nâng cấp hạ tầng để thúc đẩy đầu tư trong nước và nước ngoài (hiện nay vẫn ở mức rất thấp so với Trung Quốc). Chính phủ Ấn Độ mới đưa ra mục tiêu đưa tốc độ tăng trưởng của nước này lên

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

mức hai con số (nghĩa là 10% trở lên) sau hai, ba năm nữa, trong khi dự kiến đạt mức tăng trưởng 8,4% vào năm 2006 này.

Qua tiếp xúc với các học giả và quan chức Trung Quốc và Ấn Độ, tôi thấy rất rõ “Nhân tố phượng hoàng” (*Nhân tố phượng hoàng xuất phát từ truyền thuyết về phượng hoàng hiện ra từ đồng tro tàn, chỉ sức mạnh vươn lên của một dân tộc, tổ chức, hay cá nhân, được nhân lên mạnh mẽ bội phần do vừa trải qua một tổn thất nặng nề*) trong nhận thức và quyết tâm của họ. Ở hội nghị, tôi cũng phần nào thấy được “quyền lực mềm” (soft power) của Trung Quốc.

Lãnh đạo Trung Quốc tuy không thạo tiếng Anh và phải trình bày bằng tiếng Trung Quốc nhưng những báo cáo của họ được hội nghị đánh giá rất cao nhờ sự nổi bật về tư duy thực tiễn, sự thấu hiểu khả năng và thách thức nội tại, sự nhận thức sâu sắc về xu thế và cục diện phát triển của thế giới, và thể hiện thiện chí hợp tác và cầu thị cao.

– *Theo anh, Chính phủ Việt Nam có thể vận dụng kinh nghiệm gì từ cách vượt qua thách thức của các nước trên để thúc đẩy phát triển kinh tế?*

Có ba giải pháp quan trọng, đó là thành tâm lấy lại lòng tin của dân; quyết liệt gia tăng “quyền lực mềm” của quốc gia; và nỗ lực đột phá trong nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước.

Để lấy lại lòng tin của dân, chính phủ phải làm được hai điều sau: thứ nhất, phải nhanh chóng làm mất đi sức mạnh thần hiệu hiện nay của chữ “chạy” (chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy điểm, chạy bằng cấp, chạy huân dự,...); thứ hai, phải làm cho người dân tin là chính phủ thành tâm nghe dân, kể từ việc nhỏ nhất.

Gia tăng “quyền lực mềm” quốc gia thực chất là củng cố nền móng lâu dài của sự nghiệp phát triển nước ta. Trong hai thập kỷ đổi mới vừa qua, tuy thực lực kinh tế (tức là “quyền lực cứng”) của chúng ta có khá lên, nhưng “quyền lực mềm” (nền tảng đạo lý xã

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

hội; tầm cao văn hóa; tinh thần dân tộc; tầm vóc và phẩm chất công hiến của lãnh đạo các cấp) sa sút nghiêm trọng.

Trong hàng loạt nỗ lực cấp bách cần có trong nội dung này, một bước đi quan trọng là việc tạo khung luật pháp cho các hội và tổ chức quần chúng với tôn chỉ cao thượng và sứ mệnh nhân bản trong nỗ lực phục hưng sức mạnh quốc gia được thành lập rộng rãi và hoạt động thuận lợi. Nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước là nội dung then chốt và chiến lược, có sức đột phá để tạo nên cục diện phát triển mới. Nội dung này đòi hỏi quyết sách táo bạo và đồng bộ trên cả ba mặt: phát triển nguồn nhân lực, gia cường tổ chức, và cải cách thể chế luật pháp.

Trong tất cả các nỗ lực này, **trọng dụng và thu hút tài năng là vấn đề cốt tử và cấp bách nhất**. Điều đáng lưu tâm là trọng dụng tài năng hiện có trong từng tổ chức phải là bước đi đầu tiên. Một cơ quan sẽ không thể thực sự thu hút được tài năng chân chính nếu họ không trọng dụng được những tài năng đã có trong tay.

– Ở các nước tiên tiến, họ thường thu hút người tài vào các cơ quan chính phủ bằng cách nào?

Hàn Quốc với ý chí chiến lược trở thành một quốc gia hàng đầu thế giới trong những thập kỷ tới cho rằng, xây dựng một chính phủ tầm vóc hàng đầu phải là bước đi trước, làm nền tảng cho nền kinh tế và xã hội vươn tới mục tiêu này. Chính phủ Hàn Quốc đặc biệt chú trọng nỗ lực cải cách, trọng dụng và thu hút tài năng vào đội ngũ khoảng 1.500 cán bộ trung cao (từ vụ trưởng trở lên), vì đây là cốt lõi của cả hệ thống công chức.

Trong tuyển dụng và đánh giá cán bộ, chính phủ Hàn Quốc đã đưa ra nhiều biện pháp đặc sắc để thu hút và trọng dụng người tài, trong đó có “Tìm cán bộ giỏi từ mọi nguồn,” “Đánh giá định lượng,” và “Tuyển chọn công khai.” Trong biện pháp “Tìm cán bộ giỏi từ mọi nguồn,” chính phủ Hàn Quốc xây dựng hệ thống dữ

liệu về nguồn cán bộ, trong đó các ứng viên tự ứng cử từ khu vực tư nhân chiếm trên 50%. Mọi người dân trong nước cũng như kiều bào ở nước ngoài có thể ứng cử để tham gia vào hồ sơ dữ liệu này [1] và chức vụ ứng cử có thể tới vị trí bộ trưởng.

Đặc biệt, văn phòng tổng thống Hàn Quốc Roh Moo-hyun lập một trang web với tên là “Samgochoryo” (“Tam cố thảo lưu,” dựa theo tích Lưu Bị ba lần đến cầu Khổng Minh ra giúp trong truyện Tam Quốc) để tiếp nhận tiền cử người tài của toàn xã hội vào các vị trí cao trong chính phủ.

Trong biện pháp “Đánh giá định lượng,” chính phủ Hàn Quốc tiếp tục truyền thống từ thời chính quyền Park Chung Hee, theo đó chất lượng hoạt động của các cơ quan và các dự án được đánh giá rất khoa học và nghiêm ngặt. Trong thời kỳ 1962–1982, Chính phủ Hàn Quốc lập Hội đồng các Giáo sư Đánh giá, gồm hơn 100 vị giáo sư có uy tín để định kỳ đánh giá kết quả hoạt động của các bộ ngành và dự án lớn.

Những năm gần đây, chính phủ Hàn Quốc còn áp dụng các phương pháp hiện đại thông dụng trên thế giới về quản lý định lượng theo kết quả; đặc biệt họ cũng chú trọng thăm dò sự thỏa mãn của nhân dân về chất lượng hoạt động của các bộ ngành. Các cán bộ trung cao cấp cũng chịu sự đánh giá định lượng theo định kỳ để biết rõ điểm mạnh yếu của mình trong đáp ứng yêu cầu công tác.

Trong biện pháp “Tuyển chọn công khai,” chính phủ Hàn Quốc yêu cầu các cơ quan chính phủ thông báo rộng rãi trên trang web của mình và thông tin đại chúng nhu cầu tuyển dụng và mở rộng cửa đón nhận ứng viên từ mọi nguồn. Một điều khác rất đáng lưu tâm là Trung Quốc đang hợp tác chặt chẽ với Hàn Quốc và Nhật Bản để học hỏi và trao đổi kinh nghiệm trong công tác quản lý cán bộ. Họ liên minh với nhau theo hiệp ước được ba bên ký kết với tên là “Sáng kiến Mạng lưới Quản lý Nhân sự Bắc Á”

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

(Northeast Asia Personnel Administration Network). Chúng ta nên tự hỏi tại sao chúng ta không liên kết chặt chẽ với ba nước này và Singapore để đi song hành và không ngừng học hỏi kinh nghiệm rất quý của họ về công tác tổ chức cán bộ.

– Chúng ta nên vận dụng phương pháp đánh giá định lượng vào kết quả công tác của các bộ ngành, địa phương như thế nào?

Quốc hội vừa qua đã có thảo luận đến phương pháp “bỏ phiếu tín nhiệm.” Theo tôi, phương pháp này là một bước tiến nhưng nó chưa thực sự hiệu quả vì nó thiếu tính kiểm định và hướng dẫn.

Đại biểu Quốc hội có thể bỏ phiếu tín nhiệm cho một bộ trưởng nhưng họ không có cách nào để chỉ ra cho bộ trưởng này những điểm yếu mà người đó phải khắc phục. Hơn nữa, một vị bộ trưởng chỉ bị “không tín nhiệm” khi chất lượng công tác của vị đó đã ở vào tình trạng nguy kịch. Phương pháp đánh giá định lượng khắc phục được những khiếm khuyết nói trên và nó có thể áp dụng cho cá nhân hoặc tổ chức.

Để áp dụng vào Việt Nam, theo tôi nên có đánh giá định lượng theo từng quý hoặc nửa năm cho các bộ, ngành và 64 UBND cấp tỉnh/thành phố. Chúng ta cũng cần có hệ thống đánh giá định lượng kết quả công tác của cán bộ trung cao cấp (từ vụ trưởng trở lên ở cấp bộ và giám đốc sở trở lên ở cấp tỉnh/thành phố) theo định kỳ sáu tháng hay một năm.

Chẳng hạn, với các bộ ngành, chúng ta có thể đánh giá theo bảy tiêu chí: 1– Tầm nhìn chiến lược và quyết tâm cải cách; 2– Năng lực thực hiện nhiệm vụ; 3– Trọng dụng và thu hút tài năng; 4– Kiểm soát tham nhũng; 5– Gần gũi và lắng nghe dân; 6– Phối thuộc với các ngành liên quan và các địa phương; 7– Đánh giá tổng quát về kết quả công tác. Mỗi tiêu chí được cho điểm như sau: 1= rất yếu; 2= yếu; 3= trung bình; 4= khá; 5= xuất sắc.

Những người tham gia đánh giá chất lượng công tác của các bộ ngành trung ương bao gồm các đại biểu Quốc hội chuyên trách

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

theo dõi lĩnh vực hoạt động của bộ liên quan, đại diện các giáo sư có uy tín, đại diện các cán bộ lão thành có kinh nghiệm, đại diện lãnh đạo 64 tỉnh thành phố, và đại diện các hiệp hội (tổng cộng nên có khoảng 150 – 300 người).

Với sự trợ giúp của CNTT, việc đánh giá và tổng hợp kết quả rất đơn giản thuận tiện. Khi người đánh giá nhập kết quả đánh giá của mình vào máy tính, kết quả tổng hợp sẽ có thể được cho hiện ngay lên trên máy tính của các cấp lãnh đạo, trang web của chính phủ, và trên màn hình phẳng khổ lớn đặt tại các nơi công cộng để nhân dân theo dõi giám sát. Kết quả sẽ được biểu thị sinh động bằng đồ thị có màu sắc để người xem thấy ngay mỗi bộ đang ở tình trạng nào và tiến bộ hay thụt lùi so với kỳ trước trên mỗi tiêu chí. Thực hiện tốt việc đánh giá theo định lượng này, người lãnh đạo giỏi sẽ thấy phấn khích và hiểu rõ những điểm yếu gì bộ ngành của mình cần khắc phục; người lãnh đạo không đảm đương được trách nhiệm sẽ tự giác muốn từ chức; và người yếu kém sẽ mất đi nhuệ khí chạy chọt chức quyền.

Tôi hy vọng sẽ có dịp trình bày chi tiết hơn về các dự án đánh giá định lượng trong một dịp khác.

– Những giải pháp cấp bách để thúc đẩy phát triển ở Việt Nam mà anh muốn đề xuất với chính phủ?

Thứ nhất, chúng ta nên thử nghiệm cho phép một địa phương, dù là đảo Phú Quốc, hay một tỉnh nghèo ở miền Trung, hay một thành phố nhiều tiềm năng như Hải Phòng, được áp dụng cơ chế quản lý hiện đại dựa trên kinh nghiệm thành công của quốc tế, đặc biệt là của Singapore, Hồng Kông, và một số khu kinh tế đặc biệt của Trung Quốc.

Lãnh đạo địa phương này sẽ được tuyển chọn theo những tiêu chí cao nhất về tầm nhìn, khả năng lãnh đạo, tài năng, và lòng tâm huyết với sự nghiệp phát triển. Đây sẽ là nơi, người tài năng và

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

ngay thẳng được đặc biệt trọng dụng; là nơi các cán bộ quản lý và các cơ quan công quyền tự giác chịu sự giám sát chặt chẽ của người dân; là nơi khai thác tối đa khả năng tiềm tàng của tuổi trẻ và khơi dậy hoài bão dân tộc của mọi thế hệ, và đây cũng là nơi cộng đồng quốc tế thấy cảm phục tinh thần, tài năng, và phẩm chất của người Việt Nam.

Thứ hai, chúng ta nên xúc tiến nghiên cứu và triển khai phương pháp đánh giá định lượng như tôi đã giới thiệu khái quát ở trên cho các bộ, ngành, UBND các tỉnh/thành phố, và các cán bộ trung cao cấp.

Thứ ba, chúng ta cần mời ngay các công ty tư vấn quốc tế hàng đầu vào giúp phân tích hiện trạng và xây dựng chiến lược phát triển cho một số ngành quan trọng, đặc biệt là du lịch, hàng không, dầu khí, đóng tàu và công nghệ thông tin. Chúng ta cần có tầm nhìn và trí tuệ đẳng cấp hàng đầu thế giới trong nỗ lực đầu tư hỗ trợ cho sự phát triển của các ngành này.

Nhân đây, tôi cũng muốn đề cập đến một số dự án mà chính phủ Trung Quốc đã mời McKinsey, công ty tư vấn hàng đầu thế giới hợp tác. Thứ nhất, đó là dự án tư vấn giúp Trung Quốc có thể tránh được một cuộc khủng hoảng tài chính trong tương lai dựa trên kinh nghiệm của McKinsey với Hàn Quốc. Thứ hai là dự án giúp Trung Quốc phát triển ngành công nghiệp CNTT để vươn lên vị thế hàng đầu thế giới. Thứ ba là dự án xây dựng phố Nam Kinh (Thượng Hải) trở thành đường phố du lịch - mua sắm sầm uất và nổi tiếng nhất thế giới.

Trong dự án này, McKinsey đã giúp chính quyền thành phố Thượng Hải phối hợp được trí tuệ và tâm huyết của người dân Thượng Hải và kinh nghiệm toàn cầu để hình thành nên một dự án lớn với tổng đầu tư dự kiến khoảng 24 tỷ USD thực hiện trong vòng 10 năm và thu hút được sự tham gia của nhiều nhà đầu tư và

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

bán lẻ hàng đầu thế giới.

– Xin cảm ơn anh!

Vietnamnet – 20/6/ 2006

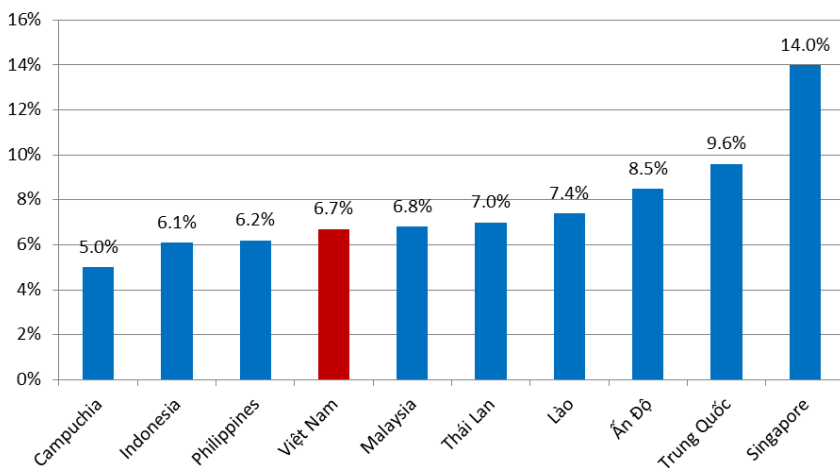
Ghi chú:

[1] http://www.csc.go.kr/eng/csr/data/HRDBPS_english.doc

BA NGUYÊN LÝ NỀN TẢNG ĐỂ VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG

Chỉ còn hơn một tháng nữa là kết thúc năm 2010, Việt Nam được dự báo sẽ đạt tăng trưởng GDP ở mức khoảng 6,7%. Con số này vừa là kết quả đáng trân trọng có được từ những *nỗ lực điều hành* cải thiện môi trường kinh doanh của Chính phủ và cố gắng lớn của các doanh nghiệp Việt Nam. Thế nhưng cũng chính con số tăng trưởng này (chưa nói đến vấn đề chất lượng vì 1% tăng trưởng ở Việt Nam thường tốn nhiều đầu tư hơn so với các nước khác) cho thấy rằng chúng ta bắt đầu có những sụt giảm đáng suy nghĩ trong tốc độ tăng trưởng khi đem so sánh với các nền kinh tế tương đồng: Trung Quốc (9,6%), Ấn Độ (8,5%), Thái Lan (7,0%), Malaysia (6,8%) (Hình 1).

Hình 1: Tăng trưởng GDP (dự báo), 2010



Nguồn: số liệu từ Ngân hàng Phát triển Châu Á

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Mọi người sẽ dễ thấy ngay nguyên nhân trực tiếp làm tốc độ tăng trưởng của Việt Nam suy giảm có liên quan đến các yếu tố làm bất ổn vĩ mô. Trung bình cho cả hai năm khủng hoảng (2008–2009) và dự báo cho năm 2010, Việt Nam đều thua kém rõ rệt với hầu hết các nước tương đồng trong khu vực trên các chỉ số vĩ mô chủ yếu: lạm phát (Hình 2a), thâm hụt ngân sách (Hình 2b), thâm hụt thương mại (Hình 2c), bất ổn về tỷ giá (Hình 2d). Việt Nam cũng là nước duy nhất trong nhóm bị đánh tụt hạng về tín nhiệm tài chính quốc gia bởi cả ba công ty đánh giá tín nhiệm hàng đầu thế giới. Trong khi đó, hầu hết các nước khác trong nhóm so sánh đều cải thiện đánh giá tín nhiệm quốc gia của họ sau nỗ lực vượt qua giai đoạn khủng hoảng.

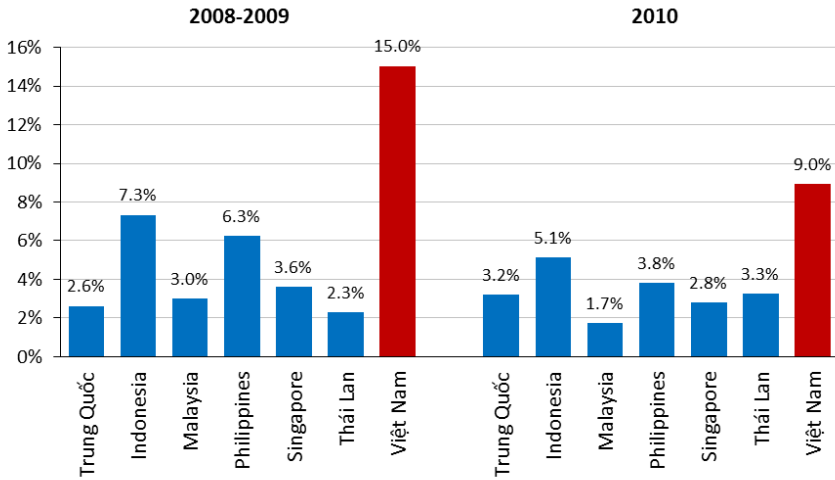
Các lý do vĩ mô nêu trên thường dẫn đến những nỗ lực thúc đẩy có tính ngắn hạn để ổn định vĩ mô và coi đó như một nhiệm vụ cấp bách hàng đầu. Thế nhưng cách tiếp cận này thiếu tính nền tảng chiến lược và thường chỉ đạt kết quả nhất thời. Nó sẽ không đủ sức đem lại một sức phát triển mới cho nền kinh tế dựa trên một cấu trúc cao hơn về hiệu năng và sức kiến tạo giá trị.

Lời giải có tính căn bản cho nâng cao tốc độ và chất lượng tăng trưởng cần dựa trên ba nguyên lý nền tảng: thành tâm tuân thủ các nguyên tắc thị trường; coi trọng việc nâng cấp chất lượng của hệ thống quản lý nhà nước; và dốc sức đầu tư và khai thác sử dụng nguồn vốn con người.

1. Thành tâm tuân thủ các nguyên tắc thị trường đòi hỏi xem xét lại những nguyên lý quản trị và vận hành trong khu vực doanh nghiệp quốc doanh. Sự suy sụp của Vinashin mới chỉ là tăng băng nổi phản ánh kết quả hoạt động của một khu vực kinh tế không tuân thủ các nguyên tắc thị trường và thiếu vắng nỗ lực chiến lược trong xây dựng hệ thống quản trị hiện đại.

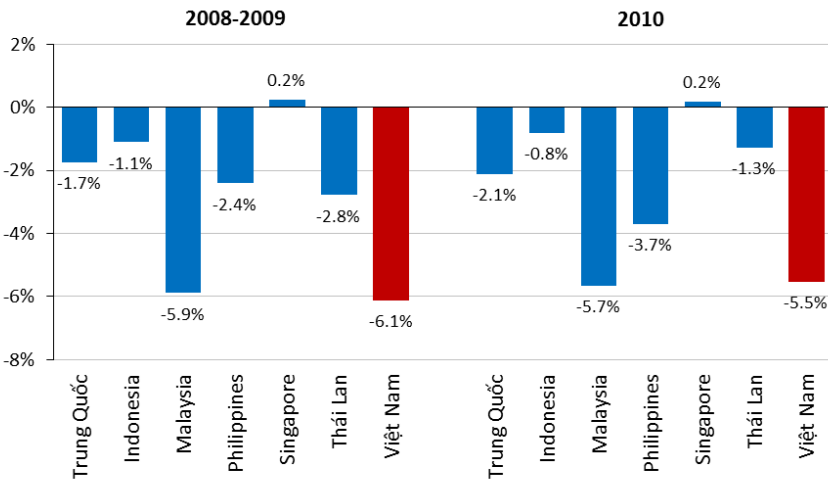
Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Hình 2a: Lạm phát



Hình 2b: Cân bằng ngân sách

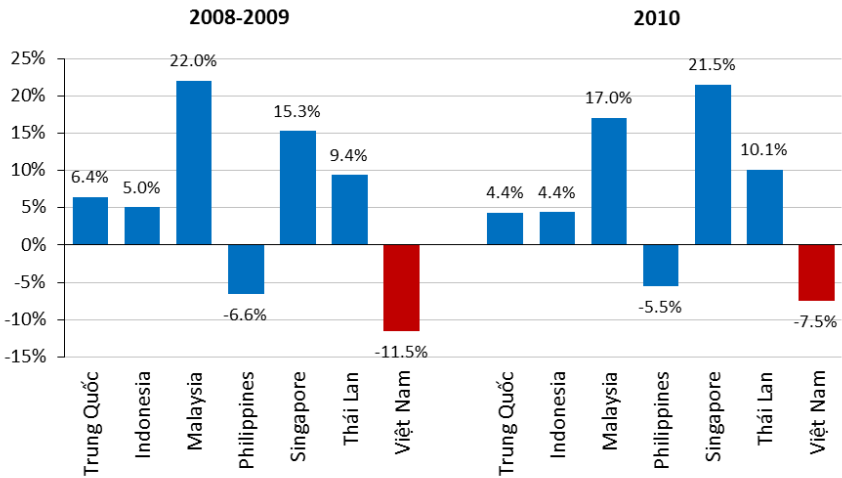
Đơn vị: % của GDP



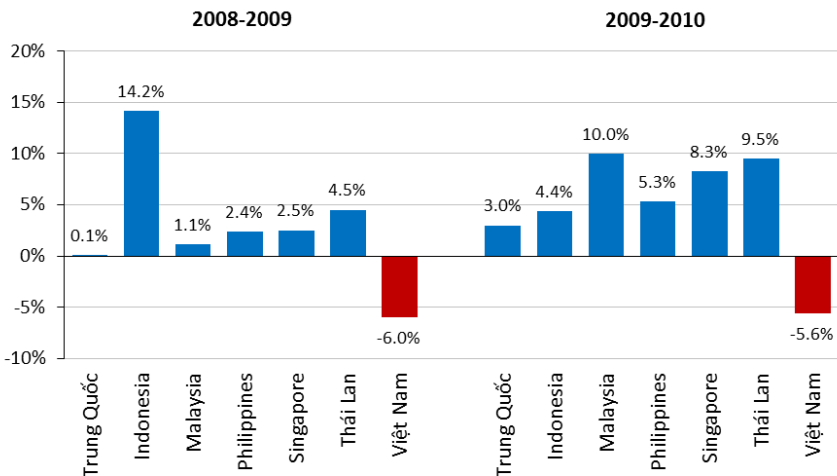
Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Hình 2c: Cân bằng thương mại

Đơn vị: % của GDP



Hình 2d: Thay đổi tỷ giá (Nội tệ/USD)



Nguồn: số liệu từ Economist Intelligence Unit

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Bên cạnh nỗ lực đặc biệt đẩy nhanh cổ phần hóa và buộc các doanh nghiệp lớn phải niêm yết trên thị trường chứng khoán, chúng ta cần nhanh chóng đánh giá lại toàn diện tất cả các doanh nghiệp quốc doanh và xếp hạng chất lượng quản lý và hoạt động hàng năm của họ (loại 1 = xuất sắc; loại 2 = khá; loại 3 = trung bình; loại 4 = yếu; loại 5 = rất yếu kém). Việc công khai các thông tin này có ảnh hưởng rất mạnh mẽ buộc lãnh đạo các doanh nghiệp quốc doanh nỗ lực nâng cao chất lượng quản lý của mình.

2. Coi trọng việc nâng cấp chất lượng của hệ thống quản lý nhà nước không bắt đầu từ tăng lương mà bằng nỗ lực nâng cao chất lượng sử dụng, đánh giá, đề bạt, và tuyển dụng cán bộ. Các thủ tục bỏ phiếu tín nhiệm, bình bầu A, B, C hiện đã trở nên cổ lỗ hình thức cần được thay thế bằng phương pháp quản lý theo kết quả như nhiều nước (đặc biệt là Malaysia trong nỗ lực 10 năm, 2010–2020, trở thành một nước phát triển).

3. Dốc sức đầu tư và khai thác sử dụng nguồn vốn con người cần bắt đầu bằng nỗ lực trên quy mô toàn xã hội, trước hết là trong các cơ quan chính quyền, trong đánh giá và chọn lọc minh bạch và sâu sắc nguồn nhân lực. Nỗ lực này sẽ tạo niềm tin và ý thức trong người dân là có chuyên môn và phẩm chất lao động tốt, chứ không phải là quan hệ và chạy chọt, quyết định khả năng tìm kiếm việc làm và mức thu nhập của họ. Nếu không có nỗ lực này thì việc đầu tư hàng tỷ USD vào một số đại học hay viện nghiên cứu sẽ không mang lại những đổi thay có sức cải biến lớn cho nền kinh tế.

Vietnamnet – 23/11/2010

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH–PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

**Mục tiêu hướng tới: Một quốc gia có tầm nhìn xa trông rộng;
Một thể chế quản lý có hiệu lực cao; Một môi trường
kinh doanh sống động; Một lực lượng lao động ưu tú;
Một thực lực công nghệ vững mạnh**

Tóm tắt: Việt Nam đã đạt được những tiến bộ ấn tượng về tăng trưởng kinh tế trong hai thập kỷ qua, nhưng hiệu quả tăng trưởng và sức cạnh tranh phát triển trong tương lai còn rất thấp do nền móng cho công cuộc phát triển chưa được gia cường và nâng cấp mạnh mẽ cho phù hợp với đòi hỏi thực tế và xu thế thời đại. Nền móng này dựa trên năm trụ cột: (1) Tầm nhìn và chiến lược phát triển, (2) Hiệu lực thể chế, (3) Sức sống động của môi trường kinh doanh, (4) Chất lượng nguồn nhân lực, và (5) Thực lực công nghệ. Do khuôn khổ có hạn, bài viết này đề xuất một số kiến nghị cụ thể dựa trên ba trụ cột đầu tiên trong nỗ lực gia cường và nâng cấp mạnh mẽ nền móng phát triển của nước ta trong thời gian tới.

1. Công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam: Lợi thế và thách thức

1.1. Lợi thế

Với công cuộc cải cách kinh tế khởi đầu vào năm 1986, Việt Nam đã trải qua những đổi thay ấn tượng, biến một quốc gia kiệt quệ thành một nền kinh tế năng động với tốc độ tăng trưởng cao và

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

nhịp độ hội nhập nhanh chóng vào nền kinh tế thế giới. Động lực cho sức đổi thay sống động này là ba lợi thế cơ bản của Việt Nam: (i) Điều kiện địa lý và nhân khẩu; (ii) Ổn định chính trị và nỗ lực của chính phủ trong hội nhập quốc tế và chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường; và (iii) Nguồn lực con người.

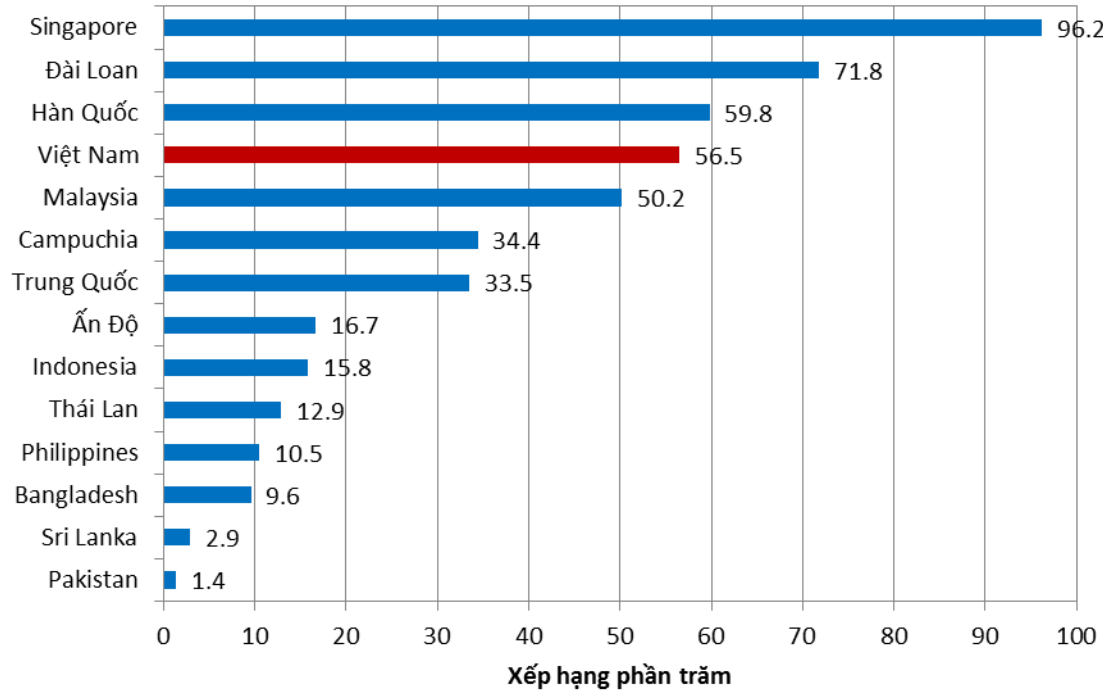
Thế mạnh thứ nhất của Việt Nam là điều kiện địa lý và nhân khẩu. Việt Nam nằm ở vị trí trung tâm của Đông Á, chung biên giới với Trung Quốc, nền kinh tế không lồ với tốc độ tăng trưởng bùng nổ trong suốt nhiều thập kỷ. Địa hình đất nước hình chữ S nằm dọc bờ biển với điều kiện tự nhiên trù phú về nông nghiệp và thuận lợi cho xuất nhập khẩu trên mọi vùng lãnh thổ. Kỳ tích của Việt Nam, từ một nước hầu như tách biệt với thị trường thế giới chỉ trong vòng hai thập kỷ đã trở thành nhà xuất khẩu hàng đầu về gạo, cà phê, thủy sản, là một minh chứng cụ thể. Ngoài ra, Việt Nam với dân số lớn thứ 13 trên thế giới, với sức trẻ và độ thuần nhất cao, tạo nên lợi thế đặc biệt về thị trường và nguồn nhân lực trẻ.

Thế mạnh thứ hai của Việt Nam là sự ổn định chính trị và nỗ lực của chính phủ trong hội nhập quốc tế và chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường. Mức độ ổn định chính trị của Việt Nam được đánh giá cao hơn hẳn hầu hết các nước đang phát triển ở Châu Á, trong đó có Trung Quốc và Ấn độ (Hình 1).

Dựa trên nền tảng thuận lợi này và cương lĩnh đổi mới, chính phủ đã tiến hành hàng loạt cải cách trong lĩnh vực pháp lý, chính sách, và nỗ lực hội nhập quốc tế. So sánh giữa Việt Nam và Trung Quốc trong Bảng 1 cho thấy rằng Việt Nam, khởi đầu cải cách sau Trung Quốc 8 năm, đã có những cải cách về pháp lý và chính sách khá tương đồng và ngày càng bắt kịp với nhịp độ cải cách ở Trung Quốc.

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Hình 1: Ổn định chính trị, 2008



Nguồn: số liệu từ Ngân hàng Thế giới

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Bảng 1. Các chỉ mốc cải cách: So sánh Việt Nam và Trung Quốc

Chỉ mốc cải cách	Sự kiện-Chính sách-Quyết định (thời gian xảy ra)		Khoảng cách thời gian
	Việt Nam	Trung Quốc	
Khởi đầu cải cách	Đại hội VI công bố cương lĩnh “Đổi mới,” (12/1986)	Hội nghị toàn thể lần thứ 3 khóa 11 của Đảng CS Trung Quốc công bố chương trình cải cách “Bốn Hiện đại hóa,” (12/1978)	8 năm
I. Các thay đổi nền móng			
Triển khai hệ thống “Khoán hộ gia đình” trong nông nghiệp	NQ của BCT về cải cách quản lý nông nghiệp, 1988	NQ của BCH TƯ về “tăng cường và cải thiện hơn nữa hệ thống khuyến khích sản xuất nông nghiệp”, 1980	8 năm
Hợp phát hóa sự phát triển của kinh tế tư nhân	Ban hành luật doanh nghiệp tư nhân, 1990	Tu chính hiến pháp khẳng định kinh tế tư nhân là một thành phần hỗ trợ của nền kinh tế XHCN, 1982	8 năm
II. DN nhà nước và cải cách tạo sân chơi bình đẳng			
<i>Giai đoạn 1: Tăng quyền</i>	1987-1993	1979-1984	8 năm

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

tự chủ của DNNN thông qua thủ tiêu từng bước hệ thống kinh tế mệnh lệnh và thí điểm cổ phần hóa

<i>Giai đoạn 2:</i> Cải cách DNNN, thiết lập hệ thống pháp lý cho DNNN hoạt động trong cơ chế thị trường	1994-1998 Chuyển đổi các DNNN có lựa chọn sang công ty cổ phần (Chi thị CP số 28-CP, 1996)	1985-1993 “Qui chế tạm thời về hồi sinh các DNNN lớn và vừa”, 1985 “Qui chế về đẩy mạnh cải cách và tăng sức sống các DNNN”, 1986	9 năm
	Ban hành Luật DNNN, 1995	Ban hành Luật DNNN, 1988	7 năm
<i>Giai đoạn 3:</i> Tạo sân chơi bình đẳng và thúc đẩy cổ phần hóa	Từ 1999 trở đi Ban hành luật DN, 1999	Từ 1994 trở đi Ban hành luật Công ty, 1994	5 năm
	Luật DN sửa đổi, 2005	Luật Công ty sửa đổi, 2005	0 năm

III. Hội nhập quốc tế

Thu hút FDI	Luật Đầu tư nước ngoài, 1987 Luật KCN và KCX, 1994	Luật liên doanh TQ-Nước ngoài, 1979	8 năm
Ký hiệp định thương mại	2000	1979	21 năm

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

với Mỹ

Gia nhập WTO	2006	2001	5 năm
--------------	------	------	-------

IV. Cải cách Tài chính

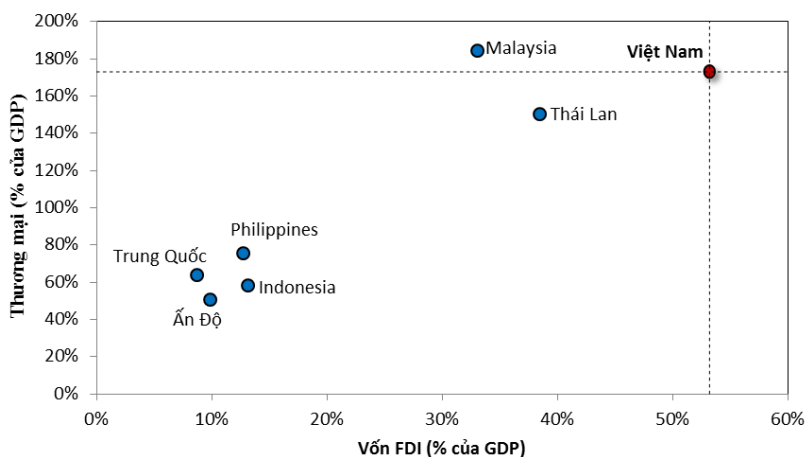
Cải cách hệ thống ngân hàng	“Luật ngân hàng nhà nước và luật về các tổ chức tín dụng”, 1997	“Quyết định của CP về cải cách hệ thống tài chính”, 1993	4 năm
Ban hành thuế VAT	“Luật thuế VAT”, 1997	“Qui chế tạm thời của CHND Trung Hoa về thuế VAT”, 1993	4 năm
Thống nhất luật thuế thu nhập cho mọi thành phần kinh tế, giảm mức thuế thu nhập DN xuống 25%	“Luật thuế thu nhập DN sửa đổi”, 2008	“Luật thuế thu nhập DN (mới)”, 2007	1 năm
Khai trương TTCK	Thành lập TTCK TP Hồ Chí Minh (HOSE), 2000	Thành lập TTCK Thượng Hải (SSE), 1990	10 năm
Ngân hàng quốc doanh đầu tiên tham gia niêm yết trên TTCK	NH Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), 2007	NH Công thương Trung Quốc (ICBC), 2006	1 năm

Nguồn: từ Vu (2009), xem [1]

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

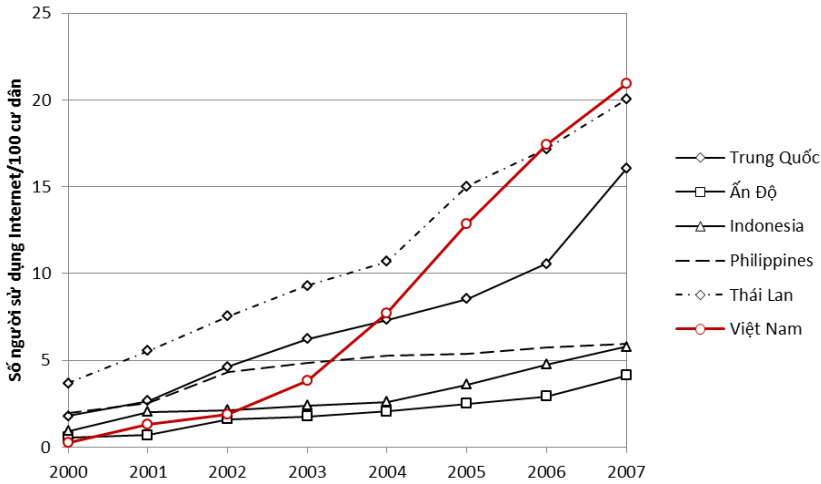
Đây là một nhân tố quan trọng để Việt Nam, chỉ trong hơn hai thập kỷ đổi mới, đã thu được những kết quả tăng trưởng ấn tượng và trở thành một quốc gia có độ hội nhập khá sâu vào nền kinh tế thế giới được đo trên hai chỉ số tỷ trọng tổng thương mại (nhập khẩu + xuất khẩu) trên GDP và tỷ lệ tổng lượng FDI trên GDP (Hình 2).

Hình 2: Hội nhập quốc tế: Việt Nam và các nước châu Á, 2008



Nguồn: số liệu từ Ngân hàng Thế giới và UNCTAD

Thế mạnh thứ ba của Việt Nam là nguồn lực con người. Người Việt Nam được nhiều chuyên gia quốc tế đánh giá là có khả năng học hỏi nhanh, chịu khó, có ý chí quyết tâm đổi đời, coi trọng giáo dục, nhạy bén nắm bắt thời cơ. Nhận xét này được khẳng định bởi một số minh chứng nổi bật. Chẳng hạn số người Việt Nam du học ở nước ngoài trong thời gian gần đây (tính trên tỷ lệ 100.000 dân) thuộc hàng cao nhất thế giới. Đặc biệt, trong 10 năm vừa qua, Việt Nam đã đi lên từ vị thế thấp nhất để vượt qua hầu hết các nước châu Á tương đồng, trong đó có Trung quốc, Ấn độ và hầu hết các nước Đông Nam Á về độ thâm nhập của Internet (Hình 3).

Hình 3: Độ thâm nhập của Internet, 2000–2007

Nguồn: số liệu từ Ngân hàng Thế giới

1.2. Thách thức

Sự đổi thay mạnh mẽ của Việt Nam trong hơn hai thập kỷ đổi mới vừa qua, cùng với những thế mạnh nổi bật nói trên tạo cho Việt Nam những điều kiện phát triển khá thuận lợi trong thời gian tới. Tuy nhiên, công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam qua hơn hai thập kỷ bùng phát mạnh mẽ nhờ động lực “cởi trói” và hội nhập chứa đựng và tích tụ những điểm yếu có sức cản trở nghiêm trọng tới khả năng cất cánh của nền kinh tế.

Một vấn đề sống còn đặt ra là quản trị tốt thông qua một hệ thống thể chế có chất lượng cao là vấn đề căn bản đối với sự thành công lâu dài của một công cuộc phát triển kinh tế [2]. Ngoài ra, nghiên cứu của Rodrik (2003) cho thấy rằng, một số quốc gia có thể phát triển kinh tế nhanh trong một giai đoạn khá dài, nhưng do thiếu nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị tốt trên nền tảng của nền móng thể chế được không ngừng hoàn thiện, thì sức phát triển sẽ không bền vững, đặc biệt khi gặp phải những cơn sóc lớn từ bên

ngoài [3]. Trải nghiệm của Thái Lan và Indonesia sau khủng hoảng kinh tế châu Á là những minh chứng điển hình.

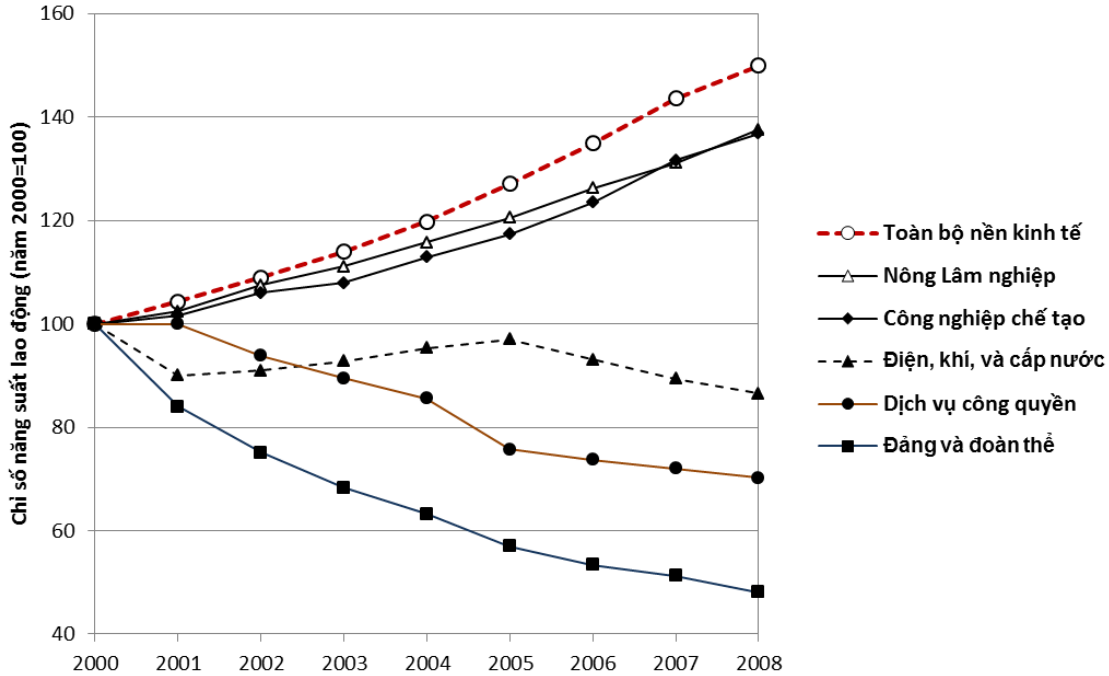
Những điểm yếu trong nền quản trị quốc gia của Việt Nam là: Tầm nhìn và tư duy chiến lược hạn chế, Chất lượng thể chế đáng quan ngại, và Ý thức và năng lực khai thác nguồn lực con người và nâng cấp thực lực công nghệ thấp.

Điểm yếu thứ nhất: Tầm nhìn và tư duy chiến lược hạn chế. Chiến lược phát triển của Việt Nam dường như vẫn dựa trên nguyên lý chủ yếu là hồi thúc đầu tư từ nguồn ngân sách đến nguồn FDI, trong khi coi nhẹ hiệu lực chiến lược, hiệu quả kinh tế, và tính bền vững của nền móng phát triển. Kết quả là, các dự án lớn như mía đường, xi măng lò đứng, lọc dầu Dung Quất trong thời gian qua không chỉ gây lãng phí rất lớn mà còn làm đất nước mất đi nhiều cơ hội nâng cấp thực lực cạnh tranh. Các đại dự án tới đây như mở rộng thủ đô Hà nội, xây dựng nhà máy điện hạt nhân, và xây dựng các tuyến tàu hỏa cao tốc dường như vẫn mang nặng bản sắc của ý chí hơn là bước đi khôn ngoan hoạch định bởi một tầm nhìn sâu rộng và tư duy chiến lược. Một góc độ khác của sự hạn chế trong tầm nhìn và tư duy chiến lược của chúng ta là chưa quyết liệt cải cách và kiến tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp quốc doanh. Nhiều doanh nghiệp vẫn tiếp tục hoạt động với sự dung túng trong bao cấp, tùy tiện trong quản lý điều hành, và thiếu trung thực trong báo cáo.

Điểm yếu thứ hai: Chất lượng thể chế đáng quan ngại. Chúng ta để bộ máy Đảng và chính phủ phình ra nhanh chóng, trong khi chất lượng thực thi chính sách được đánh giá rất thấp. Hình 4 cho thấy, trong giai đoạn 2000–2008 vừa qua, năng suất của khu vực chính phủ, các cơ quan Đảng và tổ chức liên quan, và ngành điện-nước (chủ yếu thuộc khu vực quốc doanh) giảm sút trong khi năng suất của các khu vực kinh tế khác gia tăng.

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Hình 4: Động thái tăng năng suất ở một số khu vực chính trong nền kinh tế, 2000–2008



Nguồn: số liệu từ Tổng cục Thống kê Việt Nam

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Trong so sánh với Trung Quốc, lao động ở khu vực nhà nước của chúng ta có xu hướng phình ra ngày càng mạnh hơn trong khi của Trung Quốc lại thu hẹp nhanh chóng (Bảng 2).

Bảng 2. Mức tăng về lao động của khu vực nhà nước so với nền kinh tế trong các giai đoạn 1995–2000 và 2000–2005

	Việt Nam		Trung Quốc	
	1995– 2000	2000– 2005	1995– 2000	2000– 2005
<i>Mức tăng về lao động</i>				
• Toàn bộ nền kinh tế (A)	13,9%	13,6%	5,9%	5,2%
• Khu vực nhà nước (B)	15,2%	22,9%	-21,1%	-17,0%
<i>Độ phình ra (+) hoặc co lại (-) về lao động trong khu vực nhà nước so với nền kinh tế (B-A)</i>				
	+1,3%	+9,3%	-27,0%	-22,2%

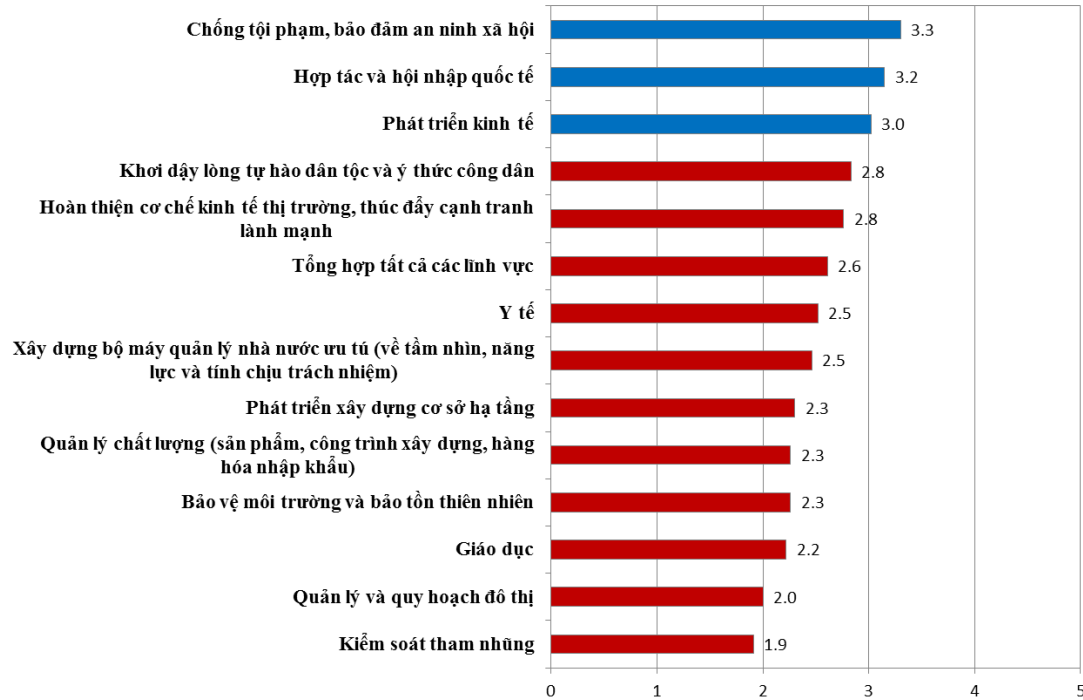
Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam, 2000–2006; Niên giám Thống kê Trung Quốc, 2000–2006

Điều đáng quan ngại hơn nữa là chất lượng chính sách công của chúng ta (theo cảm nhận của cán bộ và người dân) còn rất thấp như thể hiện ở Hình 5 dưới đây.

Điểm yếu thứ ba: Ý thức và năng lực khai thác nguồn lực con người và nâng cấp thực lực công nghệ thấp. Chúng ta vẫn thiên lệch phát triển theo chiều rộng trong khi ít coi trọng đào tạo công nhân lành nghề, nâng cao năng lực công nghệ và năng suất lao động. Chẳng hạn, năng suất lao động ngành may trong suốt 8 năm (2000–2008) về cơ bản không tăng mặc dù qui mô (về lao động và sản lượng) cũng như xuất khẩu tăng trên 15%/năm.

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Hình 5: Đánh giá chính sách và chất lượng dịch vụ công



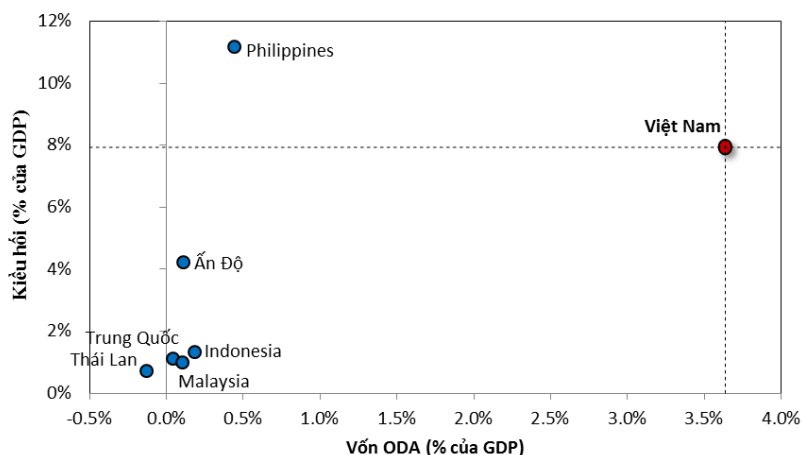
Ghi chú: mức độ cảm nhận được đánh giá như sau: 5=xuất sắc; 4=tốt; 3=trung bình; 2=yếu; 1=rất yếu.

Nguồn: Tác giả (từ kết quả khảo sát ý kiến của cán bộ của các bộ nhà nước; N=284)

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Điều đáng quan ngại hơn là chúng ta có xu thế ỷ vào nguồn lực nước ngoài để tạo nên “thành tích phát triển.” Xuất khẩu lao động và nguồn kiều hối đã giúp tăng mức tiêu dùng và xóa đói giảm nghèo nhưng không giúp tăng chất lượng nguồn nhân lực và ý thức tiết kiệm của người dân. Nguồn vốn ODA dồi dào giúp chúng ta có tiền xây nhiều dự án lớn nhưng làm giảm ý thức coi trọng hiệu lực chiến lược và hiệu quả kinh tế của mỗi dự án. Vì vậy, mức độ phụ thuộc cao của nước ta vào nguồn kiều hối và viện trợ nước ngoài như chỉ ra ở Hình 6 dưới đây là điều đáng quan ngại dù đó là một thuận lợi trong ngắn hạn.

Hình 6: Phụ thuộc vào nguồn lực nước ngoài



Nguồn: số liệu từ Ngân hàng Thế giới

2. Một số kiên nghị cụ thể nhằm nâng cao sức cạnh tranh phát triển của nền kinh tế nước ta

Nền móng cho sức cạnh tranh phát triển của nền kinh tế dựa trên năm trụ cột chủ chốt: (1) **Tầm nhìn và chiến lược phát triển**, (2) **Hiệu lực thể chế**, (3) **Sự sống động của môi trường kinh doanh**, (4) **Chất lượng nguồn nhân lực**, và (5) **Thực lực công**

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

nghệ. Dưới đây là một số kiến nghị bước đầu dựa trên ba trụ cột đầu tiên: (1) Tầm nhìn và chiến lược phát triển, (2) Hiệu lực thể chế, và (3) Sự sống động của môi trường kinh doanh.

2.1. Tầm nhìn và chiến lược phát triển

a) Tầm nhìn

Tầm nhìn là động lực mạnh mẽ đối với tương lai một quốc gia. Tầm nhìn vạch ra một hướng đi sáng rõ và một xúc cảm sôi sục về vận mệnh quốc gia. Nó thôi thúc cả dân tộc đồng lòng và dốc sức phấn đấu cho những mục tiêu cao cả ngàn đời khao khát.

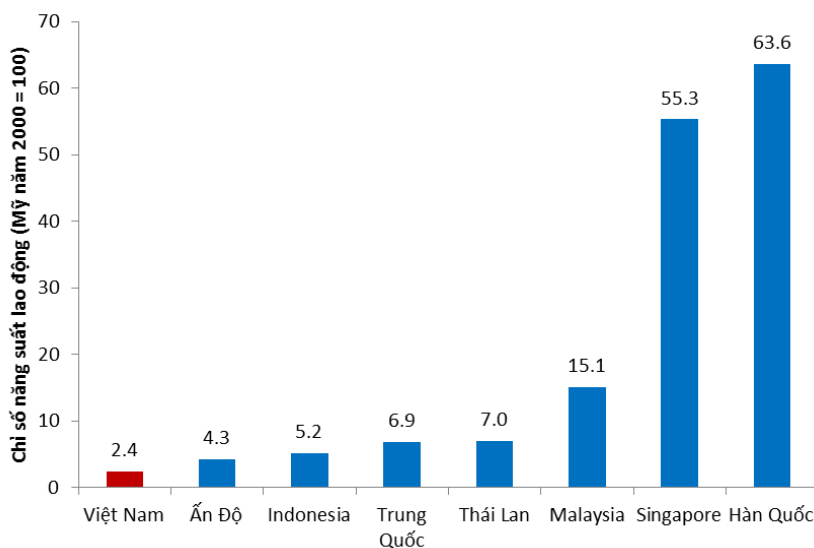
Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế đáng kể trong hơn hai thập kỷ cải cách với mức tăng trưởng GDP đạt 7,5% , nhưng mức độ của sự thịnh vượng vẫn còn rất thấp so với phần lớn các quốc gia khác. Theo xếp hạng mức thu nhập đầu người năm 2009 (tính theo sức mua tương đương từ số liệu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế – IMF), Việt Nam đứng thứ 127 trong tổng số 181 quốc gia. Nghĩa là chúng ta vẫn ở trong nhóm 60 nước nghèo nhất. Với tiềm năng và lợi thế của mình, Việt Nam có thể sẽ còn được hưởng một nhịp độ tăng trưởng ấn tượng trong một thời gian nữa. Thế nhưng, theo quy luật tăng trưởng với cạm bẫy của mức thu nhập trung bình, nếu không có một công cuộc phát triển thần kỳ trong những thập kỷ tới, Việt Nam dường như sẽ chịu chung số phận như đã thấy ở nhiều nước trong thế giới các nước đang phát triển, đặc trưng bởi: mức thu nhập ở mức trung bình (nghĩa là đầu đó trong số 60 nước ở khoảng giữa), chất lượng cuộc sống thấp (tắc đường, môi trường ô nhiễm, tội phạm gia tăng, quan chức tham nhũng, doanh nhân làm ăn chộp giật), và một nền kinh tế có sức tăng trưởng và hiệu quả thấp.

Nhìn sâu hơn về năng suất lao động (NSLĐ) trong khu vực chế tạo trong so sánh với các nước. Vào năm 2000, nếu lấy mức NSLĐ của Mỹ là 100 thì mức NSLĐ của Việt Nam mới là 2,4 và còn thấp xa so với các nước trong đồng kinh khác ở châu Á (Hình 7). Hơn nữa,

Việt Nam hành trình đi đến phần vinh

Việt Nam chưa đạt được tiến bộ đáng kể trong tăng trưởng của chỉ số này. Trong giai đoạn 2000–2008, năng suất bình quân của ngành chế tạo của Việt Nam tăng trưởng chỉ vào khoảng 3,9% (thấp xa so với tốc độ tăng trưởng GDP). Theo nhịp độ này, vào năm 2010, NSLĐ trong khu vực chế tạo của Việt Nam mới bằng khoảng 3,5% mức của Mỹ năm 2000. Nghĩa là, nếu Việt Nam đặt mục tiêu đạt được *mức NSLĐ trong khu vực chế tạo năm 2000 của Hàn Quốc* vào năm 2045, Việt Nam phải phấn đấu đạt mức tăng NSLĐ trong khu vực này ở tốc độ 8,6%/năm, cao gấp hơn hai lần tốc độ tăng trưởng hiện nay (3,9%).

Hình 7: So sánh NSLĐ khu vực chế tạo năm 2000 (quy chuẩn mức NSLĐ của Mỹ năm 2000 = 100)



Nguồn: số liệu từ UNIDO và Niên giám Thống kê Trung Quốc

Kiến nghị số 1: Việt Nam cần thiết lập một tầm nhìn có tính chiến lược, làm nền tảng cho lộ trình công nghiệp hóa đất nước trong 3–4 thập kỷ tới. Trong lộ trình này, tăng năng suất lao động trong từng khu vực kinh tế (công nghiệp chế tạo, xây dựng, dịch vụ,

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

và nông nghiệp) phải đảm bảo cho phép Việt Nam đạt mức trung bình của các nước OECD năm 2000. Đặc biệt, Việt Nam cần có chiến lược rõ rệt cho tăng NSLĐ trong ngành công nghiệp chế tạo, phấn đấu đạt mức năm 2000 của Hàn Quốc vào trước năm 2045.

b) Chiến lược cạnh tranh-phát triển

Cốt lõi của một chiến lược cạnh tranh phát triển là tạo điều kiện nền tảng và động lực thúc đẩy cho nền kinh tế không ngừng tăng trưởng năng suất trong từng ngành và chuyển dịch nguồn lực từ khu vực có NSLĐ thấp lên khu vực có NSLĐ cao hơn. Ba yếu tố cơ bản của một chiến lược cạnh tranh phát triển hữu hiệu là: **định vị chiến lược, thiết lập các nguyên tắc chỉ đạo cho hoạch định chính sách, và vạch ra trình tự ưu tiên có tính chiến lược cho các nỗ lực đầu tư phát triển.**

(i) Định vị chiến lược

Định vị chiến lược cho phép Việt Nam chủ động tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu với các điểm mạnh nổi trội. Nắm bắt cơ hội từ sự nổi lên của châu Á và xây dựng một lợi thế cạnh tranh dài hạn cần được đặt vào trọng tâm của động lực chính nhằm định vị chiến lược cho Việt Nam.

Kiến nghị số 2: Việt Nam cần triệt để tận dụng cơ hội mang lại từ sự phát triển trỗi dậy của châu Á. Cụ thể:

- Việt Nam nên chủ động và có chiến lược tích hợp mình vào nền sản xuất của châu Á bằng cách làm việc chặt chẽ với các công ty đa quốc gia hàng đầu trong các hệ thống này. Việt Nam nên tận dụng lợi thế là đầu cầu chiến lược vào thị trường Trung Quốc bằng cách xây dựng một chiến lược Trung Quốc có hiệu quả để thu hút FDI và giúp doanh nghiệp Việt Nam xâm nhập thị trường khổng lồ này.

- Việt Nam nên định vị mình như là trung tâm dịch vụ cho cả vùng Đông Dương và thúc đẩy hội nhập kinh tế và liên kết cơ sở hạ

tầng trong phạm vi ba nước Đông Dương. TP Hồ Chí Minh nên định vị mình là một trung tâm có chi phí thấp cho các doanh nghiệp đa quốc gia có trụ sở tại Châu Á.

Kiến nghị số 3: Đối mặt với sự cạnh tranh toàn cầu khốc liệt, đặc biệt là từ các sản phẩm giá rẻ đến từ Trung Quốc, Việt Nam nên xây dựng lợi thế cạnh tranh dài hạn bằng sự lựa chọn sản phẩm khôn ngoan. Bằng cách này, Việt Nam có thể có lợi ích từ sự hợp lực giữa các thế mạnh bản sắc của mình và sự chú trọng đặc biệt vào xây dựng lợi thế cạnh tranh dựa trên sự tin cậy, khả năng đáp ứng nhạy bén và linh hoạt nhu cầu khách hàng, tính linh hoạt, quan tâm trao đổi thường xuyên với khách hàng để thường xuyên rà soát (review), chỉnh sửa (revise) và cải cách (reform). Các lĩnh vực kinh tế mà Việt Nam có khả năng kiến tạo lợi thế cạnh tranh nổi bật là nông nghiệp, công nghệ sinh học, y tế, dược phẩm, giáo dục, công nghệ thông tin, du lịch, thực phẩm, dịch vụ và hậu cần trong các ngành hàng không và vận tải biển.

(ii) Thiết lập các nguyên tắc chỉ đạo cho hoạch định chính sách

Kiến nghị số 4: Việt Nam cần xây dựng một thể chế mạnh, có khả năng khai thác triệt để tính nhạy bén và sức mạnh tiềm tàng của quy luật thị trường trong hoạch định và thực thi chính sách phát triển. Chính phủ can thiệp có hiệu quả và hiệu quả chỉ có được khi nó tăng cường cơ chế thị trường. Chính phủ nên là “người thổi thục và thách đố chứ không nên là người trợ cấp và bảo hộ cho các ngành công nghiệp” [4].

Kiến nghị số 5: Trong chiến lược phát triển, Việt Nam cần coi con người là nguồn vốn chủ đạo, là “động cơ chính” của công cuộc phát triển. Đầu tư quyết liệt nhằm nâng cấp chất lượng sống và làm việc (từ điều kiện đi lại, ăn ở, đến công viên, bể bơi, sân bóng) có tác động tới phát triển lớn hơn nhiều so với các siêu dự án và các

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

công trình phô trương hoành tráng.

Kiến nghị số 6: Công cuộc phát triển của Việt Nam có ba đặc thù quan trọng: Nền kinh tế chuyển đổi; Chính phủ có quyền lực can thiệp mạnh trong công cuộc phát triển; Nền tảng phát triển dựa trên tư tưởng XHCN. Việt Nam cần có những nỗ lực đặc biệt nhằm biến những đặc thù này thành điểm mạnh đặc sắc cho công cuộc phát triển của mình như chỉ ra ở Bảng 3 dưới đây. Nếu thiếu các nỗ lực này, các đặc thù nói trên có thể trở thành những điểm yếu rất nguy hại cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Bảng 3: Biến đặc thù thành lợi thế phát triển

Đặc thù	Biến thành lợi thế đặc sắc nếu	Trở thành điểm yếu nguy hại nếu
Nền kinh tế chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Lãnh đạo có ý thức và khả năng đưa ra những quyết định dũng cảm và kịp thời ở mỗi thời điểm bước ngoặt. ▪ Luôn coi trọng tìm chân lý từ thực tế và nỗ lực thích nghi. Tuyệt đối tránh giáo điều. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giáo điều, bảo thủ, sợ hãi đổi thay. ▪ Thiếu tầm nhìn và ý chí chiến lược.
Chính phủ có quyền lực can thiệp mạnh trong công cuộc phát triển	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Xây dựng bộ máy QLNN có hiệu lực và hiệu năng cao với chú trọng đặc biệt trong sử dụng hiền tài, nâng cao tính trung thực, và tư duy thực tế. ▪ Đặc biệt coi trọng mối quan hệ hợp tác chiến lược với dân và khu vực kinh tế tư nhân trong hoạch định chính sách và đánh giá chất lượng quản lý. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Để bộ máy quản lý nhà nước có hiệu lực và hiệu năng thấp. ▪ Chấp nhận để tham nhũng hoành hành. ▪ Bị sai khiến bởi nhóm lợi ích. ▪ Thiếu hệ thống giám sát phản biện.
Tư tưởng XHCN	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đầu tư quyết liệt vào con người, đặc biệt là giáo dục, y tế, nhà cửa, và các điều kiện sống và làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bao cấp và nuông chiều khu vực DNNN. Ngăn trở những ý kiến xây dựng trái chiều.

(iii) Trình tự ưu tiên trong chương trình hành động

Kiến nghị số 7: Một khi tầm nhìn đã được thiết lập, Việt Nam cần có nỗ lực đột phá để mạnh mẽ vượt qua các thách thức như đã chỉ ra ở mục 1.2 (Tầm nhìn và tư duy chiến lược hạn chế, Chất lượng thể chế đáng quan ngại, và Ý thức và năng lực khai thác nguồn lực con người và nâng cấp thực lực công nghệ thấp).

Nếu các nỗ lực này bị xem nhẹ, thì dù có cố gắng khai thác các điểm mạnh đến đâu, thành quả phát triển của Việt Nam cũng sẽ rất hạn chế và nền kinh tế không thể bước vào giai đoạn cất cánh.

Kiến nghị số 8: Việt Nam cần tăng cường năng lực hoạch định chiến lược và khả năng phối thuộc giữa các bộ ngành và địa phương. Cơ quan này có thể tham khảo cơ cấu tổ chức và mục tiêu của Cục Phát triển Kinh tế (Economic Development Board) của Singapore.

2.2. Tăng cường hiệu lực của Chính phủ

Trong khi Việt Nam có được sự ổn định cao về chính trị, hiệu lực của chính phủ lại khá thấp so với các quốc gia Đông Á khác (Hình 8). Điều tương phản này cho thấy rằng, với Việt Nam, tăng cường hiệu lực của chính phủ vừa không chỉ mang tính chiến lược mà còn là một đòi hỏi bức thiết.

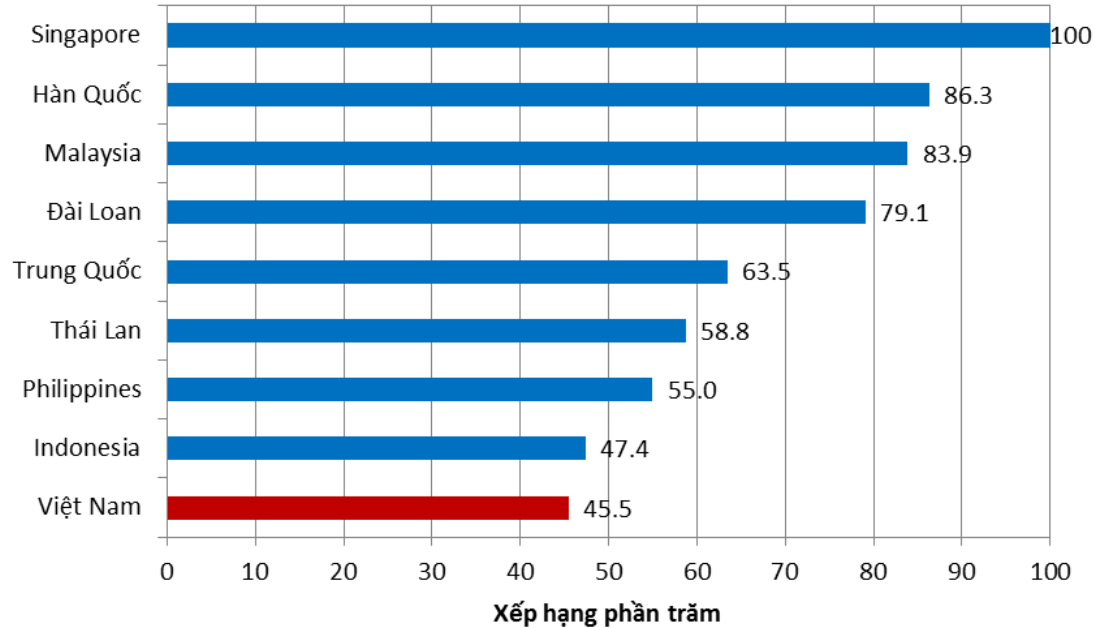
Hiệu lực của chính phủ có thể được tăng cường mạnh mẽ thông qua các nỗ lực trên hai nội dung chủ yếu: ổn định kinh tế vĩ mô và nâng cao năng lực của bộ máy chính phủ.

a) Ổn định kinh tế vĩ mô

Đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô là một thách thức quan trọng đối với Việt Nam. Việt Nam hiện đang yếu trên các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản, trong đó có thâm hụt ngân sách, thâm hụt thương mại, thiếu sự tin tưởng của công chúng vào đồng nội tệ, lạm phát và lãi suất cho vay cao.

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Hình 8: Hiệu lực chính phủ, 2008



Nguồn: số liệu từ Ngân hàng Thế giới

Kiến nghị số 9: Chính phủ nên xác định rằng, điều kiện kinh tế vĩ mô ổn định có tác động quan trọng đến chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chính phủ nên hướng tới đạt được các mục tiêu sau đây: thâm hụt ngân sách cần được kiểm soát dưới 2–3%; tỷ lệ lạm phát nên ở mức 3–5%; thặng dư thương mại bình quân ở mức 2–5%.

b) Nâng cao năng lực của bộ máy chính phủ

Tăng cường hiệu quả của chính phủ đòi hỏi nỗ lực trên năm lĩnh vực: kiện toàn thể chế luật pháp, cải cách tổ chức, nâng cấp nguồn nhân lực, kiểm định và giám sát chất lượng quy trình ban hành chính sách và ra quyết định, và đầu tư vào các điều kiện hỗ trợ. Trong khuôn khổ này, chúng tôi có một số kiến nghị liên quan đến cải cách tổ chức và chính phủ điện tử.

Kiến nghị số 10: Việt Nam nên tham khảo kinh nghiệm Singapore trong việc tách biệt chức năng thực thi chính sách ra khỏi các Bộ. Cải cách này sẽ cho phép các Bộ tập trung vào trách nhiệm chính của họ là hoạch định chiến lược và chính sách. Các cục tác vụ sẽ được thành lập để thực hiện các chức năng thực thi chính sách. Các cục hoạt động theo cơ chế quản lý kinh doanh với những tính năng chính sau đây:

- Có tầm nhìn và sứ mạng riêng của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao từ chính phủ;
- Hội đồng quản trị bao gồm đại diện từ chính phủ, khu vực tư nhân, và giới học thuật để cung cấp sự quản trị tốt nhất;
- Nhân viên các cục tác vụ được tuyển dụng theo cơ chế thị trường. Điều này có nghĩa rằng quy mô tiền lương và các điều khoản của dịch vụ cho người lao động sẽ khác nhau tùy cơ quan.
- Các cục tác vụ có động cơ và sự linh hoạt để huy động nguồn lực đa dạng và áp dụng phương pháp quản lý sáng tạo nhằm

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

đạt được mục tiêu của nó.

- Mỗi cục tác vụ được giám sát bởi một bộ có liên quan, và hiệu quả hoạt động của nó được đánh giá thường xuyên theo phương pháp quản lý theo kết quả.

Kiến nghị số 11: Việt Nam nên mạnh mẽ đầu tư vào chính phủ điện tử với chú trọng đặc biệt cho khai thác các công năng tương tác điện tử, cho phép người dân và doanh nghiệp tham gia xây dựng và đánh giá:

- Chất lượng chính sách;
- Chất lượng công tác của các bộ, ngành ở trung ương, các sở địa phương, và các cục tác nghiệp;
- Hiệu quả của các dự án đầu tư.

2.3. Sức sống động của môi trường kinh doanh

Sức sống động của môi trường kinh doanh được tăng cường không chỉ qua nỗ lực cải cách hành chính mà cả các chính sách có tác động đến ba khu vực trụ cột của nền kinh tế – FDI, DNNN, và khu vực tư nhân – và các chương trình có tính chiến lược trong hình thành các tổ cụm công nghiệp theo vùng.

a) Chiến lược FDI

Việt Nam đã thành công lớn trong việc thu hút FDI. Lượng FDI của năm 2008 chiếm khoảng 60% GDP của đất nước, vượt xa hầu hết các quốc gia châu Á. Tuy nhiên, thành công này chủ yếu là do các điểm mạnh đặc biệt của đất nước và chính sách mở cửa chứ không phải là một chiến lược FDI có hiệu quả. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy rằng một quốc gia cần có một chiến lược FDI hiệu quả để tận dụng tối đa các nguồn vốn FDI. Hiệu quả của một chiến lược FDI phụ thuộc vào ba thành phần chính: *Mục tiêu, phương pháp tiếp cận, và các nỗ lực thực thi.*

Kiến nghị số 12: Việt Nam nên xây dựng một chiến lược FDI cho phép quốc gia tăng cường khả năng cạnh tranh toàn cầu và nâng cấp năng lực công nghệ. Chiến lược này nên được thực hiện trên cả ba mặt trận:

- Thu hút FDI: có chọn lọc theo các tiêu chí chiến lược cho việc nâng cấp sức cạnh tranh quốc gia;
- Nuôi dưỡng FDI: đặc biệt thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp FDI hiện có tăng NSLĐ và đầu tư vào các công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn.
- Liên kết FDI: Tạo mọi điều kiện khuyến khích và đầu tư để các doanh nghiệp FDI gắn bó, hợp tác ngày càng sâu với các doanh nghiệp bản địa theo một chiến lược ráo riết xây dựng các ngành công nghiệp phù trợ.

b) Cải cách doanh nghiệp nhà nước

Kể từ những năm 1990, Việt Nam đã bắt tay vào cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước. Số lượng các doanh nghiệp nhà nước đã giảm từ khoảng 12.300 năm 1991 xuống dưới 3.000 hiện nay. Tuy nhiên, khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn còn lớn, chiếm gần một nửa tổng tài sản và một phần tư số lượng việc làm của đất nước. Hơn nữa, do sự ưu đãi dành cho các DNNN, môi trường cạnh tranh của Việt Nam chưa thật bình đẳng, khích lệ.

Các doanh nghiệp nhà nước tại các quốc gia đang phát triển thường hoạt động có kết quả hạn chế vì sáu thách thức sau:

- *Mục tiêu:* DNNN phải đối mặt với một sự không rõ ràng giữa mục tiêu thương mại và phi thương mại.
- *Quản trị:* Chính phủ thiếu một hệ thống hiệu quả để quản lý và giám sát hiệu suất của các DNNN.
- *Sự can thiệp:* Chính phủ không dành cho các DNNN quyền chủ động tuyệt đối về chiến lược, và do đó, lãnh đạo DNNN không

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị mình.

- *Động lực vật chất:* Hệ thống trả lương-thưởng trong DNNN không thực sự dựa trên đóng góp và/hoặc thị trường cạnh tranh.

- *Con người:* Chính phủ không sử dụng các tiêu chí minh bạch hoặc mang tính chiến lược để lựa chọn các thành viên hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cho các DNNN. Kết quả là, nhiều cán bộ quản lý và thành viên HĐQT thường không có năng lực và ý thức trách nhiệm xứng đáng.

- *Thiếu cạnh tranh:* Nhiều doanh nghiệp nhà nước được hưởng độc quyền. Thiếu tính cạnh tranh không chỉ làm thị trường không được đáp ứng tốt mà còn làm thui chột nỗ lực sáng tạo và liên tục vươn lên của doanh nghiệp.

Kiến nghị số 13: Bên cạnh nỗ lực đẩy nhanh các chương trình cải cách, cải cách DNNN ở Việt Nam cần mạnh mẽ rút bỏ sáu trở ngại nêu trên nhằm giúp các DNNN nâng cao vượt bậc kết quả hoạt động của mình.

c) Phát triển khởi tư nhân

Khu vực tư nhân đã phát triển đáng kể trong quá trình cải cách kinh tế, đặc biệt là kể từ khi luật doanh nghiệp được ban hành vào năm 1999. Tuy nhiên, sự tăng trưởng chủ yếu vẫn là theo bề rộng. Tính năng động và quyết liệt của các DNTN trong phát triển theo chiều sâu và di chuyển lên nấc thang công nghệ vẫn còn rất thấp. Hạn chế này một phần là do môi trường vĩ mô thiếu khích lệ đầu tư chiến lược, trong khi khuyến khích các nỗ lực đầu cơ, tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn.

Kiến nghị số 14: Chính phủ nên có những nỗ lực một cách chủ động và có mục đích để loại bỏ các khó khăn chính đang cản trở sự phát triển khu vực tư nhân. Các ưu tiên hàng đầu trong nỗ lực này là thiết lập sự ổn định mạnh mẽ môi trường kinh tế vĩ mô, xây dựng

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

một chiến lược phát triển kinh tế quốc dân có tham khảo rộng rãi ý kiến của các chuyên gia và doanh nghiệp tư nhân. Đặc biệt, Chính phủ nên khởi động một chương trình khuyến khích và hỗ trợ mạnh mẽ nhằm thúc đẩy tăng NSLĐ trong các doanh nghiệp tư nhân. Chương trình này có thể bao gồm một số sáng kiến sau đây:

- Thành lập một trung tâm năng suất quốc gia với đầy đủ năng lực để khởi động nỗ lực này.
- Cung cấp các hỗ trợ tài chính, bao gồm ưu đãi thuế và trợ cấp tài chính cho các công ty để đầu tư vào đào tạo nhân viên, nâng cấp thiết bị, chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển, và những nỗ lực khác để tăng năng suất.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường và công nghệ.
- Cải cách hệ thống pháp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các công ty tiếp thu và chuyển giao công nghệ, thiết lập liên minh chiến lược, sáp nhập và đầu tư để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

d) Phát triển nâng cấp các tổ cụm công nghiệp

Sức cạnh tranh của một nền kinh tế tùy thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển và mức độ tập trung của các tổ cụm công nghiệp. Trong chiến lược phát triển, các chính sách khuyến khích hình thành và nâng cấp các tổ cụm công nghiệp đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Kiến nghị số 15: Chính phủ nên thành lập một nhóm các chuyên gia để hoạch định ra các phân ngành công nghiệp lớn ở trong nước. Bước đầu tiên trong nỗ lực này nên tập trung vào các ngành lớn nhất và phát triển nhanh nhất, trong đó bao gồm các ngành thực phẩm và đồ uống, hóa chất, sản xuất và sửa chữa thiết bị vận tải, chế tạo sản phẩm kim loại, cao su và nhựa, dệt may, da và sản phẩm da, đồ nội thất và máy móc thiết bị điện.

3. Kiến nghị về tổ chức thực hiện và kết luận

Kiến nghị số 16: Chính phủ thiết lập một hội đồng chiến lược kinh tế theo mô hình “Hội đồng Chiến lược Kinh tế” của Singapore, để tập hợp chuyên gia trong nước và ngoài nước nghiên cứu tổng hợp mọi kết quả nghiên cứu và ý kiến đề xuất nhằm hoạch định một chiến lược phát triển sắc bén và hiệu lực cao cho Việt Nam cho giai đoạn 2010–2020 và 2010–2050.

Do điều kiện và khuôn khổ có hạn, bài viết này chỉ phác thảo ra một số kiến nghị cấp thiết nhằm nâng cao sức cạnh tranh và phát triển của nền kinh tế Việt Nam trên ba trụ cột (trong năm trụ cột chủ đạo): Tầm nhìn và chiến lược phát triển, Hiệu lực thể chế, và Sức sống động của môi trường kinh doanh. Việc quan tâm xem xét sâu sắc khả năng thực hiện các kiến nghị nêu trong bài viết này là một bước khởi đầu then chốt. Đó cũng là nền tảng để triển khai các kiến nghị tiếp theo nhằm nâng cấp mạnh mẽ hai trụ cột còn lại là Chất lượng nguồn nhân lực và Thực lực công nghệ.

Ghi chú:

[1] Vu, K. (2009). Economic reform and performance: A comparative study of China and Vietnam. *China: An International Journal* 7(2), 189-226.

[2] Tham khảo:

North, D. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge: Cambridge University Press.

Mauro, P. (1995). Corruption and growth. *The Quarterly Journal of Economics*, MIT Press, vol. 110, no. 3, pp. 681-712.

Barro, R. (1997). *Determinants of economic growth: A cross-country empirical study*. Cambridge, MA: MIT Press

Brunetti, A., Kisunko G. and Weder, B. (1997). *Institutional obstacles to doing business*. World Bank Policy Research Working Paper, No. 1759, World Bank, Washington.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Hall, R. and Jones, C. (1999). Why do some countries produce so much more output? *The Quarterly Journal of Economics*, vol. 114, no. 1, pp. 83-116.

Rodrik, D., Subramanian, A. and Trebbi F. (2004). Institutions rule: The primacy of institutions over geography and integration in economic development. *Journal of Economic Growth*, vol. 9, no. 2, pp. 131-165.

[3] Rodrik, D. (2003). *Growth strategies*. NBER Working Paper 10050, National Bureau Of Economic Research.

[4] Porter, M. (1990). *The competitive advantage of nations*. New York: The Free Press.

VIỆT NAM KHÓ PHỒN VINH NẾU TRỌNG PHÁT ĐẠT HƠN PHÁT TRIỂN

TS Vũ Minh Khương cho rằng, lực cản lớn nhất của Việt Nam hiện giờ là sự lẫn lộn giữa phát đạt và phát triển, với sự thiên lệch nặng nề về tìm kiếm phát đạt trong khi xem nhẹ việc nâng cấp nền tảng phát triển. Chúng ta đang có nguy cơ rơi vào sự kim hãm của vòng xoáy: càng khâm khá về vật chất, càng suy yếu năng lực phát triển và giảm sút về sức cạnh tranh quốc tế.

Diễn đàn Kinh tế Việt Nam VEF – Báo VietNamNet – đã có cuộc trò chuyện với TS. Vũ Minh Khương – Đại học Quốc gia Singapore xung quanh thuyết trình của GS. Michael Porter, “cha đẻ” của thuyết cạnh tranh tại Hà Nội mới đây.

TS Vũ Minh Khương cũng chính là người cùng tham gia xây dựng Báo cáo năng lực cạnh tranh quốc gia, do Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế TŨ (Bộ KH-ĐT) phối hợp với Viện Cạnh tranh châu Á thực hiện.

Phải tiên lượng được sự vận động của đất nước

– Báo cáo năng lực cạnh tranh quốc gia công bố mới đây chỉ ra điểm yếu là mô hình kinh tế Việt Nam không còn dư địa phát triển nữa và đang mất dần động lực tăng trưởng. Vậy, đâu là mô hình mới cho Việt Nam, có phải dựa trên 3 nguyên lý nền tảng như ông đề xuất?

Báo cáo cạnh tranh Việt Nam 2010 được soạn thảo với mục tiêu tạo ra nhận thức sâu rộng trong xã hội, đặc biệt là các nhà hoạch định chính sách và giới doanh nghiệp thấy rõ được tầm quan

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

trọng của nâng cao sức cạnh tranh trong khi cố gắng thúc đẩy tốc độ tăng trưởng. Nâng cao sức cạnh tranh không bắt đầu từ một vài chương trình hay sang kiến cụ thể mà phải là một nỗ lực có tính hệ thống bao gồm ba cấu tầng: Tư duy (gồm những nguyên lý có tính nền tảng); Thiết kế chương trình; và Tổ chức thực hiện.

Cội nguồn của sức cạnh tranh bắt nguồn từ tư duy dựa trên ba nguyên lý nền tảng như tôi đã trình bày trong bài viết *Ba nguyên lý nền tảng*: thành tâm tuân thủ các nguyên tắc thị trường (trong đó hội nhập quốc tế là một nội dung quan trọng); coi trọng việc nâng cấp chất lượng của hệ thống quản lý nhà nước; và dốc sức đầu tư và khai thác sử dụng nguồn vốn con người.

Thành công trong nỗ lực nâng cao sức cạnh tranh không dựa trên sự phá vỡ tức thời những cái cũ mà là nỗ lực cải biến có tính hệ thống, xây dựng cái mới dựa trên ba nguyên lý nền tảng nói trên.

Ví dụ, với các DNNN, bước đi đầu tiên không nên là tư nhân hóa mà là tạo cơ chế buộc họ phải vận hành theo kỷ luật thị trường, hiện đại hóa về quản trị và quản lý, minh bạch về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tôi nghĩ chúng ta cần có chỉ số đánh giá rất kỹ chất lượng hoạt động hàng năm của các doanh nghiệp thuộc khu vực này và công bố cho toàn xã hội theo dõi giám sát. Tiếp theo, các DNNN đều phải niêm yết trên thị trường chứng khoán và nhà nước nên bán cổ phần cho các nhà đầu tư tư nhân để vừa có sự giám sát nghiêm khắc của thị trường chứng khoán, vừa có thêm nguồn vốn đầu tư vào giáo dục, y tế và cơ sở hạ tầng.

Tư duy và hành động với sự coi trọng đặc biệt nỗ lực nâng cấp chất lượng quản lý nhà nước có sức cải biến xã hội rất lớn. Mỗi nỗ lực này đều có tính thông điệp rất lớn trong toàn dân về hiện trạng và quy tắc hành xử trong xã hội ta: Trọng hiền tài hay bị lèo lái bởi chạy chọt phe cánh; dốc lòng vì nước hay vụ lợi cá nhân; chìa khóa cho sự thăng tiến là trung thực và dũng khí hay khôn khéo luồn lọt.

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Thứ ba là vấn đề con người, phải khai thác trước, trân trọng trước, bởi đầu tư cho đào tạo mà không chịu dùng người tài cũng không tốt. Cầu phải đi trước, hướng đạo cho cung. Đó là nền tảng cho một thể chế phát triển trong tương lai. Nâng cao năng lực công nghệ cũng là một khía cạnh trong khai thác và đầu tư vào nguồn lực con người.

– Ông có thể phác thảo về bộ máy quản lý nhà nước hiện đại trong tương lai đó?

Bộ máy quản lý nhà nước hiện đại là một hệ thống xây dựng trên ba trụ cột cơ bản: nguồn nhân lực ưu tú, cấu trúc tổ chức mạnh mẽ, và thể chế pháp lý hiện đại.

1. *Nguồn nhân lực ưu tú.* Việc này đòi hỏi phải phát hiện người tài, thu hút và tạo điều kiện cho họ làm việc hết sức mình. Trong đó chọn người có sự thôi thúc đóng góp, đảm bảo thu nhập tốt, và bố trí công việc phát huy hết khả năng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

2. *Cấu trúc tổ chức mạnh.* Chọn được người tài mà cấu trúc tổ chức sai, người lãnh đạo thiếu tầm nhìn và phẩm chất, cơ chế đánh giá, đề bạt không xác đáng cũng là không đem lại kết quả tốt. Đây là vấn đề tổ chức (*organizational structure and incentives*), chứ không phải là nhân sự (*human resources*). Nó giống như đội bóng đá có nhiều cầu thủ giỏi nhưng sẽ đá không hay nếu bố trí đội hình không đúng; đánh giá, khen thưởng bị thiên vị; huấn luyện viên không sáng suốt.

3. *Hệ thống pháp lý hiện đại.* Tôi rất thích lời gợi ý của người đại diện hãng Intel trong buổi thảo luận về báo cáo cạnh tranh: tiêu chí hàng đầu hấp dẫn Intel đầu tư vào một nước không phải là lao động rẻ mà là khả năng cho nhà đầu tư tiên lượng được sự vận động phát triển của mình. Yếu tố này chỉ có thể có được nếu chúng ta dốc sức xây dựng một thể chế pháp lý hiện đại.

Ba lực cản phát triển

– Nhưng lâu nay, dường như Việt Nam vẫn lúng túng về mô hình kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thưa ông?

Lực cản lớn nhất của Việt Nam hiện giờ một là tư duy lẫn lộn giữa phát đạt và phát triển, không nhìn thấy những sự thúc bách về phát triển, để Việt Nam có sức cạnh tranh lâu dài hay không, có đẳng cấp, vị thế cao không.

Bán đất, đào mỏ, phá rừng, xuất khẩu lao động thô sơ... có thể tạo ra sự phát đạt ấn tượng nhất thời, nhưng không tạo nên phát triển. Phát triển dựa trên sự tự trọng cá nhân, ý thức trách nhiệm xã hội, và nỗ lực hợp tác.

Do vậy, thiên lệch mù quáng về phát đạt có thể dẫn đến nảy sinh nguy cơ làm thụt lùi phát triển. Đây đó đã xuất hiện những ca thán về ý thức người dân hay hiện tượng vô cảm ở một số cán bộ, công chức trong bộ máy cần được coi là những chỉ dấu đáng quan ngại.

Tôi cũng đọc báo cáo của nhiều địa phương, trong đó chỉ nhấn mạnh đến giảm nghèo và tăng trưởng GDP, tức là phát đạt thôi, mà không nghĩ đến phát triển. Tại sao chúng ta không đo ý thức người dân, sự thấu cảm của bộ máy công quyền, và lòng tin của dân đối với lãnh đạo – những thước đo cơ bản của một quá trình phát triển?

Người Việt Nam mình giờ có tự trọng cao hơn hay không, có trách nhiệm với đất nước cao hơn hay không, có tôn trọng đồng nghiệp hơn hay không, có tinh thần hợp tác cao hơn hay không?... Cần phải xem xét, trả lời một cách thấu đáo những câu hỏi quan trọng này.

Lực cản thứ hai là lợi ích cá nhân và lợi ích nhóm. Đã có nhiều tiếng nói tâm huyết của các bậc lão thành, các cựu lãnh đạo đáng kính, các nhân sĩ trí thức cảnh báo về vấn đề này. Nếu không có

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

những giải pháp kiểm soát hữu hiệu và căn cơ thì tồn thất của đất nước của dân tộc sẽ không thể lường hết được.

Điều thứ ba trong bối cảnh toàn cầu hóa, người Việt Nam rất linh hoạt nhưng lại chỉ nghĩ đến mình nên sinh khí dân tộc không được dung dưỡng phát huy, tản mát khắp nơi.

Để thành một dân tộc đủ ăn đủ mặc, mức trung bình đối với Việt Nam không phải là khó. Nhưng trong những điều tồn thất mà chúng ta hiện đang phải đối đầu, thì lớn nhất không phải về môi trường xuống cấp hay quy hoạch lộn xộn mà là ý chí dân tộc có dấu hiệu bị thui chột, đó là điều đau xót.

Cho nên cái gốc không thể trách người dân được mà phải trách người trí thức, tự mình phải vượt lên được điều đó, sau là người lãnh đạo và doanh nhân, đó là những lực lượng có thể cải biến được xã hội.

Bài toán của sức cạnh tranh lớn như vậy. Phải cảm thấy được sự thôi thúc của người Việt Nam. Thấy rằng đây là vấn đề nội bộ của dân tộc mình. Không tổ chức hay học giả nước ngoài nào có thể giúp chúng ta vượt qua thách thức sống còn này.

Chính phủ mạnh phải biết “ngồi” trên con hổ thị trường

– *Bản báo cáo năng lực cạnh tranh Việt Nam cũng chỉ ra rằng, Chính phủ cần nhận thức đúng vai trò của mình trong phát triển kinh tế, ông nghĩ sao về điều này?*

Điều đó hoàn toàn đúng. Một chính phủ mạnh là một chính phủ có thể dung dưỡng, phối thuộc một cách hoàn hảo với lực thị trường. Hai bàn tay phải vỗ với nhau, chứ còn định khóa lại thị trường để bao biện làm thay thì khó.

Kinh nghiệm từ Singapore là mọi việc Chính phủ đều ngồi trên con hổ thị trường thì mới hiệu quả, từ việc xây nhà thu nhập thấp, trồng cây xanh... đều thị trường hóa, những gì thị trường không làm được thì Chính phủ sẽ kích thêm. Rõ ràng, mặc dù có nhà

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

nước can thiệp nhưng tối đa tận dụng được thị trường.

– *Lúc trước ông có nhắc đến khái niệm tiên lượng (predictability) được sự vận động. Vậy làm sao có thể làm được điều đó?*

Predictability bắt đầu từ những điều đơn giản, từ trong điều hành kinh tế vĩ mô, như thời gian tới tỷ giá sẽ mạnh lên hay yếu đi, hay ổn định; lạm phát sẽ ra sao... để từ đó kiểm soát được tỷ giá và lạm phát. Sau đó là nguồn nhân lực, bây giờ có thể Việt Nam không thiếu nhưng liệu có ai đảm bảo rằng 3 năm tới chúng ta sẽ đáp ứng được?

Thứ ba là hạ tầng cơ sở, về mặt dịch vụ, nhà ở, quy hoạch, cảng, đường xá, sân bay... những cái này là có thể dự tính được.

Điều đó cho thấy, quy hoạch mềm là rất quan trọng.

Thu hút vốn: Cần chiến lược “con ong Chúa”

– *Ông đánh giá như thế nào về chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Việt Nam từ trước đến nay?*

Việt Nam đang trải thảm đỏ nhạt từ “ong thợ bé” đến “ong vò vè,” thậm chí, có cả “ruồi nhặng” lẫn vào trong thu hút đầu tư mà không biết. Có thể là do mình thiếu con mắt tinh tường, thiếu tầm nhìn chiến lược, không biết lựa chọn các “con ong chúa.”

Ưu đãi là phải dành cho con ong chúa, ong thợ cứ thế sẽ tự theo ong chúa mà vào.

Một điểm yếu nữa là mình không thôi thúc, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã có ở Việt Nam nâng cấp mình lên, hướng tới các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn. May mắn là cứ may mắn, khai thác ở cận đáy thôi chứ họ không nghĩ đến phải thiết kế, sản xuất nguyên vật liệu ở Việt Nam.

Thông thường, từ giai đoạn thấp lên cao các nhà đầu tư nước ngoài cần một cú hích nào đó, hoặc chính sách, hoặc động viên hay

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

hỗ trợ nhân lực.

Ngoài ra, trong ý tưởng của GS. Michael Porter cũng nhấn mạnh, đó là tính tổ cụm công nghiệp. Cần đặc biệt coi trọng sự gắn kết hữu cơ giữa doanh nghiệp FDI, tư nhân và nhà nước, làm sao nỗ lực giúp các doanh nghiệp FDI hội nhập hoàn toàn vào nền kinh tế trong nước, ưu đãi để họ đặt hàng các doanh nghiệp tư nhân, trên cơ sở đó họ cũng phát triển.

Khi đó, chính sách sẽ khuyến khích tư nhân tiếp thu công nghệ, trong nước phải tạo được chuỗi giá trị ngay tại thị trường nội địa của mình thì mới tạo được sự cạnh tranh.

– *Một vấn đề quan trọng hiện nay là phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương, ông nghĩ sao về điều này?*

Một khi mình chưa có sự thông tuệ về mặt chiến lược và chưa có sự trung thực, thôi thúc hết lòng ở tất cả các cấp thì phân cấp hay tập trung đều để lại hệ quả xấu.

Cho nên, để giải quyết được điều này đầu tiên không phải là phân cấp hay không mà cần quay lại với 3 yếu tố căn bản:

(i) Phải thông tuệ để hiểu rõ các nhà đầu tư nước ngoài có chiến lược với Việt Nam ra sao, họ muốn gì, cần gì ở Việt Nam?

(ii) Phải có người đứng ra gánh trách nhiệm nhạc trưởng trong từng chương trình quan trọng. Phân cấp đến đâu, thế nào trên cơ sở cùng tạo nên một bản nhạc hùng tráng chứ không phải phân cấp để mỗi người lao vào cuộc tranh giành chộp giật cho lợi ích cục bộ.

(iii) Con người phải rất trung thực không bị lợi ích cá nhân, nếu không thì không thể nào thành công. Thông tuệ, hiến dâng, và được đãi ngộ tốt với sự trân trọng của toàn xã hội là điều kiện tiên quyết để tạo ra bộ máy công quyền mạnh, từ trung ương đến địa phương.

– *Vậy, theo ông, chiến lược thu hút vốn FDI của Việt Nam cần thay đổi như thế nào?*

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Tôi thấy Việt Nam thiếu chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài. GS Porter nói rất rõ: lựa chọn để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình chứ không phải lựa chọn thu hút đầu tư để có con số cao để báo cáo.

Bây giờ cần phải thay đổi một số chỉ số đánh giá, chứ đừng tự mình chui vào cái bẫy trào lưu mậu dịch tự do mà không biết. Đừng bị trói buộc bởi các con số cứng nhắc ít ý. Chúng không đo được độ phát triển của địa phương và cả quốc gia có cao hơn không, độ cạnh tranh của đất nước có được gia cường hay không, cấu kết của nền kinh tế có tốt hơn trước hay không. Chúng ta cần những chỉ số tinh tế hơn, sâu sắc hơn để đánh giá trong tăng trưởng và phát triển.

– Ông vừa nhắc đến cái bẫy trào lưu thương mại tự do. Trong một bài viết gần đây, GS. Trần Văn Thọ đã nói về cái bẫy này. Có đúng là cái bẫy đó đáng lo ngại? Việt Nam cần đổi phó thế nào, thưa ông?

Tôi nghĩ GS. Trần Văn Thọ rất đúng trong chỉ ra điều lo ngại này. Trong môi trường thế giới tự do, cái mình được thụ hưởng là dựa trên lợi thế của mình. Nếu sức kiến tạo giá trị thấp, chỉ biết tạo ra giá trị ngắn hạn để kiếm ăn thì rất dễ rơi vào bẫy đó.

Nhà đầu tư họ muốn tìm giá trị mà họ có thể khai thác được ở mỗi thị trường, đó là điều tự nhiên có tính bản chất. Điều quan trọng là chính bản thân chúng ta có nhận ra và ý thức được điều này khi động thái của trào lưu mậu dịch tự do diễn ra hằng ngày rất khốc liệt: Chúng ta cần cùng các nhà đầu tư quốc tế kiến tạo ra giá trị cao hơn nhiều nhờ sự cộng hưởng giữa tiềm lực Việt Nam và nguồn lực của các nhà đầu tư quốc tế. Nếu chúng ta bị động và lệ thuộc, các nhà đầu tư quốc tế sẽ chỉ đơn thuần tận khai thác những tiềm năng thô mà chúng ta sẵn có.

Khác biệt không hẳn là công nghệ mới

– Quay lại tính khác biệt, độc đáo mà GS Porter nhấn mạnh đến khi nói về năng lực cạnh tranh, có bạn đọc cho rằng điều đó chỉ đúng với các nước phát triển, có nền tảng công nghệ, hạ tầng, nhân sự... chứ Việt Nam là nước đang phát triển, chưa có nền tảng thì hướng tới độc đáo rất là khó. Vậy, độc đáo và khác biệt sẽ sinh ra ở đâu?

Trước hết mình phải nhìn thấy các yếu tố căn bản tạo ra sức cạnh tranh, đầu tiên rất đơn giản là:

Cost: sản phẩm như nhau mà giá thấp hơn

Quality: giá cả như nhau, nếu không giảm được giá thì phải tăng chất lượng lên

Reliability: độ tin cậy, giá và chất lượng như thế nhưng họ thành tâm chơi hết lòng, mình có trục trặc gì họ chỉnh sửa ngay.

Flexibility/Responsiveness: linh hoạt, đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng.

Communication/marketing: liên lạc thật tốt với khách hàng, tiếp thị tốt, làm họ hiểu thấu giá trị của sản phẩm mà mình sản xuất.

Tạo sự khác biệt không phải chỉ là cố gắng đầu tư vào công nghệ mới hoặc đưa ra sản phẩm khác, mà cùng sản phẩm đó nhưng phải tạo ra sự khác biệt, từ cách chào giá đến tạo cảm nhận về chất lượng sản phẩm; từ nỗ lực gia cường sự tin cậy đến cách liên lạc tiếp thị có hiệu quả và hiệu lực cao hơn... Khác biệt theo cách đó là bước đi khả thi và có sức kiến tạo giá trị cao, làm khách hàng thực sự yên tâm và hài lòng với mình.

Một câu hỏi hay là doanh nghiệp Trung Quốc yếu ở chỗ nào, có thể là ở reliability (độ tin cậy), đặc biệt về chất lượng. Vì vậy đây là một lợi thế đặc biệt mà doanh nghiệp Việt Nam cần khai thác. Thế nhưng, nếu mình còn yếu hơn họ về mặt này nữa thì

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

chúng ta khó có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp Trung Quốc và sự thâm hụt ngày càng lớn về thương mại là không thể tránh khỏi.

– *Vậy Việt Nam cần định vị mình như thế nào để tạo sự khác biệt?*

Phải tổng hợp lại, dựa trên những lợi thế độc đáo của mình trong hiện tại cũng như trong tương lai, đó là những cái không thể thay thế được, rất tiềm tàng của Việt Nam.

Ví dụ, là vị thế chiến lược như hình chữ S, ở ven biển, vị trí trung tâm châu Á; con người tiếp thu kiến thức hội nhập cao, đồng nhất; ổn định xã hội; điều kiện địa lý tạo ra nông nghiệp trù phú.

Đặc thù của thế kỷ mới là công nghiệp, dịch vụ rất lớn. Nó không chỉ phục vụ cho thế giới mà sẽ giúp cho việc cải biến căn bản một nền kinh tế nhanh hơn: ăn uống, chữa bệnh, giáo dục. Nội sinh mạnh lên làm cho con người mạnh khỏe hơn, nó lại càng hấp dẫn hơn.

Định vị là phải lựa chọn những ngành nghề nền tảng mà mình quyết tâm gia cường. Vị thế, con người, hệ thống chính trị phải vượt bậc lên. Sau đó mới là những lựa chọn tiếp theo, tại sao mình không trở thành nơi sản xuất năng lượng mặt trời tốt, chế biến lương thực thực phẩm an toàn, công nghệ sinh học... Phải thu hút được những “con ong chúa” lớn.

Thế kỷ XXI ai mạnh hơn là người đó có khả năng tổng hợp chứ không phải người thông minh hơn, có tầm nhìn toàn cầu hơn là người đó sẽ chiến thắng.

– *Thưa ông, làm thế nào để Hội đồng năng lực cạnh tranh, như đã đề xuất thành lập, hoạt động hiệu quả nhất?*

Tôi thấy là cần thiết, nhưng ai chủ trì Hội đồng đó. Cần tính mức hiệu quả và thôi thúc, phải là động lực lớn cho xã hội, chứ không nên làm hình thức dựa trên chức sắc thuần túy. Hội đồng này cần những người có năng lực và uy tín xã hội với sự ủy nhiệm

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

và tin tưởng đặc biệt của lãnh đạo đất nước; đặc biệt là Thủ tướng Chính phủ.

Kinh nghiệm của nước ngoài thường là chọn các học giả, doanh nhân và một số cán bộ có năng lực cấp bộ trưởng, rất thân tín với lãnh đạo cao cấp để trình các khuyến nghị chính sách. Do vậy, Hội đồng cạnh tranh là phải có đầu óc chiến lược.

– *Xin cảm ơn ông!*

Mục tiêu của *Báo cáo Năng lực cạnh tranh quốc gia* là tạo một sự hiểu biết sâu rộng hơn trong xã hội về vai trò phải nâng cao năng lực cạnh tranh.

Nếu giới lãnh đạo, học giả, giới doanh nhân cũng như cộng đồng xã hội thấy được tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực cạnh tranh thay vì chỉ ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế thì đó cũng là một thắng lợi quan trọng.

Thứ hai là nhìn thấu đáo những thách thức gì mà mình đang đương đầu, nếu không vượt qua thì chắc chắn là mình sẽ kẹt ở bấy thu nhập trung bình, sẽ luẩn quẩn và không khai thác hết tiềm năng của đất nước.

Thứ ba là đề xuất một số phương án gợi ý để Chính phủ xem xét. Nó có hiệu lực đến đâu thì còn phải bàn tiếp, nhưng nói chung nó đề ra đường hướng nếu Chính phủ thành tâm xem xét đánh giá.

Đây thực chất là một bước quan trọng trong nhận thức, chìa khóa phải là sự thôi thúc của người Việt Nam trên cơ sở thống nhất được tầm nhìn, chúng ta phải ngồi lại với nhau và cùng hành động.

Vietnamnet – 6/12/2010

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ SÁCH VÀ SỰ NGHIỆP CHẤM HƯNG ĐẤT NƯỚC

*Tham luận cho Hội thảo “Sách và chấn hưng giáo dục” do
Sách Hay tổ chức ngày 6/5/2012 tại TP. Hồ Chí Minh*

Tri thức là một quyền lực có sức mạnh đặc biệt.

Sức mạnh đặc biệt của Quyền lực Tri thức có từ tính khai sáng của nó. Nó ban cho con người lòng dũng cảm và sự sáng suốt trong nhận thức lại sự vật, hiện tượng. Bởi vậy, nó làm thức dậy, dung dưỡng, và khai phát tiềm năng to lớn vốn có trong mỗi con người.

Sức mạnh đặc biệt của Quyền lực Tri thức có từ sự cao quý của nó. Với Quyền lực Tri thức, người ta không ngừng lớn lên – cao quý hơn, chứ không bị tha hóa như thường thấy trong thuộc tính của quyền lực vật chất hay chính trị.

Sức mạnh đặc biệt của Quyền lực Tri thức có từ khả năng chia sẻ vô tận và tính cộng hưởng của nó. Quyền lực Tri thức càng được chia sẻ và truyền bá thì sức mạnh của nó càng tăng, không chỉ về lượng mà cả về cường độ tương tác. Lợi ích và ảnh hưởng của quyền lực này càng to lớn và sâu rộng khi nó thuộc về càng nhiều người.

Sách là một công cụ nền tảng, truyền thống, và hữu hiệu trong truyền bá tri thức. Bởi vậy, sách có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đem lại cho mỗi cá nhân, và do đó cho cả cộng đồng và toàn thể xã hội, những sức mạnh đặc biệt nói trên của quyền lực tri thức; đó là tính khai sáng, sự cao quý, và khả năng chia sẻ và cộng hưởng vô tận.

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

Một vấn đề đặt ra là làm gì và làm như thế nào để phát huy được mạnh mẽ hơn vai trò của sách trong sự nghiệp chấn hưng nước ta. Bài tham luận ngắn này, với nhiều hạn chế vì sự chuẩn bị gấp gáp, chỉ xin đưa ra một vài suy nghĩ bước đầu nhằm bàn về cách tiếp cận hệ thống có tính chiến lược trong nỗ lực này của chúng ta.

Trong nỗ lực dùng sách cho công cuộc chấn hưng đất nước, chúng ta có thể chú trọng ba nội dung chủ đạo có quan hệ tương tác mật thiết với nhau sau:

(1) Lựa chọn các lĩnh vực tri thức then chốt có vai trò nền tảng với sức lan tỏa mạnh mẽ và ảnh hưởng lâu dài tới tiến trình cải biến xã hội;

(2) Lấy yếu tố cầu (demand) làm động lực hướng dẫn và thúc đẩy yếu tố cung (supply); và

(3) Chú trọng nâng cao hiệu quả, hiệu lực, và tính sống động của phương cách thực hiện .

Lựa chọn các lĩnh vực tri thức then chốt có vai trò nền tảng với sức lan tỏa mạnh mẽ và ảnh hưởng lâu dài

Trong nội dung này, chúng ta nên chọn các nguồn tri thức có ảnh hưởng lớn trong ba lĩnh vực ưu tiên sau: Khai sáng, Văn hóa dân tộc, và Năng lực hành động.

Trong các nguồn tri thức thuộc lĩnh vực “Khai sáng”, bên cạnh việc truyền bá các tác phẩm triết học lớn, cần đặc biệt coi trọng những tác phẩm có sức khơi dậy mạnh mẽ khát khao học hỏi và lòng dũng cảm nhận thức lại.

Trong lĩnh vực “Văn hóa dân tộc”, phải tìm ra những tác phẩm giúp người Việt Nam lớn lên. Những lý giải để tìm ra yếu tố nào trong cấu trúc ADN của người Việt mà làm dân tộc Việt Nam ta (theo ý cụ Tản Đà)

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

“Dân [gần trăm triệu] ai người lớn

Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con.” [1]

Những tác phẩm giúp mở xẻ để hiểu thấu cội nguồn làm người Việt ta nên nông nổi này là một nỗ lực cấp bách và cực kỳ quan trọng. Sự thiếu vắng tố chất người lớn một cách phổ biến trong người Việt chúng ta thể hiện rất rõ ở nhiều khía cạnh: không dày dặn (dễ nghe lời dụ dỗ hay dễ bị ảo tưởng về những lý điều thần bí hay lý thuyết ấu trĩ), sợ hãi người có thể lực, thích được ban thưởng khi có chút thành tích, hành động không lường tới hậu quả, thiếu khả năng chiêm ngấm và lớn lên từ thất bại, nghĩ không sâu, hiểu không thấu đáo, chưa ý thức được quyền hạn và trách nhiệm cá nhân.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng tìm đến những nguồn tri thức để người Việt ta lớn lên. Nguồn tri thức này khơi dậy và nuôi dưỡng phẩm chất chân chính và tính trung thực (đặc biệt là sự trung thực với chính bản thân mình), tư duy chiến lược, tố chất lãnh đạo, lòng nhân bản (biết trân trọng người dưới mình, lắng nghe người kém mình, thương người thiệt thòi hơn mình), ý thức và năng lực hợp tác (nỗ lực hiểu người khác và làm người khác hiểu mình; tư duy cùng thắng và ý thức tạo sức cộng hưởng từ hợp tác).

Về “Năng lực hành động”, chúng ta cần lưu tâm tới các nguồn tri thức giúp nâng cao năng lực nhận thức (đặc biệt là tầm nhìn và tư duy thực tiễn), tính sáng suốt trong việc ra quyết định (khả năng xác định rõ ràng mục đích và năng lực phân tích thấu đáo vấn đề), và kỹ năng quản lý. Bên cạnh đó, tri thức về các xu thế toàn cầu và kinh nghiệm thành công hay thất bại của thế giới cũng cần được giới thiệu rộng rãi.

Lấy cầu làm động lực thúc đẩy cung

Một nỗ lực lớn thường có ảnh hưởng nhanh chóng và sâu rộng

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

hơn nếu nó được dẫn dắt và thúc đẩy bởi yếu tố cầu. Cải biến Việt Nam trở thành một xã hội học tập, ở đó quyền lực tri thức được thượng tôn, người người thấy thôi thúc học hỏi, và tri thức trở thành một động lực nội sinh mạnh mẽ thúc đẩy xã hội phát triển.

Vì vậy, các nỗ lực ưu tiên hàng đầu nên dành cho việc kích hoạt quá trình cải biến nước ta thành một xã hội học tập. Việc dịch những tác phẩm kinh điển hay lập tủ sách làng xã sẽ đem lại tác động lớn hơn nhiều nếu chúng ta đã kích hoạt được xã hội theo hướng này.

Trong nội dung này, có hai lĩnh vực có ảnh hưởng lớn là giáo dục gia đình và kiến tạo năng lực học hỏi của xã hội từ chính bộ máy công quyền. Trong giáo dục gia đình, làm sao để mỗi bậc cha mẹ thấu hiểu rằng, để con mình thành công trong tương lai thì:

- Nhân cách quan trọng không kém sức khỏe;
- Lòng ham hiểu biết quan trọng không kém bằng cấp;
- Ý thức học hỏi và vươn lên chân chính quan trọng không kém sắc đẹp hay chiều cao.

Trong kiến tạo năng lực học hỏi của xã hội từ chính bộ máy công quyền, quá trình tuyển dụng và đề bạt công chức đóng vai trò rất quan trọng. Những người làm việc trong bộ máy công quyền cần được tuyển chọn kỹ không chỉ về vốn kiến thức mà cả lòng khát khao học hỏi. Họ phải là một đại diện xứng đáng của xã hội về tầm cao dân trí và ý chí tiếp thu tinh hoa tri thức nhân loại.

Chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả, và tính sống động của phương cách thực hiện

Nâng cao hiệu quả, hiệu lực, và tính sống động của phương cách thực hiện đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong sự thành công của nỗ lực truyền bá tri thức qua sách. Vấn đề này đòi hỏi không chỉ tính sáng tạo và lòng đam mê, mà cả năng lực sử dụng công nghệ và sự gắn bó với cuộc sống xã hội.

Trong nội dung này, chúng ta cần đặc biệt lưu ý đến vai trò có sức đột phá của lớp trẻ và công nghệ thông tin. Phương thức tiến hành không nên chỉ bó hẹp trong việc xuất bản sách và giải thưởng cho sách.

Đặc biệt, cần làm sao để mọi người thấy hứng thú và thôi thúc tìm đến sách. Chẳng hạn, nếu chúng ta có thể tổ chức thường kỳ các cuộc thi luận giải (trên cơ sở đúc kết tri thức từ nhiều cuốn sách giá trị) về các vấn đề mà cả xã hội trăn trở như “Triết lý giáo dục cho Việt Nam là gì?”, “Thế nào là khai sáng?”, “Tại sao người Việt Nam kém trong hợp tác?”, “Lời nguyên tài nguyên và bài học cho Việt Nam”,...

Chúng ta cũng nên ý thức việc giới thiệu các khái niệm tri thức căn bản cho người mới tìm hiểu (loại sách cho “dummies”). Đồng thời cũng nên chú trọng chất lượng các bài giới thiệu sách. Nên chăng, mỗi người trí thức có uy tín hàng năm nên giới thiệu ít nhất một cuốn sách mà mình thấy đặc biệt giá trị và mong muốn chia sẻ.

Thay lời kết

Thực lực phát triển và Sức mạnh lâu bền của một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào khả năng kiến tạo và truyền bá tri thức của nó. Trong quá trình này, sách – công cụ truyền bá và kiến tạo tri thức chủ đạo – cần được phát huy tối đa vai trò của nó.

James Madison, một trong những người sáng lập ra nước Mỹ và là tác giả của Hiến pháp Mỹ có lời chiêm nghiệm rằng: “Gia tăng và truyền bá tri thức là người bảo vệ duy nhất của tự do đích thực” [2]. Hàm ý của câu này có thể được hiểu là, khi một đất nước có nguy cơ rơi vào vòng lệ thuộc, khi một xã hội chưa thực sự có tự do, khi mỗi người dân còn chất chứa trong tiềm thức của mình bao nỗi sợ hãi vô hình trước bộ máy công quyền thì có nghĩa là đất nước này, xã hội này, những người dân này chưa có được người bảo vệ đích thực của họ - tri thức. Trong tình thế này, phát huy vai

Chương 3. Tìm chân lý từ thực tế cuộc sống

trò của sách để xây đắp và gia cường nền tảng tri thức xã hội là một nỗ lực khẩn thiết và quan trọng. Bởi đó cũng là nỗ lực xây đắp và gia cường nền tảng độc lập của đất nước và nền móng tự do của người dân.

Ghi chú:

[1] Nguyên văn: “*Dân hai trăm triệu ai người lớn...*”

[2] Nguyên văn: “The advancement and diffusion of knowledge is the only guardian of true liberty.”

TỪ LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM ĐẾN ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH

Việc lấy phiếu tín nhiệm 47 chức danh chủ chốt vừa qua là một bước tiến dù nhỏ nhưng là một dấu hiệu tích cực trong kỳ vọng xây dựng thể chế dân chủ ở nước ta. Nó cũng có thể trở thành một yếu tố kích hoạt cho công cuộc cải cách đất nước mà cả xã hội đang mong đợi.

Công cuộc cải cách của một quốc gia cũng như của mỗi con người dựa trên hai động lực chủ đạo: Xúc cảm và Khai sáng. Xúc cảm là tổng hòa của cảm xúc xấu hổ, nỗi lo lắng, và ý thức trách nhiệm. Khai sáng bao gồm tầm nhìn, kiến thức, và sự thông tuệ có từ chiêm nghiệm các bài học thành công và thất bại của bản thân và cố gắng học hỏi từ túi khôn nhân loại. Xúc cảm và Khai sáng như hai cánh của một con chim đại bàng; nó cho phép một dân tộc bay cao với tầm nhìn rộng lớn, nhạy bén chớp thời cơ, và quả cảm hành động. Nếu đôi cánh này nhỏ yếu hay bị khuyết tật, một dân tộc dù đã có quá khứ vẻ vang cũng sẽ quanh quẩn trong những lo toan vụn vặt như bầy chim sẻ hay chim cánh cụt.

Kết quả lấy phiếu tín nhiệm làm một số người có phiếu thấp phải lo lắng suy nghĩ. Đó là dấu hiệu tích cực. Tuy nhiên, nó sẽ không mang lại ý nghĩa đặc biệt gì nếu đây không phải là bước đi khởi đầu cho một nỗ lực cải cách lớn thông qua hai động lực chủ đạo của nó: Xúc cảm và Khai sáng. Người viết bài này đề nghị Quốc hội phát huy thành công bước đầu này để thúc đẩy mạnh mẽ hai động lực Xúc cảm và Khai sáng. Dưới đây là một số đề xuất bước đầu.

Xúc cảm

Ngoài việc đánh giá tín nhiệm như đã làm, Quốc hội cần có đánh giá toàn diện mỗi vị trí chủ chốt theo các tiêu chí sau (dùng thang điểm từ 1 đến 5: 1 = yếu kém; 2 = hạn chế; 3 = đạt yêu cầu tối thiểu; 4 = tốt; 5 = xuất sắc) [1].

1. Khát vọng thực hiện ước mơ dân tộc
2. Tầm nhìn và khả năng hoạch định chiến lược
3. Năng lực hành động, thể hiện trong kết quả chỉ đạo và điều hành công việc
4. Nỗ lực học hỏi, lắng nghe chuyên gia
5. Uy tín xã hội và mối gắn kết với nhân dân
6. Cần kiệm và gương mẫu trong cuộc sống cá nhân và gia đình

Kết quả này giúp làm sáng tỏ hơn đâu là yếu tố ảnh hưởng chính đến độ tín nhiệm của người được đánh giá. Nó cũng có tác dụng hữu hiệu hơn trong việc giúp người được đánh giá không ngừng rèn luyện để xứng đáng với trọng trách được giao.

Khai sáng

Quốc hội cần mạnh mẽ sử dụng chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm thúc đẩy động lực khai sáng quốc gia thông qua ba kênh sau đây:

1. Các ban chuyên môn tổ chức chất vấn các bộ trưởng theo định kỳ (có thể là hằng quý hay nửa năm). Các ban này có thể mời chuyên gia trong nước và quốc tế đến giúp chất vấn và các bộ trưởng cũng có quyền mời các chuyên gia trong nước và quốc tế đến bảo vệ chính kiến hoặc quyết sách của mình. Ví dụ, theo hình thức này, Quốc hội có thể chất vấn Chính phủ về các nội dung như: Chiến lược phát triển; Chương trình cải cách cơ cấu kinh tế; Chiến lược và giải pháp khai thác Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Dương (TPP); Học hỏi các nước thành công trong quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; Giảm thiểu tai nạn giao thông,... Sự cọ xát về trí tuệ và kinh nghiệm chuyên môn này, với sự hỗ trợ và tham gia trực tiếp của các chuyên gia trong nước và quốc tế (đặc biệt là người Việt Nam làm việc ở nước ngoài) sẽ giúp gia cường và phát huy mạnh mẽ động lực Khai sáng. Phương cách này sẽ buộc cả Chính phủ và Quốc hội căng mắt tìm hiền tài và giúp họ phát huy năng lực triệt để.

2. Thiết lập trang web để nhóm chuyên gia được lựa chọn bởi từng ban chuyên môn của Quốc hội kịp thời bình luận, gợi ý và đánh giá (chấm điểm) các nội dung và hiệu lực thực hiện các chính sách của Chính phủ.

3. Quốc hội mời chuyên gia viết báo cáo hằng năm đánh giá kết quả, hiện trạng, và công cuộc phát triển đất nước.

Nếu hai động lực Xúc cảm và Khai sáng này được gia cường và phát huy mạnh mẽ theo phương cách phác thảo trên đây, công cuộc cải cách ở nước ta sẽ có những bước tiến quan trọng. Nhờ vậy, nền tảng thể chế cho công cuộc phát triển được nâng cấp và mở ra cục diện mới thúc đẩy đổi mới trong sự phấn chấn của lòng dân. Đặc biệt, nạn chạy chức chạy quyền sẽ giảm mạnh; các bộ ngành sẽ buộc phải chú trọng chọn người tài đức thay vì dung dưỡng trong bộ máy những người thiếu năng lực và phẩm chất.

Singapore – 15/6/2013

Ghi chú:

[1] Nội dung này đã được đề cập trong một bài viết của tác giả gửi Quốc hội vào năm 2005: “Chống lãng phí bằng lương hóa năng lực cán bộ,” 26/05/2005, <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Chong-lang-phi-bang-luong-hoa-nang-luc-can-bo/40089396/157/>

CHƯƠNG 4. LỚP TRẺ VÀ GÁNH NẶNG TƯƠNG LAI

CẦN MỘT THỂ HỆ TRẺ CÓ TRI THỨC VÀ DŨNG KHÍ

Gần 600 câu hỏi, rất nhiều sự đồng cảm và chia sẻ mà như TS Khương nói: “Thực sự xúc động và cảm kích. Các vấn đề đặt ra không chỉ phong phú, đa dạng mà còn có cả tầm trí tuệ và tâm huyết của những người đặt câu hỏi. Qua buổi giao lưu này, tôi gặp được sự đồng cảm và chia sẻ với tôi, với ‘cơ hội Thánh Gióng’.”

Vấn đề ngỡ là gai góc, nhưng lại bất ngờ thú vị khi đến thời điểm bắt đầu buổi giao lưu, đã có ngót 400 câu hỏi của độc giả gửi đến TS Khương. Người trẻ quan tâm, chia sẻ. Người lớn tuổi cũng đặt cho TS Khương những câu hỏi hóc búa. Bằng bạc trong những vấn đề đặt ra, vẫn là canh cánh nỗi niềm làm sao để đưa thể nước đi lên...

Ngồi vào bàn làm việc, đọc các câu hỏi, TS Vũ Minh Khương thốt lên: “Các câu hỏi hay và tâm huyết quá...”

– TS Vũ Minh Khương có thể cho biết anh “xem tử vi ở đâu” để biết rằng dân tộc ta đang đứng trước một bước ngoặt trọng đại? (TS Lê Đăng Doanh, chuyên gia kinh tế cao cấp)

TS Vũ Minh Khương: Tôi nhìn vào ba yếu tố nền tảng cho một công cuộc đổi thay.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Thứ nhất: Trăn trở bức xúc của mọi tầng lớp nhân dân từ các bạn trẻ ở tuổi 20–30 đến các doanh nhân ở tuổi 40–50, đến các cụ ở tuổi 70–80. Qua công cuộc đổi mới kinh tế ở nước ta gần 15 năm qua, người dân chúng ta đã hiểu khá rõ cơ hội phát triển mà thời đại mang lại và những sức mạnh tiềm ẩn của dân tộc ta.

Dư luận nhân dân mà tôi được biết vô cùng bức xúc là tiềm năng hội nhập và phát triển của nước ta còn bị kìm nén và thực sự lo lắng về sự thui chột của những tiềm năng này và sự thua kém của nước ta so với thế giới, đặc biệt là Trung Quốc.

Tôi rất xúc động khi nghe các bạn trẻ của CLB Thủ khoa Hà Nội ngâm vang câu thơ của Nguyễn Trãi:

“Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau

Song hào kiệt thời nào cũng có.”

Các bạn trẻ này cũng như biết bao nhiêu người tôi đã gặp hoặc trao đổi qua email đều khao khát làm được một cái gì đó để đất nước ta sánh vai được với Trung Quốc và các cường quốc năm châu trong những thập kỷ tới.

Thứ hai: Chúng ta đang đứng trước những vận hội đặc biệt cho công cuộc phát triển mà thế kỷ 21 mang lại: toàn cầu hóa và công nghệ thông tin cho phép một quốc gia có hoài bão phát triển, và nguồn nhân lực có trình độ, tâm huyết và sáng tạo, có thể đi nhanh từ nghèo khó đến phồn vinh trong một khoảng thời gian khá ngắn không tới 3–4 thập kỷ.

Thứ ba: Tôi được nghe nhiều về những bước đi đột phá ban đầu của một số tỉnh như Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Dương... trong công cuộc phát triển. Người lãnh đạo của những tỉnh này trân trọng tài năng

Chương 4. Lớp trẻ và gánh nặng tương lai

và trí thức, và được lòng dân.

– *Thưa anh Khương, anh có nói về “Cơ hội của Thánh Gióng” – cơ hội Việt Nam bước vào đường đua để trở thành cường quốc, anh có thể cụ thể hóa “lộ trình” trở thành cường quốc này không ạ? Xin chân thành cảm ơn anh. (Nguyễn Đức Sao La, 20 tuổi, saola2003@yahoo.com)*

TS Vũ Minh Khương: Mặc dù nước ta đã đạt được nhiều thành quả đáng trân trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế nhưng có hai thách thức rất lớn mà chúng ta đang phải đối mặt:

1. Nhịp độ phát triển kinh tế của ta thấp hơn hẳn so với Trung Quốc cả về số lượng lẫn chất lượng.
2. Nền móng cho phát triển tương lai của chúng ta còn quá nhỏ, thiếu tầm nhìn của một đất nước muốn sánh vai các cường quốc năm châu. Nền tảng cho nền móng này là: giáo dục - y tế, quản lí nhà nước, hạ tầng cơ sở, hội nhập quốc tế, và ý chí phát triển đều còn ở mức độ rất non yếu hạn hẹp.

Nếu chúng ta vượt qua hai thách thức này bằng cách tạo dựng một nền móng vững chắc cho phát triển tương lai và đạt tốc độ tăng trưởng mà Trung Quốc đã đạt được trong mấy thập kỷ qua; nghĩa là cứ 10 năm thì mức GDP/đầu người lại tăng gấp đôi, thì Việt Nam có thể đạt mức bình quân GDP 10.000 USD/đầu người vào năm 2045 và vào thời điểm này chúng ta có thể tự hào gia nhập khối các nước phát triển OECD và đây cũng là năm chúng ta kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

– *Khương còn nhớ Thầy Khôi không? Rất mừng là em có nhiều thành công. Tôi rất đồng ý với em rằng trước mắt là vận hội Thánh Gióng cho những người có tâm huyết với đất nước, không chỉ dành cho những người trẻ tuổi. Một câu hỏi không chỉ dành cho em và cho các bạn chuyên toán lớp em của trường Thái Phiên*

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Hải Phòng xưa: Thế hệ bọn em phải chăng là lúc phải giành lấy cơ hội, dám đứng mũi chịu sào, dù biết chắc là rất khó khăn? Cho tôi gửi lời hỏi thăm Châu Sa và các bạn lớp chuyên toán xưa nhé! (Nguyễn Ngọc Khôi, 55 tuổi, ngoackhoilhp@yahoo.com)

TS Vũ Minh Khương: Thầy Khôi ơi, nhận được câu hỏi của Thầy em thấy xúc động quá. Em vẫn nhớ sau những buổi luyện những bài toán khó năm lớp 8 chuyên Toán ở Hải Phòng, Thầy dạy chúng em những bài hát, trong đó có bài với câu mà em không bao giờ quên:

“Xung phong ra đi hôm nay, biết đường có nhiều chông gai. Nhưng chí ta là thanh niên, phá núi ngăn sông ngại chi.”

Em bây giờ không còn là thanh niên nữa, nhưng em tin và sẽ làm tất cả những gì làm được để thế hệ thanh niên hôm nay còn quả cảm và tài năng hơn các thế hệ đi trước trong sự nghiệp gian khổ đưa đất nước đến phồn vinh.

– Nếu có một chuyên mục “Những việc cần làm ngay” thì theo anh việc gì phải làm đầu tiên với đất nước lúc này? (Quoc Thinh, 27 tuổi, quocthinh027@yahoo.com)

TS Vũ Minh Khương: Tôi làm việc với một số chuyên gia kinh tế của ngân hàng thế giới và được biết: họ rất muốn tham gia hỗ trợ Việt Nam phát triển từng vùng kinh tế chiến lược với sự áp dụng những bài học phát triển hay nhất của thế giới. Họ có niềm tin rằng người Việt Nam ta có thể tiến từ thế giới thứ ba lên thế giới thứ nhất trong một khoảng thời gian tương đối ngắn như những nền kinh tế thần kỳ ở Đông Á đã đạt được. Số tiền tài trợ cho mỗi vùng phát triển có thể lên đến hàng tỉ đô la. Điều họ băn khoăn là Việt Nam có được những đội ngũ quản lý ưu tú, sánh ngang tầm thế giới để thực hiện dự án này không.

Theo tôi chúng ta nên thành lập một đội ngũ quản lý đặc biệt cho dự án phát triển miền Trung, biển vùng này trở thành một tổ

Chương 4. Lớp trẻ và gánh nặng tương lai

hợp kinh tế - dịch vụ hàng đầu thế giới. Một trong những ngành chủ đạo để đổi thay miền Trung là ngành dịch vụ - du lịch, y tế và các cơ sở đào tạo quốc tế. Mặc dù tiềm năng du lịch của nước ta, đặc biệt ở vùng miền Trung này, vô cùng lớn, nhưng số khách du lịch quốc tế vào nước ta còn thua kém rất xa so với các nước lân bang như: Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Singapore.

Chúng ta cần có chiến lược và quyết tâm đưa miền Trung từ nền kinh tế nông nghiệp lên nền kinh tế dịch vụ có hàm lượng giá trị gia tăng và tri thức cao. Khởi đầu dự án này là một thông điệp quan trọng của nước ta với thế giới rằng Việt Nam sẽ trở thành một địa bàn vô cùng chiến lược trong một thời gian không xa. Và chính thông điệp này sẽ giúp Việt Nam thu hút được những nhà đầu tư có tầm cỡ hàng đầu thế giới.

– Thưa tiến sĩ, có thể nói những hành động trước đây của anh (như: xin trực tiếp gặp giám đốc các công ty máy tính để xin việc, viết thư cho Bí thư Thành uỷ Hải Phòng xin làm giám đốc xí nghiệp Sông Cấm, từ bỏ công việc phân tích và lập trình đang thuận lợi, tìm đến tận khách sạn nơi đoàn cán bộ ĐH Harvard qua Việt Nam tuyển người đi học ở Mỹ đang ở để trình bày nguyện vọng du học...) là những việc làm “đột phá,” có thể nói là “hoi nông,” không phải ai cũng “dám” làm. Xuất phát từ đâu anh đã có những suy nghĩ và hành động như vậy? Và đằng sau anh có một “hậu phương” vững chắc nào không? (Hồ Thanh Quân, 25 tuổi, hothanhquan@yahoo.com)

TS Vũ Minh Khương: Tôi nghĩ có hai động lực chính để một con người làm được những điều mà **theo lẽ bình thường thì không “dám” làm**, đó là:

1. Hoài bão và niềm khắc khoải làm được việc gì đó cho đất nước mình được ngẩng cao đầu. Điều này thường được nuôi dưỡng bởi yếu tố gia đình, nhà trường và bè bạn. Bố mẹ tôi thường nói về sự hy sinh của thế hệ các cụ với lòng khao khát đưa đất nước đi tới

độc lập phồn vinh và luôn luôn trăn trở trong suốt những năm tháng tôi lớn lên là các cụ đã không làm được trọn vẹn những ước muốn đó.

2. Con người thực sự cần có sự khai sáng, nghĩa là không trói buộc những suy nghĩ và ước mơ của mình bởi các tiền lệ hoặc những thói thường trong xã hội. Các nước châu Âu đã bước những bước tiến khổng lồ trong thời đại Phục hưng là nhờ họ đã tạo nên phong trào khai sáng trong tư duy và nếp nghĩ của con người.

Hai động lực này trong tôi rất mạnh mẽ nên đã làm được những điều như bạn nêu ở trên. Tôi nghĩ rằng tôi cũng có một hậu phương vững chắc, đó là gia đình riêng (vợ tôi là một bạn học phổ thông nên hiểu rất rõ và hết lòng ủng hộ tôi trong việc thực hiện những ước muốn và hoài bão của mình). Bố mẹ tôi cũng thường xuyên nói với tôi: “Việc gì con làm được cho đất nước thì sẽ có ích hơn nhiều là việc ở bên cạnh chăm sóc cho bố mẹ.” Cho nên, từ lúc lên đường đi bộ đội đến lúc ở lại TP Hồ Chí Minh, rồi đi nước ngoài, tôi không bị bịn rịn quá nhiều.

– *Bằng cách nào mà TS đã làm cho Bí thư Thành ủy Hải Phòng đồng ý cho làm giám đốc? (Phan Dinh Long, 22 tuổi, longphan203@yahoo.com)*

TS Vũ Minh Khương: Cuộc sống dù khó khăn đến mấy luôn có những cơ hội cho những người biết chuẩn bị và sẵn sàng giành lấy cơ hội, điều căn bản là chúng ta phải căng “tâm mắt đại bàng” của tư duy để tìm ra những cơ hội đó.

Năm 1985, tôi phát hiện ra cơ hội đó ở Hải Phòng, quê hương tôi. Thành phố dưới sự lãnh đạo của Bí thư Thành ủy Đoàn Duy Thành có những bước đi đột phá trong phát triển. Bức thư đầu tiên của tôi chỉ trình bày những cảm xúc từ đáy lòng về những đổi thay và tư duy lãnh đạo của thành phố.

Điều may mắn là đồng chí Bí thư Thành ủy đã phản hồi tích cực và điều đó thực sự làm tôi xúc động. Tôi nghĩ rằng đây là một

Chương 4. Lốp trẻ và gánh nặng tương lai

cơ hội tôi có thể làm điều gì đó cho quê hương. Khi đó với khả năng và kinh nghiệm hiện có của mình, tích lũy trong những năm công tác ở TP Hồ Chí Minh, tôi thấy mình có thể thành công nếu được giao làm giám đốc một doanh nghiệp ở tình trạng khó khăn đặc biệt.

Tuy nhiên cuộc đời không bao giờ thuận theo ý mình mong muốn. Đồng chí Bí thư Thành ủy đồng ý tiếp nhận tôi nhưng ông lại được điều lên Hà Nội làm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương. Vì việc xung phong làm giám đốc thời đấy hầu như chưa có tiền lệ nên các đồng chí lãnh đạo còn lại của thành phố thấy rất ngại ngùng trong việc triển khai. Có đồng chí khuyên tôi nên quay lại TP Hồ Chí Minh nhưng tôi đề nghị tôi sẽ kiên nhẫn chờ đợi để có thời cơ được thử thách như mong muốn.

Một khi chúng ta thực sự tâm huyết, kiên cường và có năng lực, chúng ta có thể chinh phục được niềm tin của lãnh đạo. Tôi ghi nhớ rất rõ những cử chỉ ủng hộ khá đặc biệt với tôi của đồng chí Trương Quang Được, khi đó làm Phó Chủ tịch TP Hải Phòng, rồi sau đó là Chủ tịch TP Hải Phòng.

– Trong bài “Cơ hội của Thánh Gióng” anh có đề cập đến hoài bão và khát vọng để đưa đất nước tiến lên. Theo anh, chúng ta có thể làm những gì ngoài sự tự vấn mình (như lời anh nói: “phải nhìn thẳng vào mình và phải biết xấu hổ...”) để lời kêu gọi về hoài bão và khát vọng không chỉ là một khẩu hiệu? Và bản thân anh có thể làm những gì để khơi dậy tinh thần đó? Theo anh hiện nay ở Việt Nam lực lượng nào khả dĩ có thể đi đầu trong việc khơi dậy hoài bão và khát vọng đó? (Q. Th., 34 tuổi, agu4tt@yahoo.co.uk)

Tiến sĩ Vũ Minh Khương: Việc khơi dậy hoài bão và khát vọng để đưa đất nước tiến lên đòi hỏi sự nỗ lực đặc biệt của tất cả các thế hệ.

Con người ta ai cũng có một nhân tố cao quý ở trong chính

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

lòng mình. Thế nhưng, nếu đất nước ở tình trạng sa sút về hoài bão và ý chí phát triển thì những nhân tố cao quý này có thể bị kìm nén, thậm chí bị thui chột.

Tôi xin lấy một ví dụ về Tổng công ty Hàng không Việt Nam. Tổng công ty đã có những thành tích đáng trân trọng trong bước đường phát triển và đi lên. Thế nhưng, hàng không Việt Nam vẫn xếp hạng gần cuối so với các hãng hàng không châu Á. Nếu chúng ta chỉ nhìn vào thành tích so với chính mình, các vị lãnh đạo Hàng không Việt Nam có thể được thưởng huân, huy chương và yên tâm cống hiến cho đến tuổi về hưu.

Thế nhưng, nếu đất nước và nhân dân ta bức xúc mong muốn Hàng không Việt Nam được trở thành một hãng hàng không hàng đầu ở châu Á trong thập kỷ tới; và nếu tố chất cao quý của mỗi con người được khơi dậy, tôi tin là các đồng chí lãnh đạo Hàng không Việt Nam sẽ đốt đuốc đi tìm những tài năng trẻ, ưu tú để nhường lại cho họ những cương vị lãnh đạo của mình và về nghỉ với lòng thanh thản rằng mình đã làm một điều thực sự có ý nghĩa cho công cuộc phát triển đất nước.

Tôi rất buồn khi nghe một người được danh hiệu anh hùng lao động nói: “Danh hiệu này sẽ giúp họ được làm việc đến tuổi 65 và được một số quyền lợi có giá trị.” Tôi nghĩ nếu họ có thành tích thì có thể được thưởng bằng tiền, còn anh hùng thì phải là phẩm chất cao quý, được sự suy tôn và ngưỡng mộ của xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Như vậy, để hoài bão và khát vọng của dân tộc được trỗi dậy và biến thành vật chất tiềm tàng, thế hệ đi trước phải cao quý hơn trong việc phát hiện và nhường bước cho những tài năng trẻ. Thế hệ trẻ phải dấn thân, phải tâm huyết, phải trở thành những hào kiệt ở tầm thế giới để những thế hệ đi trước phải bức xúc phát hiện và yên tâm bàn giao sứ mệnh đưa đất nước đi đến phồn vinh.

Chương 4. Lốp trẻ và gánh nặng tương lai

– *Nếu như bây giờ có người đề nghị TS giúp đỡ để vực dậy một công ty đang làm ăn thua lỗ, liệu TS có đồng ý như thuở nào? (Tina, 32 tuổi, tinavn30@yahoo.com)*

TS Vũ Minh Khương: Khi nói đến cơ hội Thánh Gióng, tôi nghĩ: Thánh Gióng là khái niệm về một thế hệ trẻ tài năng chưa được phát hiện và trọng dụng. Nếu có người đề nghị tôi giúp vực dậy một công ty đang làm ăn thua lỗ, tôi sẽ giúp họ tìm được một tài năng trẻ để thực hiện thành công thử thách này.

Mỗi người chúng ta, nhất là những người đi trước, phải có trách nhiệm sâu sắc trong việc phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng tài năng của đất nước. Đó là nguồn tài nguyên vô giá mà càng khai thác, càng dồi dào. Mỗi chúng ta tuyệt đối không nên nghĩ rằng chỉ có mình là có tài và việc đó chỉ có mình là làm được, cho dù mình đã đạt được bất kể thành tích nào.

– *Anh nói rằng cần có hoài bão và khát vọng. Vậy anh có nghĩ rằng chính anh cũng như chính các nhà lãnh đạo đang thực sự tự do trong tư tưởng và không có một cái gì trong tư tưởng ngăn cản những hoài bão khát vọng đó không? (Lê Quốc Quân, 34 tuổi, lequocquan@yahoo.com)*

TS Vũ Minh Khương: Chúng ta đi lên từ một xã hội bị ràng buộc bởi nhiều suy nghĩ thiếu tầm nhìn thấu đáo về thời đại cho nên khó ai có thể tránh khỏi những ràng buộc trong tư duy và các suy nghĩ của mình. Hơn thế nữa, thế giới phát triển rất nhanh chóng.

Cho nên những tri thức ta có trong hôm nay có thể sẽ lạc hậu trong ngày mai. Chỉ có hoài bão và khát vọng phát triển của dân tộc là bất diệt không thay đổi và đây là động lực khổng lồ để giúp ta thoát khỏi những trói buộc về tư duy và quan niệm đã trở nên lạc hậu theo thời gian.

– *TS có ý định quay lại tiếp tục làm việc như một cán bộ công*

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

chức trong bộ máy nhà nước Việt Nam? Nếu được tiếp nhận thì vị trí nào TS mong muốn nhất? (Trần Thị Hương Trang, 26 tuổi, huongtranghp@yahoo.com)

TS Vũ Minh Khương: “Một cánh én không làm nên mùa xuân,” tôi tự xác định trách nhiệm của mình là góp phần khơi dậy lòng nhiệt huyết, khát khao vươn lên và ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ với đất nước. Tôi ước mong được nhìn thấy ngàn vạn con người trẻ tài năng và nhiệt huyết dang tay đón nhận và gánh vác nhiệm vụ của các thế hệ đi trước với niềm tin mãnh liệt rằng họ và các thế hệ tiếp theo sẽ đưa được dân tộc này nhanh chóng đi đến đích phồn vinh.

Trong những năm trước mắt, tôi làm giảng viên ĐH ở Mỹ và sau đó ở Nhật Bản nhằm tiếp tục học hỏi và chuẩn bị sẵn sàng cho những cơ hội trở về trong tương lai.

Nếu tôi được giao một trách nhiệm, dù ở bất kỳ nhiệm vụ khó khăn nào, tôi cũng sẵn sàng chấp nhận, chỉ cần có một quyền hạn là được chịu trách nhiệm và được thu hút hàng ngàn người trẻ tuổi đầy tài năng trên khắp mọi miền đất nước vào sứ mệnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này.

– Sau khi tòa soạn đăng phỏng vấn “Cơ hội của Thánh Gióng,” anh có được phản hồi từ phía Đảng và Chính phủ không? Giống như anh, thế hệ chúng tôi, những du học sinh năm nào, đều phải tự vận động tìm cơ hội, và cuối cùng đều phải tạm đỗ tại nước ngoài. Anh có ý kiến thế nào về vấn đề muốn cống hiến nhưng không được cống hiến của rất nhiều giáo sư trẻ Việt Nam tại nước ngoài? (Nguyễn Trung Nam, 35 tuổi, namtrungnguyen@yahoo.com)

TS Vũ Minh Khương: Khi trả lời phỏng vấn, tôi không hướng tới việc đi tìm cơ hội cho cá nhân mình. Tuy vậy, tôi thực sự cảm kích khi nhận được chia sẻ và khích lệ của rất nhiều người từ các cụ già đến các bạn trẻ, từ các doanh nhân đến các sinh viên.

Chương 4. Lớp trẻ và gánh nặng tương lai

Cuộc sống thật là sôi động, thật là hào hứng, đây thực sự là nguồn năng lượng bổ sung giúp tôi bước tiếp trên con đường đi tới dù khó khăn gian khổ và nhiều chông gai như thế nào. Tôi chia sẻ với bạn rất nhiều về việc “tạm đỗ” ở nước ngoài.

– *Thưa Tiến sĩ, anh suy nghĩ gì về nền giáo dục của nước ta hiện nay? (Nguyen Si Phu, 32 tuổi, nguyennphu73@yahoo.com)*

TS Vũ Minh Khương: Hiện nay nền giáo dục nước ta đang đứng trước những khiếm khuyết rất căn bản trong việc hình thành nền tảng cho công cuộc phát triển.

Thứ nhất: đó là sự trói buộc quá chặt chẽ trong việc cấp giấy phép mở trường đại học và quy định nội dung của các chương trình giảng dạy. Tôi rất ngạc nhiên khi một số giáo sư tiến sĩ rất có uy tín, có tâm huyết thật sự, muốn lập một trường đại học tư mà phải chờ hàng năm trời mà vẫn chưa có giấy phép. Một trong những lý do của sự chậm trễ này là chính phủ muốn hạn chế số lượng trường đại học ở mỗi tỉnh là một trường. Thử hỏi nếu chính sách này được áp dụng ở Mỹ thì làm sao ở Boston có thể có hàng chục đại học danh tiếng? Trong lý thuyết phát triển của ngành kinh tế, nôm na theo ngôn ngữ Việt Nam là “đất lành chim đậu,” thì một tỉnh có thể có nhiều đại học nếu khả năng thu hút và đào tạo nhân tài ở đây là dồi dào.

Về chương trình học, tôi được biết sinh viên Đại học Ngoại thương phải học thuộc rất nhiều và dành rất nhiều thời gian cho các môn học như: Triết học, Kinh tế chính trị, Lịch sử... các môn học này đòi hỏi phải học thuộc và điềm chấm rất khó phân biệt được khả năng thật sự của mỗi sinh viên. Nên chẳng chúng ta thay thế những môn học này bằng một môn học với cách biên soạn hiện đại giúp khơi dậy trong sinh viên khát vọng dân tộc và lòng trung thành với Tổ quốc và hiểu được những bước đi gian truân mà chúng ta phải đi qua trên con đường đi tới phồn vinh.

Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh

Thời gian tiết kiệm từ việc không phải học những môn học nói trên sẽ dành cho những môn học theo chương trình đào tạo quốc tế của ngành nghề này.

Thứ hai: tính xã hội hóa của giáo dục ở nước ta đang bị bóp méo, nhiều người đầu tư vào giáo dục với mục tiêu lợi nhuận, thậm chí với cách làm chộp giật, điều này làm tổn thương nghiêm trọng đến hình ảnh và nền tảng cho công cuộc phát triển giáo dục ở nước ta. Hơn bao giờ hết, xã hội và nhà nước cần thực sự tìm kiếm nâng đỡ và hỗ trợ những người tâm huyết tài năng có khát vọng đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục nước nhà.

Trong xây dựng các đại học có đẳng cấp quốc tế, chúng ta không chỉ nên dựa vào các đại học nhà nước, mà cần mạnh dạn đầu tư giúp đỡ các đại học tư để tạo nên một cuộc cạnh tranh lành mạnh, đầy hứng khởi trong nỗ lực đặc biệt quan trọng này.

Ta nên trân trọng và khuyến khích một tiền lệ đã rất phổ biến trong sự phát triển của các trường đại học trên thế giới là các gia đình giàu có, các cá nhân thành đạt hiến dâng một phần rất lớn của cải của mình cho trường đại học mà họ có tình cảm sâu sắc nhất. Ở nước ta hiện nay không ít gia đình giàu có thường muốn để lại cho con cháu những của cải vật chất, tiện nghi, thậm chí vị thế xã hội chứ không phải là những giá trị cao quý mà gia đình họ đã làm cho cộng đồng.

Thứ ba: Chính các bạn sinh viên phải tự đổi thay mình, tự đổi mới cách học, tự học, tự tìm kiếm và bổ sung kiến thức để thích nghi với những đòi hỏi của cuộc sống, của đất nước.

Một câu nói của Khổng Tử luôn thường trực trong đầu tôi trong mọi tình huống là “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân.” Nghĩa là mọi sự trì trệ yếu kém một phần đều là do mình gây ra chứ không phải chỉ là khách quan.

Thời đại CNTT hiện nay cho phép các bạn trẻ gặp gỡ và giao

lưu trên khắp thế giới, sẽ có rất nhiều người tâm huyết và có khả năng mong muốn giúp đỡ các bạn. Hãy mạnh dạn, sâu sắc và nhiệt tâm trong việc khai thác những nguồn lực quý báu này.

– *Cách mạng công nghệ, toàn cầu hóa, nạn khủng bố làm thế giới thay đổi nhanh chóng và sâu sắc. Xin TS Khương cho lời khuyên đối với giới trẻ và kiến nghị gì với giới lãnh đạo về khả năng bắt kịp và thích nghi với tình hình hiện nay? (Nguyen Quang A, 59 tuổi, nqa@netnam.vn)*

TS Vũ Minh Khương: Từ khi còn nhỏ, tôi đã rất thích câu nói của Karl Marx: “Một gia đình chỉ hạnh phúc khi con cái có thể giáo dục lại bố mẹ.” Suy rộng ra, câu nói này có nghĩa là một dân tộc chỉ có thể đi đến được phần vinh khi thế hệ trẻ có đủ tri thức và dũng khí để góp ý với thế hệ đi trước. Và thế hệ đi trước có đủ sự cao quý và ý thức trách nhiệm với dân tộc trong việc tiếp nhận ý kiến đóng góp của thế hệ trẻ.

Cuộc cách mạng công nghệ, toàn cầu hóa và nạn khủng bố đang làm thế giới đổi thay nhanh chóng, vô vàn cơ hội và thách thức to lớn đang nổi lên trong một sự đan xen dày đặc. Nếu các thế hệ của dân tộc ta không có được những phẩm chất theo tinh thần câu nói nêu trên của Karl Marx, ước mơ đi đến phần vinh của dân tộc sẽ rất khó có khả năng trở thành hiện thực trong thời gian tới.

– *Đến lúc này chúng ta đã nhận được 590 câu hỏi. TS chỉ mới trả lời được một phần nhỏ trong số đó vì quỹ thời gian có hạn. Nhưng dù sao anh cũng nắm bắt được tinh thần của tất cả các câu hỏi gửi đến. Anh cảm nhận thế nào về cuộc giao lưu trực tuyến này? (Tuổi Trẻ Online)*

TS Vũ Minh Khương: Tôi thực sự xúc động và cảm kích về các vấn đề bạn đọc đặt ra tại buổi giao lưu này. Các vấn đề đặt ra không chỉ phong phú, đa dạng mà còn có cả tầm trí tuệ và tâm huyết của những người đặt câu hỏi. Tôi thực sự cảm thấy được

khích lệ khi qua buổi giao lưu này, tôi gặp được sự đồng cảm và chia sẻ với tôi, với “cơ hội Thánh Gióng.”

Tôi rất ấn tượng về phong cách làm việc của báo Tuổi Trẻ, các anh chị thật sự là một điểm tựa quý giá cho những người như tôi được truyền lại tình cảm của mình với thế hệ trẻ.

Tôi mong rằng sẽ có nhiều trí thức khác nữa như tôi, cả trong nước và ngoài nước, sẽ sát cánh cùng Tuổi Trẻ trong thời gian tới nhằm tiếp tục khơi dậy khát vọng, tâm huyết và trách nhiệm của thế hệ trẻ với sự nghiệp đưa nước ta sánh vai với các cường quốc năm châu trong những thập kỷ tới.

– Cảm ơn TS Vũ Minh Khương đã dành cho chúng ta một cuộc gặp gỡ thật thú vị! Chúng tôi hi vọng buổi trao đổi hôm nay chỉ là bước khởi đầu để mở ra những buổi tranh luận, trao đổi để nói tiếp diễn đàn “Tuổi hai mươi của chúng ta”...

Tuổi Trẻ – 25/7/2005

SINH VIÊN VIỆT NAM – TÂM NHÌN VÀ Ý CHÍ CHIẾN LƯỢC

Trả lời phỏng vấn của NVX

– Thưa tiến sĩ, anh có thể giới thiệu với độc giả NVX những nét khái quát về đề tài nghiên cứu của mình và những ứng dụng của đề tài ấy vào công cuộc phát triển kinh tế Việt Nam?

Đề tài luận án tiến sĩ của tôi là: “Phân tích những ảnh hưởng của công nghệ thông tin tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu.” Cách tiếp cận này giúp đưa ra được những đóng góp mới, có ý nghĩa sâu sắc, vì nó kết hợp được chiều sâu của phân tích cội nguồn tăng trưởng kinh tế ở từng quốc gia với chiều rộng của bức tranh toàn cầu về tác động của công nghệ thông tin (CNTT) tới tăng trưởng kinh tế.

Nghiên cứu của tôi đưa ra một số kết luận đáng chú ý là:

1. Sự xâm nhập của CNTT nâng cao chất lượng của tăng trưởng kinh tế, nghĩa là với cùng mức độ gia tăng về nguồn vốn đầu tư và nhân lực, quốc gia nào chú trọng đầu tư vào CNTT sẽ đạt mức tăng trưởng kinh tế cao hơn.

2. Những nhân tố then chốt tác động đến sức đóng góp của CNTT vào tăng trưởng kinh tế ở mỗi nước là: trình độ học vấn, chất lượng quản lý vĩ mô, độ hội nhập quốc tế và mức độ thông thạo tiếng Anh. Hơn nữa, ảnh hưởng của các yếu tố này có xu hướng tăng lên theo thời gian.

3. Hầu hết các quốc gia đều đã ý thức về nắm bắt CNTT nhằm đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, nhưng chính sách của nhiều

quốc gia chưa thật khôn ngoan và thiếu tầm chiến lược. Mấy điều cần nhấn mạnh là:

+ Đầu tư vào áp dụng CNTT có tác động lớn hơn cho kinh tế so với đầu tư vào sản xuất sản phẩm CNTT. Chẳng hạn, đầu tư 20 triệu USD cho sử dụng CNTT hỗ trợ phân tích thị trường quốc tế và tăng độ phản ứng nhạy bén với nhu cầu khách hàng chắc chắn giúp tăng ít nhất 1–2% giá trị xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam, nghĩa là, đầu tư này có thể tạo thêm 200 – 400 triệu USD cho nền kinh tế bằng giá trị của trí tuệ và sự phối hợp hợp tác. Trong khi đó, nếu đem số tiền 20 triệu USD này đầu tư vào xây dựng một hai khu công nghiệp phần mềm thì sẽ không đưa ra một kết quả khả quan như vậy.

+ Thúc đẩy sự thâm nhập của CNTT vào nền kinh tế phải chú trọng vào những yếu tố then chốt: giáo dục, chất lượng quản lý nhà nước, độ sâu của hội nhập quốc tế và khả năng tiếng Anh; đồng thời phải tuyệt đối tôn trọng nguyên tắc thị trường. Cùng một số tiền, đầu tư vào giáo dục, đào tạo với sự định hướng đặc biệt vào CNTT và trình độ tiếng Anh sẽ hiệu quả hơn trợ cấp cho chương trình bán máy tính rẻ với giá phi thực tế.

– Những điều gì khiến anh tâm đắc nhất trong những năm tháng học tập tại Mỹ và tình cảm của một người con sống xa quê hương nhớ về đất mẹ?

Có lẽ sức mạnh lớn nhất của người Việt Nam ta, đặc biệt là những người sống ở nước ngoài là tình cảm với quê hương đất nước và kỳ vọng của gia đình, người thân. Điều may mắn của tôi là sự gắn bó của hai cội nguồn sức mạnh này. Bố mẹ tôi luôn khắc khoải, mong muốn anh chị em tôi sẽ làm được điều gì đó để góp phần giúp cho nước Việt phồn vinh, người dân Việt được nâng cao đầu với niềm hãnh diện của một dân tộc sánh ngang vai với các cường quốc năm châu. Ở trường Harvard, tôi rất chịu khó tham

gia giảng dạy và được sinh viên rất quý mến. Tôi rất nhớ một buổi học kết thúc, sau khi tôi giảng liên tục ba tiếng liền, hàng trăm sinh viên ngồi chật giảng đường đã đứng dậy hoan hô với tình cảm khâm phục và quý trọng.

– Xin anh cho biết những kinh nghiệm anh tự rút ra được giúp cho các bạn trẻ đang hoặc sắp lên đường sang Mỹ du học?

Sự thành công của một con người, một công ty hoặc thậm chí một quốc gia đòi hỏi sức mạnh hợp thành của năm yếu tố: tầm nhìn và tư duy (concepts), ý chí chiến lược (commitment), trí thông minh và kiến thức (competency), các mối quan hệ và khả năng hội nhập kiến thức (connectivity), khả năng trình bày thuyết phục (communication). Sinh viên Việt Nam ta khá mạnh về trí lực, khá về khả năng hội nhập và tạm được về khả năng diễn thuyết, trình bày. Tuy nhiên, chúng ta rất yếu về tầm nhìn, tư duy và ý chí chiến lược mà đây lại là yếu tố then chốt nhất. Về tầm nhìn và tư duy, chúng ta chưa có được ý thức “gạn đục, khơi trong,” huy động tối đa tinh thần và trí lực dân tộc để “truy tìm tinh hoa nhân loại” cho sự phát triển của dân tộc như người Nhật Bản, mà thường nhanh chóng phát hiện ra những điểm yếu của nước bạn để rồi bằng lòng, thỏa mãn. Về ý chí chiến lược, chúng ta chưa có được sức mạnh tinh thần của người Hàn Quốc trong quyết tâm đưa đất nước họ trở thành một trong 10 quốc gia hàng đầu thế giới. Để đưa đất nước ta lên một tầm vóc phát triển cao hơn, sinh viên ta ra nước ngoài cần có bước trưởng thành vượt bậc trong hai yếu tố: tầm nhìn và ý chí chiến lược.

– Xin anh cho biết về một số dự định của anh sau khi về nước?

Tôi có một niềm ước mơ cháy bỏng là nước ta sẽ trở thành một nước công nghiệp phát triển và đủ điều kiện gia nhập Tổ chức các nước công nghiệp phát triển (OECD) trước năm 2045, năm kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,

cũng là năm Bác Hồ gửi thư cho học sinh Việt Nam nói lên ước mong “nước Việt Nam ta sẽ có ngày vẻ vang sánh vai với các cường quốc năm châu.” Điều chúng ta cần suy nghĩ là Hàn Quốc năm 1960 còn ở tình cảnh đói nghèo, khó khăn hơn ta bây giờ rất nhiều thế nhưng đã trở thành thành viên của tổ chức OECD năm 1995, nghĩa là chỉ mất có 35 năm. Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để thực hiện ước mơ này. Bối cảnh phía trước còn nhiều khó khăn. Thách thức lớn lao - thời cơ hạn hẹp! Trong ba năm tới, tôi dự kiến trở thành một chuyên gia kinh tế có tầm vóc thế giới, đồng thời tích cực giúp sức vào công cuộc đào tạo và truyền bá kiến thức trong lĩnh vực phát triển kinh tế và hội nhập toàn cầu cho thế hệ trẻ Việt Nam.

– Xin cảm ơn anh Vũ Minh Khương đã dành thời gian trả lời những câu hỏi của NVX. Chúc anh đạt tới những thành công mới trong sự nghiệp và NVX luôn tin tưởng chắc chắn rằng, nước ta sẽ ngày càng có thêm nhiều trí thức đầy nhiệt huyết như anh để cho mơ ước về một “Việt Nam cất cánh” sẽ sớm thành hiện thực.

NVX – 10/8/2004

LỚP TRẺ PHẢI Ý THỨC ĐƯỢC SỨ MỆNH QUAN TRỌNG CỦA MÌNH

TS Vũ Minh Khương hiện là giảng viên tài chính và phân tích kinh tế tại Đại Học Suffolk, Boston, đồng thời còn làm cộng tác viên nghiên cứu ở ĐH Harvard (Mỹ). Tác giả Jane Bui đã có cuộc chuyện trò khá dài với TS Vũ Minh Khương xoay quanh nhiều vấn đề.

Tuy nhiên, tất cả đều toát lên nỗi trăn trở và lòng tâm huyết của TS Khương là làm sao để nước Việt ta được “ngẩng cao đầu” trên đấu trường quốc tế. Chúng tôi xin lược trích một phần nhỏ cuộc nói chuyện với nội dung dưới đây.

– Anh có nhiều trăn trở về sự cấp bách phải có “đổi mới tư duy” ở nước ta. Vậy theo anh, đâu là những nhân tố và bước đi then chốt thúc đẩy quá trình đổi mới tư duy này?

Đổi mới tư duy đòi hỏi những nỗ lực phi thường

Như tôi đã từng trình bày trong một diễn đàn trước đây, đổi mới tư duy, về bản chất, là sự thoát khỏi nếp nghĩ hiện thời thịnh hành để trở lại cách tư duy chân chính, dựa trên nền tảng của chân lý khoa học và lòng nhân ái. Đổi mới tư duy là một quá trình rất khó khăn, đòi hỏi những nỗ lực phi thường, nhất là khi tình thế còn dường như thuận lợi.

Sự khởi động, thúc đẩy của nhóm người tiên phong

Quá trình đổi mới tư duy cần được khởi động và thúc đẩy bởi những nhóm người tiên phong, bao gồm đội ngũ trí thức, các nhà chính trị, và lớp trẻ.

Đội ngũ trí thức là lực lượng có năng lực và sự bức xúc cao nhất cho nỗ lực khai sáng bản thân và khai sáng toàn xã hội. Họ phải làm việc cật lực để có được những tác phẩm, bài viết, và hành động, sắc bén về trí tuệ, quả cảm về dũng khí, chứa chan tinh thần dân tộc để góp phần thức tỉnh xã hội.

Về những nỗ lực này, tôi thấy trí thức chúng ta cần đặc biệt học tập hai tấm gương lớn: nhà chí sĩ Phan Châu Trinh của nước ta vào đầu thế kỷ trước và học giả Fukuzawa Yukichi của Nhật Bản trong thời kỳ cải cách Minh Trị. Hai ông đều không màng chức quyền và dốc hết tâm lực và trí tuệ cho sự nghiệp khai sáng và hun đúc ý thức dân tộc.

Học từ lịch sử

Các nhà chính trị phải có được tầm nhìn sâu rộng về thời đại và sự day dứt “ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa” của Trần Hưng Đạo về vị thế quốc gia và vận mệnh dân tộc. Từ đó, mới đủ dũng khí thoát khỏi tư duy giáo điều và vụ lợi cá nhân, để đưa ra được những cương lĩnh và quyết sách nền tảng cho sự đổi thay xã hội.

Chúng ta cần học các lãnh tụ cải cách thời Minh Trị ở Nhật Bản trong việc đưa ra những nguyên lý cốt lõi cho công cuộc đổi thay, được đúc kết trong năm lời thề của vua Minh Trị khi khởi đầu công cuộc cải cách vào năm 1868, bao gồm: “Mọi người dân đều được tự do thực hiện khát vọng của mình để tâm thức của họ luôn luôn bừng sáng” (lời thề thứ ba), “Các hủ tục của quá khứ sẽ bị bãi bỏ và mọi việc sẽ được cân nhắc dựa trên quy luật công bằng của trời đất” (lời thề thứ tư) và “Trí thức sẽ được tìm kiếm khắp thế giới để xây dựng nền tảng phát triển quốc gia” (lời thề thứ năm).

Học từ bạn bè năm châu

Chúng ta cũng nên tham khảo kinh nghiệm của lãnh đạo Trung

Quốc trong áp dụng lý thuyết của nhà kinh tế Thomas Schelling, người vừa được giải thưởng Nobel năm 2005. Lý thuyết này gợi ý rằng, một dân tộc có thể làm mình mạnh mẽ hơn bằng cách tự tước bỏ những lựa chọn tầm thường mà mình đang có.

Theo ý tưởng này, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã ráo riết chỉ đạo quá trình gia nhập WTO, không chỉ đơn thuần vì vấn đề thị trường, mà quan trọng hơn, họ muốn tự tước bỏ những lựa chọn tầm thường, như bao cấp, bảo hộ để dân tộc mạnh hơn hẳn khi buộc phải chấp nhận những luật chơi khắc nghiệt nhất của hội nhập quốc tế.

Và lớp trẻ ...

Lớp trẻ, với sức sống và khả năng hội nhập quốc tế cao, có điều kiện thuận lợi nhất trong tiếp nhận tư duy mới và làm nó lan tỏa mạnh mẽ ra toàn xã hội. Điều quan trọng là lớp trẻ phải ý thức được sâu sắc sứ mệnh quan trọng của mình trong công cuộc đổi mới tư duy này.

– Những phẩm chất chính yếu nhất mà thế hệ trẻ nước ta cần rèn luyện và hun đúc để góp phần nhiều hơn trong nỗ lực đổi mới tư duy của nước nhà là gì vậy, thưa anh?

Theo tôi, đó là khai sáng về tư duy, chân chính trong lẽ sống, khát khao và thấu đáo trong học hỏi, và luôn khắc khoải về một ngày dân tộc mình được ngẩng cao đầu.

– Vậy, còn những vấn đề then chốt trong thu hút người tài thì sao?

Trước hết, chúng ta phải thâm nhuần chân lý mà người xưa đã dạy: “Thu phục được người tài, phen vinh / Để người tài bỏ đi, tàn lụi.”

Điều thứ hai, chỉ có ý chí và khát vọng lớn mới có thể thu hút được người hiền tài. Khổng Minh hỏi Lưu Bị: “Chí của ngài đến đâu?” và chỉ quyết định đi theo khi thấy Lưu Bị là người có chí

bình thiên hạ.

Điều thứ ba, việc dùng người tài phải thật chuyên và tâm phúc. Lời khuyên của Quản Trọng với Tề Hoàn Công rất đáng cho chúng ta tham khảo, đại ý là một quốc gia không thể làm nên được nghiệp lớn, nếu phạm phải một trong ba điều sau: Không dùng người tài; Dùng người tài mà không chuyên; Dùng người tài lẫn lộn với kẻ dốt nát xu nịnh.

– *Hiện tại có rất nhiều sinh viên Việt Nam qua Mỹ du học, anh có điều gì khuyên các bạn trẻ cần phải làm, để thời gian học ở Mỹ trở thành hữu ích nhất cho mỗi cá nhân và cho đất nước?*

Có ba điều các bạn trẻ cần lưu ý. *Thứ nhất*, thông qua học tập, tìm hiểu, họ phải thực sự chú tâm rèn cho mình chuyên sâu và tinh thông về một lĩnh vực nào đó. Điềm học không phải là yếu tố quan trọng nhất. Đọc thêm, tham khảo, thảo luận, mở rộng các mối quan hệ liên kết trong lĩnh vực mình say mê là đặc biệt quan trọng.

Thứ hai, cố gắng tìm các cơ hội thực hành trong công việc. Đó là môi trường đặc biệt giúp sinh viên ta học và trưởng thành nhanh chóng.

Thứ ba, luôn theo sát mọi chuyển biến của đất nước và tự đặt cho mình trách nhiệm đóng góp vào quá trình đổi thay ở nước nhà. Đây thực sự là một nguồn năng lượng vô cùng tiềm tàng giúp sinh viên ta vượt qua những khó khăn cực nhọc của quá trình vươn lên ở một môi trường cực kỳ thách đố, khó khăn.

Dân Trí – 3/3/2006

ĐAM MÊ CỦA NGƯỜI TRẺ LÀ NĂNG LƯỢNG SỐNG CỦA DÂN TỘC

Trả lời phỏng vấn của Sinh viên Việt Nam

Đam mê để thấy ngọt ngào sau mỗi thất bại đắng cay

– Theo anh, đam mê có vai trò gì trong sự trưởng thành của người trẻ?

Đam mê là cội nguồn tạo nên niềm vui sướng đích thực của mỗi con người. Vì vậy, nó vừa là nhu cầu khao khát vừa là động lực để mỗi người vươn tới với tất cả sức mạnh tiềm ẩn của mình. Với mỗi người, năng lực trí tuệ giúp có được một công danh tốt, năng lực cảm xúc giúp có được một cuộc sống hài hòa, còn lòng đam mê giúp để lại một di sản.

Theo đuổi niềm đam mê đến tận cùng giúp người ta nghe thấy tiếng reo vang cổ vũ từ những khó khăn thách thức đáng sợ trên chặng đường xa thẳm đầy chông gai, thấy vị ngọt ngào từ những thất bại cay đắng, và thấy hạnh phúc và may mắn từ sự nghiệt ngã của số phận.

Sự cao quý của một niềm đam mê được đo bằng giá trị nó tạo ra cho xã hội khi người ta theo đuổi nó đến tận cùng: Từ tìm tòi ra cách nấu một món ăn ngon đến vẽ một bức tranh đẹp; từ tạo ra sản phẩm làm người tiêu dùng hứng khởi đến khơi dậy lòng nhân ái sâu thẳm trong mỗi con người; từ chiến công làm đồng bào mình hãnh diện đến nỗ lực hiến dâng cho một tương lai tươi sáng của đất nước. Khơi dậy và làm bùng lên niềm đam mê cao quý tạo cho mỗi con người, đặc biệt là các bạn trẻ, không chỉ đánh thức nguồn năng

lượng tiềm tàng, vô giá để vượt qua gian khó mà còn giúp họ cảm nhận được, thấy được chính mình trong những nét đẹp sâu thẳm của cuộc đời.

– Trong khoa học, sự đam mê của những người trẻ quan trọng thế nào, thưa anh?

Tuổi thanh niên là thời mà con người có sức sống mạnh mẽ để có thể làm được nhiều việc với sự táo bạo vô song. Đó là thời gian con người có thể tích lũy kiến thức nhanh nhất và làm việc sáng tạo nhất. Đó là thời gian quý giá để mỗi người chuẩn bị cho sự nghiệp sau này. Thời gian không quay ngược lại được. Đam mê được phơi thai từ lúc trẻ tuổi, và niềm đam mê này sẽ bùng phát hay lụi tàn; bùng phát đến đâu hay lụi tàn đến mức nào tùy thuộc rất nhiều vào nỗ lực của mỗi người trong những tháng năm trẻ tuổi.

– Và anh cho rằng một người chỉ thực sự sống đẹp khi có một niềm đam mê cao quý thôi thúc mình trong cuộc đời?

Mục sư Martin Luther King có một câu nói rất hay, tạm dịch là “Một con người chỉ bắt đầu cuộc sống đích thực của mình khi anh ta có thể vượt qua khuôn khổ hạn hẹp của mỗi lo cá nhân để hướng tới những mối lo rộng lớn hơn của đồng loại.” Giá trị của một con người không đo bằng tiền hay chức vụ mà bằng sự cao quý và mãnh liệt của niềm đam mê mà người đó theo đuổi. Tích kết từ triết lý Hy Lạp về ý nghĩa của sự đam mê trong tiến bộ của nhân loại, những người làm bộ phim Serendipity được chiếu gần đây cho nhân vật chính của mình nói một câu làm xôn xao giới trẻ toàn cầu: “Khi một con người qua đời, người Hy Lạp không viết cáo phó mà đặt một câu hỏi: Người đó lúc sinh thời có niềm đam mê cao quý nào không?”

Sức mạnh cộng hưởng

– Liệu có thể nói rằng, lòng đam mê mãnh liệt ắt mang lại

thành công?

Không hẳn như vậy, đặc biệt với một dân tộc đầy xúc cảm như người Việt ta. Đam mê là nguồn năng lượng vô hạn, nhưng nó chỉ thành động lực mạnh mẽ trên hành trình đi đến thành công nếu có hướng đi đúng, thấu hiểu thực tại, và biết được chính mình. Một con người cũng như một đất nước chỉ thực sự biến được xúc cảm của mình thành sức mạnh vô song khi có được sự khai sáng của tư duy và sự thấm thía về những thất bại và trải nghiệm trong quá khứ.

Người Singapore đi được đến thành công hôm nay là nhờ thói bùng ngọn lửa đam mê đuổi kịp các quốc gia phát triển bằng ba công cụ tư duy: Nhìn xa (biết xu thế thời đại và mục đích tương lai); Nhìn ngang dọc (học hỏi khắp nơi để chất lọc tinh hoa nhân loại); và Nhìn lại (tự xem lại quá trình đã qua để đúc rút, chiêm nghiệm, và lớn lên).

Người Việt ta có lòng đam mê tiềm ẩn rất mãnh liệt nhưng các công cụ tư duy để lòng đam mê này trỗi dậy và đi đúng hướng còn khá hạn chế. Ba điểm yếu khá nổi bật của không ít người Việt là: Lựa chọn đường đi bằng cảm xúc chứ ít bằng lý trí nên có thể chọn nhầm đường đi; Cố bám lấy định kiến và tư duy cũ để nhận thức thực tại nên thường e ngại và tránh né sự đổi thay; Thiếu lòng quả cảm để chiêm nghiệm, học hỏi trải nghiệm nên khó lớn lên từ thất bại, thách thức.

Vì vậy, nguồn năng lượng to lớn của lòng đam mê của nhiều người có thể bị chôn vùi, thậm chí thui chột và tiêu biến trong những niềm vui manh mún vật chất, sự cầu toàn cá nhân, những toan tính hạn hẹp, và sự biện bác cho sự dối lòng.

Tôi luôn tự hỏi, người Việt chúng ta hôm nay có nhỏ bé quá không so với niềm khao khát của Bà Triệu, quê ở Nông Cống, Thanh Hóa, gần 2.000 năm trước đây: “Tôi chỉ muốn cưới con gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình giữa biển khơi, đánh đuổi

quân Ngô, giành lại giang san, cỡi ách nô lệ chứ tôi không chịu khom lưng làm tì thiếp người ta!”

– Bài học lịch sử nào có thể làm ta nhớ lại rằng: lòng đam mê mang lại sức mạnh kỳ diệu?

Khi bàn về sự trỗi dậy của châu Á trong thế kỷ 21, các học giả phương Tây chỉ ra rằng đây không phải là lần đầu tiên châu Á trỗi dậy. Vào thế kỷ 13, đế chế Mông Cổ đã chinh phục và bá chủ thế giới. Điều kỳ lạ trong giai đoạn này, chỉ có dân tộc Việt Nam bảo vệ được sự độc lập của mình bằng những chiến thắng kỳ diệu trước đội quân bách chiến bách thắng đó. Điều kỳ lạ này chắc chắn sẽ được các học giả nhắc đến trong tương lai như một lý giải đầy tính thuyết phục, nếu một ngày mai đây dân tộc Việt Nam mình nổi lên trong hòa bình với một vị thế xứng đáng trong cộng đồng thế giới.

Điều kỳ lạ này là một minh chứng về sức mạnh kỳ diệu của người Việt Nam sản sinh từ cộng hưởng niềm đam mê của người dân trong khát vọng giải phóng dân tộc với tài trí của người lãnh đạo, lòng hiến dâng cho đất nước. Câu chuyện về chàng trai trẻ Phạm Ngũ Lão, một người đan sọt ở làng Phù Ủng (Đường Hào, Hải Dương) là một ví dụ.

Chuyện kể rằng: Trần Hưng Đạo cùng tùy tùng đi ngang qua Đường Hào thấy Phạm Ngũ Lão ngồi bên vệ đường đang đan sọt. Quân lính kéo đến, dẹp lối đi. Phạm Ngũ Lão vẫn ngồi thản nhiên không hề hay biết. Quân lính cầm giáo đâm vào đùi chảy máu mà ông vẫn không nhúc nhích. Thấy lạ, quân lính chạy đến bắt Trần Hưng Đạo. Trần Hưng Đạo liền dừng lại hỏi. Khi đó Phạm Ngũ Lão mới chột bưng tỉnh và xin xá tội thất lễ vì quá mãi nghĩ một câu trong binh thư nên không hề biết mọi việc xung quanh. Trần Hưng Đạo không giận mà lấy làm mừng vì biết đây là người kỳ tài nên cho ngồi cùng kiệu đưa về kinh và tiến cử lên vua. Nhờ vậy, mới ở tuổi 30, Phạm Ngũ Lão đã được giao trọng trách, lập nên những chiến công hiển hách như trận Chương Dương, Hàm Tử, Vạn Kiếp.

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Phạm Ngũ Lão không đủ niềm đam mê và tránh ra khi quân lính dọn đường? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu người lính thấy lạ nhưng không bảm Trần Hưng Đạo mà mắng mỏ thô bạo Phạm Ngũ Lão và lôi ông đi xử lý? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Trần Hưng Đạo không dừng lại hỏi han mà vội đi vì công việc quá bận? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Trần Hưng Đạo dừng lại ân cần hỏi han nhưng không để tâm đến tài năng của Phạm Ngũ Lão?

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Trần Hưng Đạo dừng lại ân cần hỏi han và biết Phạm Ngũ Lão là người có tài nhưng cơ chế không cho ông thu dụng? Nếu một trong những giả định trên quả thật xảy ra, chúng ta sẽ không chỉ không có những người anh hùng như Phạm Ngũ Lão mà có lẽ nước ta sẽ bị chìm đắm trước vó ngựa chinh phục của quân Nguyên - Mông. Hiện tượng Phạm Ngũ Lão là một chỉ số đặc sắc về sức mạnh cộng hưởng của lòng đam mê của người dân và tầm vóc cao quý của người lãnh đạo khi dân tộc Việt lâm nguy.

– Anh có điều gì chiêm nghiệm muốn chia sẻ với lớp trẻ trong nước về niềm đam mê?

Trong chặng đường gian truân theo đuổi niềm đam mê của mình, tôi rất thấm thía một câu nói của Goethe, một nhà thơ lớn người Đức thế kỷ 19, đại ý là: Niềm khao khát của chúng ta là những con phượng hoàng đích thực; mỗi khi bị đốt cháy rụi, nó lại trỗi dậy rực rỡ từ đống tro tàn.

Sự hèn yếu của một con người hay của một đất nước không phải ở vị thế nghèo nàn hiện thời về vật chất; cũng không phải ở sự thua kém nhất thời về tri thức hay năng lực; mà ở sự tự chôn vùi khát vọng sâu thẳm của lòng mình bằng những món lợi chộp giật hoặc sự mưu cầu cá nhân. Sự đam mê của người trẻ là một chỉ dấu quan trọng cho mức độ phát triển và sức mạnh hiện tại lẫn tương lai của một dân tộc. Một dân tộc có những người trẻ đam mê là một dân tộc tràn đầy năng lượng sống.

Tôi rất cảm kích về tấm gương của Nguyễn Công Trứ, một vị quan triều Nguyễn thế kỷ 19. Cuộc đời và sự nghiệp đầy sóng gió, thành bại, và trắc trở của ông luôn chói sáng một niềm đam mê lập công và hiến dâng cho Tổ quốc. Ông quê ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh, nhưng đã chủ động đề xuất việc chiêu mộ dân nghèo đắp đê lấn biển, lập ấp; nhờ đó khai sinh các huyện Kim Sơn (Ninh Bình) và Tiền Hải (Thái Bình).

Tôi ước mong trong đời mình được thấy những hóa thân của Phạm Ngũ Lão hay Nguyễn Công Trứ trong những năm tháng đầy thử thách của sự nghiệp phát triển của đất nước mình.

– Xin cảm ơn anh!

SVVN – 4/3/2010

LÀM GÌ ĐỂ THÍCH ỨNG TRONG MỘT THẾ GIỚI ĐẦY BIẾN ĐỘNG?

Trả lời phỏng vấn của Sinh viên Việt Nam

Khi thách thức lộ diện

– Thưa TS, sau hai năm Việt Nam gia nhập WTO, ông thấy người trẻ Việt Nam được và mất gì?

Khi nói về “được” và “mất” trong một quá trình biến chuyển, ta cần bắt đầu bằng xác định rõ thước đo hay các tiêu chí có tính triết lý trong đánh giá. Về hội nhập quốc tế, chúng ta có thể sử dụng ba tiêu chí sau:

1. Nắm bắt được các cơ hội và các quan hệ hợp tác để thu được những lợi ích cụ thể về kiến thức, thông tin, kinh nghiệm, và nguồn lực vật chất.

2. Sự lớn lên về năng lực và nhận thức, tạo nên động lực nội sinh cho hội nhập và phát triển; nghĩa là càng hội nhập sâu - càng trưởng thành, và càng trưởng thành - càng hội nhập sâu hơn.

3. Khắc họa rõ hơn bản sắc nhân văn của dân tộc trong thế giới hội nhập.

Theo suy nghĩ của tôi, trong ba tiêu chí trên, người trẻ Việt Nam (và đất nước Việt Nam của chúng ta) đạt được kết quả khá trong tiêu chí thứ nhất, trung bình trong tiêu chí thứ hai, và yếu trong tiêu chí thứ ba.

– Theo TS, đâu là nguyên nhân của những cái “được” và “chưa được” nói trên của người trẻ Việt Nam trong quá trình hội nhập?

Động lực để một con người, một gia đình, một tổ chức, hay một cộng đồng dân tộc làm nên một thành quả tùy thuộc vào ba tố chất theo lược đồ ba chữ A: Aptitude (Năng lực), Attitude (Thái độ và Tư duy), và Altitude (Tầm vóc).

Năng lực thể hiện tư chất, sự năng động, và tính nhạy bén với cái mới. Người Việt Nam ta khá mạnh về tố chất này. Đây là yếu tố chủ đạo tạo nên cái “được” về thu nhận tri thức, kinh nghiệm, và lợi ích vật chất đã nói ở trên.

Thái độ và Tư duy là sự thể hiện của quá trình từ nhận thức đến cảm xúc và hành vi. Người Việt Nam ta với lịch sử lâu dài bị chà đạp và áp bức để rồi phải vùng lên giành độc lập với sự hy sinh vô bờ bến nên có tính xúc cảm rất cao; do đó ảnh hưởng đến tính sáng suốt của nhận thức, tính thực tiễn của tư duy, và tính chiến lược trong quyết định. Sự hạn chế của chúng ta trong thái độ và tư duy đã làm suy giảm khả năng tạo nên động lực nội sinh trong hội nhập và phát triển.

Tầm vóc của thể hệ người Việt Nam ta hôm nay, do đặc thù của lịch sử và hệ thống, còn rất yếu: tầm nhìn hạn hẹp, phô trương hình thức, hiếu thắng, thiếu khả năng lớn lên từ thất bại và thách thức.

Tôi đọc lịch sử phát triển của nhiều quốc gia và liên tưởng đến đất nước mình mà cứ thấy xót xa. Người Hàn Quốc và Đài Loan trong những năm nghèo đói của buổi đầu phát triển luôn làm cho thế giới kinh ngạc về khát vọng vươn lên, khả năng làm việc, và sự tận tâm cống hiến cho đất nước. Người Hàn Quốc, trong lễ kỷ niệm độc lập, không phô trương nhiều mà nhắc nhau cùng ôn lại tại sao bị mất nước. Trong khi đó, chúng ta mới khá lên một chút thì đã quá say sưa với các cuộc thi hoa hậu, xây dựng tượng đài, ăn thua trong thi đấu quốc tế, trong sự hoành hành của sự gian dối và tính phô trương.

– Như vậy, theo TS, đổi mới tư duy và nâng cao tầm vóc có lẽ là thách thức lớn nhất mà người trẻ Việt Nam cần vượt qua trong nỗ lực hội nhập và phát triển?

Vâng, đúng vậy.

– Nếu ông là một người trẻ và đang sống ở môi trường của một “câu bé ra biển lớn” như Việt Nam. Ông sẽ xây dựng kế hoạch gì cho mình để trưởng thành với bản sắc riêng?

Bản sắc riêng của một con người trong hội nhập không tạo ra bởi sự dị biệt (theo kiểu ta hay nói là hòa nhập mà không hòa tan) mà là giá trị người đó tạo nên được cho cộng đồng nhờ sự hội nhập sâu sắc của mình. Do vậy, muốn có được bản sắc riêng trong hội nhập, chúng ta cần nỗ lực tạo nên được giá trị có ý nghĩa cho cộng đồng mà mình hội nhập.

Theo nguyên tắc này, có ba điều chiêm nghiệm từ cuộc sống, tôi muốn chia sẻ với các bạn trẻ. Thứ nhất, mỗi người chúng ta đều có tác động (tốt hay xấu) tới người cộng tác hay liên quan đến mình và tác động này, thực sự, thường lớn hơn mức mình tưởng. Thứ hai, mỗi người quen, người thân, người cộng tác với chúng ta đều có thể tốt hơn lên nếu chúng ta kỳ vọng và trân trọng sự vươn lên của họ. Thứ ba, nhiều người muốn giúp bạn với một sự giúp đỡ hào hiệp và chân chính hơn là bạn nghĩ, đặc biệt nếu bạn thực sự phấn đấu để xứng đáng với sự giúp đỡ đó.

Về chiến lược cho hội nhập thành công theo nguyên tắc trên, tôi xin các bạn tham khảo mô hình 5P sau đây:

1. Passion: luôn khát khao theo đuổi điều mình say mê nhất trên con đường dài, cho dù phải đi qua những điểm dừng ngắn hạn.

2. Productivity: cần nỗ lực định hướng và đầu tư để có năng suất rất cao trong lĩnh vực mình lựa chọn.

3. Professionalism: cần đặc biệt coi trọng nâng cao tính chuyên nghiệp trong công việc.

4. Partnership: ý thức tìm kiếm, hình thành, và phát triển các

quan hệ chiến lược.

5. Preparation: luôn luôn chuẩn bị cho tương lai. Mỗi nỗ lực ngày hôm nay đều là một viên gạch lát đường cho bạn đến tương lai.

– Theo TS, người trẻ có cần phải trở thành một con tắc kè hoa ứng biến nhưng khác biệt?

Không. Tôi không nghĩ như vậy. Tất cả các dân tộc đều trân trọng và khát khao các giá trị nhân bản. Do vậy, bản sắc của một dân tộc trong cộng đồng quốc tế được tạo nên trong hội nhập là nhờ vào những giá trị nhân bản mà dân tộc đó có thể khắc họa sâu sắc nhất nhờ vào lợi thế về lịch sử, văn hóa, và khát vọng vươn lên của mình.

Theo tôi, người Việt Nam, nhờ cậy chủ yếu vào thế hệ trẻ của mình, có thể tạo nên một bản sắc riêng về ý thức trân trọng các nền văn hóa khác biệt, niềm khát khao học hỏi tinh hoa nhân loại, sự thành tâm trong hợp tác, và lòng trắc ẩn với tính nhạy cảm và sự quan tâm đến mọi người.

Theo cách tiếp cận này, tôi muốn ưu tiên hàng đầu cho các đội thi đấu quốc tế của ta không phải là chiến thắng bằng mọi giá mà là sự lớn lên về năng lực và nhân cách của đội tuyển và cảm nhận tốt đẹp của thế giới về chúng ta sau mỗi cuộc đấu.

Hãy qua đi những ngày mà dân ta bị nhiều quốc gia nghi kỵ và thậm chí cấm đoán nhập cảnh do những hành vi tội phạm và vi phạm luật pháp. Hãy qua đi những ngày mà nước ta bị khinh thường, thậm chí tạm dừng viện trợ, vì tệ nạn tham nhũng và sự vô cảm của nhiều quan chức trong bộ máy nhà nước.

Làm sao đây, để đến một ngày không xa, nước Việt Nam của chúng ta được thế giới trân trọng và luôn nhắc đến không chỉ như một đất nước đã phải chịu muôn vàn tổn thất và đau thương, mà còn là một dân tộc tràn đầy tình thương yêu đồng loại và chứa chan

tình cảm bè bạn. Không chỉ là một mảnh đất đã qua những cuộc chiến tranh khốc liệt mà còn là nơi hội tụ được giá trị văn hóa đa dạng của thế giới và ở đó, mỗi người dân đều dốc lòng dung dưỡng các phẩm chất nhân văn cao quý của nhân loại.

Thích ứng tâm lý

– Rõ ràng, khi ta bước chân qua cánh cửa hội nhập càng sâu thì mới thấy cần thiết phải có các bước chuẩn bị cho người trẻ “giảm áp” trước các cú sốc về văn hóa, về ứng xử với rủi ro?

Tôi có cảm nhận là người Việt Nam ta khá mạnh về khả năng hội nhập và cú sốc về văn hóa là không nặng. Tuy vậy, có một điều đáng quan ngại là thang bảng giá trị của xã hội chúng ta hiện nay đang bị méo mó nghiêm trọng. Chụp giật và kiếm chác lợi ích vật chất trở thành một trong những động lực chi phối sự vận hành của xã hội. Trong bối cảnh này, hội nhập quả thực tạo nên một áp lực lớn, buộc mọi người phải điên đảo kiếm tiền, thậm chí dù phải vi phạm những nguyên tắc đạo đức. Hơn thế nữa, vì tham những, phạm pháp, và lừa dối đã trở nên quá phổ biến nên cảm nhận xấu hổ về những tệ nạn này không còn sâu sắc. Điều này rất nguy hiểm vì, như một câu ngạn ngữ có nói, thiếu cảm nhận xấu hổ, một dân tộc sẽ quỳ gối trên chính quê hương của mình.

Nếu tuổi trẻ bị mất đi danh dự của đất nước và những kỳ vọng thiêng liêng của gia đình và xã hội về trách nhiệm của họ với tương lai, họ sẽ dễ bị bế tắc và sốc trong vòng luẩn quẩn của nhu cầu vật chất.

Do vậy, để Việt Nam hội nhập sâu hơn, tạo nên và thu được giá trị lớn hơn, chúng ta phải khẩn thiết kiến tạo nên một môi trường xã hội, mà ở đó chân lý, tư duy khoa học, và lòng nhân bản là những định đề thiêng liêng được cả xã hội thượng tôn và dung dưỡng.

– Kinh nghiệm của các nước hội nhập thành công trong việc chuẩn bị này thế nào, thưa TS?

Họ lựa chọn những người tôn trọng chân lý, tư duy khoa học, và lòng nhân bản vào cương vị lãnh đạo; đó là thông điệp mạnh mẽ nhất đến toàn xã hội. Hiện tượng tổng thống vừa đắc cử Obama ở Mỹ và nỗ lực lựa chọn người vào nội các của ông là một ví dụ đáng suy nghĩ. Theo trào lưu này, chúng ta có thể dự cảm thấy những biến đổi cách tân ở nhiều nước Đông Á trong thời gian tới.

– Năm 2009 được dự đoán là năm chịu điểm đáy của cơn khủng hoảng tài chính–kinh tế, thì người trẻ cần phải có biện pháp thích ứng thế nào, đặc biệt đó là năm được dự báo sẽ có một làn sóng cắt giảm việc làm?

Năm 2009 là một năm khó khăn, nhưng theo tôi các bạn trẻ cần chuẩn bị cho những tình thế có thể còn khó khăn hơn rất nhiều trong 10–15 năm tới. Nền kinh tế của chúng ta nếu tiếp tục vận hành như phương thức hiện nay (đầu tư nhiều, hiệu quả thấp, ô nhiễm môi trường) sẽ không bền vững. Chúng ta chắc chắn sẽ phải trải qua những cải cách sâu sắc để tạo lập nên một nền tảng vững vàng cho phát triển lâu bền.

Các bạn trẻ cần là chủ nhân chứ đừng là nạn nhân của tình thế, dù là tình thế thuận lợi hay khó khăn. Để trở thành chủ nhân của mọi tình thế, các bạn trẻ nên chuẩn bị kỹ cho mình theo năm tiêu chí của lược đồ 5P (Passion, Productivity, Professionalism, Partnership, Preparation). Thêm nữa, trong hành trình đi đến tương lai, các bạn trẻ cần coi thất bại là một đầu tư giúp mình lớn hơn lên và là một gợi ý giúp mình có được lựa chọn tốt hơn cho hành trình tiếp theo. Đừng nên sợ mất việc mà chỉ nên sợ rằng mình đã trở nên yên phận suốt đời với công việc mà mình không thấy thú vị.

– Xin cảm ơn và chúc sức khỏe TS!

PHÁT TRIỂN VÀ NUÔI DƯỠNG TỔ CHẤT LÃNH ĐẠO

Tiềm năng của Việt Nam, của cả nước và trong từng con người là rất lớn. Thế nhưng nó dường như đang thiếu một yếu tố then chốt để bật dậy và phát huy mạnh mẽ. Cả nước cũng như rất nhiều cá nhân đang phát triển thấp xa so với tiềm năng hiện có của mình.

Chìa khóa để khắc phục hiện trạng này là bồi dưỡng và phát triển “tổ chất lãnh đạo” trong mỗi con người Việt Nam và đây cần được coi là một nội dung trọng yếu trong cải cách giáo dục (GD) nói chung và cải cách giáo dục đại học (GDĐH) nói riêng.

Tổ chất lãnh đạo là gì?

Mỗi cá nhân, gia đình, tổ chức, cộng đồng, và dân tộc tại mỗi thời điểm có những tiềm năng nhất định cho sự phát triển của mình. Tiềm năng này được đặc trưng bởi các định tố về thể chất, trí tuệ, văn hóa, trải nghiệm, nguồn lực vật chất, quan hệ xã hội, và các cơ may hay vận hội.

Tổ chất lãnh đạo là khả năng và phẩm chất giúp con người trong nỗ lực cao nhất tạo nên giá trị mới cho xã hội, thông qua khai thác và phát triển tối đa tiềm năng của chính bản thân mình và của tổ chức mà họ lãnh đạo. Tổ chất lãnh đạo cũng giúp mỗi cá nhân có tác động tích cực đến các cá nhân khác thông qua các quan hệ tương tác.

Thiếu tổ chất lãnh đạo sẽ làm cho cá nhân không chỉ không phát huy hết tiềm năng của bản thân và của tổ chức mà mình lãnh đạo mà còn làm nó thui chột theo thời gian. Một con người, một

gia đình, một tổ chức, hay một quốc gia, qua thời gian sẽ chỉ có tiến lên hoặc đi xuống. Các đối tượng này sẽ đi lên hay đi xuống? Nếu đi lên thì đi lên được bao xa? Nếu đi xuống, thì đi xuống đến mức nào? Tất cả những điều này một phần quyết định tùy thuộc vào tổ chất lãnh đạo trong từng cá nhân, từng gia đình, từng tổ chức, và cả xã hội.

Tổ chất lãnh đạo có thể coi là sự tổng hòa của ba yếu tố nền tảng *Lòng khát khao học hỏi*, *Tư duy*, và *Tâm vóc*.

Lòng khát khao học hỏi hàm chứa khả năng và tính cầu thị trong học hỏi cái mới của tri thức khoa học, cái tinh hoa của nhân loại. Phẩm chất này thể hiện khả năng và nỗ lực vươn lên của cá nhân. Người Việt Nam ta có thể mạnh tiềm tàng về yếu tố này.

Tư duy bao hàm khả năng nhận thức thấu đáo cơ hội, thách thức, và qui luật phát triển; ý thức học hỏi và kiểm nghiệm chân lý từ thực tiễn cuộc sống; và khả năng nhận ra cái hay, cái tốt đẹp của đồng đội và đối tác. Người Việt Nam ta còn nhiều hạn chế về yếu tố này. Dân tộc Việt Nam ta với lịch sử lâu dài bị chà đạp và áp bức để rồi phải vùng lên giành độc lập với sự hy sinh vô bờ bến nên có tính xúc cảm rất cao; do đó ảnh hưởng đến tính sáng suốt của nhận thức, tính chiến lược trong quyết định, và tính thực tiễn trong hành động. Có khi chúng ta bước ra thế giới thấy được một điều gì hay quá là nước mắt tuôn trào vì xúc động và mê mẩn mang về áp dụng mà không biết đến hậu họa khôn lường của nó.

Tâm vóc thể hiện ở khả năng học hỏi và lớn lên từ mỗi thất bại hay thách thức mà chính mình gặp phải. Người ta chỉ có thể lớn lên nếu thấy mình còn quá nhiều khiếm khuyết và trăn trở vì sinh ra trên đời mà chưa đóng góp gì được cho cộng đồng. Người Việt Nam ta còn rất yếu về điểm này. Bị đọa đày nhiều bởi ách ngoại xâm, chúng ta thường thiên về đổ lỗi cho khách quan, hơn là xem lại lỗi của chính mình một cách sâu sắc khi gặp phải một thất bại hay thách thức. Đã từng làm nên nhiều chiến thắng oanh liệt nhờ

khát vọng độc lập vô song của cả dân tộc, chúng ta vô hình trung ngộ nhận về mình và có nguy cơ trở thành những người hiếu thắng, sợ thất bại. Vì đã chịu nhiều đau thương trong chiến tranh, cộng với vị trí địa lý lý tưởng, nên chúng ta đang được ưu ái rất nhiều bởi cộng đồng thế giới, từ viện trợ phát triển (ODA) đến đầu tư nước ngoài (FDI). Vì vậy chúng ta hiện đang thiên về “nhận” và “trách móc” nhiều hơn là “đóng góp” và “trăn trở” cho sự phát triển của nhân loại.

Bởi những lẽ trên, khơi dậy và phát triển yếu tố lãnh đạo cần được coi là định hướng chiến lược, là nội dung trọng tâm, và là khâu đột phá cho toàn bộ nỗ lực của cải cách GD, đặc biệt là cải cách GDDH ở Việt Nam.

Ba chức năng chủ yếu của giáo dục đại học (GDDH)

(1) Tạo giá trị gia tăng: GDDH phải tạo nên giá trị gia tăng cho sinh viên trên cả bốn lĩnh vực: tư duy chiến lược, phẩm chất làm việc mà đặc biệt là tính chuyên nghiệp, kiến thức, và kỹ năng. Tránh tình trạng là chỉ chú trọng vào một mớ kiến thức và kỹ năng hiện đại, trong khi để não trạng bị chây lỳ trong lối tư duy cũ và nhân cách bị sa sút với tình trạng quay cóp, chạy chọt lan tràn.

(2) Sáng tạo và phản biện: GDDH, chủ yếu là đội ngũ giảng viên, thông qua các nghiên cứu của mình, đưa ra ý tưởng và công trình sáng tạo; đồng thời làm chức năng phân tích, định hướng, và phản biện các vấn đề quan trọng của xã hội. GDDH tiếp nhận thông tin toàn cầu và đơn đặt hàng nghiên cứu từ mọi nguồn, đặc biệt từ Chính phủ và các doanh nghiệp trong nước, để tạo ra sản phẩm và công trình có giá trị sáng tạo mới; đồng thời đưa ra các đề xuất, phân tích, và phản biện các vấn đề quan trọng của xã hội. Việc xuất bản bài viết trên các tạp chí quốc tế là rất quan trọng. Thế nhưng, việc đánh giá các nghiên cứu đóng góp nên chú trọng đặc biệt về tác động (outcome) và ảnh hưởng (impact) hơn là chỉ đơn thuần đếm số lượng

(output).

(3) Giúp xã hội phát hiện, đoán nhận, và phân bổ nguồn lực lao động có tri thức: GDDH giúp xã hội phân loại, đánh giá, và tiếp thị lực lượng lao động có trình độ, trên cơ sở đó tăng hiệu quả xã hội trong phân bổ nguồn nhân lực có tri thức. GDDH cần hết sức chú trọng công tác tuyển đầu vào, lựa chọn và hướng dẫn sinh viên cho phù hợp nhất với ngành nghề mà họ có thể mạnh nhất, đánh giá chính xác chất lượng học sinh và giúp tiếp thị họ đến các nhà tuyển dụng.

Một công cuộc cải cách GDDH thành công phải đặt được nền móng vững bền và tiến bộ vượt bậc cho cả ba chức năng chủ yếu của GDDH nêu trên.

Cơ chế nội sinh để nuôi dưỡng và rèn luyện tố chất lãnh đạo

Trong một sự khái quát có tính tương đối, mô hình Maslow về nhu cầu của con người cho thấy rằng, nhu cầu của mỗi con người ta phát triển theo năm thứ bậc chính. Thang bậc thấp nhất là *Nhu cầu Vật chất* để sinh tồn (như ăn, ở); thang bậc thứ hai là *Nhu cầu An sinh* (an ninh, lo lúc ốm đau, già yếu); thang bậc thứ ba là *Nhu cầu Thấu cảm* (tình bè bạn, cộng đồng); thang bậc thứ tư là *Nhu cầu Huân dự* (được sự trân trọng, ghi nhận bởi cộng đồng, Nhà nước, và xã hội), và thang bậc thứ năm, cao nhất, đó là *Nhu cầu Lý tưởng*, thường chỉ đạt được khi làm được một sứ mệnh cao cả (theo đuổi khát vọng, sáng tạo, chân lý, hay hiến dâng cho cộng đồng).

Theo mô hình này, với đại đa số, trong điều kiện thông thường, con người ta sẽ bước lên nhu cầu ở thang bậc cao hơn khi và chỉ khi các nhu cầu ở bậc thấp hơn đã được thỏa mãn. Vì thế thỏa mãn nhu cầu ở mỗi mức tạo động lực đẩy nhu cầu của con người cao lên.

Một mặt khác, nếu con người ta được dung dưỡng trong một môi trường phát triển lành mạnh, có khát vọng lớn lao, khích lệ

lòng cao thượng và trân trọng phẩm chất hiền dân, nhu cầu của con người sẽ chuyển từ bậc thấp đến bậc cao hơn hanh thông hơn vì họ có cơ hội được thỏa mãn nhiều hơn ở nhu cầu cao hơn; đặc biệt là các nhu cầu thấu cảm, huân dự, và sứ mệnh cao cả. Vì vậy, tạo ra một môi trường phát triển phấn khích trong khát vọng chung tạo nên động lực kéo rất mạnh mẽ để cả xã hội phấn chấn và ngày càng hạnh phúc trên con đường đi đến phồn vinh.

Thế nhưng, trong thực trạng nước ta hiện nay, tính quan liêu và vô cảm của bộ máy Nhà nước làm nhu cầu thấu cảm của người dân bị tổn thương. Tình trạng mua bán huân dự phổ biến làm nhu cầu huân dự bị bôi nhọ. Đất nước thiếu tầm nhìn và khát vọng phát triển làm nhu cầu hiền dân bị tê liệt. Vì vậy, cả xã hội bị luẩn quẩn trong xoay sở thỏa mãn các nhu cầu vật chất và an sinh, với sự biến dạng ngày càng phức tạp. Trong bối cảnh này, tố chất lãnh đạo trong người Việt Nam đang bị bào mòn và có nguy cơ bị thui chột. Buồn lậu, dối trá, vi phạm luật pháp, thiếu lòng vị tha và phẩm chất hiền dân đang ngày càng trở nên phổ biến trong xã hội.

Cải cách GD, đặc biệt là cải cách GDDH, cần hình thành và gia cường cơ chế nội sinh để phát triển và rèn luyện tố chất lãnh đạo theo mô hình 5-R sau đây:

(1) Respect: Đó là sự trân trọng mọi người dù họ có trái ý kiến với mình hoặc thua kém mình rất nhiều. Tố chất lãnh đạo giúp mọi người thấu hiểu sâu sắc rằng họ cần phải và có thể học được rất nhiều điều giá trị từ người phản đối mình và từ người thua kém mình.

(2) Research: Đó là sự nghiên cứu thấu đáo mỗi vấn đề mà mình bàn luận, đánh giá, hoặc đưa ra quyết định. Rèn luyện phẩm chất này giúp mỗi người sâu sắc hơn trong suy xét, thông tuệ hơn trong khai thác túi khôn tri thức của nhân loại, và tối ưu trong ra quyết định cả về tính hiệu quả và tầm chiến lược cho bản thân và tổ chức mà mình lãnh đạo.

(3) Review: Đó là phẩm chất tự xem lại mình, đặc biệt trước mỗi khó khăn hay thất bại. Phẩm chất này loại bỏ tính đổ lỗi cho khách quan, kiên cường tự mãn, thích nghe phỉnh nịnh.

(4) Resilience: Đây là tính kiên cường và quyết chí theo đuổi mục tiêu, đứng dậy và vượt qua những thách thức và thất bại ghe gớm.

(5) Reform: Đây là khả năng tạo nên những đổi thay căn bản trong cục diện phát triển của cá nhân và tổ chức mình lãnh đạo trên cơ sở dũng cảm nhận thức lại căn bản tính đúng đắn của chặng đường đã qua, những thách thức và cơ hội đang và sẽ đến, với tầm nhìn và trách nhiệm sâu sắc với tương lai.

Năm điều kiện cần để cải cách GDDH thành công

(1) Cả xã hội phải bước vào một thời kỳ cải cách sống động, với tầm nhìn sáng rõ về tương lai và công cuộc phát triển được thực hiện trên nền tảng của tri thức khoa học và lòng nhân bản. Nếu xã hội còn mơ hồ về tầm nhìn, hạn hẹp về tư duy, và nhậy nhạ trong tham nhũng và tệ nạn thì cải cách GDDH chắc chắn sẽ gặp phải những trở ngại khó vượt qua.

(2) Cải cách GD cần được tiến hành đồng bộ và mạnh mẽ ở cấp phổ thông để đảm bảo cho GDDH có nguồn đầu vào phong phú, chất lượng, và được đánh giá chính xác.

(3) Các cơ quan tuyển dụng, đặc biệt là khu vực Nhà nước, thực sự phải cạnh tranh trong tìm kiếm, sử dụng hiệu quả, và nuôi dưỡng phát triển nguồn nhân lực có giá trị cao trên cả bốn mặt, phẩm chất, tư duy, kiến thức, và kỹ năng. Nếu bộ máy công quyền, thông qua thực tế tuyển dụng, truyền đi những thông điệp rằng tài năng không thể thay thế cho chạy chọt, phẩm chất là thứ yếu so với quyền lực và vị thế gia đình thì cải cách GDDH sẽ bị yếu đi rất nhiều vì về lâu dài, sự tinh tế và lành mạnh của nhu cầu luôn là yếu tố quyết định đến chất

lượng cung.

(4) Nhà nước và các doanh nghiệp có nhu cầu gia tăng thực sự hàm lượng trí tuệ trong các quyết định quan trọng của mình.

(5) Môi trường tự do sáng tạo và dân chủ chân chính được kiến tạo, dung dưỡng, và trân trọng, trước hết ở các trường đại học, và từng bước mở rộng ra toàn xã hội. Thông tin cung cấp cho xã hội và các nhà nghiên cứu minh bạch, khách quan, và ngày càng phong phú.

Thay lời kết

Cải cách GDĐH ở Việt Nam không thể thành công bằng một số nỗ lực đầu tư cơ sở vật chất hay cải tiến giáo trình mà nó chỉ có thể thành công khi cả nước bước vào một cao trào cải cách duy tân mạnh mẽ. Khát vọng vươn lên của cả dân tộc giúp giáo viên và học sinh nỗ lực hết sức mình trong điều kiện vật chất còn hạn hẹp. Tầm nhìn và sự giải phóng về tư tưởng giúp việc nghiên cứu và giảng dạy đạt mức cao nhất về sáng tạo và hiệu quả chiến lược trong điều kiện kiến thức và trình độ khởi đầu còn thấp. Sự sống động và minh bạch của thiết chế xã hội trên nền tảng của dân chủ và tôn trọng tự do cá nhân giúp con người thấy phấn chấn và hạnh phúc được đóng góp cho dù mức đãi ngộ còn khiêm tốn.

Trong các nỗ lực cải cách GD, đặc biệt là cải cách GDĐH, phát triển, nuôi dưỡng, và rèn luyện tố chất lãnh đạo cần là một nội dung trọng tâm, có vai trò nền tảng cho sự thành công của công cuộc cải cách. Tố chất lãnh đạo cần trở thành một lợi thế ưu tú của người Việt Nam trong tương lai, giúp họ phát huy hết khả năng tiềm tàng của mình không chỉ trong công cuộc xây dựng đất nước mà cả trong nỗ lực đóng góp vào tiến trình phát triển chung của nhân loại.

Tia sáng – 12/1/2009

LỜI KẾT

Đường đời là một chuỗi những gian truân, thử thách. Chúng ta có thể thất bại trong những ước muốn và mục tiêu cụ thể, nhưng ước mơ và hoài bão lớn về tiền đồ dân tộc sẽ không bao giờ tắt mà chỉ ngày càng cháy lên mạnh mẽ. Nó là nguồn năng lượng vô tận đưa chúng ta đến điểm cao quý đích thực của khát vọng. Hun đúc phẩm chất và ý chí dân tộc luôn là khâu trọng yếu trong tạo dựng nên nền tảng của một nước Việt Nam phồn vinh. Hãy để từ **Việt Nam** luôn lấp lánh trong mỗi suy nghĩ và trăn trở của chúng ta về tương lai đất nước.

Không có được một cương vị xã hội không có nghĩa là không có điều kiện đóng góp vào sự nghiệp phát triển quốc gia - dân tộc. Ở bất cứ cương vị nào, nếu chúng ta có lòng thành tâm muốn làm người con dân đất Việt, có bề dày của sự trải nghiệm, có chiều sâu thẳm của lòng tâm huyết, và có sự tinh thông của trí tuệ, chúng ta có thể tin là mình sẽ là một viên gạch tốt lát trên con đường đưa dân tộc đến đích phồn vinh.

Điều quan trọng để mỗi chúng ta có thể đóng góp được nhiều hơn trong hành trình đi lên của đất nước là phải luôn tự khai sáng bản thân để tạo nguồn sinh lực mạnh mẽ cho sự nghiệp phát triển với sự thấm thía sâu sắc triết lý của nhà triết học vĩ đại người Đức Emmanuel Kant: con người ta chỉ có được sức mạnh của sự khai sáng khi họ thoát khỏi những ràng buộc hạn hẹp do họ tự đặt ra cho hành động và ước mơ của họ.

Mỗi thế hệ đều có trách nhiệm lớn lao với sự đi lên của đất nước. Thế nhưng chỉ những thế hệ biết hiến dâng nhiều hơn đòi hỏi, hưởng thụ ít hơn những gì mình đáng được hưởng mới có khả năng làm cho dân tộc lớn lên và để lại cho đất nước những di sản đáng tự hào. Đất nước chúng ta đang rất cần có những con người và những thế hệ tài năng và đầy dũng khí. Họ phải đủ tri thức và lòng quả cảm để khẳng định với thế giới rằng chúng ta không thua người Nhật trong tinh thần học hỏi, rằng chúng ta có thể sánh vai ngang người Hàn Quốc trong ý chí dân tộc và quyết tâm vượt lên, rằng chúng ta không kém người Trung Quốc, Đài Loan trong khai thác và huy động sức mạnh tổng lực trên toàn cầu của dân tộc mình, rằng chúng ta có thể làm được điều mà người Singapore đã làm để xây dựng một thể chế trong sạch và có tầm nhìn xa. Chỉ có như vậy sự nghiệp phát triển của nước ta mới thật sự bước vào giai đoạn cất cánh và hứa hẹn những thành quả vẻ vang. Trong nỗi khát khao này, chúng ta hãy kỳ vọng vào thế hệ trẻ. Nhân tài đất Việt chắc chắn sẽ nở rộ khi đất nước ta dấy lên được khí thế cải cách sống động, làm bùng phát lên ngọn lửa chói sáng của lòng tự hào dân tộc và khát vọng quốc gia.



Tiến sĩ Vũ Minh Khương giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Chính sách công Lý Quang Diệu, Đại học Quốc gia Singapore. Tiến sĩ Vũ Minh Khương đã kinh qua nhiều cương vị công tác khác nhau ở Việt Nam trước khi bước vào con đường học thuật: Phục vụ trong quân đội (Bình đoàn 318, 1980-1983); Chuyên viên lập trình máy tính điện tử (Công ty Điện lực Miền Nam, 1983-

1986); Phó Giám đốc và Giám đốc (Xí nghiệp Hóa chất Sông Cẩm Hải Phòng, 1986-1992); Phó Chánh Văn phòng UBND TP. Hải Phòng và Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Khu Kinh tế Đình Vũ (Hải Phòng, 1996-1998); và Cán bộ nghiên cứu (Ban Nghiên cứu Thủ tướng Chính Phủ, 1998-1999). Tiến sĩ Vũ Minh Khương là một trong những giám đốc doanh nghiệp quốc doanh đầu tiên được thí điểm bầu trực tiếp bởi công nhân (năm 1988).

Tiến sĩ Vũ Minh Khương đã từng giảng dạy tại Đại học Suffolk (Boston, Hoa Kỳ) và Đại học Keio (Tokyo, Nhật Bản). Ông cũng đã và đang tham gia các dự án tư vấn cho Ngân hàng Thế giới, IMF, USAID, IFC, UNDP, và một số cơ quan của Chính phủ Singapore như Monetary Authority of Singapore (MAS), Infocomm Development Authority (IDA), và Media Development Authority (MDA).

Tiến sĩ Vũ Minh Khương tốt nghiệp khoa Toán Đại học Tổng hợp Hà Nội (1980); Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA, 1995) và Tiến sĩ Chính sách công (2005) tại Đại học Harvard.